



TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX



Hệ thống Quản lý Cửa hàng xăng dầu

Hướng dẫn sử dụng tại cửa hàng

Phiên bản : 3.28

Tác giả : PIACOM

Hà Nội 2021

BẢN GHI NHẬN THAY ĐỔI

*T - Thêm mới S - Sửa đổi X - Xoá

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
24/12/2012		Viết mới	T*		2.0
12/07/2017	3.2.4	Sửa đổi	S	Sửa công thức tính Chênh lệch nhiệt độ	3.0
26/06/2017	3.2	Sửa đổi	S	Nhập di chuyển xăng dầu sáng: - Bỏ Tab “Số đo phương tiện” - Tính toán lại thông tin tại Tab “Hạch toán XDS” - Tab “Tám mức phương tiện” bổ sung Hàm 6	3.0
27/6/2017	2.5	Sửa đổi	S	Bổ sung hình thức thanh toán TM/CK	3.0
3/7/2017	2.5	Sửa đổi	S	Khi viết hóa đơn cho khách công nợ cho phép chỉnh sửa lại thông tin khách, nhưng thông tin chỉ lấy trong "Danh sách lấy hóa đơn" tương ứng của khách đó.	3.0
3/7/2017	2.3.4	Sửa đổi	S	Bỏ nghiệp vụ Tiền ký quỹ vỏ bình GAS trong chứng từ (412)	3.0
3/7/2017	4.3, 4.4	Bổ sung	S	Điều chỉnh báo cáo hiển thị sắp xếp theo mã khách hàng: - Chi tiết công nợ phải thu tại CH - Báo cáo công nợ phải thu theo ngày due-date	3.0
3/7/2017	4.5	Bổ sung	S	Điều chỉnh báo cáo hiển thị sắp xếp theo mã CH: - Bảng kê nhập di chuyển XDS	3.0
05/07/2017	2.8	Bổ sung	S	Xuất hàng khuyến mại	3.0
10/08/2017	2.4.1	Sửa đổi	S	Bổ sung thông tin “Loại thẻ”	3.01
10/08/2017	2.4.2	Sửa đổi	S	Bổ sung thông tin “Loại thẻ”	3.01
10/08/2017	2.4.3	Bổ sung	S	Xuất hóa sau cho khách hàng mua qua thẻ	3.01
15/09/2017	3.7.2	Bổ sung	S	Sửa chứng từ Kiểm kê HHK (KS6) - Cho chọn danh sách nhóm hàng hóa cần kiểm kê - Tự động tính và hiển thị lên các hàng hóa còn tồn của CH, cho phép cửa hàng lựa chọn các mặt hàng cần đưa vào để tạo chứng từ Kiểm kê	3.02

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
15/09/2017	4.6	Bổ sung	S	Báo cáo cân đối Tiền hàng-Công nợ: Chứng từ CH8 cửa hàng nộp tiền và công ty đã “báo có”, Khi chạy lại báo cáo Cân đối tiền hàng - công nợ trước “ngày báo có” số tiền này vẫn thể hiện là “tiền đang chuyển”.	3.02
17/04/2018	2.16.1	Bổ sung	S	Chứng từ WS3 ngầm lưu số TĐH	3.03
17/04/2018	3.2	Bổ sung	S	Nhập di chuyển XDS: Tại Tab Hạch toán XDS: Các cột V.Chênh lệch, V.Giãn nở, V.Thừa/thiếu để mặc định các thông số trên = 0 và không cho phép sửa lại giá trị.	3.03
17/04/2018	3.7.2	Bổ sung	S	Sửa chứng từ kiểm kê XDS (KS5): Lưu thông tin gốc số tổng vòi bom từ TĐH	
17/04/2018	4.7	Bổ sung	S	Bảng kê xuất bán hàng hóa dịch vụ: Sửa thông tin "Kèm theo... chứng từ gốc" thành "Bao gồm... chứng từ (trong đó... hóa đơn điện tử, ... hóa đơn truyền thống)	3.03
17/04/2018	2.1.2	Sửa đổi	S	Chứng từ nhận hàng vào ca- nhận hóa đơn ấn chỉ cho phép nhận hóa đơn đã được văn phòng giao cho cửa hàng	3.03
28/05/2018	2.13.2	Bổ sung	S	Mở rộng trường tên khách lấy hóa đơn	3.03
13/07/2018	3.6	Bổ sung	S	Clear công nợ của các khách hàng được điều chuyển công nợ sang cửa hàng khác	3.04
13/07/2018	3.2.4	Bổ sung	S	Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ	3.04
13/07/2018	3.7.3	Bổ sung	S	Chặn không cho cửa hàng xuất hàng khi tồn kho hàng hóa âm	3.04
13/07/2018	2.5	Bổ sung	S	Có thể sửa lại giá bán trong khoảng Min – Max đối với các mặt hàng có khai báo khoảng giá Min -Max	3.04
20/07/2018	2.19	Bổ sung	S	Nâng cấp chức năng mở lại ca	3.04
6/11/2018	2.15.3	Bổ sung	T	Ca/CH nộp tiền kiểm kê quỹ vào TK ngân hàng	3.05
6/11/2018	8.7	Bổ sung	T	Sửa Tích kê HDDT Ngày, giờ	3.05
6/11/2018	2.13.1	Bổ sung	T	Sửa lưu hóa đơn Ngày chứng từ = Ngày HĐ	3.05

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
6/11/2018	2.13.1	Bổ sung	T	Bổ sung Hình thức thanh toán trên chứng từ D10	3.05
12/11/2018	2.6	Bổ sung	T	Bổ sung phương thức xuất bán hàng hóa “Bán theo lô” cho các mặt hàng DMN	3.05
12/11/2018	4.8	Bổ sung	S	Các báo cáo bổ sung phương thức “Bán theo lô”	3.05
26/12/2018	2.10	Bổ sung	T	Bổ sung Lập hóa đơn điều chỉnh	3.06
26/12/2018	2.11	Bổ sung	T	Bổ sung in biên bản hủy khi hủy hóa đơn	3.06
26/12/2018	4.9	Bổ sung	S	Sửa bổ sung Bảng kê hóa đơn theo ca	3.06
17/03/2019	3.2.3	Sửa đổi	S	Khi nhập SR1 chương trình lưu 2 số thập phân và cho nhập lại tại tab hạch toán XD	3.07
17/03/2019	4.10	Bổ sung	T	Nhật ký chứng từ nhập xuất bổ sung theo mẫu mới	3.07
17/03/2019	4.1	Bổ sung	T	Bổ sung phần định dạng số của báo cáo tại hệ thống Egas	3.07
17/03/2019	3.4	Bổ sung		Báo cáo công nợ hiện khách hết hiệu lực nhưng còn dư nợ	3.07
13/06/2019	6	Xóa	X	Xóa nội dung vì không còn sử dụng	3.08
13/06/2019	3.9	Xóa	X	Chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử ngày 01/01/2017, không cần quản lý hóa đơn truyền thống.	3.08
13/06/2019	3.10	Xóa	X	Chuyển sang sử dụng tích hợp chi phí từ ngày 01/04/2018.	3.08
14/06/2019	8.7	Xóa	X	Chuyển sang tài liệu UG Einvoice	3.08
14/06/2019	6.2	Xóa	X	Từ ngày 01/01/2017, sử dụng hóa đơn điện tử nên không thể viết hóa đơn bằng tay.	3.08
14/06/2019	2.19	Sửa đổi	S	Xóa mục 6.3, đưa nội dung vào mục 2.18. Mở lại ca	3.08
14/06/2019	2.17	Sửa đổi	S	Xóa mục 6.4, đưa nội dung vào mục 2.16 Thay đổi vòi bơm trong ca	3.08
17/06/2019	2.16.1	Sửa đổi	S	Sửa chứng từ chốt ca WS3: Kiểm soát số chốt điện tử và số cơ	3.08
17/06/2019	3.2.2	Sửa đổi	S	Chứng từ nhập hàng (SR1): Kiểm soát số chốt TĐH vòi bơm	3.08
17/06/2019	3.7.2	Sửa đổi	S	Chứng từ kiểm kê XDS (KS5): Kiểm soát số chốt TĐH vòi bơm	3.08

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
07/10/2019	2.12	Bổ sung	T	Bổ sung nghiệp vụ phát hành hóa đơn chiết khấu	3.09
07/10/2019	2.5.1	Sửa đổi	S	Bổ sung thêm tab Tiền hàng chiết khấu	3.09
07/10/2019	2.5.3	Sửa đổi	S	vào chứng từ 411 Bổ sung thêm tab Tiền hàng chiết khấu	3.09
07/10/2019	3.7.2	Sửa đổi	S	vào chứng từ IV1	3.09
07/10/2019	3.8	Sửa đổi	S	Kiểm kê hàng hóa thay đổi cách lấy D15	3.09
07/10/2019	5.3.3	Sửa đổi	S	Tách quyền CH9 – Xóa chứng từ thu tiền khách công nợ TT2	3.09
07/10/2019	2.16.1	Sửa đổi	S	Báo cáo TĐH sắp xếp bể/vòi bơm theo trạng thái đang sử dụng/ ngưng sử dụng	3.09 3.09
07/10/2019	4.2	Sửa đổi	S	Chốt XDS thêm số lượng thử máy, số lượng xuất khác	
07/10/2019	3.11	Sửa đổi	S	Số giao ca sửa lượng xuất khác bằng tổng lượng thử máy, lượng kiểm định, lượng xuất khác	3.09
07/10/2019	4.5	Sửa đổi	S	Khi thao tác các chức năng chi phí	3.09
07/10/2019	4.12	Bổ sung	T	chương trình sẽ tạo thêm tab mới để truy cập tại egas trung tâm	3.09
07/10/2019	2.16.1	Sửa đổi	S	Bảng kê nhập di chuyển XDS bổ sung thông tin kho xuất Bảng kê xuất bán hàng hóa dịch vụ (quy đổi kg) Bổ sung thông tin lượng thử máy, lượng xuất khác khi chốt XDS – WS3	3.09
04/12/2019	2.1.1/ 2.18	Sửa đổi	S	Chặn không cho mở ca giao nhau về mặt thời gian	3.10
04/12/2019	2.14.2	Sửa đổi	S	Chặn không sửa D2- thu tiền khách công nợ khi chứng từ D2 đã được gán công nợ	3.10
04/12/2019	2.16.1	Sửa đổi	S	Hóa đơn chốt ca (490,491) không được lập nếu có mặt hàng XDS có lượng nhỏ hơn 1lit	3.10
04/12/2019	2.16.2	Sửa đổi	S	Sửa khắc phục lỗi tràn số cột bơm khi chốt cột bơm cuối ca bán hàng	3.10
04/12/2019	3.7.2	Sửa đổi	S	KS5: Cập nhật tỷ trọng thực tế tại thời điểm kiểm kê. V tại L15 lấy số nguyên Biên bản kiểm kê xăng dầu điều chỉnh theo mẫu mới (M01)	3.10

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
				BB kiểm kê tồn kho XD – Cuối tháng và BB kiểm kê XDS – Thay đổi giá thêm cột tồn đường ống	
20/01/2020	3.2.2 3.2.3	Sửa đổi	S	Nhập di chuyển XDS đến CHXD: Thêm tab số đo phương tiện	3.11
20/01/2020	4.9	Sửa đổi	S	Thêm dòng tổng cộng của cột tổng tiền của bảng kê bán hàng theo ca	3.11
20/01/2020	2.13.3	Sửa đổi	S	Bỏ chọn chuyển sang HDTT khi tạo HDDT bị lỗi	3.11
20/01/2020	2.19 2.20	Sửa đổi	S	Khóa không cho thêm, sửa, xóa CBCNV của ca có giờ mở/ đóng ca không nằm trong kỳ kế toán của hàng	3.11
20/01/2020	3.4 4.2; 4.11	Sửa đổi	S	Sửa đổi một số mẫu biểu theo quy chế quản lý của hàng mới (mẫu M04, M05, M08, M09)	3.11
20/01/2020	2.1.1	Sửa đổi	S	Bỏ chặn thời gian đóng ca – thời gian mở ca <= 60 phút. Thời gian đóng ca > Thời gian mở ca tối thiểu 1 phút	3.11
01/04/2020	2.1.2	Sửa đổi	S	Chỉ gán CBCNV đang làm việc tại cửa hàng CBCNV không làm việc tại cửa hàng sẽ có màu đỏ tại màn hình Uhome	3.12
01/04/2020	3.7.2	Sửa đổi	S	Tự động quy đổi DTT và D15 khi làm kiểm kê XDS – KS5	3.12
01/04/2020	2.16.1	Sửa đổi	S	Bổ sung thông tin Tự kiểm tra sai số, bỏ thông tin lượng xuất khác tại chứng từ WS3	3.12
01/04/2020	4.14	Sửa đổi	S	Sửa đổi mẫu biên bản giao nhận xăng dầu theo quy chế QLCH	3.12
01/04/2020	3.2.2/3.2.3	Sửa đổi	S	Thêm tab khai báo thông tin về xe, niêm mẫu vào chứng từ nhập XDS – SR1	3.12
01/04/2020	4.14	Sửa đổi	S	Sửa đổi theo mẫu trong quy chế QLCH (thêm các thông tin về niêm mẫu xitec) – Mẫu M07	3.12
01/04/2020	4.15	Sửa đổi	S	Sửa đổi mẫu bảng kê, báo cáo khi thêm nghiệp vụ chiết khấu	3.12
30/05/2020	4.17	Sửa đổi	S	Bổ sung thêm điều kiện lọc "Ngành hàng" vào các báo cáo có lọc theo tham số "Nhóm hàng hoá"	3.13

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
30/05/2020	4.17	Sửa đổi	S	Cho phép chọn nhiều nội dung cho một chỉ tiêu. Chuyển các điều kiện lọc "kho xuất", "Khách hàng" sang dạng Multicheck	3.13
30/05/2020	4.18	Sửa đổi	S	Bổ sung tên người lập biểu – chữ ký báo cáo tại các báo cáo	3.13
30/05/2020	3.4	Sửa đổi	S	Biên bản thanh lý hợp đồng-M05 bổ sung thêm dòng tổng cộng theo số lượng, thành tiền của từng mặt hàng	3.13
30/05/2020	2.22	Bổ sung	T	Thêm chức năng nhân viên phát hành hóa đơn trong ca	3.13
30/05/2020	Chương 4	Sửa đổi	S	Bổ sung thông tin User phát hành tại tab bảng kê hóa đơn - Uhome	3.13
30/05/2020	4.9	Sửa đổi	S	Bổ sung thông tin User phát hành tại bảng kê hóa đơn theo ca	3.13
30/05/2020	2.19	Sửa đổi	S	Mở lại ca bán hàng thì CBCNV gán vào User cần có các chức năng từ 1,2,3,5,20,21,11	
30/05/2020	2.16.1	Sửa đổi	S	Thực hiện lưu ngầm thông tin Vtt của bề phục vụ dữ liệu Báo cáo so sánh giữa số liệu TĐH với số giao ca	3.13
30/05/2020	3.2	Sửa đổi	S	Bổ sung quyền CH202 – cập nhật SR1	3.13
30/05/2020	5.3.1	Sửa đổi	S	Sửa thông báo lỗi time out (-4,-9) của hệ thống TĐH: ngắn gọn, rõ ràng và chi tiết lỗi	3.13
30/05/2020	2.5.3	Sửa đổi	S	Bỏ nút copy hàng hóa, cho cập nhật ngày due-date tại tab Tiền hàng chiết khấu	3.13
30/05/2020	2.19/2.20	Sửa đổi	S	Gán/sửa/xóa CBCNV trong ca bán hàng có giờ mở/đóng ca nằm trong kỳ kế toán (thời gian kết thúc kỳ kế toán tính đến giờ phút cuối ngày đóng kỳ)	3.13
30/05/2020	2.16/3.2.2/	Sửa đổi	S	Bổ sung thông tin tại tab đo bể: TĐH,T.gian Agas trả KQ về, Mã lỗi vào các chứng từ: WS0, WS3, SR1, KS5, SO1	3.13
30/05/2020	Chương 6	Bổ sung	T	Cập nhật hướng dẫn sử dụng Agas18	3.13
20/07/2020	4.20	Bổ sung	T	Khắc phục lỗi không tìm kiếm được với điều kiện lọc báo cáo dạng Multicheck	3.13

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
15/08/2020	4.21	Bổ sung	T	Bảng kê thống kê giao dịch in biên lai bán hàng	3.14
15/08/2020	2.23	Sửa đổi	S	Quản lý khách vãng lai – Tra cứu MTS khi viết hóa đơn	3.14
30/09/2020	3.5	Sửa đổi	S	Cảnh báo khi tháng thực hiện clear khác tháng của ngày thu tiền	3.14
30/09/2020	4.22	Thêm mới	T	Bảng kê trạng thái ca	3.14
30/09/2020	4.23	Thêm mới	T	Bảng kê xuất bán hàng hóa dịch vụ (quy đổi theo đơn vị tính)	3.14
15/11/2020	4.24	Thêm mới	T	Bổ sung báo cáo để hỗ trợ có dữ liệu thống kê nhiệt độ bình quân gia quyền tại bề làm cơ sở xem xét và giao khoán nhiệt độ bình quân cho các CHXD theo như kết luận của KTNN theo văn bản số 1331/PLX-HĐQT ngày 02/10/2019	3.15
15/11/2020	2.14.2	Sửa đổi	S	Không thu tiền công nợ bằng chứng từ D2	3.15
15/11/2020	2.24	Sửa đổi	S	Tại chứng từ WS3c, thêm trường nhập thông tin Thử máy, Tự kiểm tra sai số.	3.15
15/11/2020	2.14.3	Thêm mới	T	Thêm chức năng thu tiền khách công nợ- D4	3.15
15/11/2020	2.16.1 2.24; 4.25	Sửa đổi	S	Đổi tên cột “xuất thử máy” thành “xuất khác	3.15
15/11/2020	2.25	Sửa đổi	S	Bổ sung thông tin người nhận hàng	3.15
15/11/2020	3.2.2 3.2.3	Sửa đổi	S	Cập nhật chứng từ SR1, tham chiếu thông tin từ SAP	3.15
05/03/2021	2.13.5	Sửa đổi	S	Xử lý lỗi tạo 22(ngày hóa đơn> ngày ký số) không làm thay đổi MTC	3.16
05/03/2021	4.26	Sửa đổi	S	Báo cáo so sánh hao hụt thực tế so với định mức (M24)	3.16
07/04/2021	4.11	Sửa đổi	S	Bắt buộc nhập trường diễn giải tại các chứng từ khai báo chi phí (BK3, BK5, BK9, BK10)	3.16
07/04/2021	2.13	Sửa đổi	S	Chỉnh sửa để EGAS không còn phát hành được HDTT	3.16
15/05/2021	3.4	Sửa đổi	S	Chỉnh sửa Biên bản thanh lý hợp đồng (M05):	3.17

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
15/05/2021	4.27	Sửa đổi	S	-Thêm phân tổng hợp theo mặt hàng, sản lượng. - Bổ sung các thông tin Người đại diện, Chức vụ, Số giấy ủy quyền, Ngày ủy quyền	3.17
15/05/2021	3.8	Sửa đổi	S	Báo cáo nhanh công nợ đến hạn CH: -Chỉ lấy thông tin các KH bị đáo hạn - Cho chọn số ngày đáo hạn khi chạy báo cáo	3.17
15/08/2021	2.11	Sửa đổi	S	Kiểm kê quỹ GL8: lấy cả những chứng từ phát sinh vào thời điểm kiểm kê quỹ	3.18
15/08/2021	5.5	Sửa đổi	S	Biên bản hủy hóa đơn: bổ sung mục 4 để ghi nhận thông tin hóa đơn thay thế, trường này để trống(Cửa hàng tự điền tay)	3.18
15/08/2021	5.5	Sửa đổi	S	Báo cáo diễn biến mức nước tại bể: -Báo cáo chỉ liệt kê 01 log bể gần nhất với thời điểm “Đến ngày...” tại điều kiện lọc -Chiều cao bể: lấy theo chiều cao max bể -Chiều cao hàng: lấy giá trị thực tế theo log bể -Tại Egas Server: Cho phép chạy báo cáo theo nhiều CHXD thuộc CompanyCode	3.18
15/08/2021	5.5	Bổ sung	T	Báo cáo thống kê tổng lượng xuất bán qua vòi - Tổng hợp	3.18
15/08/2021	3.5	Sửa đổi	S	Gán thanh toán: Khi số lượng chứng từ xuất hàng cần gán > 200 dòng, chương trình chỉ hiển thị 200 chứng từ tương ứng với 200 dòng này. Số còn lại sẽ thực hiện gán vào chứng từ tiếp theo	3.18
15/09/2021	4.29	Sửa đổi	S	Bổ sung điều kiện lọc nhóm giá tại: Báo cáo xuất bán hàng hóa	3.19
15/09/2021	4.30	Sửa đổi	S	Bổ sung điều kiện lọc nhóm giá tại: Bảng kê xuất bán hàng hóa	3.19
15/09/2021	4.31	Sửa đổi	S	Bổ sung điều kiện lọc nhóm giá tại: Báo cáo xuất bán hàng hóa tại các kho	3.19

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
15/09/2021	4.32	Sửa đổi	S	Bổ sung điều kiện lọc nhóm giá tại: Báo cáo xuất bán hàng hóa tại các kho - giá	3.19
15/09/2021	4.33	Sửa đổi	S	Bổ sung điều kiện lọc nhóm giá tại: Báo cáo lượng xuất qua kho (lượng)	3.19
15/09/2021	4.34	Sửa đổi	S	Bổ sung điều kiện lọc nhóm giá tại: Báo cáo lượng xuất qua kho (lượng) Mới	3.19
15/09/2021	4.35	Sửa đổi	S	Bổ sung điều kiện lọc nhóm giá tại: Báo cáo lượng xuất qua kho /các kho	3.19
15/09/2021	4.36	Sửa đổi	S	Bổ sung điều kiện lọc nhóm giá tại: Báo cáo lượng xuất qua kho/ cáo kho Mới	3.19
15/09/2021	4.37	Sửa đổi	S	Bổ sung điều kiện lọc nhóm giá tại: Sản lượng bán lẻ hàng hóa theo kho	3.19
15/09/2021	4.38	Sửa đổi	S	Bổ sung điều kiện lọc nhóm giá tại: Bảng kê tổng hợp theo phương thức	3.19
15/09/2021	4.39	Sửa đổi	S	Bổ sung điều kiện lọc nhóm giá tại: Bảng tổng hợp xuất bán	3.19
15/09/2021	4.40	Bổ sung	T	Bổ sung thêm báo cáo nhiệt độ bình quân từng bể	3.19
15/09/2021	4.41	Bổ sung	T	Bổ sung thêm báo cáo đối soát lượng Nhập hàng-Sr1	3.19
20/11/2021	4.42	Bổ sung	T	Thêm điều kiện lọc Goto tại Báo cáo sản lượng bán theo ngày. Gộp 2 báo cáo Thống kê sản lượng bán theo ngày(tổng hợp) Thống kê sản lượng bán theo ngày	3.20
20/11/2021		Sửa đổi	S	Sửa đổi điều kiện lọc bể chứa:Sắp xếp các vòi,bể không còn sử dụng ở cuối phần tìm kiếm, thêm chữ “KSD” vào các vòi, bể có status = Không sử dụng Tại các báo cáo : nhiệt độ bể trung bình, giá bán áp tại cột bơm, bảng kê chi tiết số công tơ lít, báo cáo nhiệt độ bình quân từng bể, báo cáo số liệu bể, báo cáo số liệu kiểm kê, báo cáo số liệu nhập hàng, diễn biến mức nước tại bể, diễn biến mức nước tại bể, báo cáo tồn kho trống bể, bk xuất bán theo giờ,	3.20

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
				bk xuất bán chi tiết qua bể/vòi bơm, bk xuất bán tổng hợp qua bể/vòi bơm	
20/11/2021	4.43	Bổ sung	T	Bổ sung báo cáo hao hụt xuất	3.20
20/11/2021	4.44	Sửa đổi	S	Sửa đổi tên cột Chiều cao bể => chiều cao tối đa bể tại bảng kê chi tiết bể	3.20
20/11/2021	4.45	Bổ sung	T	Báo cáo tổng hợp sức chứa tại cửa hàng	3.20
20/11/2021	4.46	Bổ sung	T	Thêm điều kiện lọc: cảnh báo khi hàng tràn bể tại báo cáo Evenlog	3.20
20/11/2021	3.2	Sửa đổi	S	Chỉnh sửa nội dung chứng từ nhập hàng SR1: Tại tab Vận đơn Trường LTT cho phép nhập số thập phân (Phân thập phân chỉ cho phép nhập hai chữ số) Làm tròn ra phần nguyên L15 Tại tab Số đo phương tiện LTT làm tròn mất số thập phân Tại tab Hạch toán XDS Trường LTT cho phép nhập số thập phân (Phân thập phân chỉ cho phép nhập hai chữ số) Làm tròn ra phần nguyên L15	3.20
20/11/2021	4.47	Bổ sung	T	Bảng kê chi tiết log bán: Tại đây sẽ gộp 03 báo cáo. Bảng kê xuất bán theo giờ Báo cáo thống kê tổng sản lượng xuất bán qua vòi Bảng kê xuất bán qua bể)	3.20
20/11/2021	4.47	Sửa đổi	S	Chỉnh sửa điều kiện lọc dung tích tại báo cáo Bảng kê chi tiết log bán	3.20
20/11/2021	2.14.2	Bổ sung	T	Sửa chứng từ D2 cập nhật bổ sung nghiệp vụ thu tiền bán bảo hiểm qua POS Hdbank và Pgbank	3.20
14/01/2022	2.26	Bổ sung	T	Quy trình xử lý chứng từ 416 lỗi tài khoản	3.20
20/01/2022	3.12	Sửa đổi	S	Sửa các mẫu in phiếu xuất Kho – nhập kho (SO1, SO3, SO4, SR1, SR2, SR3) Thêm vào mẫu in cột <Mã hàng> trước <Tên hàng>	3.21

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
				Thêm thông tin: Nơi nhận hàng (dưới địa chỉ) (để dạng box để CH điền bằng tay tại bản in) Tại phiếu xuất kho SO3: Thêm chữ ký "Người vận chuyển (để cuối)"	
20/01/2022	4.30	Sửa đổi	S	Sửa cột "Đơn giá" trên Bảng kê xuất bán hàng hóa hiển thị giá trị có 2 số thập phân	3.21
20/01/2022	4.27	Sửa đổi	S	Báo cáo tuổi nợ: Bổ sung cột Hình thức đảm bảo của khách hàng	3.21
20/01/2022	2.27	Sửa đổi	S	Chỉnh sửa cơ chế tìm kiếm mới của ô "Search" ở màn hình Uhome	3.21
20/01/2022	2.28	Sửa đổi	S	In biên lai bán hàng cho phép sửa được ô tên lái xe và số xe để nhân viên bán hàng có thể đánh máy được trước khi in	3.21
20/01/2022	4.9	Sửa đổi	S	Bổ sung 2 cột tiền hàng và tiền thuế vào bảng kê hóa đơn bán hàng	3.21
07/03/2022	3.5 4.4	Sửa đổi	S	-Gán thanh toán với xuất bán công nợ: Chứng từ chiết khấu CK1 hiện tại tab "Ctừ thu tiền khách" -Báo cáo phải thu theo ngày due-date: Chứng từ tiền chiết khấu CK1 thể hiện như chứng từ thanh toán	3.21
11/03/2022	4.48	Thêm mới	T	Chi tiết thông tin ID	3.21
11/03/2022	4.49	Thêm mới	T	Lịch sử giao dịch, tích điểm và sử dụng điểm của PLXID	3.21
11/03/2022	4.50	Thêm mới	T	Tổng hợp doanh thu, sản lượng mua hàng, tích điểm của khách hàng	3.21
11/03/2022	4.51	Thêm mới	T	Báo cáo chi tiết tích điểm ID	3.21
11/03/2022	4.52	Thêm mới	T	Báo cáo tích điểm theo CHXD, công ty xăng dầu	3,21
11/03/2022	4.53	Thêm mới	T	Bảng kê Top cửa hàng có nhiều giao dịch nhất	3.21
11/03/2022	4.54	Thêm mới	T	Bảng kê Top cửa hàng có nhiều điểm tích lũy nhất	3.21
11/03/2022	4.55	Thêm mới	T	Bảng kê Top PLXID có nhiều giao dịch nhất	3.21
11/03/2022	4.56	Thêm mới	T	Bảng kê Top PLXID có nhiều điểm tích lũy nhất	3.21

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
20/08/2022	2.29	Thêm mới	T	Thêm chức năng cập nhật số phiếu/ số xe từ chứng từ 412 phát sinh từ Pos	3.21
20/08/2022	2.30	Thêm mới	T	Thêm chức năng cập nhật khách hàng TT3	3.21
09/09/2022	4.10	Sửa đổi	S	Nhật ký chứng từ nhập xuất HH: Bổ sung thêm cột "Chênh lệch Giá bán/Giá bán lẻ" và điều kiện lọc "Chênh lệch", "Bằng nhau", "Cả hai" căn cứ vào cột "Chênh lệch Giá bán/Giá bán lẻ"	3.22
09/09/2022	4.34	Sửa đổi	S	Sửa đổi Báo cáo lượng xuất qua kho (lượng), Thêm lượng xuất KTM vào báo cáo	3.22
09/09/2022	4.44	Sửa đổi	S	Bổ sung điều kiện lọc "Thời gian lấy log" ở Bảng kê chi tiết bê	3.22
09/09/2022	4.57	Thêm mới	T	Báo cáo thống kê giảm giá của từng khách hàng	3.22
09/09/2022	4.58	Sửa đổi	S	Báo cáo số liệu kiểm kê: chỉnh sửa điều kiện lọc: "Chứng từ kiểm kê": sắp xếp các chứng từ KS5 từ ngày gần nhất đến ngày xa nhất.	3.22
09/09/2022	4.59	Sửa đổi	S	Báo cáo hao hụt nhập: bổ sung thêm cột : Kho xuất	3.22
09/09/2022	4.60	Sửa đổi	S	Công nợ phải thu của khách tại các cửa hàng: Bổ sung thêm cột "H.thức Đ.bảo"	3.22
09/09/2022	4.61	Sửa đổi	S	Báo cáo công nợ khách hàng(theo dư nợ cuối kỳ báo cáo): Bổ sung thêm cột "H.thức Đ.bảo"	3.22
09/09/2022	4.62	Sửa đổi	S	Báo cáo công nợ khách hàng(theo dư nợ cuối kỳ báo cáo): Bổ sung thêm cột "H.thức Đ.bảo"	3.22
09/09/2022	4.10	Sửa đổi	S	Sửa đổi bổ sung điều kiện lọc loại giao dịch (Cả hai, Tự động có POS, Thủ công) Trên Báo cáo Nhật ký chứng từ nhập xuất	3.22
09/09/2022	4.63	Sửa đổi	S	Sửa đổi bổ sung điều kiện lọc loại giao dịch (Cả hai, Tự động có POS, Thủ công) Trên Bảng kê chi tiết xuất bán khách dịch vụ	3.22
28/02/2023	2.5.1	Sửa đổi	S	Chỉnh sửa 411: khai báo sysparam cho chọn thông tin khách hàng tương tự 401	3.23

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
28/02/2023	2.31	Sửa đổi	S	Chặn Min – max các chứng từ tại Egas	3.23
24/08/2023	2.5.1	Sửa đổi	S	Chặn không dùng chức năng 411,412 với khách BHTQ	3.23
30/01/2024	3.2.2	Thêm mới	T	Kiểm tra ràng buộc để ngày giờ làm SR1	3.23
30/01/2024	3.2.3	Thêm mới	T	Kiểm tra khi load ngày giờ số phiếu xuống SR1 thì không cho chỉnh sửa	3.23
30/01/2024	2.13.7	Thêm mới	T	Các nghiệp vụ chỉnh sửa lên 3 số TP	3.23
19/03/2024	3.10	Sửa đổi	S	Áp giá cột bơm (tiện ích kiểm soát khi phát hành HD gắn log)	3.24
19/03/2024	2.32	Thêm mới	T	Đồng bộ thời gian máy tính CHXD	3.24
09/05/2024	5.5.1	Thêm mới	T	Bảng kê nhập hàng sửa để theo dõi thông tin trước nhập, sau nhập đối với cả trường hợp không dùng tự động hóa	3.24
09/05/2024	4.2.2	Sửa đổi	S	Bổ sung TK 13613 giao dịch bán hàng toàn quốc vào Sổ giao ca	3.24
16/05/2024	2.11	Sửa đổi	S	Bỏ lý do sửa xóa: “Sai thông tin người mua” tại danh sách chọn lý do khi xóa hóa đơn	3.24
17/05/2024	7.6	Sửa đổi	S	Bổ sung số tiền Qrcode tĩnh bên Ps có của báo cáo Cân đối công nợ Vpcty – chxd(1)	3.24
17/05/2024	4.5	Sửa đổi	S	Bổ sung thêm cột SỐ XE trước cột GHI CHÚ trong báo cáo: Bảng kê nhập di chuyển XDS	3.24
17/05/2024	4.59	Sửa đổi	S	Bổ sung lượng KTM(112714) vào phát sinh bên Nợ và bên Có tại báo cáo: Đối chiếu công nợ Vpcty-CH(2)	3.24
19/6/2024	2.6.2	Bổ sung	T	Thêm "Tài khoản 112716 - Bán hàng thanh toán QRCode tĩnh" tại TK thẻ cho Tcode 408(Xuất hóa đơn thanh toán thẻ theo lô)	3.25
12/12/2024	4.22	Sửa đổi	S	Bổ sung bảng kê trạng thái ca: - Thời gian tạo: Lấy SysD là version 1 - Thời gian sửa: Lấy SysD của version hiện hành	3.26
27/12/2024	2.7	Sửa đổi	S	Khi xuất hóa đơn dịch vụ khách công nợ check Hạn mức, due-date công nợ của khách	3.26
27/12/2024	3.5.2	Bổ sung	S	Clear công nợ cho hóa đơn dịch vụ khách công nợ	3.26

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
27/12/2024		Bổ sung	S	Chỉnh sửa chức năng Phát hành hóa đơn: Chặn trường hợp ngày giờ thực hiện Lưu chứng từ (sysdate) so với ngày giờ chứng từ (thời gian Log bơm) vượt quá cấu hình thời gian truy vấn Log bơm	3.26
27/12/2024		Bổ sung	S	Chỉnh sửa Tcode, Tab khuyến mại: Chỉ cho NSD chọn các loại chương trình KM theo đúng mặt hàng	3.26
10/03/2025	2.11	Sửa đổi	S	- Thêm lý do hủy: + Sai thông tin người mua hàng + Sai phương thức thanh toán	3.27
10/03/2025	7.2	Sửa đổi	S	- Bỏ các cột: Số hợp đồng, Hình thức đảm bảo, Hạn mức công nợ check - Đổi tên các cột: + Tồn đầu -> Số dư đầu kỳ + Phát sinh -> Phát sinh trong kỳ + Tồn cuối -> Số dư cuối kỳ	3.27
10/03/2025	4.2	Thêm mới	T	Bổ sung chức năng kết xuất dữ liệu ra excel được định dạng theo chuẩn	3.27
28/03/2025	3.8	Sửa đổi	S	- Sửa chứng từ GL8: - Cột "Tài khoản tồn quỹ": + Bỏ tài khoản "131203 - Séc phải nộp công ty" + Thêm tài khoản "112721 - Thanh toán Voucher" - Sửa "Biên bản kiểm kê tồn quỹ": + Bỏ cột "Tiền séc" thay bằng cột "công cụ thanh toán khác (phiếu mua hàng, voucher...)"	3.28
28/03/2025	3.4	Sửa đổi	S	- Bổ sung "Giấy ủy quyền" vào Biên bản - Phần mua hàng: Thêm dòng "Chi tiết phát sinh mua hàng theo Bảng kê hàng hóa đính kèm" sau dòng Bảng chữ	3.28
09/01/2026	2.5.1	Sửa đổi	S	- Không cho xuất hóa đơn khách công nợ nếu thông tin khách hàng tại tab 'Hóa đơn' không khớp với Mã khách được chọn tại tab 'tiền hàng'	3.28
09/01/2026	3.5.2	Sửa đổi	S	- Không hiển thị số tiền của chứng từ D10 cũ không có due-date	3.28
09/01/2026	4.61	Bổ sung	T	- Bổ sung báo cáo đối chiếu tồn quỹ	3.28

MỤC LỤC

1	GIỚI THIỆU	23
	Các chức năng của hệ thống.....	23
2	THỰC HIỆN CÁC NGHIỆP VỤ CA TRƯỞNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH.....	25
2.1	Nhận ca.....	25
2.1.1	Mở ca bán hàng.....	25
2.1.2	Gán CBCNV vào ca.....	25
2.1.3	Nhận hàng hóa vào ca	26
2.2	Bán hàng thu tiền viết hóa đơn ngay.....	27
2.3	Bán gas, vỏ bình.....	27
2.3.1	Bán lẻ gas đổi vỏ bình.....	27
2.3.2	Bán lẻ gas kí quỹ vỏ bình.....	28
2.3.3	Nhập vỏ bình trả khách tiền kí quỹ.....	28
2.3.4	Bán gas công nợ.....	28
2.4	Bán hàng thanh toán thẻ.....	28
2.4.1	Bán hàng thanh toán thẻ viết hóa đơn ngay	28
2.4.2	Bán hàng thanh toán thẻ chưa hóa đơn	29
2.4.3	Xuất hóa đơn sau- thẻ.....	30
2.5	Xuất bán hàng công nợ.....	30
2.5.1	Xuất bán hàng công nợ viết hóa đơn ngay.....	30
2.5.2	Xuất bán hàng công nợ chưa xuất hóa đơn.....	34
2.5.3	Xuất hóa đơn sau cho khách công nợ :	34
2.6	Xuất bán theo phương thức “Bán theo lô” các mặt hàng DMN	35
2.6.1	Xuất bán theo lô thu tiền mặt lấy hóa đơn ngay	35
2.6.2	Xuất bán theo lô thanh toán thẻ lấy hóa đơn ngay.....	36
2.6.3	Xuất bán theo lô thanh toán bằng thẻ lấy hóa đơn sau.....	36
2.6.4	Xuất hóa đơn sau thẻ - theo lô.....	37
2.6.5	Xuất bán theo lô cho khách công nợ lấy hóa đơn ngay	37
2.6.6	Xuất bán theo lô cho khách công nợ lấy hóa đơn sau.....	38
2.6.7	Xuất hóa đơn sau cho khách công nợ - theo lô.....	38
2.7	Hóa đơn dịch vụ.....	40
2.7.1	Xuất hóa đơn dịch vụ khách hàng vắng lai	40
2.7.2	Xuất hóa đơn dịch vụ khách hàng công nợ	41
2.8	Xuất hộ Công ty.....	42
2.9	Xuất hàng khuyến mại.....	43
2.10	Lập hóa đơn điều chỉnh	43
2.11	Hủy hóa đơn.....	45
2.12	Hóa đơn chiết khấu	46
2.13	Các lưu ý khi xuất hóa đơn trong ca bán hàng	48
2.13.1	Sửa ngày hóa đơn = ngày chứng từ	48
2.13.2	Mở rộng trường tên khách lấy hóa đơn.....	48

2.13.3	Ngừng phát hành HDTT.....	49
2.13.4	Khi viết “hóa đơn” mà không gõ được Tiếng Việt?.....	49
2.13.5	Xử lý lỗi tạo 22 không làm thay đổi mã tra cứu.....	50
2.13.6	Chỉnh sửa để EGAS không còn phát hành được HDTT.....	51
2.13.7	Các nghiệp vụ chỉnh sửa lên 3 số thập phân.....	52
2.14	Thu tiền trong ca.....	52
2.14.1	Xuất hóa đơn và thu tiền dịch vụ trong ca.....	52
2.14.2	Thu tiền khác trong ca.....	53
2.14.3	Thu tiền khách công nợ_D4.....	54
2.15	Chi tiền trong ca.....	55
2.15.1	Nộp tiền ca bán hàng tại cửa hàng.....	55
2.15.2	Chi nộp tiền về Công ty.....	55
2.15.3	Chi nộp tiền vào tài khoản ngân hàng.....	56
2.15.4	Chi tiền rút thẻ, chi chuyển tiền nhanh.....	57
2.16	Đóng ca.....	57
2.16.1	Quy trình thực hiện đóng ca:.....	58
2.16.2	Trần số cột bơm.....	61
2.17	Thay đổi vòi bơm trong ca bán hàng.....	62
2.17.1	Bỏ vòi bơm không sử dụng.....	62
2.17.2	Thêm mới hoặc chuyển đổi vòi bơm.....	63
2.18	Ca cửa hàng.....	64
2.19	Mở lại ca.....	65
2.20	Admin ca.....	67
2.21	Chức năng tìm kiếm chứng từ.....	67
2.22	Nhân viên ca phát hành hóa đơn trong ca.....	69
2.23	Tra cứu MST khi viết hóa đơn.....	71
2.24	Cập nhật số kiểm định vòi bơm.....	72
2.25	Bổ sung thông tin người nhận hàng.....	72
2.26	Quy trình xử lý chứng từ 406 lỗi sai tài khoản.....	73
2.27	Chỉnh sửa cơ chế tìm kiếm mới của ô “Search” ở màn hình Uhome.....	74
2.28	In biên lai bán hàng cho phép sửa được ô tên lái xe và số xe.....	77
2.29	Cập nhật số xe/ số phiếu chứng từ 412 phát sinh từ Pos.....	77
2.30	Cập nhật mã khách cho chứng từ TT3 phát sinh từ Pos.....	78
2.31	Chặn min – max các chứng từ tại Egas.....	78
2.32	Đồng bộ thời gian máy tính CHXD.....	79
3	THỰC HIỆN NGHIỆP VỤ THỐNG KÊ CỬA HÀNG.....	81
3.1	Cập nhật các số tồn đầu năm.....	81
3.1.1	Cập nhật số tồn hàng hóa.....	81
3.1.2	Cập nhật số dư công nợ, tiền mặt đầu năm.....	81
3.2	Nhập hàng.....	81

3.2.1	Lưu đồ	81
3.2.2	Nhập xăng dầu sáng khi BỂ - Vòi bơm sử dụng TĐH	82
3.2.3	Nhập xăng dầu sáng khi BỂ - Vòi bơm không có TĐH	85
3.2.4	Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ.....	87
3.2.5	Nhập hàng hóa khác từ nhà cung cấp ngoài - SR2	89
3.2.6	Nhập di chuyển hàng hóa khác - SR3	90
3.3	Xuất hàng.....	91
3.3.1	Xuất di chuyển XDS từ CHXD - SO1	91
3.3.2	Xuất trả hàng nhà cung cấp - SO2	92
3.3.3	Xuất di chuyển hàng hóa khác từ CHXD - SO3.....	92
3.3.4	Xuất khác - SO4.....	92
3.3.5	Xuất chuyển loại - 2003	92
3.4	Quản lý công nợ khách hàng	93
3.5	Gán thanh toán với xuất bán công nợ.....	96
3.5.1	Gán thanh toán với xuất bán công nợ chứng từ GL1 – GL9.....	98
3.5.2	Gán thanh toán với xuất bán công nợ chứng từ D10	99
3.6	Quản lý hàng chưa xuất trả khách theo lệnh.....	99
3.7	Quản lý hàng hóa	100
3.7.1	Hao hụt hàng hóa	100
3.7.2	Kiểm kê hàng hóa	101
3.7.3	Chặn không cho cửa hàng xuất hàng khi tồn kho hàng hóa âm	106
3.8	Quản lý tiền tại cửa hàng.....	106
3.9	Quản lý bán ẩn chỉ bảo hiểm tại cửa hàng.....	108
3.10	Thay đổi giá	111
3.11	Quản lý chi phí.....	112
3.12	Sửa các mẫu in phiếu xuất Kho – nhập kho	113
4	CÁC BÁO CÁO TRÊN EGAS	114
4.1	Định dạng số tại báo cáo	114
4.2	Kết xuất dữ liệu báo cáo ra Excel	114
4.3	Sổ giao ca – M08	116
4.3.1	Hình thức báo cáo	116
4.3.2	Tham số chạy báo cáo.....	116
4.4	Chi tiết công nợ phải thu tại CH	117
4.4.1	Hình thức báo cáo: Mẫu báo cáo	117
4.4.2	Tham số chạy báo cáo.....	118
4.4.3	Mô tả tiêu chí sắp xếp	118
4.5	Công nợ phải thu theo ngày due-date.....	119
4.5.1	Hình thức báo cáo: Mẫu báo cáo	119
4.5.2	Tham số chạy báo cáo.....	120
4.5.3	Mô tả tiêu chí sắp xếp	120
4.6	Bảng kê nhập di chuyển xăng dầu sáng	120

4.6.1	Hình thức báo cáo: Mẫu báo cáo	120
4.6.2	Tham số chạy báo cáo	121
4.6.3	Mô tả tiêu chí sắp xếp	121
4.7	Báo cáo cân đối tiền hàng – công nợ.....	121
4.7.1	Hình thức báo cáo	121
4.7.2	Tham số chạy báo cáo	122
4.8	Bảng kê xuất bán hàng hóa dịch vụ	123
4.8.1	Hình thức báo cáo: Mẫu báo cáo	123
4.8.2	Tham số chạy báo cáo	125
4.9	Các báo cáo bổ sung phương thức “Bán theo lô”	125
4.9.1	Báo cáo hàng hóa	125
4.9.2	Báo cáo sổ quỹ, công nợ	126
4.10	Bảng kê hóa đơn theo ca.....	128
4.10.1	Hình thức báo cáo: Mẫu báo cáo	128
4.10.2	Tham số chạy báo cáo	128
4.11	Nhật ký chứng từ nhập xuất.....	128
4.12	Bảng kê tổng hợp bán hàng – M09	131
4.12.1	Hình thức báo cáo: Mẫu báo cáo	131
4.12.2	Tham số chạy báo cáo	131
4.13	Bảng kê xuất bán hàng hóa dịch vụ (quy đổi kg) – M19	132
4.13.1	Hình thức báo cáo:	132
4.13.2	Tham số chạy báo cáo	133
4.14	Bảng kê hiệu lực giá bán lẻ.....	133
4.14.1	Hình thức báo cáo	133
4.14.2	Tham số chạy báo cáo	134
4.14.3	Mô tả chi tiết các trường thông tin trong báo cáo.....	135
4.15	Biên bản giao nhận xăng dầu - M07	135
4.16	Sửa đổi báo cáo khi bổ sung nghiệp vụ chiết khấu tại cửa hàng:	136
4.17	Bổ sung User phát hành tại bảng kê hóa đơn màn hình Uhome – giao diện ca bán hàng 136	
4.18	Sửa đổi bổ sung thêm điều kiện lọc ngành hàng với các báo cáo có lọc tham số “nhóm hàng hóa”.....	136
4.19	Cho phép chọn nhiều nội dung cho một chỉ tiêu. Chuyển các điều kiện lọc "kho xuất", "Khách hàng" sang dạng Multicheck:	137
4.20	Bổ sung tên người lập biểu – chữ ký báo cáo tại các báo cáo:	137
4.21	Các điều kiện lọc báo cáo có dạng Multicheck không tìm kiếm được	137
4.22	Bảng kê thống kê giao dịch in biên lai bán hàng	138
4.22.1	Hình thức báo cáo	139
4.22.2	Tham số chạy báo cáo	139
4.22.3	Mô tả chi tiết các trường thông tin.....	140
4.23	Bảng kê trạng thái ca	140

4.23.1	Hình thức báo cáo	141
4.23.2	Tham số chạy báo cáo	141
4.23.3	Mô tả chi tiết các trường thông tin.....	141
4.23.4	Mô tả tiêu chí sắp xếp	142
4.24	Bảng kê xuất bán hàng hóa dịch vụ	142
4.24.1	Hình thức báo cáo	143
4.24.2	Tham số chạy báo cáo	143
4.24.3	Mô tả chi tiết các trường thông tin.....	144
4.24.4	Mô tả tiêu chí sắp xếp	144
4.25	Báo cáo thống kê nhiệt độ bình quân gia quyền	145
4.25.1	Hình thức báo cáo:	145
4.25.2	Mô tả tham số chạy báo cáo:	145
4.25.3	Mô tả chi tiết các trường dữ liệu báo cáo:.....	146
4.25.4	Mô tả tiêu chí sắp xếp	146
4.26	Đổi tên cột “xuất thử máy” thành “xuất khác”	147
4.27	Báo cáo so sánh hao hụt thực tế so với định mức – chi tiết.....	147
4.27.1	Hình thức báo cáo	147
4.27.2	Tham số chạy báo cáo	148
4.27.3	Các trường chạy báo cáo	148
4.28	Báo cáo tuổi nợ	151
4.28.1	Hình thức báo cáo	151
4.28.2	Nội dung thay đổi.....	151
4.28.3	BC nhanh công nợ đến hạn CH – Chọn tại GOTO.....	152
4.29	Báo cáo so sánh hao hụt thực tế so với định mức – tổng hợp	152
4.30	Báo cáo xuất bán hàng hóa	154
4.31	Bảng kê xuất bán hàng hóa.....	155
4.32	Bảng cáo xuất bán hàng hóa tại các kho.....	156
4.33	Bảng cáo xuất bán hàng hóa tại các kho giá.....	157
4.34	Bảng cáo lượng xuất qua kho (lượng).....	158
4.35	Bảng cáo lượng xuất qua kho (lượng) Mới	159
4.36	Bảng cáo lượng xuất qua kho\ các kho.....	160
4.37	Bảng cáo lượng xuất qua kho\ Các kho mới.....	161
4.38	Sản lượng bán lẻ hàng hóa theo kho	162
4.39	Bảng kê tổng hợp theo phương thức	162
4.40	Bảng tổng hợp xuất bán.....	163
4.41	Báo cáo nhiệt độ bình quân từng bể.....	164
4.42	Báo cáo đối soát lượng Nhập hàng-Sr1	165
4.43	Báo cáo sản lượng bán lẻ theo ngày.....	166
4.44	Báo cáo hao hụt xuất	167
4.45	Bảng kê chi tiết bể.....	168

4.46 Tổng hợp sức chứa tại cửa hàng	168
4.47 Báo cáo cảnh báo khi hàng tràn bể.....	170
4.48 Bảng kê chi tiết log bán	170
4.49 Chi tiết thông tin ID	172
4.50 Lịch sử giao dịch, tích điểm và sử dụng điểm của PLXID.....	172
4.50 Tổng hợp doanh thu, sản lượng mua hàng, tích điểm của khách hàng	173
4.51 Báo cáo chi tiết tích điểm ID	174
4.52 Báo cáo tích điểm theo CHXD, công ty xăng dầu.....	175
4.53 Bảng kê TOP cửa hàng có nhiều giao dịch nhất.....	175
4.54 Bảng kê TOP cửa hàng có nhiều điểm tích lũy nhất.....	176
4.55 Bảng kê TOP PLXID có nhiều giao dịch nhất.....	177
4.56 Bảng kê TOP PLXID có nhiều điểm tích lũy nhất	178
4.57 Báo cáo thống kê giảm giá của từng khách hàng.....	179
4.58 Báo cáo số liệu kiểm kê.....	180
4.59 Bổ sung lượng KTM (112714) vào phát sinh bên nợ, bên có tại báo cáo:.....	180
4.60 Báo cáo Chi tiết lãi quá hạn khách hàng	180
4.61 Báo cáo đối chiếu tồn quỹ	181
5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỆ THỐNG TỰ ĐỘNG HÓA CỦA HÀNG	183
5.1 Cấu hình hệ thống tự động hóa	183
5.2 Cấu hình tại cửa hàng.....	183
5.2.1 Nạp cấu hình chung cửa hàng xuống máy tính nhúng.....	183
5.2.2 Nạp cấu hình bể chứa, vòi bơm xuống máy tính nhúng	183
5.3 Sử dụng chương trình tự động hóa tại cửa hàng (Agas 18).....	184
5.3.1 Màn hình SCADA.....	184
5.3.2 Cấu hình chung CHXD	186
5.4 Chốt số cột bơm, bể đóng mở ca.....	188
5.5 Báo cáo TĐH	189
5.5.1 Bảng kê nhập hàng.....	191
6. AGAS 18.....	191
6.1 Nạp cấu hình TĐH cho MTN	192
6.2 Nạp cấu hình bể chứa, vòi bơm cho MTN	192
6.3 Màn hình SCADA.....	193
6.4 Tự động update AGAS khi có phiên bản mới	193
6.5 Kiểm tra lỗi nhảy số tổng cột bơm.....	194
6.6 Hỗ trợ chống mất log bán	194
6.7 Báo rò hàng.....	194

6.8	Chẩn đoán lỗi cảm biến nhiệt độ que đo	194
6.9	Ngắt kết nối TDH bằng EGAS	194
6.10	Thay đổi chế độ bán hàng cột bơm	195
6.11	Tự động gửi mail khi có sự cố	196
6.12	Cảnh báo bằng âm thanh	197
6.13	Thay đổi định dạng số tổng	197
6.14	Cho phép lưu nhiều hồ sơ giá tại máy nhúng	197
6.15	Các báo cáo quản trị	198
6.15.1	eventlog	198
6.15.2	BÁO CÁO QUẢN TRỊ THÔNG TIN MÁY TÍNH NHÚNG	198
7.	BÁO CÁO NÂNG CẤP, BỔ SUNG.....	203
7.1	Báo cáo hao hụt nhập	203
7.2	Công nợ phải thu của khách tại các cửa hàng.....	203
7.3	Báo cáo công nợ khách hàng (theo dư nợ cuối kỳ báo cáo).....	204
7.4	Báo cáo tình hình công nợ khách hàng (theo dư nợ BQ)	204
7.5	Bảng kê chi tiết xuất bán khách dịch vụ.....	204
7.6	Cân đối công nợ Vpcty – CHXD(1).....	205

1 GIỚI THIỆU

Cửa hàng xăng dầu là mắt xích cuối trong dây chuyền phân phối hàng hóa xăng dầu, là đơn vị phân cung cấp xăng dầu trực tiếp đến người tiêu dùng, trực thuộc một đơn vị quản lý. Được đề cập ở đây là cửa hàng bán lẻ xăng dầu trong hệ thống phân phối của Petrolimex.

Cửa hàng xăng dầu là đơn vị nhỏ nhất trong hệ thống phân phối, hạch toán phụ thuộc đơn vị quản lý cấp trên. Mặt hàng kinh doanh chủ yếu là xăng dầu nên các nghiệp vụ quản lý cửa hàng không những gồm các nghiệp vụ quản lý bán hàng hóa mà còn có các yếu tố do đặc thù mặt hàng kinh doanh đem lại.

Mạng lưới các cửa hàng bán lẻ xăng dầu của Petrolimex phủ kín tất cả các vùng miền của đất nước với số lượng khoảng 2000 cửa hàng đến thời điểm giữa năm 2011. Với số lượng các cửa hàng như vậy, việc áp dụng tin học vào công tác quản lý cửa hàng là yêu cầu cấp thiết, hệ thống phần mềm Quản lý cửa hàng xăng dầu của Petrolimex do Cty CP Tin học viễn thông Petrolimex xây dựng để đáp ứng nhu cầu này. Được xây dựng trên nền công nghệ tiên tiến như CSDL Oracle, WEB base, ... sẵn sàng kết nối với các hệ thống tự động hóa tại cửa hàng xăng dầu như đo bồn bể, cột bơm, thiết bị POS mang lại khả năng bảo mật, an toàn dữ liệu cao. Giao diện chương trình đơn giản, hiệu quả và dễ sử dụng, các tiện ích hỗ trợ vận hành, quản trị hệ thống đầy đủ.

Hệ thống cho phép đồng bộ dữ liệu từ mạng lưới các cửa hàng bán lẻ với hệ thống tại trung tâm, thực hiện các nghiệp vụ quản lý hệ thống cửa hàng theo phân cấp qua giao diện WEB. Dữ liệu từ các cửa hàng trên hệ thống trung tâm sẽ được tổng hợp để đưa vào hệ thống chương trình quản của tại đơn vị quản lý (SAP, PBM) làm cho hệ thống chương trình quản lý cửa hàng và chương trình quản lý tại đơn vị quản lý trở thành một hệ thống tin quản lý chung trên toàn đơn vị (Xí nghiệp hoặc Công ty).

Với các dạng thể hiện thông tin đầu ra phong phú, người sử dụng có thể lựa chọn để kết xuất ra rất nhiều dạng báo biểu theo nhiều tiêu thức khác nhau phục vụ cho yêu cầu quản lý đa dạng. Hệ thống còn cho phép chuyển các dữ liệu khai thác ra các phần mềm khác như: Excel, Foxpro, Word, Html ...

Việc sử dụng thành thạo chương trình này sẽ khiến người sử dụng nhanh chóng thay đổi tư duy về sử dụng máy tính trong công việc của mình. Người sử dụng sẽ cảm thấy máy tính trở thành công cụ gần gũi hơn, thân thiện hơn và có khả năng giải quyết một cách có hiệu quả công việc của mình. Đồng thời, chương trình hướng người sử dụng tiếp cận các sản phẩm tin học ứng dụng của thế giới.

Với mục đích giới thiệu cách thức ứng dụng hệ thống phần mềm này trong công tác quản lý tại cửa hàng, tài liệu được trình bày với theo hướng mô tả cách thức áp dụng chương trình với những nghiệp vụ quản lý tại cửa hàng đã được quy chuẩn. Phần cuối của tài liệu đưa ra một ví dụ cụ thể về ứng dụng chương trình tại cửa hàng quản lý các nghiệp vụ quản lý hàng hóa, bán hàng, quản lý công nợ, tiền hàng. Những câu hỏi thường gặp trong quá trình sử dụng chương trình.

Các chức năng của hệ thống

Quản lý hàng hóa (Dầu sáng, dầu mỡ nhờn, gas):

- Lập các chứng từ nhập, xuất theo lệnh, xuất bán hàng hóa theo các phương thức.
- Quản lý kho hàng hóa.
- Quản lý lượng hàng giữ hộ.

Quản lý ca bán hàng

- Mở ca, nhận bàn giao hàng hóa.
- Thực hiện các nghiệp vụ trong ca: xuất hàng/xuất bán hàng theo qui định.
- Chốt ca, đóng ca, thu nộp tiền hàng/tiền khách trả.

Quản lý công nợ, tiền hàng

- Phát hành, cập nhật chứng từ kế toán: phiếu thu, phiếu chi, đối chiếu công nợ khách hàng.
- Quản lý công nợ đối với các hình thức xuất bán trả sau, báo có cho khách từ đơn vị chủ quản.
- Quản lý dòng tiền hàng: thu của khách, thu của ca, tồn tại cửa hàng, chi nộp về đơn vị chủ quản.
- Công nợ giữa cửa hàng và văn phòng đơn vị chủ quản.

2 THỰC HIỆN CÁC NGHIỆP VỤ CA TRƯỞNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH

2.1 Nhận ca

Khi nhận một ca làm việc mới ca trưởng phải tiến hành mở ca và nhận hàng hóa vào ca.

2.1.1 Mở ca bán hàng

- Sử dụng khi: Bắt đầu một ca làm việc mới.
- Người thực hiện: Ca trưởng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Từ màn hình ca bán hàng ta kích chọn **Mở ca mới** và kích chọn **số ca** (Ca 1, Ca 2, Ca 3), **Ngày giờ mở ca, ngày giờ đóng ca dự kiến, Ca trưởng**. Sau đó kích chọn **Lưu** hoặc dùng tổ hợp phím **Ctrl-S**.


Mã ca sẽ được chương trình tự động sinh ra theo nguyên tắc ghép 2 chữ số cuối của năm + 2 chữ số của tháng + 2 chữ số của ngày + 2 chữ số thứ tự của ca. (Ví dụ: Ca số 1 ngày 01/06/2012 thì sẽ có mã ca là:12060101).



Chú ý: Thời gian mở và đóng ca:

- Thời gian mở ca bán hàng không nằm trong khoảng thời gian đã được sử dụng để mở các ca bán hàng trước đó.
- Khi sửa giờ đóng mở ca bán hàng không được sửa trùng với khoảng thời gian đã được sử dụng để mở các ca bán hàng trước đó.
- Thời gian đóng ca > Thời gian mở ca tối thiểu 1 phút

2.1.2 Gán CBCNV vào ca

- Sử dụng khi: Bắt đầu một ca làm việc mới.
- Người thực hiện: Ca trưởng
- Các bước thực hiện trong chương trình: Sau khi mở ca mới sẽ hiện giao diện gán CBCNV vào ca hoặc tại giao diện ca bán hàng kích chọn 
 - Kích nút **Thêm** để gán CBCNV vào ca. Sau đó chọn CBCNV của cửa hàng

Nhân viên ca

Nhân viên ca
/20033001

Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh Tim: Any >

[ID] Cbcnv [Ca] Phân công

CTT03 - Cát Thu Trang 20033001 Đứng cột bơm

- CTT03 - Cát Thu Trang
- HHT01 - Hoàng Thị Hoài Thu
- HLO01 - Hồ Thị Lan Oanh
- LVL01 - Lưu Văn Lợi
- LVL01 - Lưu Văn Lợi
- LVQ01 - Lê Văn Quang
- NMH17 - Nguyễn Thị Mai Hương
- NVT06 - Nguyễn Văn Thuyền
- VTC01 - Vũ Thành Chung

- Danh sách CBCNV tại cửa hàng sẽ không hiển thị các CBCNV:
 - Trong thời gian mở ca bị điều chuyển sang cửa hàng khác
 - Trong thời gian mở ca hết hiệu lực làm việc tại cửa hàng
 - Trong thời gian mở ca đang ở trạng thái “đã nghỉ việc”
- Tại màn hình Uhome nếu CBCNV đã gán vào ca và hiện với tên màu đỏ (ta có thể xóa CBCNV này khỏi ca) nếu:
 - Hiện tại đã bị điều chuyển sang cửa hàng khác
 - Hiện tại hết hiệu lực làm việc tại cửa hàng
 - Hiện tại có trạng thái “đã nghỉ việc”

Ca: 20033001. /Nguyễn Văn Thuyền 29/3/2020 23:58 - 24/4/2020 17:05 Ngày-giờ viết chứng t

NV: []

• Ca không có hòa đơn chốt ca. [Mở lại ca] • Chốt hóa đơn, ấn chỉ cuối ca [Số giao ca]

Thợp [G nhận nhàu] [Đo bể] [G nhận số lít] [Chú xuất] [Th chi khác] [B kê sách] [B kê h đơn] [Đồng tiền]

Mã	Tên	Số nhận	Đã ghi nhận			Chốt cuối ca				Số còn lại
			Th.toán ngay (*)	Công nợ	Xuất hộ (**)	K.định	Xuất khác	Tự K.tra sai số	Số cuối	
0201004	Xăng E5 RON 92-II	423.359,6	2,0	5.998,0		500,0	250,0	100,0	430.159,6	(50,0)
630001	Voi 01 E5 RON92-II_AA290570	240.227,8					50,0		245.227,8	4.950,0
630002	Voi 02_E5-RON92-II_AA290570	183.131,8				500,0	200,0	100,0	184.931,8	1.000,0
0800001	PLC Cater CF 4 phuy 209 lit	10,0							10,0	0,0
0801001	CASTROL GTX 20W/50 - Phuy 209 lit	1,0							1,0	0,0

2.1.3 Nhận hàng hóa vào ca

- Sử dụng khi: Bắt đầu một ca làm việc mới.
- Người thực hiện: Ca trưởng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Từ màn hình ca bán hàng ta kích chọn **nhập hàng vào ca**. Ở đây bạn cần nhận số đo vòi bơm (đối với xăng dầu sáng); hàng hóa tổng hợp; hóa đơn, ấn chỉ. Bạn có thể chọn nhận hàng từ ca trước hoặc nhận hàng từ cửa hàng. Sau đó kích chọn **Lưu** hoặc ấn tổ hợp phím **Ctrl + S**.



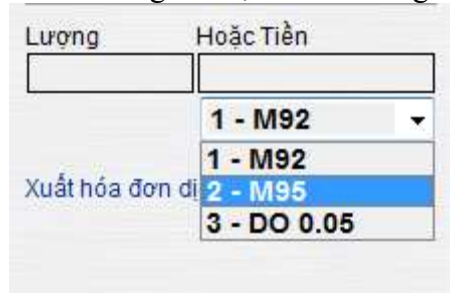
Chú ý: Với chứng từ nhận hóa đơn vào ca chỉ nhận được hóa đơn ẩn chỉ khi được văn phòng giao xuống cho cửa hàng

2.2 Bán hàng thu tiền viết hóa đơn ngay

- Sử dụng khi: Khách hàng mua hàng yêu cầu viết hóa đơn ngay.
- Người thực hiện: Ca trưởng, nhân viên bán hàng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại giao diện màn hình ca bán hàng ta chọn **401. Xuất hoá đơn thu tiền mặt**. Sau đó cập nhật hàng hóa, số lượng ở Tab Tiền hàng bán lẻ và cập nhật thông tin hóa đơn (Số sê ri, số hóa đơn, mã số thuế, khách hàng, mã số thuế), rồi kích chọn **Lưu** và kích vào **Print** để in ra hóa đơn.



Trên giao diện ca bán hàng cho phép xuất bán thu tiền viết hóa đơn ngay thực hiện nhanh trên giao diện ca bán hàng.



Trong ô cho phép bạn chọn nhanh mặt hàng cần xuất, xuất theo lượng hay tiền, Kích chọn Enter, sau đó cập nhật thông tin khách và lưu và in như xuất hóa đơn thu tiền mặt.

- Hóa đơn in trên phôi: Theo mẫu của Tập đoàn đã quy định, phần hình thức thanh toán ghi “Tiền mặt”.

2.3 Bán gas, vỏ bình

2.3.1 Bán lẻ gas đổi vỏ bình.

- Sử dụng khi xuất bán khí gas đổi vỏ bình (lưu ý: xuất bán lẻ gas đổi vỏ bình chỉ xuất khí gas không có bước xuất vỏ và nhập vỏ).
- Sử dụng: Ca trưởng, nhân viên bán hàng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại giao diện màn hình ca bán hàng ta chọn: **Bán lẻ gas đổi vỏ bình (GA2)**. Sau đó cập nhật hàng hóa gas, số lượng ở Tab Tiền hàng

bán lẻ và cập nhật thông tin hóa đơn (Số sê ri, số hóa đơn, mã số thuế, khách hàng, mã số thuế). Rồi bạn kích chọn **Luu** và kích vào **Print** để in ra hóa đơn

2.3.2 Bán lẻ gas kí quỹ vỏ bình.

- Sử dụng khi xuất bán khí gas kí quỹ vỏ. (Lưu ý: Chỉ nhập khí gas vào ca, vỏ bình không nhập vào ca, nhưng khi xuất vẫn chọn vỏ bình, trong báo cáo nhập xuất tồn lượng vỏ bình tự giảm).
- Sử dụng: Ca trưởng, nhân viên bán hàng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại giao diện màn hình ca bán hàng ta chọn: **Bán lẻ gas đổi kí quỹ bình (GA1)**. Sau đó cập nhật hàng hóa gas, số lượng ở Tab Tiền hàng bán lẻ và cập nhật thông tin hóa đơn (Số sê ri, số hóa đơn, mã số thuế, khách hàng, mã số thuế). Trong tab kĩ quỹ vỏ bình, chọn vỏ bình tương ứng loại gas bạn xuất, tự hiện tiền kí quỹ hoặc đánh tiền kí quỹ vỏ bình.
- . Rồi bạn kích chọn **Luu** và kích vào **Print** để in ra hóa đơn.

2.3.3 Nhập vỏ bình trả khách tiền kí quỹ.

- Sử dụng khi nhập lại vỏ bình trả khách tiền kí cược vỏ.
- Sử dụng: Ca trưởng, nhân viên bán hàng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại giao diện màn hình ca bán hàng ta chọn: **Nhập vỏ bình trả khách tiền kí quỹ (GA3)**. Trong tab Trả tiền kí quỹ, Nhập mã vỏ bình nhập lại, tiền kí quỹ. (Lưu ý: Phần hàng còn lại trong vỏ coi như bằng không, không chấp nhận lượng hàng còn lại). Kích Nút **Luu**

2.3.4 Bán gas công nợ

Sử dụng chung với các loại hình xuất bán công nợ hóa đơn sau (412) và hóa đơn ngay (411).

Khi xuất bán gas cho khách hàng công nợ không thực hiện ký quỹ vỏ bình.

2.4 Bán hàng thanh toán thẻ.

2.4.1 Bán hàng thanh toán thẻ viết hóa ngay

- Sử dụng khi: Khách hàng mua hàng thanh toán bằng thẻ yêu cầu viết hóa đơn ngay.
- Người thực hiện: Ca trưởng, nhân viên bán hàng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại giao diện màn hình ca bán hàng chọn: **406. Xuất h.đơn thanh toán bằng thẻ**. Sau đó cập nhật các thông tin: Loại thẻ, Hàng hóa, Số lượng (nếu bán theo lượng) hoặc Tổng cộng (nếu bán theo tiền) tại Tab “Tiền hàng bán lẻ - thẻ thanh toán” và thông tin hóa đơn: Số sê ri, số hóa đơn, mã số thuế, khách hàng, mã số thuế tại Tab “Hóa đơn VAT”. Kích chọn nút **Luu** và kích vào **Print** để in ra hóa đơn.

Menu search

Xuất hóa đơn thanh toán bằng thẻ /Ca (12061301) Phạm Chi Anh

Ngày giờ: 14/6/2012 09:51

Tiền hàng bán lẻ Hóa đơn VAT

[Khách vắng lại] Ghi chú:

Hàng hóa	Giá tr. thuế	VAT %	Thuế MT	Số lượng	Giá bán	Tiền hàng	Tổng cộng
						334 545	390 000
1 020202 - Xăng không chì RON 92	16 727.27	10.00	1 000	20	19 500	334 545	390 000 X
2		10	0				X
3		10	0				X
4		10	0				X
5		10	0				X
6		10	0				X
7		10	0				X
8		10	0				X

- Hóa đơn in trên phôi: Theo mẫu của Tập đoàn đã quy định, phần hình thức thanh toán ghi “TT thẻ”

Chú ý:

- Với thông tin “Loại thẻ” tại Tab “Tiền hàng bán lẻ - thanh toán thẻ”:
 - Ngân hàng có chính sách giá riêng: Người dùng buộc phải chọn “Loại thẻ” tương ứng.
 - Các ngân hàng còn lại: Người dùng chọn “Loại thẻ” là ngân hàng tương ứng hoặc chọn “9704-NAPAS” nếu không cần theo dõi riêng từng loại thẻ (Chương trình để mặc định “Loại thẻ” là “9704-NAPAS”).
- Trên Egas, hiện nay thẻ HD Bank không thuộc nhóm NAPAS. Do đó, để đổi chiều thanh toán thẻ với PG Bank các giao dịch thanh toán bằng thẻ này, phải khai báo khi thực hiện xuất hóa đơn thanh toán bằng thẻ, chọn Loại thẻ là NAPAS như dưới đây:

Xuất hóa đơn thanh toán bằng thẻ /Ca 1 (19041201) Cao Thị Lê Na

Ngày giờ: 12/4/2019 11:37 Ghi chú (header):

Tiền hàng bán lẻ - thẻ thanh toán Hóa đơn VAT

Loại thẻ: 9704 - NAPAS Ghi chú:

Hàng hóa	Giá tr. thuế	VAT %	Thuế MT	Số lượng	Giá bán	Tiền hàng	Tổng cộng
1		10	0				X

2.4.2 Bán hàng thanh toán thẻ chưa hóa đơn

- Sử dụng khi: Khách hàng ký hợp đồng mua hàng thanh toán thẻ lấy hóa đơn sau.
- Người thực hiện: Ca trưởng, nhân viên bán hàng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại giao diện màn hình ca bán hàng chọn: **407.Bán qua thẻ chưa hóa đơn**. Sau đó cập nhật các thông tin về: Loại thẻ, Hàng hóa, Số lượng (Nếu bán theo lượng) hoặc Tổng cộng (nếu bán theo tiền), khách hàng. Sau đó, kích chọn nút **Lưu** để lưu lại chứng từ.

Bán qua thẻ chưa hóa đơn - Test /Ca 1 (17072401) Nguyễn Văn Linh

Ngày giờ: 25/7/2017 13:00

Tiền hàng bán lẻ - Thẻ Bán lẻ

Loại thẻ: Saigonbank Ghi chú:

Hàng hóa	Giá tr. thuế	VAT %	Thuế MT	Số lượng	Giá bán	Tiền hàng	Tổng cộng
1 020101 - Xăng RON 92-0	12 694.55	10.00	1 000	30	17 000.00	271 536	119 000 X
2		10	0				X
3		10	0				X
4		10	0				X

Chú ý: Với thông tin “Loại thẻ” tại Tab “Tiền hàng bán lẻ - thanh toán thẻ”:

- Ngân hàng có chính sách giá riêng: Người dùng buộc phải chọn “Loại thẻ” tương ứng.
- Các ngân hàng còn lại: Người dùng chọn “Loại thẻ” là ngân hàng tương ứng hoặc chọn “9704-NAPAS” nếu không cần theo dõi riêng từng loại thẻ (Chương trình để mặc định “Loại thẻ” là “9704-NAPAS”).

2.4.3 Xuất hóa đơn sau- thẻ

- Sử dụng khi: Xuất trả hóa đơn cho khách hàng đã mua hàng qua phương thức 407-xuất bán qua thẻ chưa hóa đơn.
- Người thực hiện: Cửa hàng trưởng, Ca trưởng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại Tại giao diện màn hình ca bán hàng chọn: **IV3.Xuất HĐ sau – thẻ**. Người dùng cập nhật các thông tin: Khách hàng, Đến ngày và tích chọn mặt hàng cần xuất hóa đơn. Sau đó, kích chọn nút **Xuất hóa đơn** để thực hiện xuất hóa đơn cho khách hàng

Tim chứng từ giao dịch

Khách hàng: 888.002 - 888002

Loại chứng từ: 407

Đến ngày: 9/8/2017 10:17

Loại hàng hóa	MÃ HHÓA	TÊN HÀNG HÓA	GIÁ BÁN	LƯỢNG CHƯA XUẤT HÓA ĐƠN	TIỀN CHƯA XUẤT HÓA ĐƠN
<input checked="" type="checkbox"/>	0201001	Xăng RON 92-II	14,300	100.0	1,430,000.0
<input type="checkbox"/>	0201001	Xăng RON 92-II	17,000	100.0	1,700,000.0
<input type="checkbox"/>	0201001	Xăng RON 92-II	17,930	450.0	8,068,500.0
TỔNG CỘNG					11,198,500.0

Chương trình hiển thị màn hình xuất hóa đơn, người dùng kiểm tra lại thông tin về tiền hàng, hóa đơn sau đó kích chọn nút **Lưu** và **Print** để in hóa đơn

Xuất hóa đơn khách mua thẻ /Ca 1 (17072401) Nguyễn Văn Linh

Ngày-giờ: 9/8/2017 10:17 Ghi chú (header):

Bán qua thẻ còn nợ hóa đơn Hòa đơn ghi chú Lưu (Ctrl-S)

Khách	Hàng hóa	S.lượng	Giá bán	Ngày x.kho	Phiếu xuất	Due-date	Số tiền còn lại
888.002 - 888002	0201001 - Xăng RON 92-II	100.00	14.300	2/8/2017 23:58	407.2100	2/8/2017	1.430.000 X
							X
							X

2.5 Xuất bán hàng công nợ

2.5.1 Xuất bán hàng công nợ viết hóa đơn ngay.

- Sử dụng khi: Khách hàng công nợ lấy hàng yêu cầu viết hóa đơn ngay. Không áp dụng với khách bán hàng toàn quốc
- Người thực hiện: Ca trưởng, nhân viên bán hàng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại giao diện màn hình ca bán hàng ta chọn: **Bán c.nợ trả chậm kèm hóa đơn**. Sau đó cập nhật khách hàng, hàng hóa, số lượng ở Tab Tiền hàng.
- Tại tab Hóa đơn VAT nhập thông tin Hình thức thanh toán, Số sê ri, số hóa đơn và thông tin về khách viết hóa đơn: mặc định chương trình sẽ lấy thông tin MST, tên khách, địa

chỉ của khách trong Danh mục khách hàng – Công ty; nếu muốn viết hóa đơn cho khách có thông tin khác với mặc định, ta có thể nhập thông tin của khách muốn viết hóa đơn vào ô MST, với điều kiện thông tin về khách hàng phải được khai báo trong “Danh sách KH viết hóa đơn”.

- Tại tab **Tiền hàng chiết khấu** kích nút [\[Copy from Tiền hàng\]](#) để copy hàng hóa từ tab Tiền hàng. Cập nhật tiền chiết khấu sau thuế. Phần diễn giải sẽ in ra hóa đơn tại thông tin tên hàng hóa/dịch vụ.

Bán công nợ kiêm xuất hóa đơn /Ca 1 (19100201) La Minh Chung
Số chứng từ: 411.17577

Ngày giờ: 7/10/2019 22:22

Tiền hàng | Tiền hàng chiết khấu | Hóa đơn VAT - 411

Khách hàng: 212.0010 - Văn phòng Bộ Công An Ghi chú:

Hàng hóa	VAT %	Due-Date	Diễn giải	Tiền C/K	Tiền C/K sau thuế
[Copy from Tiền hàng]				45 455	50 000
1 D201004 - Xăng E5 RON 92-II	10	21/11/2019 23:59 CKTM theo HD 00789		45 455	50 000 X

- Kích sang Tab Hóa đơn VAT-411 nếu có cập nhật Tab Tiền hàng chiết khấu. Cập nhật căn cứ/ lý do chiết khấu tại tab để thể hiện nội dung lên hóa đơn

Bán công nợ kiêm xuất hóa đơn /Ca 1 (19100201) La Minh Chung

Ngày giờ: 7/10/2019 22:22 Ghi chú (header):

Tiền hàng | Tiền hàng chiết khấu | Hóa đơn VAT - 411

Khách hàng: 212.0010 - Văn phòng Bộ Công An Ghi chú: Chiết khấu theo chương trình khuyến mại tháng 9

VAT %: 10

Ngày hóa đơn: 7/10/2019

Hình thức TT: [Dropdown]

Số xe ri: XN/17P

Số hóa đơn: 1

Khách: Văn phòng Bộ Công An

MST: xxxxxxxxxx

Địa chỉ: 44 Yết Kiêu, Đống Đa, Hà Nội

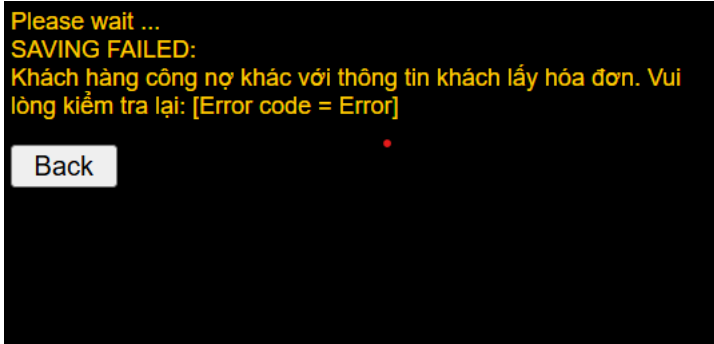
Người mua hàng:

Email: vulinhchi220784@gmail.com

Tiền thuế: 178 910

Tổng tiền: 1 968 000

- Rồi bạn nhấn nút **Lưu**:
 - Khi người dùng Lưu chứng từ, hệ thống sẽ kiểm tra các thông tin theo 2 trường hợp gồm:
 - Tên khách, MST, Địa chỉ tại tab "Hóa đơn" đối chiếu với Tên khách, MST, Địa chỉ của khách hàng được chọn tại tab "Tiền hàng".
 - Tên khách, MST, Địa chỉ tại tab "Hóa đơn" đối chiếu với Tên khách, Mã QHNS, Địa chỉ của khách hàng được chọn tại tab "Tiền hàng". (Sau ND70 bổ sung phần mã QHNS)
 - Nếu thông tin khách hàng tại 2 tab không khớp nhau đồng thời không thuộc các trường hợp được liệt kê là hợp lệ tại hiện trạng nêu trên thì hệ thống chặn và hiển thị thông báo sau:



- Kích nút “Back” để kiểm tra lại thông tin khách tại 2 tab “ hàng hóa” và “hóa đơn”.
- Nếu thông tin tại 2 tab khop nhau hệ thống tạo chứng từ/hóa đơn thành công và sau đó nhấn nút **Print** để in ra hóa đơn:

10/24/2019 VAT

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I
XÍ NGHIỆP BÁN LẺ XĂNG DẦU

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(Chứng từ giấy của hóa đơn điện tử)
Ngày 07 tháng 10 năm 2019 22:22

Mẫu số: 01GTK0002
Ký hiệu: AB/19E
Số: 0000123

Đơn vị bán hàng: XÍ NGHIỆP BÁN LẺ XĂNG DẦU
Địa chỉ: Phố Thành Công-Quận Ba Đình, Hà Nội
Cửa hàng số: Cửa hàng xăng dầu số 01
Người mua hàng:
Đơn vị mua hàng: Văn phòng Bộ Công An
Địa chỉ: 44 Yên Kiêu, Đống Đa, Hà Nội

Mã số thuế: 0100107564-001
Mã số thuế: xxxxxxxxxx
Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xăng E5 RON 92-II	Lít	100	18.345,45	1.834.545
2	CKTM theo HD 00789				45.455
Chiết khấu theo chương trình khuyến mại tháng 9					
Cộng tiền hàng:					1.789.090
Tiền thuế GTGT (10 %)					178.910
Tiền phí khác:					
Tổng số tiền thanh toán:					1.968.000

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: **Một triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng**


Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: XÍ NGHIỆP BÁN LẺ XĂNG DẦU
Ký ngày: 24/10/20

Mã tra cứu: 7LZAKB Website tra cứu: <https://hoadon.petrolix.com.vn>

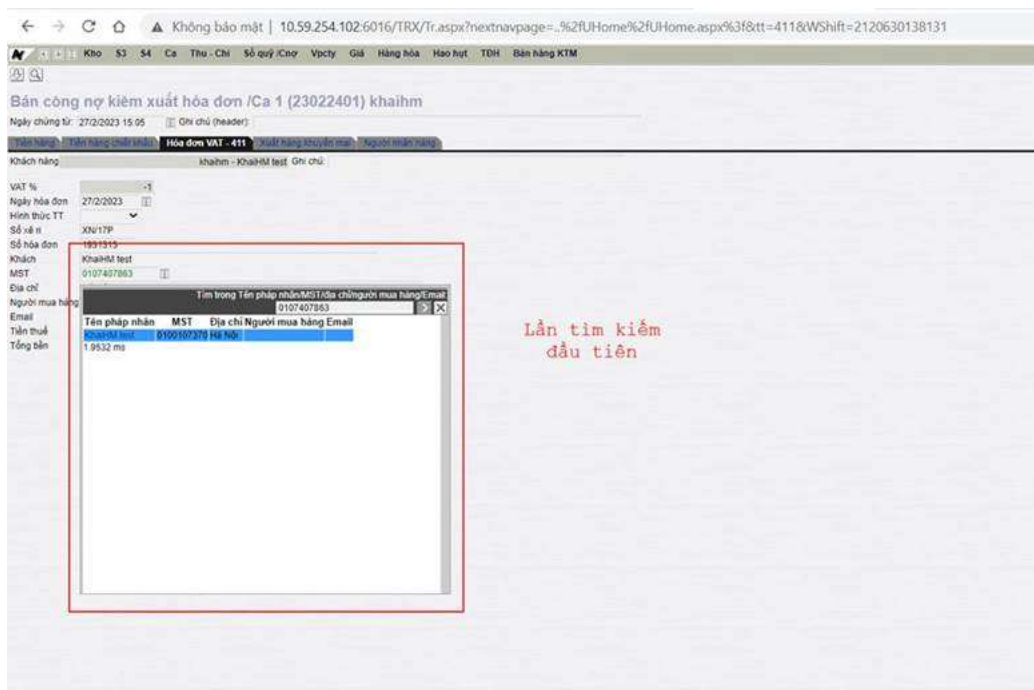
Giải thích hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vietnamobile)




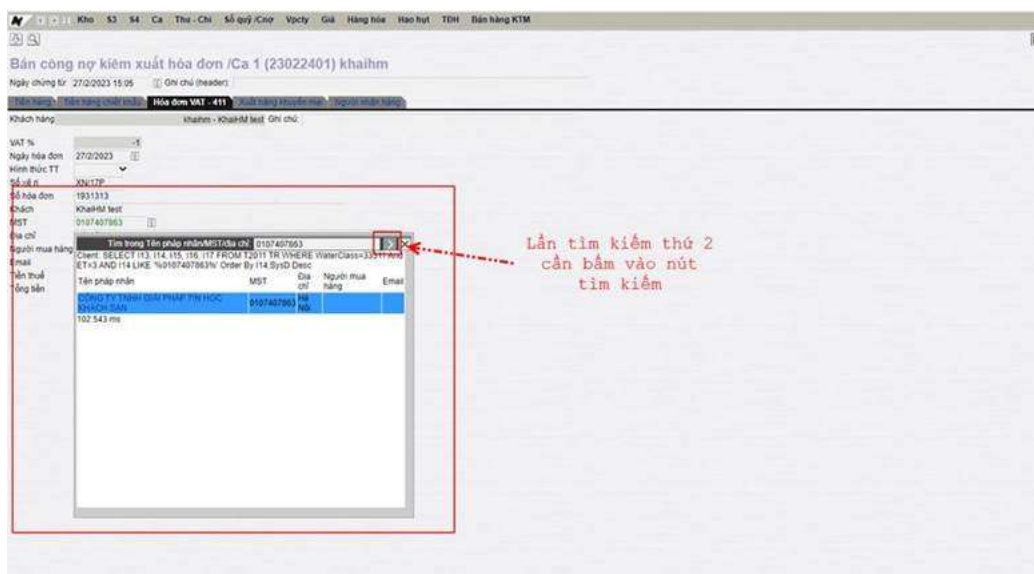
Chú ý:

- Tại Tab **Tiền hàng chiết khấu** bắt buộc phải dùng nút **[Copy from Tiền hàng]** để lên được ngày due-date của tiền hàng chiết khấu
- Trong tab “Hóa đơn VAT” có các Hình thức TT như sau: Tiền mặt, Ch. Khoản, TT Séc, TT thẻ, Phiếu TT, TM/CK. Nếu không chọn hình thức thanh toán thì sẽ in ra hóa đơn hình thức thanh toán mặc định là “chuyển khoản”
- Có thể sửa lại giá bán trong khoảng Min – Max đối với các mặt hàng có khai báo khoảng giá Min –Max.
- Khi xuất hóa đơn cho khách nội dụng trên chứng từ mức VAT = 0, khi in hóa đơn tại Einvoce mức VAT để trống. Xuất cho khách công nợ thì mức VAT = 0, in hóa đơn mức tại Einvoce Vat =0

- Căn cứ/ lý do chiết khấu thể hiện trên hóa đơn sẽ cập nhật tại ghi chú chung của chứng từ hoặc ghi chú tại tab Hóa đơn VAT-411, tab tiền hàng chiết khấu. Ưu tiên nội dung ghi chú tại Hóa đơn VAT-411 nếu cập nhật cả ba nơi
- Với những khách được khai báo tại Hệ thống\ Sys params – Company\ LIST_CUST_ALLOW_EDIT_TAX (các mã khách được khai báo cách nhau dấu , và được Piacom khai báo khi đơn vị cung cấp thông tin)thì khi tìm kiếm theo MST tại tab “**Hóa đơn VAT - 411**”
 - Khi cập nhật thông tin tìm kiếm tại ô MST thì sẽ lấy thông tin khách tại “**Danh sách KH lấy hóa đơn**” được cán bộ văn phòng khai báo trên danh mục khách



- Tại giao diện tìm kiếm nhấn nút  như hình dưới sẽ liệt kê các thông tin khách tương tự như chứng từ 401 (xem mục 2.22), tìm kiếm được theo cả MST và tên khách trong danh mục khách hàng vắng lai



- Không thực hiện chức năng “xuất bán hàng công nợ viết hóa đơn ngay” tại giao diện ca bán hàng với khách bán hàng toàn quốc
 - ✓ Nếu chọn nút “Tiếp tục” thì sẽ lưu chứng từ với khách tại tab “hàng hóa” khác khách in trên hóa đơn
 - ✓ Nếu chọn nút “Back” thì sẽ trở về giao diện chứng từ để người dùng kiểm tra và sửa lại thông tin khách sau đó mới thực hiện lưu chứng từ.

2.5.2 Xuất bán hàng công nợ chưa xuất hóa đơn.

- Điều kiện: Khách công nợ vẫn trong hạn mức lấy hàng tại cửa hàng. Không áp dụng cho khách BHTQ
- Sử dụng khi: Khách hàng công nợ yêu cầu lấy hàng.
- Người thực hiện: Ca trưởng, nhân viên bán hàng.
- Các bước thực hiện trong chương trình:
 - Khi xuất hàng: Tại giao diện màn hình ca bán hàng ta chọn **Bán c.nợ trả chậm chưa hóa đơn**. Sau đó cập nhật khách hàng, hàng hóa, số lượng ở Tab Tiền hàng.
 - Nếu khách có nhiều phiếu hoặc nhiều xe cùng lấy hàng 1 lần, nhập số lượng của từng phiếu hoặc từng xe vào tab Bảng kê chi tiết. Sau đó nhấn nút **Lưu** để lưu chứng từ.

Lưu ý:

- Có thể sửa lại giá bán trong khoảng Min – Max đối với các mặt hàng có khai báo khoảng giá Min –Max
- Không thực hiện chức năng “xuất bán hàng công nợ viết hóa đơn ngay” tại giao diện ca bán hàng với khách bán hàng toàn quốc

2.5.3 Xuất hóa đơn sau cho khách công nợ :

- Sử dụng khi: Khách công nợ đến lấy hóa đơn
- Người thực hiện: Ca trưởng, Cửa hàng trưởng hoặc kế toán cửa hàng.
- Các bước thực hiện trong chương trình:
 - Khi viết hóa đơn: Tại giao diện màn hình ca bán hàng ta chọn **Xuất hóa đơn sau**. Chọn khách, loại chứng từ, phiếu xuất kho đến ngày, kích **Xuất hóa đơn**

Tim chứng từ giao dịch

Khách hàng: 212.0017 - Công an Thành phố Hà Nội

Loại chứng từ: 412,GAS1,GAS2,Z001

Đến ngày: 08/03/2020 05:00

Lọc hàng hóa		XUẤT HÓA ĐƠN		
MÃ HHÓA	TÊN HÀNG HÓA	GIÁ BÁN	LƯỢNG CHƯA XUẤT HÓA ĐƠN	TIỀN CHƯA XUẤT HÓA ĐƠN
<input checked="" type="checkbox"/> 0601005	DO 0.001S-V	15.080	100,0	1.508.000,0
TỔNG CỘNG				1.508.000,0

- ✓ Tab **Xuất kho còn nợ hóa đơn**: Cập nhật thông tin hóa đơn cho khách hàng (khách hàng, hàng hóa, lượng hàng đã lấy theo phiếu xuất kho)
- ✓ Tab **Hóa đơn phần thuế**: Cập nhật thông tin Hình thức thanh toán, Số sê ri, số hóa đơn và thông tin về khách viết hóa đơn: mặc định chương trình sẽ lấy thông tin MST, tên khách, địa chỉ của khách trong Danh

mục khách hàng – Công ty; nếu muốn viết hóa đơn cho khách có thông tin khác với mặc định, ta có thể nhập thông tin của khách muốn viết hóa đơn vào ô MST, với điều kiện thông tin về khách hàng phải được khai báo trong “Danh sách KH viết hóa đơn”.

- ✓ Tại tab **Tiền hàng chiết khấu** chọn hàng hóa, tiền chiết khấu sau thuế. Cập nhật ngày Due-date bằng ngày – giờ chứng từ. Phần diễn giải sẽ in ra hóa đơn tại thông tin tên hàng hóa/dịch vụ.



- ✓ Kích sang tab Hóa đơn phần thuế nếu có cập nhật tab Tiền hàng chiết khấu. Cập nhật căn cứ/ lý do vào ô ghi chú để thể hiện lên hóa đơn
- ✓ Sau đó kích chọn **Lưu**, rồi **Print** để in hóa đơn cho khách hàng.

Chú ý:

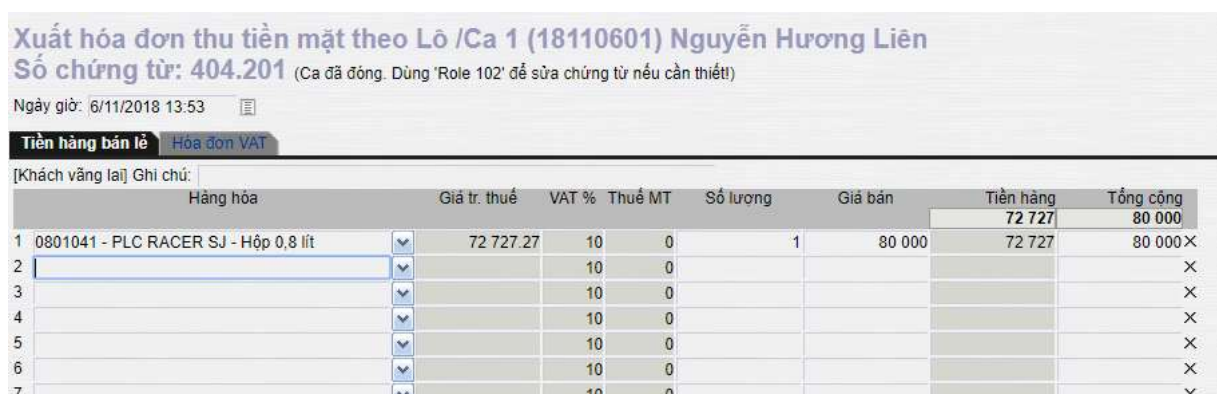
- Trong tab “Hóa đơn VAT” có các Hình thức TT như sau: Tiền mặt, Ch. Khoản, TT Séc, TT thẻ, Phiếu TT, TM/CK. Nếu không chọn hình thức thanh toán thì sẽ in ra hóa đơn hình thức thanh toán mặc định là “chuyển khoản”
- Với khách hưởng mức VAT =0 thì in hóa đơn tại Einvoce mức VAT = 0
- Nội dung căn cứ/ lý do thể hiện trên hóa đơn cập tại ô ghi chú chung của chứng từ hoặc tab Hóa đơn phần thuế. Ưu tiên thể hiện nội dung ghi chú tại tab hóa đơn phần thuế nếu cập cả hai ô ghi chú

2.6 Xuất bán theo phương thức “Bán theo lô” các mặt hàng DMN

2.6.1 Xuất bán theo lô thu tiền mặt lấy hóa đơn ngay

- Sử dụng khi: Khách hàng vắng lai mua hàng theo chính sách giá “Bán theo lô”.
- Người thực hiện: Ca trưởng, nhân viên bán hàng được phân quyền “Bán theo lô”

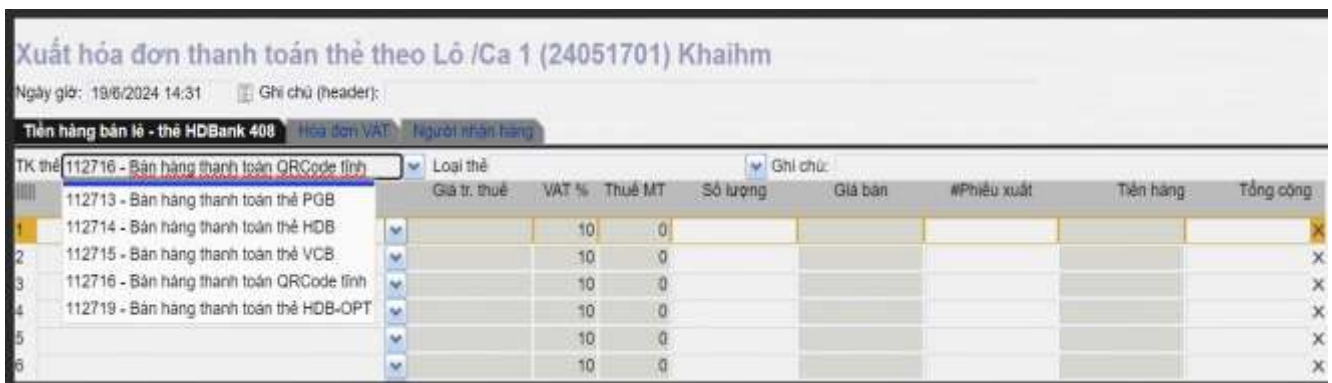
Các bước thực hiện trong chương trình: Tại giao diện màn hình ca bán hàng ta chọn **404. Xuất hoá đơn thu tiền mặt theo lô**. Sau đó cập nhật hàng hóa, số lượng ở Tab Tiền hàng bán lẻ và cập nhật thông tin hóa đơn (Số sê ri, số hóa đơn, mã số thuế, khách hàng, mã số thuế), rồi kích chọn **Lưu** và kích vào **Print** để in ra hóa đơn.



- Hóa đơn in trên phôi: Theo mẫu của Tập đoàn đã quy định, phần hình thức thanh toán ghi “Tiền mặt”.

2.6.2 Xuất bán theo lô thanh toán thẻ lấy hóa đơn ngay

- Sử dụng khi: Khách hàng mua hàng thanh toán bằng thẻ yêu cầu viết hóa đơn ngay và có chính sách giá “Bán theo lô”.
- Người thực hiện: Ca trưởng, nhân viên bán hàng được phân quyền “Bán theo lô”
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại giao diện màn hình ca bán hàng chọn: **408. Xuất h.đơn thanh toán bằng thẻ theo lô**. Sau đó cập nhật các thông tin: Loại thẻ, Hàng hóa, Số lượng (nếu bán theo lượng) hoặc Tổng cộng (nếu bán theo tiền) tại Tab “Tiền hàng bán lẻ - thẻ thanh toán” và thông tin hóa đơn: Số sê ri, số hóa đơn, mã số thuế, khách hàng, mã số thuế tại Tab “Hóa đơn VAT”. Kích chọn nút **Lưu** và kích vào **Print** để in ra hóa đơn.



	Giá tr. thuế	VAT %	Thuế MT	Số lượng	Giá bán	#Phiếu xuất	Tên hàng	Tổng cộng
1		10	0					X
2		10	0					X
3		10	0					X
4		10	0					X
5		10	0					X
6		10	0					X

- Hóa đơn in trên phôi: Theo mẫu của Tập đoàn đã quy định, phần hình thức thanh toán ghi “TT thẻ”

Chú ý:

- Với thông tin “Loại thẻ” tại Tab “Tiền hàng bán lẻ - thanh toán thẻ”:
 - Ngân hàng có chính sách giá riêng: Người dùng buộc phải chọn “Loại thẻ” tương ứng.
 - Các ngân hàng còn lại: Người dùng chọn “Loại thẻ” là ngân hàng tương ứng hoặc chọn “9704-NAPAS” nếu không cần theo dõi riêng từng loại thẻ (Chương trình để mặc định “Loại thẻ” là “9704-NAPAS”).

2.6.3 Xuất bán theo lô thanh toán bằng thẻ lấy hóa đơn sau.

- Sử dụng khi: Khách hàng ký hợp đồng mua hàng thanh toán thẻ lấy hóa đơn sau được hưởng chính sách giá “Bán theo lô” khi mua các mặt hàng DMN.
- Người thực hiện: Ca trưởng, nhân viên bán hàng được phân quyền “Bán theo lô”
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại giao diện màn hình ca bán hàng chọn: **409. Bán qua thẻ chưa hóa đơn theo lô**. Sau đó cập nhật các thông tin về: Loại thẻ, Hàng hóa, Số lượng (Nếu bán theo lượng) hoặc Tổng cộng (nếu bán theo tiền), khách hàng. Sau đó, kích chọn nút **Lưu** để lưu lại chứng từ.

Bán qua thẻ chưa hóa đơn theo Lô /Ca 1 (18110501) Nguyễn Hương Liên
Số chứng từ: 409.1 (Ca đã đăng. Đăng Role 102 để số chứng từ nếu cần thiết)
Ngày giờ: 6/11/2018 16:48

Tiền hàng bán Lô - thẻ thanh toán

Hàng hóa	Giá trị thuế	VAT %	Thuế MT	Số lượng	Giá bán	KHÁCH	Tiền hàng	Tổng cộng
0801040 - PLC RACER SF - Hộp 1 lít	- 90 909.09	10	0	1	100 000	212.0593 - Công ty TNHH Mai Anh	90 909	100 000.0
								X
								X
								X

2.6.4 Xuất hóa đơn sau thẻ - theo lô

- Sử dụng khi: Xuất trả hóa đơn cho khách hàng đã mua hàng qua phương thức 409-xuất bán qua thẻ chưa hóa đơn theo lô.
- Người thực hiện: Cửa hàng trưởng, Ca trưởng được phân quyền “Bán theo lô”
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại Tại giao diện màn hình ca bán hàng chọn: **IV5.Xuất HĐ sau – thẻ theo lô**. Người dùng cập nhật các thông tin: Khách hàng, Đến ngày và tích chọn mặt hàng cần xuất hóa đơn. Sau đó, kích chọn nút **Xuất hóa đơn** để thực hiện xuất hóa đơn cho khách hàng

Tim chứng từ giao dịch

Khách hàng: 212.0893 - Công ty TNHH Mai Anh
Loại chứng từ: 409
Đến ngày: 12/11/2018 15:35

Lọc hàng hóa: XUẤT HÓA ĐƠN

MÃ HHÓA	TÊN HÀNG HÓA	GIÁ BÁN	LƯỢNG CHƯA XUẤT HÓA ĐƠN	TIỀN CHƯA XUẤT HÓA ĐƠN
<input type="checkbox"/> 0801040	PLC RACER SF - Hộp 1 lít	100,000	1.0	100,000.0
TỔNG CỘNG				100,000.0

Chương trình hiển thị màn hình xuất hóa đơn, người dùng kiểm tra lại thông tin về tiền hàng, hóa đơn sau đó kích chọn nút **Lưu** và **Print** để in hóa đơn

Xuất hóa đơn khách mua thẻ theo Lô /Ca 1 (18110701) Bùi Quang Toàn
Số chứng từ: IV5.1
Ngày-giờ: 7/11/2018 14:46

Bán qua thẻ còn nợ hóa đơn Hòa đơn phần thuế

Khách	Hàng hóa	S.lượng	Giá bán	Ngày x.kho	Phiếu xuất	Due-date	Số tiền còn lại
212.1625 - Công an Quận Bắc Từ Liêm Ghi chú:							80 000
1	0801041 - PLC RACER SJ - Hộp 0.8 lít	1	80 000	6/11/2018 16:47	409.1	6/11/2018	80 000.0
2							X

2.6.5 Xuất bán theo lô cho khách công nợ lấy hóa đơn ngay

- Sử dụng khi: Khách hàng công nợ có chính sách giá “Bán theo lô” lấy hàng và yêu cầu viết hóa đơn ngay.
- Người thực hiện: Ca trưởng, nhân viên bán hàng được phân quyền “Bán theo lô”
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại giao diện màn hình ca bán hàng ta chọn: **415.Bán c.nợ trả chậm kèm hóa đơn theo lô**. Sau đó cập nhật khách hàng, hàng hóa, số lượng ở Tab Tiền hàng.
- Tại tab Hóa đơn VAT nhập thông tin Hình thức thanh toán, Số sê ri, số hóa đơn và thông tin về khách viết hóa đơn: mặc định chương trình sẽ lấy thông tin MST, tên khách, địa chỉ của khách trong Danh mục khách hàng – Công ty; nếu muốn viết hóa đơn cho khách có thông tin khác với mặc định, ta có thể nhập thông tin của khách muốn viết hóa đơn

vào ô MST, với điều kiện thông tin về khách hàng phải được khai báo trong “Danh sách KH viết hóa đơn”.

- Rồi bạn nhấn nút **Lưu** và sau đó nhấn nút **Print** để in ra hóa đơn.

Bán công nợ kiểm xuất hóa đơn theo Lô /Ca 1 (18110601) Nguyễn Hương Liên
 Số chứng từ: 415.1 (Ca đã đóng. Dùng 'Role 102' để sửa chứng từ nếu cần thiết)
 Ngày giờ: 6/11/2018 14:45

Tiền hàng

Khách hàng	Hàng hóa	Giá tr. thuế	VAT %	Thuế MT	Số lượng	Giá bán	Due-Date	Số phiếu/Xe	Tiền hàng	Tổng cộng
212.1625 - Công an Quận Bắc Từ Liêm									127.273	140.000
1	001044 - PLC Racer SG - Hộp 1 lít	127.272,73	10	0	1	140.000	6/11/2018 23:59		127.273	140.000 X
2			10	0						X

Chú ý:

- Trong tab “Hóa đơn VAT” có các Hình thức TT như sau: Tiền mặt, Ch. Khoản, TT Séc, TT thẻ, Phiếu TT, TM/CK. Nếu không chọn hình thức thanh toán thì sẽ in ra hóa đơn hình thức thanh toán mặc định là “chuyển khoản”
- Có thể sửa lại giá bán trong khoảng Min – Max đối với các mặt hàng có khai báo khoảng giá Min –Max

2.6.6 Xuất bán theo lô cho khách công nợ lấy hóa đơn sau

- Điều kiện: Khách công nợ được hưởng chính sách giá “Bán theo lô” vẫn trong hạn mức lấy hàng tại cửa hàng.
- Sử dụng khi: Khách hàng công nợ yêu cầu lấy hàng.
- Người thực hiện: Ca trưởng, nhân viên bán hàng được phân quyền “Bán theo lô”
- Các bước thực hiện trong chương trình:
 - Khi xuất hàng: Tại giao diện màn hình ca bán hàng ta chọn **414. Bán c. nợ trả chậm chưa hóa đơn theo lô**. Sau đó cập nhật khách hàng, hàng hóa, số lượng ở Tab Tiền hàng.
 - Nếu khách có nhiều phiếu hoặc nhiều xe cùng lấy hàng một lần, nhập số lượng của từng phiếu hoặc từng xe vào tab Bảng kê chi tiết. Sau đó nhấn nút **Lưu** để lưu chứng từ.

Bán công nợ chưa hóa đơn theo Lô /Ca 1 (18110601) Nguyễn Hương Liên
 Số chứng từ: 414.1 (Ca đã đóng. Dùng 'Role 102' để sửa chứng từ nếu cần thiết)
 Ngày giờ: 6/11/2018 14:01

Tiền hàng

Khách hàng	Hàng hóa	Giá tr. thuế	VAT %	Thuế MT	Số lượng	Giá bán	Due-Date	Số phiếu/Xe	Tiền hàng	Tổng cộng
212.1625 - Công an Quận Bắc Từ Liêm									99.999	100.000
1	001040 - PLC RACER SF - Hộp 1 lít	99.998,09	10	0	1	100.000	6/11/2018 23:59		99.999	100.000 X
2			10	0						X

Lưu ý: có thể sửa lại giá bán trong khoảng Min – Max đối với các mặt hàng có khai báo khoảng giá Min –Max.

2.6.7 Xuất hóa đơn sau cho khách công nợ - theo lô

- Sử dụng khi: Khách công nợ mua hàng bằng phương thức “414. Bán c. nợ trả chậm chưa hóa đơn theo lô” đến lấy hóa đơn
- Người thực hiện: Ca trưởng, Cửa hàng trưởng hoặc kế toán cửa hàng được phân quyền “Bán theo lô”
- Các bước thực hiện trong chương trình:

- Khi viết hóa đơn: Tại giao diện màn hình ca bán hàng ta chọn IV4. **Xuất hóa đơn sau – công nợ theo lô**. Chọn khách, loại chứng từ, phiếu xuất kho đến ngày, kích **Xuất hóa đơn**

Tim chứng từ giao dịch

Khách hàng: 212.1625 - Công an Quận Bắc Từ Liêm

Loại chứng từ: 414

Đến ngày: 12/11/2018 16:04

Lọc hàng hóa: XUẤT HÓA ĐƠN

MÃ HHÓA	TÊN HÀNG HÓA	GIÁ BÁN	LƯỢNG CHƯA XUẤT HÓA ĐƠN	TIỀN CHƯA XUẤT HÓA ĐƠN
<input type="checkbox"/> 0801041	PLC RACER SJ - Hộp 0,8 lít	80,000	20.0	1,600,000.0
TỔNG CỘNG				1,600,000.0

- ✓ Tab **Xuất kho còn nợ hóa đơn**: Cập nhật thông tin hóa đơn cho khách hàng (khách hàng, hàng hóa, lượng hàng đã lấy theo phiếu xuất kho)
- ✓ Tab **Hóa đơn phần thuế**: Cập nhật thông tin Hình thức thanh toán, Số sê ri, số hóa đơn và thông tin về khách viết hóa đơn: mặc định chương trình sẽ lấy thông tin MST, tên khách, địa chỉ của khách trong Danh mục khách hàng – Công ty; nếu muốn viết hóa đơn cho khách có thông tin khác với mặc định, ta có thể nhập thông tin của khách muốn viết hóa đơn vào ô MST, với điều kiện thông tin về khách hàng phải được khai báo trong “Danh sách KH viết hóa đơn”.
- ✓ Sau đó kích chọn **Lưu**, rồi **Print** để in hóa đơn cho khách hàng.

Xuất hóa đơn sau (bán từ CH) theo Lô /Ca 1 (18110701) Bùi Quang Toàn
Số chứng từ: IV4.1
Ngày-giờ: 7/11/2018 14:35

Xuất kho còn nợ hóa đơn | Hóa đơn phần thuế

Hàng hóa	S.lượng	Giá bán	Ngày x.kho	Phiếu xuất	Due-date	Số tiền còn lại
0801041 - PLC RACER SJ - Hộp 0,8 lít	1	80 000	6/11/2018 14:02	414.1	6/11/2018	80 000 X
						X

Xuất hóa đơn sau (bán từ CH) theo Lô /Ca 1 (18110701) Bùi Quang Toàn
Số chứng từ: IV4.1
Ngày-giờ: 7/11/2018 14:35

Xuất kho còn nợ hóa đơn | Hóa đơn phần thuế

Khách: 212.0893 - Công ty TNHH Mai Anh Ghi chú:

VAT %: 10

Ngày hóa đơn: 7/11/2018

Hình thức TT: [Dropdown]

Số xê ri: AB/18E

Số hóa đơn: 0000063

Khách: Công ty TNHH Mai Anh

MST: 0100362839

Địa chỉ: Số 3, ngõ 31, phố Phương Liệt, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Người mua hàng: [Text]

Email: [Text]

Tiền thuế: 7 273

Tổng tiền: 80 000

Chú ý: Trong tab “Hóa đơn VAT” có các Hình thức TT như sau: Tiền mặt, Ch. Khoản, TT Séc, TT thẻ, Phiếu TT, TM/CK. Nếu không chọn hình thức thanh toán thì sẽ in ra hóa đơn hình thức thanh toán mặc định là “chuyển khoản”

2.7 Hóa đơn dịch vụ

2.7.1 Xuất hóa đơn dịch vụ khách hàng vắng lai

- Sử dụng khi: Khách hàng vắng lai sử dụng dịch vụ của cửa hàng và yêu cầu lấy hóa đơn.
- Người thực hiện: Ca trưởng, nhân viên bán hàng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại giao diện màn hình ca bán hàng ta chọn chức năng: **Dịch vụ khác - DI**. Sau đó cập nhật thông tin:
 - Ngày giờ chứng từ
 - Tại tab “Thu dịch vụ”, người dùng nhập các thông tin: Loại dịch vụ, Mức VAT, Tiền trước thuế và Tiền thanh toán.



Loại dịch vụ	Đối tượng	VAT %	Tiền trước thuế	Tiền thanh toán
1 511381 - Dịch vụ rửa xe tại CHXD		8	1 388 889	1 500 000
2		10		
3		10		
4		10		
5		10		
6		10		
7		10		
8		10		

- Tại tab “Hoá đơn”, người dùng nhập các thông tin: Ngày hóa đơn, Tên khách hàng, MST, Địa chỉ, Người mua hàng, Email



VAT %	8
Ngày hóa đơn	27/11/2024
Số xê ri	K24TTC 1/00
Số hóa đơn	942934
Khách	Công ty xăng dầu khu vực V - TNHH Một thành viên
MST	0400101683
Địa chỉ	122 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng, Việt Nam
Người mua hàng	
Email	
Tiền thuế	111 111
Tổng tiền	1 500 000

- Sau khi cập nhật thông tin, người dùng nhấn nút Lưu (Ctr S) hoặc tổ hợp phím Ctr S để lưu chứng từ và phát hành hóa đơn.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu: 1K24TTC
 Ngày 27 tháng 11 năm 2024 08:29 Số 942934


Đơn vị bán hàng: _____ Mã số thuế 0400101683
 Địa chỉ: _____
 Cửa hàng số: PETROLIMEX-Cửa hàng 08
 Người mua hàng: _____ Biển số xe: _____
 Đơn vị mua hàng: _____ Mã số thuế: 0400101683
 Địa chỉ: _____ Phương thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dịch vụ rửa xe tại CHXD				1.388.889
	Cộng tiền hàng				1.388.889
	Tiền thuế GTGT (8%)				111.111
	Tiền phí khác:				
	Tổng số tiền thanh toán:				1.500.000

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn đồng

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) _____
 Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) _____


Signature Valid



Ký ngày: 27/11/2024

Mã tra cứu: _____ Website tra cứu: <https://hoadon.petrolimex.com.vn>

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vnaphone)
 MST: 0106869738 - Tel: 18001260



< 1 >

2.7.2 Xuất hóa đơn dịch vụ khách hàng công nợ

- Sử dụng khi: Khách hàng vắng lai sử dụng dịch vụ của cửa hàng và yêu cầu lấy hóa đơn.
- Người thực hiện: Ca trưởng, nhân viên bán hàng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại giao diện màn hình ca bán hàng ta chọn chức năng: **Xuất hóa đơn dịch vụ khách công nợ - D10**. Sau đó cập nhật thông tin:
 - Ngày giờ chứng từ
 - Tại tab “Thu dịch vụ”, người dùng nhập các thông tin: Loại dịch vụ, Mức VAT, Tiền trước thuế và Tiền thanh toán.

[LOẠI CÔNG NỢ: Công nợ khách CHXD]
Hóa đơn dịch vụ cửa hàng - công nợ /Ca 1 (24121601) Nguyễn Văn Thuyên
Số chứng từ: D10.3

Ngày giờ: 27/12/2024 8:43

Thu dịch vụ - D10 **Hóa đơn VAT - D10**

Khách 212.0518 - Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Chuyên Ghi chú: _____

Loại dịch vụ	VAT %	Due-date	Tiền trước thuế	Tiền thanh toán
			925 926	1 000 000
1 511381 - Dịch vụ rửa xe tại CHXD	8	6/1/2025 23:59	925 926	1 000 000 X
2	10			X
3	10			X

- Tại tab “Hoá đơn”, người dùng nhập các thông tin: Ngày hóa đơn, Tên khách hàng, MST, Địa chỉ, Người mua hàng, Email

[LOẠI CÔNG NỢ: Công nợ khách CHXD]

Hóa đơn dịch vụ cửa hàng - công nợ /Ca 1 (24121601) Nguyễn Văn Thuyên
Số chứng từ: D10.3

Ngày giờ: 27/12/2024 8:43

Thu dịch vụ - D10 **Hóa đơn VAT - D10**

Khách 212.0518 - Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Chuyên Ghi chú:

VAT %	8
Ngày hóa đơn	27/12/2024
Hình thức TT	▼
Số xe ri	K24TVC 1/00
Số hóa đơn	2509
Khách	Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Chuyên Ngành Bộ Xây Dựng
MST	0101446182
Địa chỉ	Đường số 04 khu đô thị mới Tây Hồ Tây, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành P
Người mua hàng	
Email	
Tiền thuế	74 074
Tổng tiền	1 000 000

- Sau khi cập nhật thông tin, người dùng nhấn nút Lưu (Ctr S) hoặc tổ hợp phím Ctr S để lưu chứng từ và phát hành hóa đơn.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu: 1K24TTC
Số 976321

Ngày 09 tháng 12 năm 2024 11:16

Đơn vị bán hàng: PETROLIMEX-Cửa hàng 06 Mã số thuế: 0401980268
Địa chỉ: 24 Trần Phú, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Người mua hàng: Văn Phòng Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Đà Nẵng
Đơn vị mua hàng: Văn Phòng Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Đà Nẵng
Địa chỉ: 24 Trần Phú, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Biển số xe:
Phương thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dịch vụ rửa xe tại CHXD				2.854.545
Cộng tiền hàng.					2.854.545
Tiền thuế GTGT (10%)					285.455
Tiền phí khác					
Tổng số tiền thanh toán					3.140.000

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: Ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng


Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)

Mã tra cứu: Website tra cứu: <https://hoadon.petrolimex.com.vn>

Ký ngày 09/12/2024

MST: 0106869738 - Tel: 1.800.1260

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone)



2.8 Xuất hộ Công ty

- Sử dụng khi: Khách hàng công nợ yêu cầu lấy hàng, và đã có lệnh xuất hành từ trên văn phòng.
- Người thực hiện: Ca trưởng, nhân viên bán hàng.

- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại giao diện màn hình ca bán hàng ta chọn: **E422. Xuất hộ Công ty**. Sau đó cập nhật khách hàng và chương trình sẽ hiển thị những lượng hàng cần xuất theo lệnh từ văn phòng. Nếu xuất đúng lượng như trên phiếu đó thì ta chỉ việc cập nhật thông tin người nhận hàng rồi kích chọn **Luu**. Còn trường hợp cửa hàng muốn xuất lượng hàng nhỏ hơn thì ta gõ lượng hàng nhỏ hơn theo phiếu rồi mới kích chọn **Luu**.

Xuất theo lệnh công ty /Ca (12060102) pham chi anh

Ngày giờ: 6/6/2012 16:28 Ghi chú:

Hàng hóa Người nhận hàng [Trả kho TT VP]

Khách 666.0004 - Cty TNHH Thử nghiệm Ghi chú:

Hàng hóa	Số lượng	Giá bán	Ngày lệnh	Số lệnh	Thành tiền
					3 510 000
1 020202 - Xăng không chì RON 92	150.00	23 400	6/6/2012	V422.14	3 510 000 X
2					X
3					X
4					X

2.9 Xuất hàng khuyến mại

- Sử dụng khi: Khách hàng đến Cửa hàng nhận sản phẩm khuyến mại theo quy định của Công ty.
- Người thực hiện: Ca trưởng, nhân viên bán hàng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại giao diện màn hình ca bán hàng ta chọn: **Xuất hàng khuyến mại – Q101**. Sau đó cập nhật thông tin hàng hóa, số lượng, mã chương trình khuyến mại. Sau đó nhấn nút **Luu** để lưu chứng từ.
- Sau khi lưu chứng từ, có thể in phiếu xuất hàng khuyến mại theo mẫu có sẵn ra giấy A4 qua máy in Laser.

Xuất hàng khuyến mại /Ca 1 (17070501) Đoàn Ngọc Sáng

Ngày giờ: 5/7/2017 09:37 Ghi chú:

Hàng hóa

[Khách vắng lai] Ghi chú:

Hàng hóa	Số lượng	Mã CT khuyến mại
1 0801041 - PLC RACER SJ - Hộp 0,8 lít	1	NV2017 X
2 2201010 - Áo thun Petrolimex	2	PLX2017 X

2.10 Lập hóa đơn điều chỉnh

- Sử dụng khi: Hóa đơn phát hành bị sai Mã số thuế người mua
- Người thực hiện: Ca trưởng, CHT
- Các bước thực hiện tại chương trình:
 - Tại giao diện ca bán hàng (ca xuất hóa đơn điều chỉnh phải có trạng thái đang mở) kích chọn “**Xuất HĐ điều chỉnh**” hiện giao diện:

Tìm chứng từ giao dịch

Cửa hàng xăng dầu: 212080 - Cửa hàng xăng dầu số 80(Hanhdth) ▼
 Từ ngày: 01/01/2018 📅 Đến ngày: 26/12/2018 15:12 📅
 Loại chứng từ: ▼ Số hóa đơn: 0002006

CHXD	SỐ C.TỪ	NGÀY C.TỪ	SỐ XẾ RI	SỐ HƠN	MST	TÊN KHÁCH HÀNG	
<input checked="" type="checkbox"/>	212080	490.6	4/5/2018 23:59	AB/18E	0002006	*	Người mua không lấy hóa đơn

- Cập nhật thông tin số hóa đơn cần điều chỉnh. Trong trường hợp hóa đơn đã điều chỉnh bị sai cần điều chỉnh lại thông tin sẽ thực hiện đúng qui trình nghiệp vụ hủy hóa đơn như sau:
 - ✓ **Trong kỳ kê khai thuế:** Hủy hóa đơn đã điều chỉnh đi thực hiện điều chỉnh trên hóa đơn gốc (nhập số hóa đơn gốc)
 - ✓ **Sau kỳ kê khai thuế:** Tạo hóa đơn điều chỉnh từ hóa đơn đã điều chỉnh sai (số hóa đơn cập số hóa đơn điều chỉnh sai lần 1)
- Kích nút **“Tạo hóa đơn điều chỉnh”** tại tab hàng hóa sẽ mặc định hàng hóa và ghi chú của hóa đơn

HDDC sai MST /Ca 1 (18051701) Phạm Xuân Đồng

Ngày giờ: 26/12/2018 15:12 📅 Ghi chú (header): Điều chỉnh mã số thuế người mua của hóa đơn số 0002006, ký hiệu AB/18E, ngày 4/5/2018 23

Hàng hóa **Hóa đơn VAT - Không thuế**

[Khách vắng lại] Ghi chú:

Hàng hóa ✕

- Tại tab **“Hóa đơn VAT – không thuế”** cập nhật mã số thuế mới cần điều chỉnh.

HDDC sai MST /Ca 1 (18051701) Phạm Xuân Đồng

Ngày giờ: 26/12/2018 15:12 📅 Ghi chú (header): Điều chỉnh mã số thuế người mua của hóa đơn số 0002006, ký hiệu AB/18E, ngày 4/5/2018 23

Hàng hóa **Hóa đơn VAT - Không thuế**

[Khách vắng lại] Ghi chú:

VAT %

Ngày hóa đơn 📅

Số xê ri

Số hóa đơn

Khách

MST 📅

Địa chỉ

Người mua hàng abc

Email

Tiền thuế

Tổng tiền

✕

- Kích nút **Lưu** chương trình hiển thị:

Đã cập nhập chứng từ, số: **INVC.2801**.

Hóa đơn điện tử (01GTKT0/002||AB/18E||0002313) được tạo.

(eval ms:538. trans ms:479)

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I
XI NGHIỆP BÁN LẺ XĂNG DẦU

Đơn vị bán hàng: XI NGHIỆP BÁN LẺ XĂNG DẦU
Địa chỉ: Phố Thành Công-Quán Ba Đình, Hà Nội
Cửa hàng số: Cửa hàng xăng dầu số 80(Hanhom)
Người mua hàng: Nguyễn Văn Hà
Đơn vị mua hàng: Điện Lực Hưng Yên
Địa chỉ: Số 688, đường Nguyễn Văn Linh, Phường Hiến Nam, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(Chứng từ giấy của HĐĐT)

Ngày 17 tháng 06 năm 2018 22:46

Mã số thuế: 0100107564-001

Mẫu số: 01GTKT0/002
Ký hiệu: AB/18E
Số: 0002329

Mã số thuế: 0904285009
Phương thức thanh toán:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	HDCC sai MST				

Điều chỉnh mã số thuế người mua của hóa đơn số 0001978, ký hiệu AB/18E, ngày 15/4/2018 6:58 từ MST 0100100417-025

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: **Không đồng**

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: XI NGHIỆP BÁN LẺ XĂNG DẦU

Ký ngày: 27/12/20

Mã tra cứu: IZULT Website tra cứu: <https://hoadon.petrolix.com.vn>



Gửi pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Infoname)
MST: 010399736-1-161-1001200

- Sau khi tạo hóa đơn điều chỉnh, tại tab **B.ke h.đơn** thể hiện:



2.11 Hủy hóa đơn

- Sử dụng khi: Hóa đơn có sai sót về lượng hàng, thông tin hóa đơn ảnh hưởng đến số liệu ca, cửa hàng
- Người thực hiện: Cửa hàng trưởng, kế toán thống kê cửa hàng, ca trưởng
- Các bước thực hiện tại chương trình: Chọn đến hóa đơn cần hủy, kích nút **“Xóa”**:

Cập nhật lý do hủy hóa đơn:

- Sai thông tin người mua hàng
- Sai tên hàng hóa, dịch vụ
- Sai số lượng
- Sai phương thức thanh toán
- Khác (Khi chọn Khác, mở hộp cho phép nhập free text)

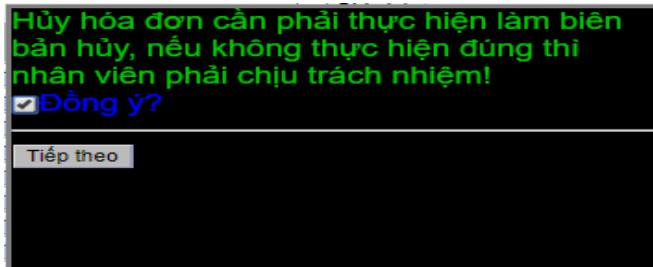
Xuất hóa đơn thu tiền mặt /Ca 1 (24051602) Phạm Thị Hồng
401.12828

LOG TRANSACTION.
Ngày chứng từ: 16/5/2024 8:59

Lý do sửa/xóa: (Chọn lý do sửa/xóa)
 Sai lên hàng hóa, dịch vụ
 Sai số lượng
 Khác

Hàng hóa	Giá trị thuế	VAT %	Thuế MT	Số lượng	Giá bán	Tiền hàng	Tổng cộng
1 0201032 - Xăng RON95-III	19.400	10	2.000	42.914	23.540	832.532	1.010.196
2		10	0				

sau đó tiếp tục kích nút “Xóa” hiển thị thông báo



- Kích nút “*Tiếp theo*” chương trình sẽ tự động thể hiện biên bản hủy hóa đơn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
BIÊN BẢN HỦY HÓA ĐƠN
Số 0000738/2021/BBHHĐ

Căn cứ Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/09/2018 của Chính Phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng, cung cấp dịch vụ.
Hôm nay, ngày 5 / 8 / 2021 chúng tôi gồm có:
BÊN MUA: Báo nhân dân
Địa chỉ: 71 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Mã số thuế: 0100000433
Người đại diện:..... Chức vụ:

BÊN BÁN: Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV
Địa chỉ: Số 01 Phố Thành Công, P. Thành Công, Q. Ba Đình, Hà Nội
Mã số thuế: 4800105513
Người đại diện:..... Chức vụ:

Chúng tôi cùng tiến hành lập biên bản về việc xin hủy hoá đơn GTGT như sau:
1. Hoá đơn bị hủy: mẫu số: 01GTKT0/002; ký hiệu: QL/18E; số hóa đơn 0000738 do Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV phát hành ngày 5/8/2021

Đã bổ sung mục 4 để ghi nhận thông tin hóa đơn thay thế, trường này để trống(Cửa hàng tự điền tay)

- Chọn để in, nếu không in

2.12 Hóa đơn chiết khấu

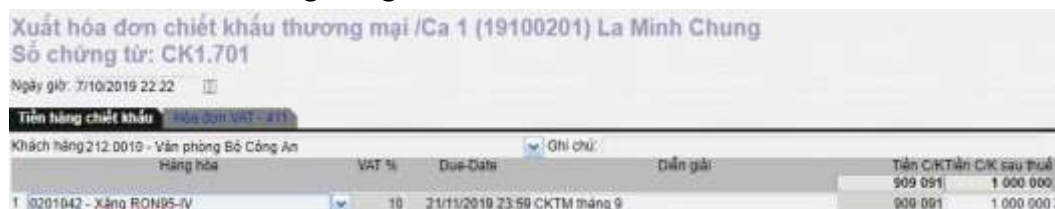
Phát hành hóa đơn Chiết khấu thương mại (CKTM) tại 3 chức năng:

- Bán công nợ trả chậm kèm hóa đơn: chi tiết tại 2.5.1
- Xuất hóa đơn sau- công nợ: Chi tiết tại 2.5.3

- Xuất hóa đơn chiết khấu thương mại: Công ty cần thực hiện Gán seri và mẫu hóa đơn cho cửa hàng tại menu **E-Invoice/Seri hóa đơn điện tử** phương thức CK
 - Tại giao diện ca bán hàng kích chọn đến menu chức năng Xuất hóa đơn chiết khấu thương mại :



- Tại tab **Tiền hàng chiết khấu**: Cập phần diễn giải để vào thông tin Tên hàng hóa, dịch vụ khi in hóa đơn. Cập nhật tiền chiết khấu sau thuế, tiền chiết khấu sẽ được tính theo từng dòng



- Tại tab Hóa đơn VAT – 411: cung cấp thông tin về khách hàng, tiền thuế, tổng tiền. Cập nhật ghi chú tại tab Hóa đơn VAT – 411 về căn cứ/ lý do hưởng chiết khấu và được thể hiện trên hóa đơn



- Sau đó kích chọn **Lưu**, rồi **Print** để in hóa đơn cho khách hàng.

10/24/2019

VAT

**CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I
XÍ NGHIỆP BÁN LẺ XĂNG DẦU**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT0/002
Ký hiệu: AB/19E
Số: 0000122

(Chứng từ giấy của hóa đơn điện tử)

Ngày: 07 tháng 10 năm 2019 22:22

Mã số thuế: 0100107564-001

Đơn vị bán hàng: XÍ NGHIỆP BÁN LẺ XĂNG DẦU

Địa chỉ: Phố Thành Công-Quận Ba Đình, Hà Nội

Cửa hàng số: Cửa hàng xăng dầu số 01

Người mua hàng:

Đơn vị mua hàng: Văn phòng Bộ Công An

Địa chỉ: 44 Yên Kê, Đống Đa, Hà Nội

Mã số thuế: xxxxxxxxxx

Phương thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	CKTM tháng 9				909.091
Chiết khấu theo chương trình khuyến mại tháng 9					
Cộng tiền hàng:					909.091
Tiền thuế GTGT (10 %)					90.909
Tiền phí khác:					
Tổng số tiền thanh toán:					1.000.000

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: Một triệu đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: XÍ NGHIỆP BÁN LẺ XĂNG DẦU
Ký ngày: 24/10/2019

Mã tra cứu: 4LZAKB

Website tra cứu: <https://hoadon.petrolimex.com.vn>



Các hóa đơn điện tử được cấp bởi Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (VNPT-VinaPhone)

Lưu ý: Cập nhật căn cứ/ lý do hưởng chiết khấu để thể hiện trên hóa đơn tại ghi chú chung của chứng từ hoặc ghi chú tại tab Hóa đơn VAT – 411. Sẽ ưu tiên lấy nội dung ghi chú tại tab Hóa đơn VAT – 411 nếu cập cả hai nơi

2.13 Các lưu ý khi xuất hóa đơn trong ca bán hàng

2.13.1 Sửa ngày hóa đơn = ngày chứng từ

Từ ngày 6/11/2018, khi lưu chứng từ chương trình sẽ tự động cập nhật Ngày hóa đơn = Ngày chứng từ.

2.13.2 Mở rộng trường tên khách lấy hóa đơn

Các nghiệp vụ ảnh hưởng sau khi mở rộng trường tên khách lấy hóa đơn:

- Nghiệp vụ 2003-Xuất chuyển loại
- Nghiệp vụ 401-Xuất hóa đơn thu tiền mặt
- Nghiệp vụ 411-Bán công nợ kiêm xuất hóa đơn
- Nghiệp vụ 406 - Xuất hóa đơn thanh toán bằng thẻ
- Nghiệp vụ GA1-Bán lẻ gas ký quỹ vỏ bình
- Nghiệp vụ GA2-Bán lẻ gas đổi vỏ bình
- Nghiệp vụ IV1
- Nghiệp vụ IV3
- Nghiệp vụ D1 - Hóa đơn dịch vụ cửa hàng
- Nghiệp vụ D10 - Hóa đơn dịch vụ khách công nợ

2.13.3 Ngừng phát hành HDDT

Bắt đầu từ ngày 22/01/2020 ngừng phát hành HDDT tại Egas, bỏ lựa chọn chuyển sang phát hành HDDT khi tạo HDDT bị lỗi chỉ để lại lựa chọn “Gửi lại yêu cầu tạo lại hóa đơn”



2.13.4 Khi viết “hóa đơn” mà không gõ được Tiếng Việt?

Bạn hãy khởi động chương trình Vietkey hoặc Unikey (Kích đúp vào biểu tượng ở nền màn hình.





Hộp thoại hiện lên và kích chọn: nút **Đóng**



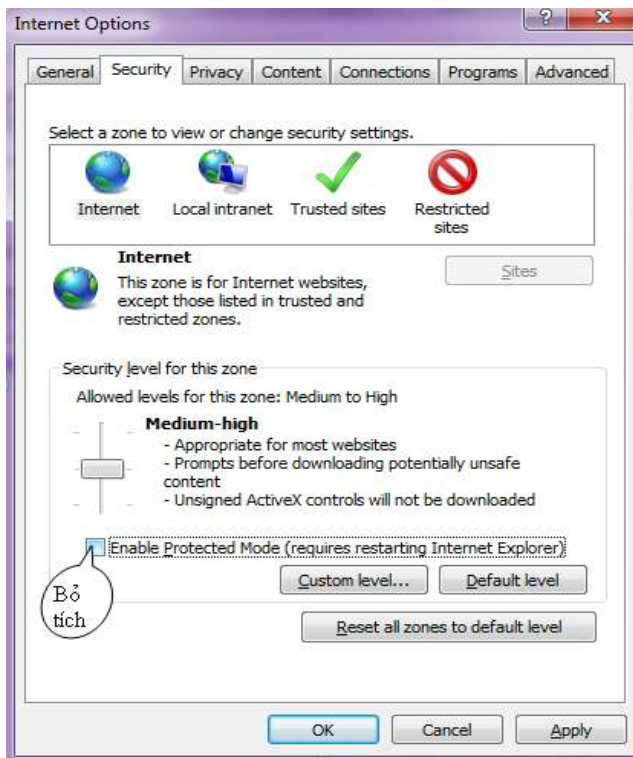
Sao cho có biểu tượng  ở góc dưới bên phải màn hình

Nếu biểu tượng là chữ  thì ta kích chuột vào chữ E thì biểu tượng sẽ thành chữ .

Nếu đã có biểu tượng chữ  mà ta vẫn không gõ được thì ta kích chuột phải vào biểu tượng chữ  và kích chọn Unicode.

Trường hợp đã bật Unikey gõ Tiếng việt () mà vẫn không gõ được Tiếng việt khi dùng IE với môi trường Windows 7.

Cách khắc phục như sau: Từ menu **Tool** của trình duyệt IE ta kích chọn **Internet Options** rồi chọn tab **Security** và bỏ tích chọn ở **Enable Protected Mode** rồi kích chọn OK.



2.13.5 Xử lý lỗi tạo 22 không làm thay đổi mã tra cứu

B1: Cập nhật chứng từ có Ngày chứng từ > Ngày ký số khi lưu chứng từ sẽ bị lỗi tạo 22

#Ctư	Sê-ri	Số h.đơn	Ngày	Đối tượng	MST	Hàng hóa, dịch vụ	Tiền ch.thuế	Th.suất %	Tiền thuế	Trạng thái	User phát hành	
1	401.307931	EINERROR	401.307931	31/3/21	Bảo nhân dân	0100000433	Xăng E5 RON 92-II	138.155	10,00	13.815	Lỗi tạo(22)	2120800

Có Mã tra cứu

Print 

PHIẾU TRA CỨU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày, giờ: 31/3/2021 11:20

Đơn vị: Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV
CHXD: PETROLIMEX- CỬA HÀNG 80 - hanhdth
Khách hàng: Báo nhân dân
Địa chỉ: 71 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Mã số thuế: 0100000433
Mã tra cứu: ETK72EY6B
Địa chỉ tra cứu: <http://hoadon.petrolimex.com.vn> Tổng đài HT/Đường dây nóng: Nguyễn Văn Tiến:0913300159

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xăng E5 RON 92-II	Lit	10,00	13.815,00	138.155

Cộng tiền hàng: **138.155**
Tiền thuế: **13.815**
Tiền phí khác: **0**
Tổng số tiền thanh toán: **151.970**

Thời gian in: 1 / 3 / 2021 11:35



B2: Mở lại chứng từ **Lỗi tạo 22** sửa lại Ngày chứng từ cho đúng. Sau khi sửa xong chứng từ có Trạng thái hóa đơn sẽ chuyển → **Lỗi tạo 3**

#Ctư	Sê-ri	Số h.đơn	Ngày	Đối tượng	MST	Hàng hóa, dịch vụ	Tiền ch.thuế	Th.suất %	Tiền thuế	Trạng thái	User phát hành	
1	401.307931	EINERROR	401.307931	1/3/21	Báo nhân dân	0100000433	Xăng E5 RON 92-II	138.155	10,00	13.815	Lỗi tạo(3)	2120800

B3: Hệ thống khắc phục sự cố → Tạo thành công Hóa đơn điện tử. Trạng thái **HDDT** với **Mã tra cứu giữ nguyên không thay đổi**. Mã tra cứu: ETK72EY6B



2.13.6 Chính sửa để EGAS không còn phát hành được HDDT

Chương trình sẽ chặn không phát hành HDDT

2.13.7 Các nghiệp vụ chỉnh sửa lên 3 số thập phân

DANH SÁCH TCODE		
STT	TCODE	Transaction Elements
I Khách vắng lại		
1	401 - Xuất hóa đơn thu tiền mặt	11 - Tiền hàng bán lẻ - Min (SL)
2	416 - Xuất hóa đơn KTM	11 - Tiền hàng thanh toán thẻ
3	701 - Xuất hóa đơn biếu tặng	712 - Tiền hàng biếu tặng
4	490 - Hóa đơn chốt ca từng lần	
5	492 - Bảng kê bán hàng từng lần	11 - Tiền hàng thanh toán thẻ - 492
II Khách công nợ		
6	411 - Bán công nợ trả chậm kiểm hóa đơn	412 - Tiền hàng bán công nợ H.đơn 411
7	711 - Hóa đơn biếu tặng khách công nợ	712 - Tiền hàng biếu tặng 712

2.14 Thu tiền trong ca

2.14.1 Xuất hóa đơn và thu tiền dịch vụ trong ca

- Sử dụng khi: Khách hàng sử dụng dịch vụ tại cửa hàng.
- Người thực hiện: Cửa hàng trưởng, Kế toán thống kê cửa hàng, Ca trưởng, nhân viên ca bán hàng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại màn hình ca bán hàng ta chọn **DI. Dịch vụ khác** và cập nhật loại dịch vụ, mức VAT, số tiền trước thuế hoặc tiền sau thuế bên Tab **Thu dịch vụ** và thông tin về Số sê ri, số hóa đơn khách, mã số thuế, Địa chỉ bên Tab Hóa đơn VAT rồi kích chọn **Lưu**.

Hóa đơn dịch vụ cửa hàng /Ca 3 (13061303) Nguyễn Huy Mạnh

Ngày giờ: 13/6/2013 15:32 Ghi chú (header):

Thu dịch vụ		Hóa đơn VAT		
[Khách vắng lại] Ghi chú:				
Loại dịch vụ	Đối tượng	VAT %	Tiền trước thuế	Tiền thanh toán
			181 818	200 000
1 511381 - Dịch vụ rửa xe tại CHXD		10	181 818	200 000
2		10		x
3		10		x
4		10		x
5		10		x
6		10		x

- Hóa đơn in trên phôi: Theo mẫu của Tập đoàn đã quy định, phần hình thức thanh toán ghi “Tiền mặt”.
- Từ ngày 6/11/2018, chương trình bổ sung Hình thức thanh toán trên Hóa đơn dịch vụ cửa hàng như dưới đây:



2.14.2 Thu tiền khác trong ca

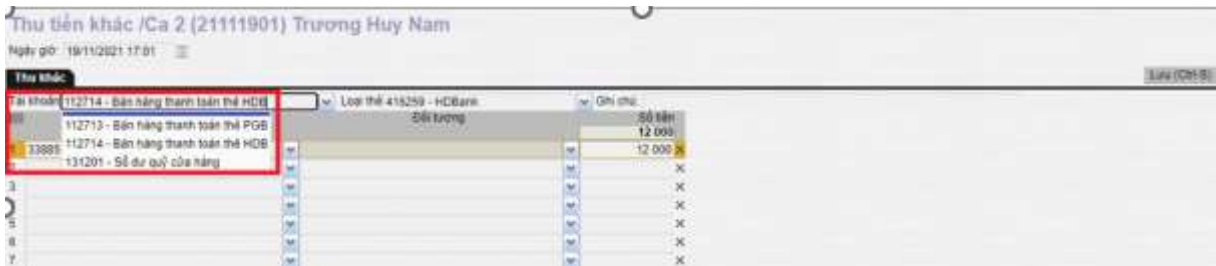
- Sử dụng khi: Khách hàng đến nạp tiền mặt vào thẻ, yêu cầu chuyển tiền nhanh, thu tiền bán ản chỉ bảo hiểm qua POS và tiền mặt.
- Người thực hiện: Cửa hàng trưởng, Kế toán thống kê cửa hàng, Ca trưởng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại màn hình ca bán hàng ta chọn **D2. Thu tiền khác trong ca** và cập nhật loại hình dịch vụ, số tiền rồi kích chọn **Lưu**.

Lưu ý:

- Chứng từ D2 – thu tiền khách công nợ sẽ không thực hiện sửa xóa được nếu đã được gán thanh toán

Tại phần Loại dịch vụ, loại bỏ điều kiện chọn: “**131202 - Công nợ khách tại CH**”

- Sửa bổ sung cập nhật thu tiền bán ản chỉ bảo hiểm khi thực hiện Qui trình Thanh toán độc lập của bán hàng KTM.
 - Chọn cập nhật tài khoản 11214 – Bán hàng thanh toán thẻ HDB
 - Chọn cập nhật tài khoản 11213 - Bán hàng thanh toán thẻ PGB
 - Chọn loại thẻ thanh toán khi khách hàng thanh toán bằng hình thức KTM



- Trong trường hợp thu các loại dịch vụ bằng tiền mặt
 - Chọn cập nhập tài khoản 131201 – Số dư quỹ cửa hàng.
 - Chọn cbcnv ca trưởng của ca hiện thời đang mở .



2.14.3 Thu tiền khách công nợ_D4

Menu: Dịch vụ khác\Thu tiền khách công nợ

Tại giao diện ca bán hàng bổ sung menu Thu tiền khách công nợ _D4



Người thực hiện: CHT, ca trưởng, NV nghiệp vụ

Thu tiền khách công nợ tại CHXD /Ca 1 (20040301) Lê Thị Thu Hằng

Ngày giờ: 10/11/2020 15:05

Phiếu thu D4

Người nhận tiền: LTH02 - Lê Thị Thu Hằng Ghi chú: Khách

		Số tiền
		1 000 000
1	212.1111 - CÔNG TY TNHH KHUÔN ĐÚC TSUKUBA VIỆT N	1 000 000 X
2		

2.15 Chi tiền trong ca

2.15.1 Nộp tiền ca bán hàng tại cửa hàng

- Sử dụng khi: Ca bán hàng nộp tiền cho cửa hàng.
- Người thực hiện: Cửa hàng trưởng, Kế toán thống kê cửa hàng, Ca trưởng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Từ menu **Thu – Chi** chương trình ta chọn **Nộp tiền ca bán hàng tại CH**, sau đó ta cập nhật: **Thu từ, số lượng** tiền theo từng mệnh giá (trường hợp mệnh giá nào không có thì ta phải nhập số “0”, không được để trống). Còn bên Tab **Phiếu thu** ta cập nhật người nhận tiền rồi kích vào **Luu**.

Menu search

Nộp tiền ca bán hàng

Ngày giờ: 24/8/2012 11:04

Bảng kê tiền Phiếu thu

/ Ghi chú:

Mệnh giá	S.lượng	Ti
		33
1	500000	43
2	200000	34
3	100000	20
4	50000	40
5	20000	30
6	10000	20
7	5000	0
8	2000	0
9	1000	0
10	500	0

TIỀN MẬT

Nộp tiền ca bán hàng tại CH TT1

Ca/CH nộp tiền lên Công ty

Thu tiền khách công nợ TT2

NGÂN HÀNG

Ca/CH nộp tiền vào TK ngân hàng CH8

Nộp séc về ngân hàng

BẢO CÓ

Công ty đã báo có khách trả tiền

CHI PHÍ TẠI CHXD

Bảng kê chi phí tại CHXD KMPHI

Bảng kê hóa đơn chi phí tại CHXD

View bảng kê chi phí khoán

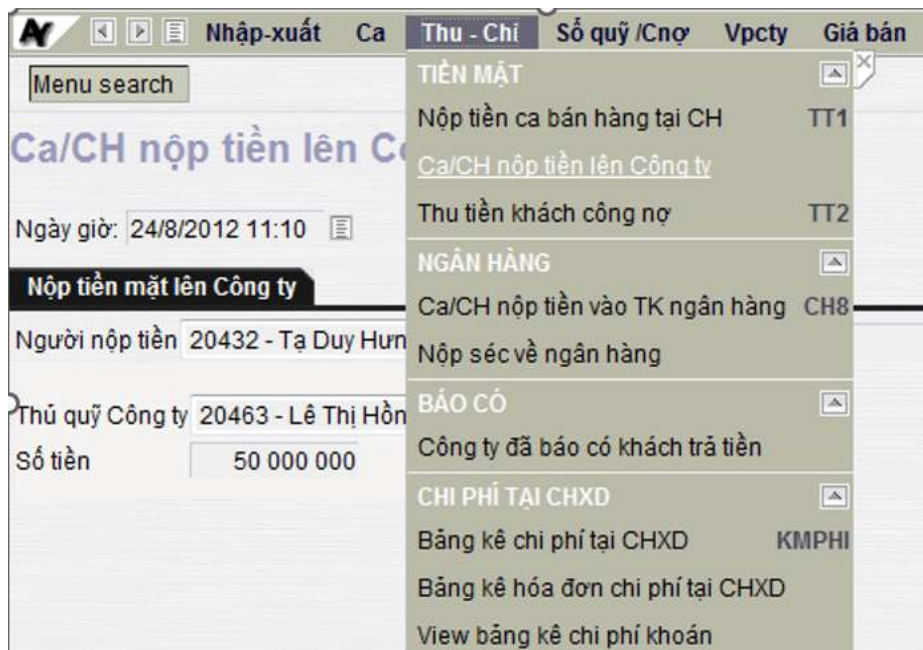
SÉC

Bảng kê tổng hợp nộp séc

SỔ theo dõi thu nộp séc

2.15.2 Chi nộp tiền về Công ty

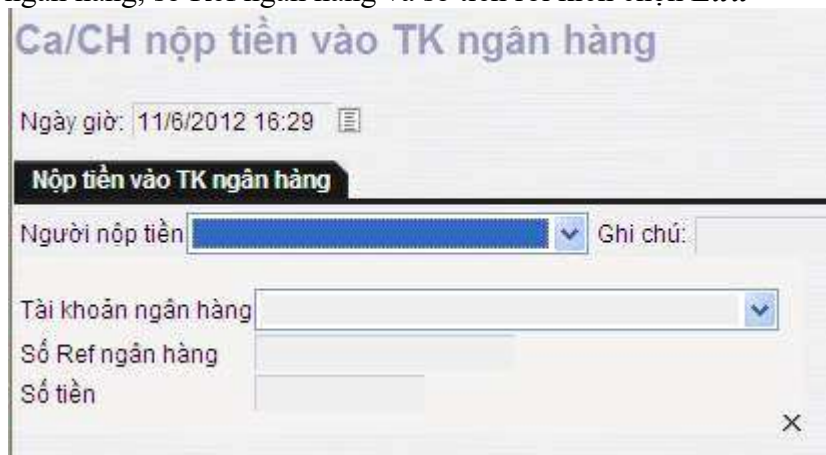
- Sử dụng khi: Ca hoặc cửa hàng nộp tiền về Văn phòng công ty.
- Người thực hiện: Kế toán cửa hàng, ca trưởng hoặc cửa hàng trưởng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Từ menu chương trình ta chọn **Ca/CH nộp tiền lên Công ty** trong menu **Thu-Chi**, sau đó ta cập nhật người nộp tiền, thủ quỹ và số tiền rồi kích chọn **Luu**.



2.15.3 Chi nộp tiền vào tài khoản ngân hàng

TH1: Ca hoặc Cửa hàng nộp tiền vào tài khoản ngân hàng:

- Sử dụng khi: Ca hoặc cửa hàng nộp tiền vào tài khoản ngân hàng.
- Người thực hiện: Kế toán cửa hàng, ca trưởng hoặc cửa hàng trưởng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Từ menu chương trình ta chọn **Ca/CH nộp tiền vào TK ngân hàng** trong menu **Thu-Chi**, sau đó ta cập nhật người nộp tiền, tài khoản ngân hàng, số Ref ngân hàng và số tiền rồi kích chọn **Lưu**



TH2: CH cập nhật chứng từ nộp tiền kiểm kê quỹ vào TK ngân hàng (CH9)

- Sử dụng khi: cuối tháng khi cửa hàng làm Kiểm kê quỹ GL8 thì số tiền kiểm kê này sẽ được làm vào nghiệp vụ mới Nộp tiền Kiểm kê quỹ vào TK ngân hàng – CH9. Khi CH cập nhật chứng từ CH9 màn hình chương trình hiển thị các thông tin:
 - Cửa hàng xăng dầu: Mặc định cửa hàng
 - Loại chứng từ: Mặc định chứng từ GL8 Kiểm kê quỹ
 - Đến ngày: Mặc định ngày hiện tại
- Chương trình tự động hiển thị chứng từ GL8 cuối tháng gần nhất. Người dùng có thể chọn chứng từ hoặc nếu không chọn thì chương trình tự động lấy số tiền của chứng từ GL8 trường Tồn quỹ thực tế đẩy vào trường Số tiền của chứng từ CH9



Tim chứng từ giao dịch

Cửa hàng xăng dầu: 212080 - Cửa hàng xăng dầu số 80(Hanhdth)

Loại chứng từ: GL8

Đến ngày: 01/09/2018 23:59

Loại GL8 Tạo chứng từ CH9

SỐ C.TỪ	NGÀY C.TỪ	TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN
<input checked="" type="checkbox"/> GL8.5904	31/8/2018 23:59	131201 - Số dư quỹ cửa hàng	50,000,000
TỔNG CỘNG			50,000,000

2.15.4 Chi tiền rút thẻ, chi chuyển tiền nhanh

- Sử dụng khi: Có khách hàng đến yêu cầu rút tiền mặt tại cửa hàng.
- Người thực hiện: Cán bộ nhân viên cửa hàng.
- Các bước thực hiện trong chương trình: Tại màn hình ca bán hàng ta kích chọn **D3. Chi tiền khác trong ca**, sau đó ta cập nhật loại dịch vụ chi tiền và số tiền rồi kích chọn **Lưu**.

Menu search

Chi tiền khác trong ca /Ca (12060501) Phạm Chi Anh

Ngày giờ: 11/6/2012 15:39

Thu chi khác

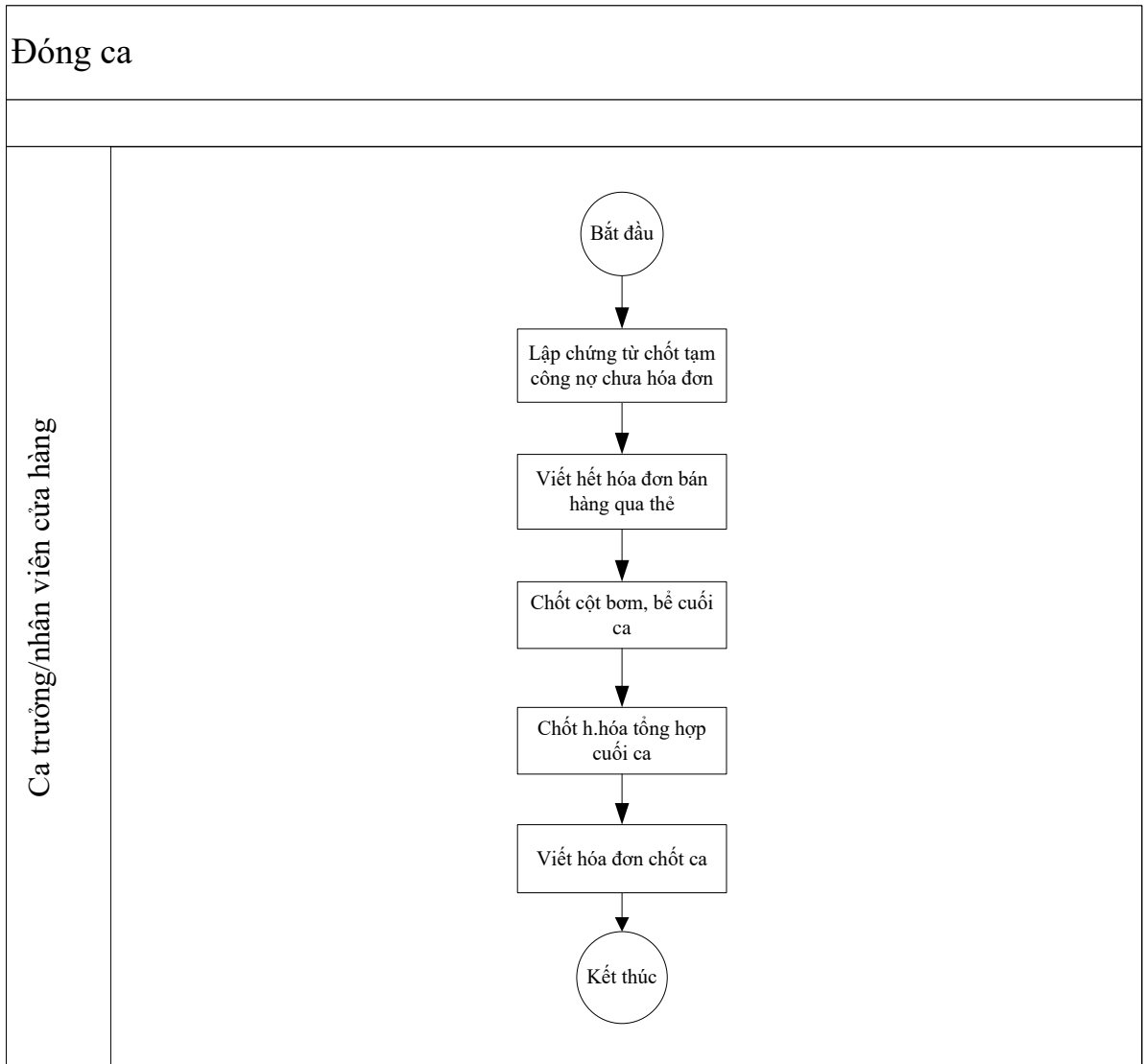
[Khách vắng lại] Ghi chú:

	Loại dịch vụ	Đối tượng	Số tiền
1	33		X
2	338831 - Tiền rút, nạp thẻ PG Bank		X
3	338832 - Phí truy vấn thẻ PG Bank		X
4	338841 - Chuyển tiền nhanh		X
5	338851 - Tiền bán ấn chỉ bảo hiểm		X
6			X
7			X
8			X

2.16 Đóng ca

- Sử dụng khi: Kết thúc một ca làm việc. (khi có thay đổi giá ta cũng cần phải đóng ca và mở ca làm việc mới).
- Người thực hiện: Ca trưởng.

2.16.1 Quy trình thực hiện đóng ca:



- Các bước thực hiện trong chương trình:
 - Bước 1 - Cập nhật tổng tiền hàng công nợ chốt tạm: Từ màn hình ca bán hàng ta kích chọn **Tổng công nợ chưa hóa đơn**, sau đó cập nhật hàng hóa và số lượng từng mặt hàng.

Tổng tiền hàng công nợ chốt tạm							
[Khách vắng lại] Ghi chú:							
Hàng hóa	Giá tr. thuế	VAT %	Thuế MT	Số lượng	Giá bán	Tiền hàng	Tổng cộng
1 020202 - Xăng không chì RON 92	20 272.73	10.00	1 000	100	23 400	2 027 273	2 340 000
2		10	0				x
3		10	0				x

- Bước 2 - Chốt lượng hàng bán thanh toán thẻ và viết hóa đơn: Ta tiến hành kiểm tra lượng hàng bán lẻ qua thẻ chưa viết hóa đơn và viết hết hóa đơn cho lượng hàng đó hoặc viết chứng từ Bán qua thẻ chưa viết hóa đơn để trên văn phòng công ty theo dõi và viết hóa đơn
- Bước 3 – Chốt cột bơm, bể cuối ca: Kích chọn chốt cột bơm, bể cuối ca rồi chọn vòi bơm cần chốt:



- Đối với cửa hàng không có hoặc không kết nối hệ thống tự động hóa: Người dùng kích vào dấu (X) cuối dòng đóng các thông tin (nhiệt độ, tỉ trọng, Hc, Hn, Vc, Vn) ở tab **Chốt cụm bể** và cập nhật Số cuối ca, lượng kiểm định, lượng thử máy, tự K.tra sai số ở tab **Số đo vòi bơm chốt** rồi kích chọn **Lưu**.
- Đối với cửa hàng có hệ thống tự động hóa: Người dùng chỉ cần cập nhật số lượng kiểm định, lượng thử máy, tự K.tra sai số nếu có, sau đó kích chọn **Lưu**.

Lưu ý: Khi chốt bể bằng TĐH thì sẽ thực hiện lưu ngầm số liệu Vtt của bể

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Loại thông tin
1	Vòi bơm	Danh sách vòi bơm	Tự động
2	Số đầu	Số nhận đầu ca (Lấy số nhận của chứng từ WS1)	Tự động
3	Lượng kiểm định	Số lượng kiểm định	Tự nhập
4	Số cuối	Số công tơ lít vòi bơm tại thời điểm chốt	Tự động
5	Có TĐH	1: Cột bơm có cấu hình TĐH 0: Cột bơm không được cấu hình TĐH	Tự động
6	Time Agas	Thời điểm Egas ghi nhận kết quả từ Agas (Thời gian của Egas client)	Tự động
7	Mã lỗi	Mã lỗi chốt TĐH: -1 :Time out -2 :Không kết nối được với TĐH -9: Lỗi không đọc được dữ liệu TĐH 312: Data khung truyền 411 : Lỗi Cột bơm ngoài hòng 412 : Lỗi truyền thông cột bơm 413 : Không chốt được số liệu 414 : Cột bơm không điều khiển được 415 : Lỗi số liệu	Tự động
8	Xuất khác	Lượng xuất khác	Tự nhập
9	Tự kiểm tra sai số	Số lượng kiểm tra sai số	Tự nhập
9	Số TĐH	Lưu ngầm định số TĐH tại thời điểm chốt. Người dùng tại CH không xem, sửa được số TĐH này, VP sẽ khai thác dữ liệu qua Báo cáo so sánh dữ liệu TĐH và giao ca và Báo cáo xuất bán qua cột bơm .	Tự động

- Bước 4 – Cập nhật số lượng còn lại của những mặt hàng khác xăng dầu đã nhận vào ca: Từ màn hình ca bán hàng ta kích chọn ở cạnh Chốt cột bơm, bể cuối ca và kích chọn **Chốt h.hóa tổng hợp cuối ca**.



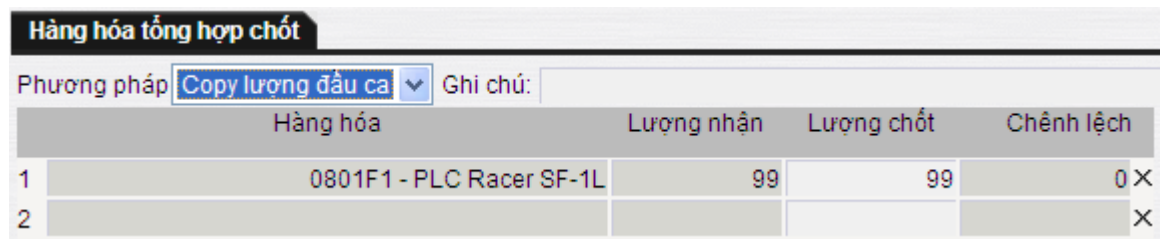
Ca: 12062001. /Pham Chi Anh
 NV: Pham Chi Anh CHT, [icon]

• Nhận hàng vào ca • Chốt cột bơm, bể cuối ca • Lập hóa đơn cuối ca

Tổng hợp Nhận/chốt Chốt h.hóa tổng hợp cuối ca **Ctr xuất** **Ctr thu**

Mã	Tên	Th.toán ngay (*)	Công nợ
020202	Xăng không chì RON 92	500.0	
920003	V		

Sau đó ta cập nhật hàng hóa, lượng nhận, lượng chốt cho từng mặt hàng. (Ở đây ta nên chọn phương pháp là Copy lượng đầu ca, để chỉ phải cập nhật lại **Lượng chốt** cho đúng thực tế).



Hàng hóa tổng hợp chốt

Phương pháp Copy lượng đầu ca Ghi chú: [input type="text"]

	Hàng hóa	Lượng nhận	Lượng chốt	Chênh lệch
1	0801F1 - PLC Racer SF-1L	99	99	0 X
2				X

- Bước 5 - Viết hóa đơn chốt ca: Từ màn hình ca bán hàng ta kích chọn **hóa đơn chốt ca từng phần** (trên hóa đơn cho phép tối đa 4 mặt hàng nên nếu số mặt hàng còn phải chốt lớn hơn 4 mặt hàng ta phải tách hóa đơn bằng cách tích vào tối đa 4 mặt hàng trong phần **chốt ca từng phần**) . Sau đó cập nhật thông tin về hóa đơn ở tab Hóa đơn VAT và kích chọn **Lưu**, rồi **Print** để in hóa đơn.



Tiền hàng bán lẻ **Hóa đơn VAT**

/ Ghi chú: [input type="text"]

VAT % 10.0

Ngày hóa đơn 20/6/2012 [icon]

Số ngày nợ 0

Số xe ri A2012

Số hóa đơn 9

Khách Pham Chi Anh

MST #### [icon]

Địa chỉ Khâm Thiên - Hà Nội

Tiền thuế 1 590 779.2

Tổng tiền 17 498 577

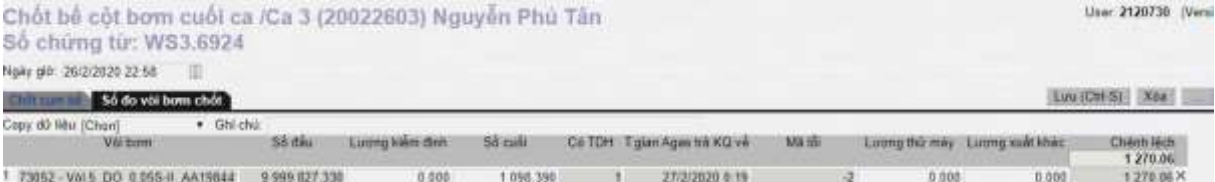
Sau khi viết hết hóa đơn chốt ca từng phần kích vào **Lập hóa đơn đóng ca**, chương trình sẽ tự động **đóng ca**.

Lưu ý:

- Để kiểm soát thay đổi số điện tử sau khi chốt ca.
 - Hệ thống không hiển thị ra thông báo lỗi mà ghi trực tiếp vào giao dịch, tô màu đỏ với những giao dịch có mã lỗi <0.
 - Hiển thị các thông tin liên quan đến TĐH để người dùng nhìn thấy và kiểm soát gồm:
 - Có TĐH: Có kết nối TĐH (1: Có/ 0: không)
 - Time Agas: Thời gian ghi nhận kết quả trả về từ Agas
 - Mã lỗi: Lỗi chốt (0: không lỗi/ Khác: Có lỗi)
 - Người dùng kiểm soát qua “Báo cáo kiểm soát chốt ca” tại menu **Kế toán Vpcty -> B/c KD hàng hóa -> Báo cáo kiểm soát chốt ca**
- Khi chốt cột bơm có kết nối TĐH, nếu User không có quyền “CH8-Sửa dữ liệu chốt TĐH” thì không sửa được số chốt bể/vòi bơm cuối ca. Ngược lại, nếu có quyền CH8 thì User được sửa số chốt bể/vòi bơm cuối ca.
- Khi viết hóa đơn chốt ca (490,491) nếu có một mặt hàng thuộc nhóm XDS có lượng nhỏ hơn 1 lít thì chương trình sẽ không cho lưu chứng từ

2.16.2 Tràn số cột bơm

Khi cột bơm bị tràn số, thì chứng từ chốt tại ca bị tràn sẽ có số cuối < số đầu:



Chốt bể cột bơm cuối ca /Ca 3 (20022603) Nguyễn Phú Tân User: 2120738 (Versi
Số chứng từ: WS3.6924
Ngày ghi: 26/2/2020 22:58

Số đo vòi bơm chốt

Copy dữ liệu (Char)	Vai trò	Ghi chú	Số đầu	Lượng kiểm định	Số cuối	Có TĐH	T gian Agas trả KQ về	Mã số	Lượng thử máy	Lượng xuất khác	Chênh lệch
1	73052 - Vòi B_DO_0.955-IL_AA19844		9 999 827 338	0.000	1 058.396	1	27/2/2020 8:19	-2	0.000	0.000	1 270.06 X

Số lượng xuất bán trong ca = Chênh lệch = Số lớn nhất của cột bơm – Số đầu + Số cuối – lượng kiểm định – Lượng thử máy – Lượng xuất khác

Lưu ý :

- Tại ca bị tràn số sau khi đóng ca tại tab Tổng hợp lượng còn lại của cột bơm bị tràn số thể hiện số âm:

T.hợp											
G.nhận hóa	Đo bể	G.nhận sê-ri	Cử xuất	Th.chi khác	B.kê sec	B.kê h.đơn	Dòng tiền				
Mã	Tên	Số nhận	Đã ghi nhận			Chốt cuối ca				Số còn lại	
			Th.toán ngay (*)	Công nợ	Xuất hộ (**)	K.định	Thủ máy	Xuất khác	Số cuối		
0201004	Xăng E5 RON 92-II	15.728.753,8	1.439,8							15.730.193,6	0,0
73021	Vòi 2_E5-R92-II_AA201784	6.209.093,2								6.209.605,5	512,3
73061	Vòi 6_E5-R92-II_AA198441	1.171.797,0								1.172.071,6	274,6
73093	Vòi 9_E5-R92-II_AA213765	4.722.843,7								4.723.121,6	278,0
73121	Vòi 12_E5-R92-II_AA213750	3.625.019,9								3.625.394,9	375,0
0201042	Xăng RON95-IV	4.070.898,7	734,3	30,0						4.071.662,9	0,0
73031	Vòi 3_R95-IV_AA200784	1.204.971,7								1.205.279,5	307,8
73043	Vòi 4_RON95-IV_AA213750	243.134,8								243.243,7	109,0
73081	Vòi 8_R95-IV_AA201795	1.049.470,8								1.049.609,5	138,7
73131	Vòi 13_R95-IV_AA213765	1.573.321,4								1.573.530,1	208,8
0501001	Dầu hỏa	2.298.401,0	207,9							2.298.608,9	0,0
73011	Vòi 1_KO_AA201790	2.298.401,0								2.298.608,9	207,9
0601002	DO 0.05S-II	22.127.167,1	1.727,7							12.129.993,4	(9.998.901,5)
73052	Vòi 5_DO_0.05S-II_AA198441	9.999.827,3								1.098,4	(9.998.728,9)
73073	Vòi 7_DO_0.05S-II_AA201795	5.109.136,0								5.109.838,8	702,8
73114	Vòi 11_DO_0.05S-II_AA198436	7.018.203,8								7.019.056,2	852,4

- Ngoài ra sản lượng xuất bán của các cột bơm bị tràn số cũng thể hiện âm (tại các ca chốt tràn số) tại các báo cáo:
 - Bc so sánh số liệu TĐH
 - Bc xuất bán qua cột bơm
 - Báo cáo kiểm soát chốt ca
 - Tình hình sử dụng cột bơm

2.17 Thay đổi vòi bơm trong ca bán hàng

2.17.1 Bỏ vòi bơm không sử dụng.

Tại Văn phòng:

Chuyển trạng thái cột bơm muốn bỏ bớt về trạng thái Không sử dụng.



Tại Cửa hàng:

Khi nhận hàng vào ca (nhận XDS), chọn nhận từ ca trước (1), trong danh sách cột bơm đang có, chọn cột bơm cần bỏ và tích vào dấu (X) để xóa (2) / Lưu lại.

Nhận hàng vào ca /Ca 1 (14021301) Trần Văn Dũng
Số chứng từ: WS1.195
 Ngày giờ: 13/2/2014 6:00

Số đo vòi bơm nhận | Hàng hóa tổng hợp | Nhận hóa đơn, ấn chỉ

Nhận hàng từ: 14021201 - Trần Văn Dũng | Ghi chú:

	Vòi bơm	Số nhận
1	101 - Vòi 04 - M92	6 444 379.000 X
2	102 - Vòi 05 - M92	6 588 933.000 X
3	103 - Vòi 06 - M92	3 987 483.000 X
4	104 - Vòi 03 - M95	26 575.000 X
5	105 - Vòi 01 - M92	3 522 827.000 X
6	106 - Vòi 02 - M92	3 373 576.000 X
7	107 - Vòi 07 - M95	3 070 017.000 X
8	108 - Vòi 08 - Do0.05	3 834 537.000 X
9		

2.17.2 Thêm mới hoặc chuyển đổi vòi bơm.

Tại Văn phòng:

Thực hiện thêm mới cột bơm trên Hệ thống Trung tâm, cần nhập đầy đủ thông tin cột bơm vào các ô có dấu (*), tại ô trạng thái, chọn: Đang sử dụng/ Lưu lại.

Vòi bơm (Pump) /Thêm mới /481001 - Cửa hàng Xăng Dầu số

Lưu (Ctrl-S) | Back | ?

Mã vòi bơm: 108 (*) | Mã TĐH: 8 (*)

Use TĐH Nổi bể: 105 - Bể 05 - Do0.05 (*)

Tên vòi bơm: Vòi 08- DO 0.05 (*)

Trang thái: **Đang sử dụng** ▼

Ghi chú: cột số 8

Số Sê-ri: AA11111

Số cột bơm: 8 (*)

Tại Cửa hàng:

Khi thực hiện nhận thêm cột bơm, cần thực hiện nhận hàng vào ca (XDS) hai lần:

+ Lần 1: nhận từ Ca trước- nhận các cột bơm đang có.

Nhận hàng vào ca /Ca 1 (14021201) Trần
Số chứng từ: WS1.194

Ngày giờ: 12/2/2014 6:00

Số đo vòi bơm nhận | Hàng hóa tổng hợp | Nhận hóa đơn, ấn chỉ

Nhận hàng từ: 14021101 - Trần Văn Dũng | Ghi chú:

	Vòi bơm	Số nhận
1	101 - Vòi 04 - M92	6 440 351.000 X
2	102 - Vòi 05 - M92	6 585 933.000 X
3	103 - Vòi 06 - M92	3 986 660.000 X
4	104 - Vòi 03 - M95	26 575.000 X
5	105 - Vòi 01 - M92	3 518 012.000 X
6	106 - Vòi 02 - M92	3 369 355.000 X
7	107 - Vòi 07 - M95	3 065 370.000 X

+ Lần 2: nhận từ Cửa hàng - thêm cột bơm mới từ danh sách có sẵn.

Nhận hàng vào ca /Ca 1 (14021201) Trần

Ngày giờ: 12/2/2014 16:58 | Ghi chú (header):

Số đo vòi bơm nhận | Hàng hóa tổng hợp | Nhận hóa đơn, ấn chỉ

Nhận hàng từ: Cửa hàng | Ghi chú:

	vòi bơm	Số nhận
1		X
2	108 - Vòi 08 - Do0.05	X
3		X
4		X

2.18 Ca cửa hàng.

Sử dụng cho cửa hàng trưởng, kế toán cửa hàng phục vụ các công việc của cửa hàng trưởng như thu tiền của ca bán hàng, nhập hàng, .. mà không ảnh hưởng đến ca bán hàng đang thực hiện.

- Từ menu **Ca->Ca cửa hàng**.
- Kích **Thêm** để mở ca cửa hàng.



- Chọn ngày giờ mở ca, ca trưởng chọn tên cửa hàng trưởng. Kích **Lưu** để tạo ca cửa hàng mới.
- Đăng nhập vào ca cửa hàng dùng quyền cửa hàng trưởng.

Nhập-xuất Ca Thu - Chi Sổ quỹ /Cnợ

Menu search

Ca cửa hàng /Thêm mới

Lưu (Ctrl-S) Back ?

Mã ca [Tự động theo mã CHXD] (*)

Ngày giờ mở ca 27/8/2012 10:39 (*)

Ca trưởng (*)

Ghi chú

- Ca cửa hàng có thể kéo dài theo kỳ nửa tháng hoặc một tháng. Thời gian của ca phải
- Cửa hàng trưởng chọn ca cửa hàng đã mở và thực hiện các công việc của hàng trưởng trong chương trình
- Đóng ca cửa hàng như đóng ca bán hàng.

Chú ý:

- Mã ca cửa hàng tự sinh và khác mã ca bán hàng.
- Thời gian mở và đóng ca:
 - Thời gian mở ca cửa hàng không nằm trong khoảng thời gian đã được sử dụng để mở các ca cửa hàng trước đó.
 - Khi sửa giờ đóng mở ca cửa hàng không được sửa trùng với khoảng thời gian đã được sử dụng để mở các ca cửa hàng trước đó.

2.19 Mở lại ca

- Khi đã đóng ca thì không thể sửa lại những hóa đơn hay chứng từ thuộc ca đã đóng. Mà cần phải mở lại ca đã đóng thì mới sửa, xóa được chứng từ, có những chứng từ liên quan đến ca sau thì không thể sửa, xóa được.
- Sau khi nhấn nút “Mở lại ca” đã đóng, giá trị ngày giờ đóng ca vẫn giữ nguyên, không xóa trắng.

Ca: 18053101. /Phan Thị Nga 31/5/2018 14:00 - 5/7/2018 14:10 Ngày-giờ

NV:

* Ca không có hóa đơn chốt ca. [Mở lại ca] * Chốt hóa đơn, ấn chỉ cuối ca Số giao ca

T.hợp G nhận hóa Dp số

Ngày giờ đóng ca

Sau khi nhấn nút này, ngày giờ đóng ca vẫn giữ nguyên

Mã	Tên	Đã ghi nhận			Chốt cuối ca		Số còn lại
		toán ngày	Công nợ	Xuất hộ (**)	K.đính	Số cuối	
0201002	Xăng RON 95-II	1,901.0	100.0			18,000.0	(1.0)
8405	C5_R95_AA180296					18,000.0	2,000.0
0601002	DO 0.055	2,900.0	100.0			18,000.0	0.0
8406	C6_DO_AA180295					18,000.0	3,000.0
0901036	PLC RACER plus - Hộp 4 lít	2.0				2.0	0.0
0901053	KOMAT SHD50 - Thùng 18 lít	3.0				3.0	0.0
0901137	PLC CATER C-4 - Hộp 5 lít	3.0				3.0	0.0
0909084	PLC AW hydroil HM65- thùng 18 lít	5.0				5.0	0.0
1102007	Gas hoá lỏng bình 12kg van ngang	24.0				24.0	0.0

(*) Thanh toán ngay = xuất bán thu tiền, thẻ, nợ hóa đơn
(**) Xuất hộ = xuất theo lệnh, cấp lẻ, khuyến mại

Ca: 18071201. /Phan Thị Nga 12/7/2018 10:00 **18/7/2018 15:23** Ngày-giờ v

NV: []

• View hóa đơn cuối ca • Chốt hóa đơn, ấn chỉ cuối ca Số giao ca

Ngày giờ đóng ca

Sau khi xóa hóa đơn cuối ca, ngày giờ đóng ca vẫn giữ nguyên

#	Số ctừ	Ngày-giờ	Khách	Tên hàng hóa	SL	Giá bán	Thành tiền
1	GA1.8			Gas Petrolimex bình 12 kg van đứng	12.0	28,000	336,000
2	GA2.11			Gas Petrolimex bình 12 kg van đứng	12.0	28,000	336,000
3	406.11			Xăng RON 95-II	100.0	24,900	2,490,000
4	407.8	12/7 11:04	ThuyLT test	Xăng RON 95-II	100.0	24,900	2,490,000
5	411.9	12/7 11:08	ThuyLT test	DO 0.05S	100.0	19,000	1,900,000
6	412.9	12/7 11:21	ThuyLT test	Xăng RON 95-II	100.0	25,300	2,530,000
7	E422.1	12/7 11:37	Công an Quận Bắc Từ liêm	DO 0.05S	100.0	19,000	1,900,000
8	G101.1	12/7 13:26	Công an Quận Bắc Từ liêm	Xăng RON 95-II	100.0		
9	Q101.2	12/7 13:27	Khách vắng lai	Xăng RON 95-II	100.0	0	0
10	401.211197	13/7 8:53	Khách vắng lai	Xăng RON 95-II	100.0	25,300	2,530,000
11	GA2.6001	13/7 9:04	Khách vắng lai	Gas Petrolimex bình 12 kg van đứng	12.0	28,000	336,000
12	GA1.6101	13/7 9:05	Khách vắng lai	Gas Petrolimex bình 12 kg van đứng	12.0	28,000	336,000
13	406.75933	13/7 9:09	Khách vắng lai	Xăng RON 95-II	100.0	24,900	2,490,000
14	407.8496	13/7 9:25	ThuyLT test	Xăng RON 95-II	100.0	24,900	2,490,000
15	411.20380	13/7 9:27	ThuyLT test	Xăng RON 95-II	100.0	25,300	2,530,000
16	412.86364	13/7 9:28	ThuyLT test	Xăng RON 95-II	100.0	25,300	2,530,000

- Khi mở ca bán hàng mới, sau khi hoàn thiện dữ liệu và đóng ca. Ngày giờ chứng từ đóng ca sẽ là ngày giờ chứng từ cuối cùng trong ca.

Ca: 19021501. /Nguyễn Văn Giang 15/2/2019 0:00 **15/2/2019 5:58** Ngày-giờ

NV: Nguyễn Văn Giang, Lê Thị Ngân, Nguyễn Thị Hiền, Võ Trung Dũng, Chu Thái Dũng

• View hóa đơn cuối ca • Chốt hóa đơn, ấn chỉ cuối ca Số giao ca

Kích chọn để thêm,sửa,xóa CBCNV trong ca

Thop G.nhân hóa Do bé G.nhân sê-n **Ctử xuất** Th.chi khác B.kê sêc B.kê h đơn Dòng tiền

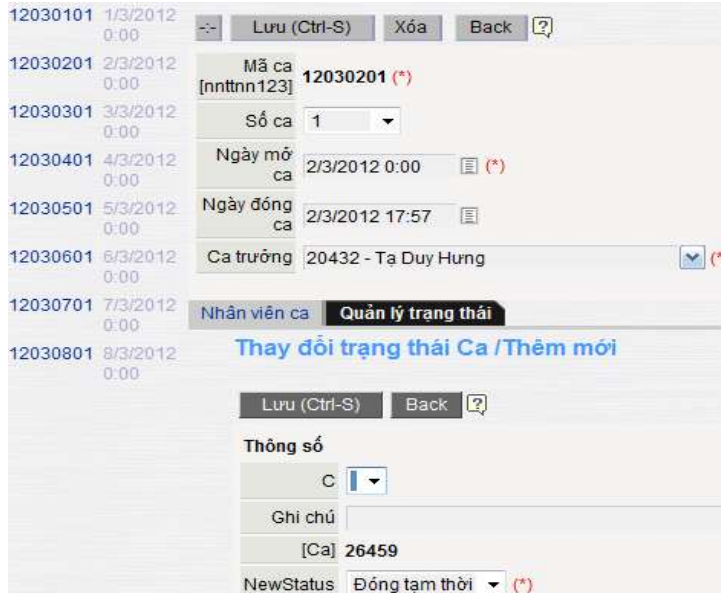
▼ Tìm khách/số ctừ/hhóa:

#	Số ctừ	Ngày-giờ	Khách	Tên hàng hóa	SL	Giá bán	Thành tiền
1	401.850718	15/2 0:08	Khách vắng lai	DO 0.001S-V	49,7	15.100	750.000
2	401.850719	15/2 1:34	Khách vắng lai	DO 0.001S-V	100,0	15.100	1.510.000
3	401.850721	15/2 1:40	Khách vắng lai	Xăng RON95-IV	90,1	17.750	1.600.000
4	401.850720	15/2 1:40	Khách vắng lai	Xăng RON95-IV	95,8	17.750	1.700.000
5	401.850722	15/2 2:21	Khách vắng lai	Xăng E5 RON 92-II	45,0	16.270	732.150
6	412.132766	15/2 5:58	Công ty TNHH du lịch Minmax	Xăng E5 RON 92-II	55,0	20.180	1.109.900
TỔNG CỘNG					435,6		7.402.050

- Thêm, sửa, xóa CBCNV trong ca: chỉ thêm, sửa, xóa CBCNV trong ca có giờ mở nằm trong kỳ kế toán của hàng (Ví dụ kỳ kế toán mở đến 30/06/2020 thì các ca có giờ mở trước 30/06/2020 23:59 sẽ được gán/sửa/xóa thêm CBCNV)
- Để mở lại ca bán hàng thì User được gán CBCNV có chức năng :
 - 1- kế toán công ty
 - 2- kế toán CH
 - 3- trưởng ca
 - 5- CH trưởng
 - 20- kinh doanh
 - 21- văn phòng
 - 11- thủ quỹ

2.20 Admin ca

- Cửa hàng trưởng có quyền Admin ca trong chương trình. Admin ca cho phép chỉnh sửa các thông tin ca đã mở, quản lý các trạng thái ca: Mở ca, đóng ca tạm thời, đóng vĩnh viễn hoặc xóa ca.
- Từ menu **Ca-> kích Admin ca.**

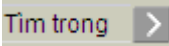


The screenshot shows a web application interface for managing shifts. On the left, there is a list of shifts with columns for ID, date, and time. The main area displays the details for shift 12030201, which is currently open. The details include: Mã ca (12030201), Số ca (1), Ngày mở ca (2/3/2012 0:00), Ngày đóng ca (2/3/2012 17:57), and Ca trưởng (20432 - Ta Duy Hưng). Below this, there is a section for 'Nhân viên ca' with a dropdown menu set to 'Quản lý trạng thái'. A title 'Thay đổi trạng thái Ca / Thêm mới' is displayed. At the bottom, there are fields for 'Thông số' (C), 'Ghi chú' ([Ca] 26459), and 'NewStatus' (Đóng tạm thời).


- Cập nhật các thay đổi của ca và lưu lại
- Thêm, sửa, xóa CBCNV trong ca nếu giờ mở nằm trong kỳ kế toán cửa hàng (Ví dụ kỳ kế toán mở đến 30/06/2020 thì các ca có giờ mở trước 30/06/2020 23:59 sẽ được gán/sửa/xóa thêm CBCNV)

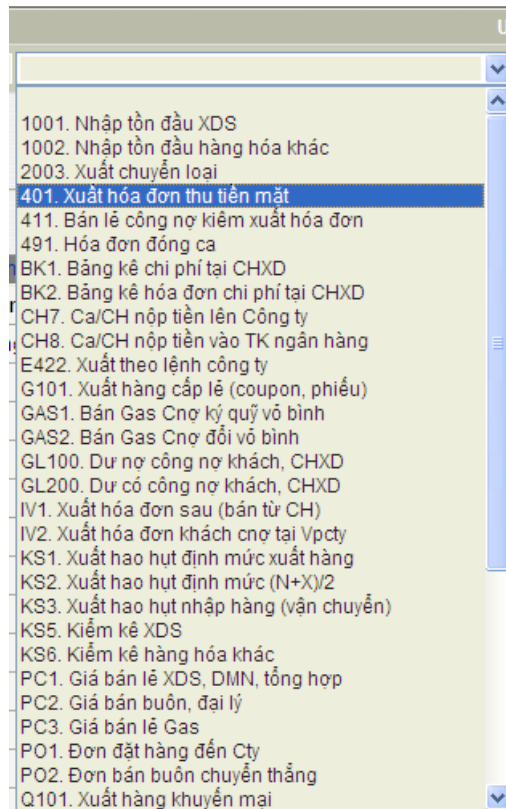
2.21 Chức năng tìm kiếm chứng từ


Để tìm kiếm và sửa chữa lại chứng từ đã viết trong chương trình Egas ta thực hiện như sau:

- Bước 1: Kích chọn 



- Bước 2: Xác định loại chứng từ cần tìm (ví dụ: 401. Xuất hóa đơn thu tiền mặt), sau đó kích chọn 



- Bước 3: Lựa chọn các điều kiện thích hợp để tìm chứng từ (như: User cập nhật chứng từ tại, từ ngày, đến ngày, ...), sau đó kích chọn .

http://10.0.2.153/?PSCTU_POS=1157&USER_POS=-1&fromDate=01%2F03%2F20...

PHÁT SINH CHỨNG TỪ TẠI ĐƠN VỊ: 100004 - Cửa hàng xăng dầu số 4

USER CẬP NHẬP CHỨNG TỪ TẠI: [Tất cả]

TÌM KIẾM CHỨNG TỪ

Từ ngày 01/03/2012 đến ngày 01/03/2012 Số tiền từ: đến:

Tìm: 401 - Xuất hóa đơn thu tiền mặt

(Số chữ)

#	Số chữ	Ngày-giờ	Khách	Tên hàng hóa	SL	Giá bán	Thành tiền
1	401.3	1/3 0:00		Xăng không chì RON 92	1,344.53	20,800.0	27,966,224
				DO 0.05S	49.02	20,400.0	1,000,008
				Xăng không chì RON 95	224.42	21,300.0	4,780,146
2	401.4	1/3 0:00		Xăng không chì RON 92	11,900.75	20,800.0	247,535,600
				DO 0.05S	843.64	20,400.0	17,210,256
				Xăng không chì RON 95	3,346.32	21,300.0	71,276,616
3	401.5	1/3 0:00		PLC RACER 2T	1.00	80,000.0	80,000
				PLC Racer Scooter	2.00	83,000.0	166,000
				Xăng không chì RON 92	10,854.67	20,800.0	225,777,136
4	401.6	1/3 0:00		DO 0.05S	849.99	20,400.0	17,339,796
				Xăng không chì RON 95	2,730.33	21,300.0	58,156,029
				PLC RACER SJ	2.00	71,000.0	142,000
5	401.7	1/3 0:00		PLC RACER SF	1.00	61,000.0	61,000
				PLC Racer Plus	2.00	311,000.0	622,000
				Xăng không chì RON 92	9,432.02	20,800.0	196,186,016

- Bước 4: Kích chọn chứng từ cần xem, sửa (ví dụ kích chọn chứng từ số 401.3)



- Bước 5: Sửa, xóa lại thông tin cần thiết, sau đó kích chọn **Lưu**. Sau đó nhập lý do cần sửa, xóa và kích chọn **lưu**.

2.22 Nhân viên ca phát hành hóa đơn trong ca

Để nhân viên phát hành được hóa đơn trong ca thì nhân viên cần được cấp User đầy đủ các điều kiện :

- Chỉ được cấp quyền CH201: Văn phòng sẽ thực hiện cấp quyền cho User tại menu **Hệ thống/ Quản trị hệ thống/ Users**



- CBCNV gán vào user có chức năng nhân viên ca: Văn phòng sẽ tạo thông tin nhân viên tại menu **Hệ thống/ Dm công ty/ Cán bộ CNV**

Cán bộ CNV

User: 212LuaNt (Version: 7). History >>

<> Lưu (Ctrl-S) Xóa Back (?)

Mã (*) Chức năng 4-Nhân viên ca

Tên Vũ Công Ánh (*) MST đại diện 8218598054

Giới tính 1-Nam Tên ngắn

Tel Mobile

Địa chỉ

Credit Limit

Credit Period

Trạng thái Đang làm việc

Điều chuyển cbcnv Assign to Users

Điều chuyển cbcnv
/Vũ Công Ánh

Thêm

[Cbcnv]	Đơn vị	Từ ngày	Đến ngày
1 Vũ Công Ánh 212080 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 80 - Hanhdth		1/1/2012	31/12/2012
2 Vũ Công Ánh 212080 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 80 - Hanhdth		1/1/2013	31/12/2020

- CBCNV gán vào user phải là nhân viên ca cần xuất hóa đơn: Ca trường thực hiện tại ca bán hàng:

Ca bán hàng

[No Edit] [No Delete] (?) X

Mã ca [YYmmDDxx] 20040301 (*)

Số ca Ca 1 Ca 2 Ca 3 (*)

Ngày giờ mở ca 3/4/2020 8:35 (*) Ngày giờ đóng ca dự kiến 22/5/2020 10:02

Ca trưởng [87758] - Not found (*)

Ghi chú

Copy Staff same shift number

Nhân viên ca

Nhân viên ca
/20040301

Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh Tìm: Any >

[ID]	Cbcnv	[Ca]	Phân công	X
1 322619	NTA03 - Nguyễn Thế Anh	20040301	Đứng cột bơm	<input type="checkbox"/>
2 322620	VCA01 - Vũ Công Ánh	20040301	Đứng cột bơm	<input type="checkbox"/>

Nhân viên phát hành hóa đơn trong ca khi đăng nhập bằng User(đủ các điều kiện) sẽ thực hiện:

- Nhìn toàn bộ các ca làm nhân viên ca nhưng Tại Uhome, Tab T.Hợp và tab Dòng tiền không hiển thị dữ liệu
- Phát hành được hóa đơn, in hóa đơn tại ca đang mở (CBCNV gán vào user là nhân viên ca)
- Xóa hóa đơn do mình tạo ra (nếu được gán thêm quyền CH10)
- Không khai thác được các báo cáo ca:
+ Sổ giao ca

+ Báo cáo đối soát hóa đơn e-invoice

+ Bảng kê hóa đơn theo ca

- Không thực hiện được: nhận được hàng vào ca, xóa hóa đơn do user khác tạo, chốt cuối ca, đóng ca

Tab "B.kê h.đơn" tại giao diện ca bán hàng sẽ bổ sung thêm User phát hành:

Ca không có hóa đơn chốt ca. [Mở lại ca] • Chốt hóa đơn, ấn chỉ cuối ca [Số giao ca]

Thống kê nhân viên | Đơn bán | Đơn bán theo | Đơn bán theo ca | Thống kê | B.kê h.đơn | Đóng tiền

Tìm số cũ/nhà/sẽ-nhà/số hóa đơn/khách/MST: Trạng thái: Tất cả

#Ctử	Sê-ri	Số h.đơn	Ngày	Đối tượng	MST	Hàng hóa, dịch vụ	Tiền ch.thuế	Th.suất %	Tiền thuế	Trạng thái	User phát hành
1	411.26680	AA/18E 0003271	20/5/20	CÔNG TY TNHH KHUÔN ĐỨC TSUKUBA VIỆT NAM	0100114177	ĐO 0.05S-II	134.364	10,00	13.436	HẾT	2120802
2	406.182932	AA/18E 0003273	20/5/20	Công ty TNHH Ogino Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	0102141296-001	ĐO 0.05S-II	134.364	10,00	13.436	HẾT	212anhvc
3	406.182933	AA/18E 0003274	20/5/20	Công ty TNHH Ogino Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	0102141296-001	ĐO 0.05S-II	268.727	10,00	26.873	HẾT	2120802
4	401.474148	AA/18E 0003275	20/5/20	Công ty TNHH Ogino Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	0102141296-001	ĐO 0.05S-II	268.727	10,00	26.873	HẾT	212anhvc
5	401.473740	AB/18E 0001299	3/4/20	CTY TNHH Hiệp Đồng	0102080029	Xăng RON95-IV	1.747.273	10,00	174.727	HẾT	2120800
6	401.473939	AB/18E 0001300	21/4/20	Công ty TNHH Ogino Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	0102141296-001	Xăng E5 RON 92-II	18.181.818	10,00	1.818.182	HẾT	2120800
7	411.1358	AB/18E 0001301	27/4/20	CÔNG TY TNHH KHUÔN ĐỨC TSUKUBA VIỆT NAM	0100114177	Xăng E5 RON 92-II	8.090.909	10,00	809.091	HẾT	2120800
8	411.26477	AB/18E 0001302	21/4/20	CÔNG TY TNHH KHUÔN ĐỨC TSUKUBA VIỆT NAM	0100114177	Xăng E5 RON 92-II	818.182	10,00	81.818	HẾT	2120800
9	CK1.1	AB/18E 0001305	27/4/20	CÔNG TY TNHH KHUÔN ĐỨC TSUKUBA VIỆT NAM	0100114177	Xăng E5 RON 92-II	(1.000.000)	10,00	(100.000)	HẾT	2120800
10	IV1.5377	AB/18E 0001306	27/4/20	CÔNG TY TNHH KHUÔN ĐỨC TSUKUBA VIỆT NAM	0100114177	Xăng E5 RON 92-II	2.636.364	10,00	263.636	HẾT	2120800
11	490.90938	AB/18E 0001307	22/5/20	Người mua không lấy hóa đơn	-	Xăng E5 RON 92-II	60.537.455	10,00	6.053.745	HẾT	2120800
TỔNG CỘNG									91.818.183	9.181.817	

2.23 Tra cứu MST khi viết hóa đơn

- Chức năng liên quan: Các chứng từ 401, 490, 491, 406.
- Nội dung sửa:
 - o Cách thức tra cứu thông tin khách vắng lai: Do hiện chỉ chuẩn hóa danh mục chung với khách hàng có MST, với khách không có MST sẽ vẫn tra cứu trong các chứng từ đã phát sinh. Vì vậy, khi tra cứu cần phân tách thành 02 trường hợp: Trong Danh mục chung (với khách có MST) và trong Chứng từ đã phát sinh (khách không có MST). Vì vậy sẽ căn cứ vào ký tự đầu tiên khi nhập thông tin tra cứu vào ô MST, nếu:
 - Dấu “*”: Tìm khách trong Chứng từ đã phát sinh (như cách thức hiện nay)
 - Khác dấu “*”: Tìm khách trong Danh mục chung, thứ tự ưu tiên sẽ tìm kiếm Danh mục chung tại Client, nếu không có kết quả sẽ tìm tại Center.
 - o Sau khi tra cứu, các ô chứa thông tin Tên khách, Địa chỉ, MST, email sẽ không cho người dùng sửa thông tin bên trong. Muốn sửa đổi, người dùng phải nhấn nút “🗑️” (hình kèm theo).

VAT %	10
Ngày hóa đơn	11/5/2020
Số xê ri	HN/20E
Số hóa đơn	0793445
Khách	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đại Chúng Việt Nam
MST	0101057919
Địa chỉ	Số 22 Ngô Quyền, Phường Tráng Tiên, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Người mua hàng	
Email	
Tiền thuế	35 000
Tổng tiền	385 000

- o Lưu ý: để tìm kiếm KVL theo tên, địa chỉ (khách hàng không có MST), người dùng thực hiện gõ * trước khi tìm kiếm (VD: Tìm kiếm khách hàng có tên Bộ công an → *Bộ công an)

2.24 Cập nhật số kiểm định vòi bơm

Thực hiện cập nhật lượng kiểm định, lượng thử máy, lượng kiểm tra sai số sau khi đã thực hiện chốt ca

Menu: CHXD\ Ca\ Hậu kiểm\ Cập nhật số kiểm định vòi bơm

- Bổ sung thêm trường thử máy, Tự kiểm tra sai số để người dùng cập nhật.

- Công thức tính lượng chênh lệch:

Lượng chênh lệch = Số cuối ca - Số đầu ca - Lượng kiểm định – Lượng xuất khác - Tự kiểm tra sai số

Cập nhập số xuất kiểm định vòi bơm

Số ctừ	Ngày-giờ	Số đầu ca	Lượng kiểm định	Lượng xuất khác	Tự K.tra sai số	Số cuối ca	CL
1 WS3.56310	3/4/2020 17:33	183.131.800	500.000	200.000	100.000	184.931.800	1.000
2 WS3.56310	3/4/2020 17:33	240.227.830	0.000	50.000	0.000	245.227.830	4.850

2.25 Bổ sung thông tin người nhận hàng

Bổ sung tab Người nhận hàng tại các chứng từ (Tcode) sau: 401, GA1, GA2, 411, G101, Q101, 406, 407, 414, 404, 415, 408, 409.



Các trường thông tin bổ sung:

STT	Tên trường	Ý nghĩa	Cách nhập	Bắt buộc

1	Số xe		Biển số xe	Chọn từ danh mục	
2	Người lấy hàng		Tên người nhận hàng	Tự nhập, kiểu chữ	
4	Lái xe (chính)		Tên lái xe (chính)	Tham chiếu từ danh mục <i>Phương tiện vận chuyển</i> theo Số xe được chọn. Cho phép chỉnh sửa.	
5	Lái xe (phụ)		Tên lái xe (phụ)	Tham chiếu từ danh mục <i>Phương tiện vận chuyển</i> theo Số xe được chọn. Cho phép chỉnh sửa.	
6	SĐT liên hệ		Số điện thoại liên hệ với chủ xe/lái xe	Tham chiếu từ danh mục <i>Phương tiện vận chuyển</i> theo Số xe được chọn. Cho phép chỉnh sửa.	
8	Ghi chú		Ghi chú	Tự nhập, kiểu chữ và số	

2.26 Quy trình xử lý chứng từ 406 lỗi sai tài khoản

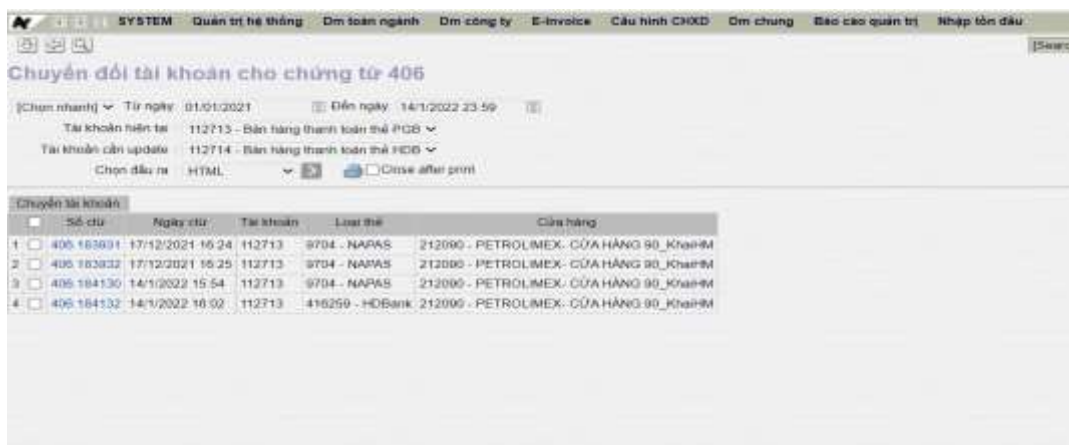
Menu: Hệ thống\ Quản trị hệ thống\ Xử lý 406 lỗi TK

- Sử dụng khi: Cửa hàng cập nhật nhầm TK thẻ muốn sửa tài khoản đúng nghiệp vụ bán hàng thẻ HD Bank hoặc PG Bank khi viết chứng từ 406 – Xuất hóa đơn thanh toán bằng thẻ
- Người thực hiện: Phân quyền thực hiện CHT/ Nhân viên nghiệp vụ cửa hàng
- Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1.	Chọn nhanh	Chọn nhanh thời gian khi chạy báo cáo	1. Từ đầu tháng 2. Tháng này 3. Tháng trước 4. Từ đầu năm		

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
			5. Quý 1 6. Quý 2 7. Quý 3 8. Quý 4 9. Cả năm		
2.	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu			X
3.	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu			X
4.	Tài khoản hiện tại	Chọn tài khoản 112713 hoặc 112714	Chọn giá trị từ danh sách có sẵn		X
5.	Tài khoản cần update	Chọn tài khoản 112713 hoặc 112714	Chọn giá trị từ danh sách có sẵn		X
6.	Đầu ra	Chọn đầu ra			X

- Các bước thực hiện xử lý lỗi 406: Tích chọn số chứng từ 406 cần xử lý, Kích **Chuyển tài khoản**



2.27 Chỉnh sửa cơ chế tìm kiếm mới của ô “Search” ở màn hình Uhome

Màn hình Uhome/ Ô tìm kiếm

- Sử dụng khi: Người dùng muốn tìm thông tin theo điều kiện lọc trên Egas
- Cách thức tra cứu thông tin:
 - Sử dụng ký tự “^”: Sẽ tìm kiếm các ký tự bắt đầu chuỗi.
 - Ví dụ nhập “^Tập” (không bao gồm ký tự “”) sẽ tìm tất cả các dữ liệu bắt đầu bằng “Tập”. Kết quả tìm kiếm sẽ có dạng “Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam”, ...

PHÁT SINH CHỨNG TỪ TẠI ĐƠN VỊ: 212090 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 90_KhaiHM
 USER CẤP NHẬP CHỨNG TỪ TẠI: (Tất cả)

TÌM KIẾM CHỨNG TỪ

Từ ngày: 21/11/2021 Đến ngày: 20/1/2022 23:59 Số tiền từ: đến

Tìm: Tập - KHÁCH

#	Số chứng từ	Ngày-giờ	Khách	Tên hàng hóa	Lượng	CHXD
1	KM01-401	15/12 15:33	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Dầu nhớt PLC Racer SJ - Hộp 1L Khuyến mại	10,00	212090
2	KM02-501	15/12 16:20	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	10,00	212090
3	KM02-502	15/12 16:49	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	1,00	212090
4	KM02-503	16/12 14:49	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	10,00	212090
5	KM02-504	16/12 14:56	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	15,00	212090
6	KM02-505	16/12 15:19	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	10,00	212090
7	KM01-402	16/12 15:22	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Dầu nhớt PLC Racer SJ - Hộp 1L Khuyến mại	100,00	212090
8	KM01-403	16/12 15:30	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Hóa chất	10,00	212090
9	KM01-601	10/1 10:56	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Dầu nhớt PLC Racer SJ - Hộp 1L Khuyến mại	89,00	212090
10	KM01-602	10/1 11:02	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Dầu nhớt Vega 46 - phuy 205 lít	10,00	212090

- Sử dụng ký tự "\$": Sẽ tìm kiếm các ký tự kết thúc chuỗi
 - Ví dụ nhập "Nam\$" (không bao gồm ký tự "\$") sẽ tìm tất cả các dữ liệu kết thúc bằng "Tập". Kết quả tìm kiếm sẽ có dạng "Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam", ...
- Sử dụng ký tự "|", kết hợp với ký tự đầu cuối "}" "{" để đóng chuỗi tìm kiếm: Sẽ tìm chuỗi ký tự có thể xuất hiện (toán tử "or")
 - Ví dụ nhập "{Nam|Xăng}" (không bao gồm ký tự "|") sẽ tìm tất cả các dữ liệu ở trên.

PHÁT SINH CHỨNG TỪ TẠI ĐƠN VỊ: 212090 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 90_KhaiHM
 USER CẤP NHẬP CHỨNG TỪ TẠI: (Tất cả)

TÌM KIẾM CHỨNG TỪ

Từ ngày: 21/11/2021 Đến ngày: 20/1/2022 23:59 Số tiền từ: đến

Tìm: {Nam|Xăng} - KHÁCH

#	Số chứng từ	Ngày-giờ	Khách	Tên hàng hóa	Lượng	CHXD
1	KM01-401	15/12 15:33	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Dầu nhớt PLC Racer SJ - Hộp 1L Khuyến mại	10,00	212090
2	KM02-501	15/12 16:20	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	10,00	212090
3	KM02-502	15/12 16:49	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	1,00	212090
4	KM02-503	16/12 14:49	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	10,00	212090
5	KM02-504	16/12 14:56	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	15,00	212090
6	KM02-505	16/12 15:19	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	10,00	212090
7	KM01-402	16/12 15:22	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Dầu nhớt PLC Racer SJ - Hộp 1L Khuyến mại	100,00	212090
8	KM01-403	16/12 15:30	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Hóa chất	10,00	212090
9	411-28581	23/12 13:57	Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu-Công ty xăng dầu khu vực I-Cty TNHH MTV	Xăng E5 RON 92-II	-2,00	212090
10	411-28582	23/12 13:58	Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu-Công ty xăng dầu khu vực I-Cty TNHH MTV	Xăng E5 RON 92-II	2,00	212090
11	411-28583	23/12 14:08	Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu-Công ty xăng dầu khu vực I-Cty TNHH MTV	Xăng E5 RON 92-II	-2,00	212090
12	411-28584	23/12 14:11	Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu-Công ty xăng dầu khu vực I-Cty TNHH MTV	Xăng E5 RON 92-II	2,00	212090
13	411-28585	23/12 14:12	Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu-Công ty xăng dầu khu vực I-Cty TNHH MTV	Xăng E5 RON 92-II	-3,00	212090
14	411-28586	23/12 14:27	Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu-Công ty xăng dầu khu vực I-Cty TNHH MTV	Xăng E5 RON 92-II	12,00	212090
15	411-28587	23/12 14:30	Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu-Công ty xăng dầu khu vực I-Cty TNHH MTV	Xăng E5 RON 92-II	10,00	212090
16	411-28588	23/12 14:35	Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu-Công ty xăng dầu khu vực I-Cty TNHH MTV	Xăng E5 RON 92-II	10,00	212090

- Sử dụng ký tự "+": Sẽ tìm chuỗi ký tự đồng thời xuất hiện (toán tử "and")
 - Ví dụ nhập "{Nam+Xăng}" (không bao gồm ký tự "+"). Kết quả tìm kiếm sẽ có dạng "Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam", ...

PHÁT SINH CHỨNG TỪ TẠI ĐƠN VỊ: 212090 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 90_KhaiHM
 USER CẬP NHẬP CHỨNG TỪ TẠI: [Tất cả]

TÌM KIẾM CHỨNG TỪ

Từ ngày 21/11/2021 đến ngày 20/1/2022 23:59 Số tiền từ: đến
 Tìm Nam+Xăng{ KHÁCH

(Số ctừ, mã khách, tên khách)

#	Số ctừ	Ngày-giờ	Khách	Tên hàng hóa	Lượng	CHXD
1	KM01.401	15/12 15:33	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Dầu nhớt PLC Racer SJ - Hộp 1L Khuyến mại	10,00	212090
2	KM02.501	15/12 16:20	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	10,00	212090
3	KM02.502	15/12 16:49	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	1,00	212090
4	KM02.503	16/12 14:49	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	10,00	212090
5	KM02.504	16/12 14:56	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	15,00	212090
6	KM02.505	16/12 15:19	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	10,00	212090
7	KM01.402	16/12 15:22	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Dầu nhớt PLC Racer SJ - Hộp 1L Khuyến mại	100,00	212090
8	KM01.403	16/12 15:30	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Hóa chất	10,00	212090
9	KM01.601	10/1 10:58	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Dầu nhớt PLC Racer SJ - Hộp 1L Khuyến mại	89,00	212090

- Sử dụng kết hợp ký tự "^", "|", "\$"

- Ví dụ nhập “Tập|Tùng\$”. Kết quả tìm kiếm sẽ có dạng: “Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam”, “Công ty TNHH Xây Dựng Minh Tùng”, ...

PHÁT SINH CHỨNG TỪ TẠI ĐƠN VỊ: 212090 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 90_KhaiHM
 USER CẬP NHẬP CHỨNG TỪ TẠI: [Tất cả]

TÌM KIẾM CHỨNG TỪ

Từ ngày 21/11/2021 đến ngày 20/1/2022 23:59 Số tiền từ: đến
 Tìm ^Tập|Tùng\$ KHÁCH

(Số ctừ, mã khách, tên khách)

#	Số ctừ	Ngày-giờ	Khách	Tên hàng hóa	Lượng	CHXD
1	KM01.401	15/12 15:33	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Dầu nhớt PLC Racer SJ - Hộp 1L Khuyến mại	10,00	212090
2	KM02.501	15/12 16:20	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	10,00	212090
3	KM02.502	15/12 16:49	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	1,00	212090
4	KM02.503	16/12 14:49	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	10,00	212090
5	KM02.504	16/12 14:56	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	15,00	212090
6	KM02.505	16/12 15:19	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	10,00	212090
7	KM01.402	16/12 15:22	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Dầu nhớt PLC Racer SJ - Hộp 1L Khuyến mại	100,00	212090
8	KM01.403	16/12 15:30	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Hóa chất	10,00	212090
9	411.28577	17/12 16:26	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Tùng	Xăng RON95-IV	10,00	212090
10	411.28578	17/12 16:26	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Tùng	Xăng RON95-IV	10,00	212090
11	411.28579	23/12 11:07	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Tùng	Xăng E5 RON 92-II	1,00	212090
12	KM01.601	10/1 10:58	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Dầu nhớt PLC Racer SJ - Hộp 1L Khuyến mại	89,00	212090
13	KM01.602	10/1 11:02	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Dầu nhớt Visga 46 - phuy 205 lit	10,00	212090
14	KM02.701	10/1 13:57	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	DO 0.05S-II	1,00	212090
15	KM02.702	10/1 13:58	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	DO 0.05S-II	10,00	212090

- Sử dụng kết hợp ký tự "^", "+" và "\$"

- Ví dụ nhập “^Tập+Nam\$”. Kết quả tìm kiếm sẽ có dạng “Tập đoàn xăng dầu Việt Nam”

PHÁT SINH CHỨNG TỪ TẠI ĐƠN VỊ: 212090 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 90_KhaiHM
 USER CẬP NHẬP CHỨNG TỪ TẠI: [Tải cũ]

TÌM KIẾM CHỨNG TỪ

Từ ngày: 21/11/2021 đến ngày: 20/12/2022 23:59 Số tiền từ: đến

Tìm: Tập+NamS KHÁCH

#	Số ctừ	Ngày-giờ	Khách	Tên hàng hóa	Lượng	CHXD
1	KM01.401	15/12 15:33	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Đầu nhóm PLC Racer S/J - Hộp 1L Khuyến mại	10,00	212090
2	KM02.501	15/12 16:20	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	10,00	212090
3	KM02.502	15/12 16:49	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	1,00	212090
4	KM02.503	16/12 14:49	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	10,00	212090
5	KM02.504	16/12 14:56	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	15,00	212090
6	KM02.505	16/12 15:19	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Xăng RON95-IV	10,00	212090
7	KM01.402	16/12 15:22	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Đầu nhóm PLC Racer S/J - Hộp 1L Khuyến mại	100,00	212090
8	KM01.403	16/12 15:30	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Hóa chất	10,00	212090
9	KM01.601	10/1 10:58	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Đầu nhóm PLC Racer S/J - Hộp 1L Khuyến mại	89,00	212090
10	KM01.602	10/1 11:02	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Đầu nhóm Visco 46 - phụ 205 lit	10,00	212090
11	KM02.701	10/1 13:57	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	ĐƠ 0.05S-II	1,00	212090
12	KM02.702	10/1 13:58	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	ĐƠ 0.05S-II	10,00	212090
13	KM02.703	10/1 14:29	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	ĐƠ 0.05S-II	1,00	212090
14	KM01.603	11/1 8:50	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Đầu động cơ HD50/18L	1,00	212090
15	KM01.604	11/1 14:06	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Đầu động cơ HD50/18L	1,00	212090
16	KM01.605	13/1 9:41	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Đầu cơ L-AN 46 (Rolling Oil 46)	3,00	212090

2.28 In biên lai bán hàng cho phép sửa được ô tên lái xe và số xe

Menu: CHXD/ TĐH/ In biên lai bán hàng

Nội dung sửa: Khi in biên lai bán hàng cho phép sửa được ô tên lái xe và số xe để nhân viên bán hàng có thể đánh máy được trước khi in

BIÊN LAI BÁN HÀNG

Tên đơn vị: 212090 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 90_KhaiHM
 Mã giao nhận: 15161616

Tên đơn vị: 212090 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 90_KhaiHM
 Địa chỉ: Đường Đặng Phúc Thông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
 Cơ sở bán số: 1 Serial: AAB72812 Mã kỹ thuật: TAPSUNG-GRAN-H với bơm số: 01

STT	Hàng hóa	Đơn vị bán	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (VNĐ)
1	Xăng RON95-IV	Lít	0,000	20,200	0,000

Thời gian in: 21/11/2022 17:15
 Lần in thứ: 1

Print 1 page

Destination: Save as PDF

Pages: All

Layout: Portrait

More settings

Save Cancel

2.29 Cập nhật số xe/ số phiếu chứng từ 412 phát sinh từ Pos

Với những chứng từ 412 phát sinh từ Pos nghiệp vụ trả hàng qua Pos thì sẽ không sửa/xóa được chứng từ. Trường hợp cần cập nhật số phiếu/ số xe thực hiện tại menu : **CHXD/ Ca/ Hậu kiểm/ Cập nhật số phiếu/ số xe – 412D**:

Cập nhật Số phiếu/Xe

/22070602 - Thái Ngọc Doanh

Lưu (Ctrl-S)	Refresh	Số ctừ: 412.57089	Any	22070602 - Thái Ngọc Doanh
Số ctừ	Ngày-giờ	Số lượng	Giá bán	Số phiếu/Xe
1 412.57089	6/7/2022 9:06	65	32 760	30G-46325

- Chọn ca bán hàng cần cập nhật số xe, số phiếu
- Cập nhật số chứng từ cần cập nhật số xe, số phiếu – Có thể cập hoặc để trống
- Nhấn phím enter để hiển thị chứng từ 412 phát sinh từ Pos
- Thực hiện cập nhật số phiếu/ số xe và lưu lại bằng cách nhấn nút Lưu

2.30 Cập nhật mã khách cho chứng từ TT3 phát sinh từ Pos

Với những chứng từ TT3 phát sinh từ Pos sẽ không sửa/xóa được chứng từ. Trường hợp cần cập nhật mã khách thực hiện tại menu : **CHXD/ Ca/ Hậu kiểm/ Cập nhật khách hàng TT3-TT3D** :

Cập nhật khách hàng TT3			
/22081501 - Sầm Thị Thu Hải			
Lưu (Ctrl-S)	Refresh	Số ctừ:	22081501 - Sầm Thị Thu Hải
Số ctừ	Ngày-giờ	Khách hàng	Tổng tiền
1 TT3.12	29/8/2022 9:50	khaihm - KhaiHM test	60 000
2 TT3.13	29/8/2022 10:14	212.0016 - Công an thành phố t	50 000
3 TT3.14	29/8/2022 10:18		100 000

- Chọn ca có chứng từ TT3 cần cập nhật mã khách
- Thực hiện cập nhật mã khách tại cột “Khách hàng” cho từng chứng từ TT3

2.31 Chặn min – max các chứng từ tại Egas

Thực hiện chặn min – max các chứng từ tại Egas cụ thể:

STT	Chứng từ	MIN (LTT)	MAX (Tổng tiền)
1	Toàn bộ chứng từ: - Xuất kho: 407, 409, 412, E422, 414, 712, G101, Q101 - Xuất hóa đơn: Danh sách ở dưới	0.01 (Từng line)	Không chặn
2	- Hóa đơn chốt ca: 490, 491, 406, 416,701 - Hóa đơn công nợ: 411, 415 - Hóa đơn chiết khấu: CK1, tab Chiết khấu của 411, IV1 - Hóa đơn dịch vụ: D1, D10	1.00 (Từng line)	Không chặn

3	- Hóa đơn vắng lai: 401, 404, 408, GA1, GA2	1.00 (Từng line)	20,000,000 (Tổng các line)
4	- Hóa đơn vắng lai: 406, 416, 701	1.00 (Từng line)	Không chặn
5	- Hóa đơn sau: IV1, IV2, IV3, IV4, IV5, IV7, IVX	1.00 (Tổng các line theo mặt hàng)	Không chặn

Chặn min – max các chứng từ tại KTMS:

STT	Chứng từ	MIN (LTT)	MAX (Tổng tiền)
1	Toàn bộ chứng từ: - Xuất kho: 412, E422, 712 - Xuất hóa đơn: Danh sách ở dưới	0.01 (Từng line)	Không chặn
2	- Hóa đơn vắng lai: 416, 701	1.00 (Từng line)	Không chặn

2.32 Đồng bộ thời gian máy tính CHXD

Hiện tại thời gian của hóa đơn phải khớp đúng theo thời gian đã bán hàng thực tế, không căn cứ vào thời điểm lập hóa đơn, Ngày chứng từ mờ đi không cho người dùng tự nhập/ sửa.

- Mục tiêu: Thời gian của các máy tính Egas Client, Máy tính nhúng, máy chủ Egas Center, máy chủ EINVOICE phải khớp nhau, lấy hệ thống trên Network Time Protocol (NTP) server làm chuẩn
- Thực hiện:
 - Đối với MTN: Sẽ tự động cài đặt lại giờ nếu hệ thống Agas phát hiện giờ sai
 - Đối với Egas Client: Sẽ có thông báo trên màn hình U-Home nếu thời gian máy tính Client bị sai.

Có sự chênh lệch giữa thời gian máy chủ EGAS Client và thời gian máy chủ NTP!
 Vui lòng cập nhật lại thời gian cho máy chủ EGAS Client để tránh sai lệch thời gian trong quá trình xuất hoá đơn.

Ca: 24032601. /Nguyễn Văn Thuyền 25/3/2024 9:22 - 25/3/2024 17:22
 NV:

Nhân hàng vào ca • Chốt cột bơm, bể cuối ca • Chốt hàng hóa tổng hợp • Chốt hóa đơn, ấn chi Lập hóa đơn đóng ca Sổ giao ca

T.hop T.hop KTM Áp giá cho các bơm Nhân hóa Sửa SP Giảm SP Dự xuất Tháo khác Bả vào Bả ra Đóng bôn Log bôn

Mã	Tên	Số nhận	Đã ghi nhận				Số cuối	Số còn lại
			Th. toán ngày (*)	Công nợ	Xuất hộ (**)	Xuất khác		
0201004	Xăng E5 RON 92-II	15.837,703			500,000			
630001	VMI 1_E5 RON 92	8.659,344						
630002	VMI 2_E5 RON 92	7.178,358						
0201042	Xăng RON95-IV	8.164,673						
630003	VMI 3_RON 95_IV	6.313,213						
630006	VMI E_RON 95 IV	1.851,460						
0601002	DO 0.05S-II	3.318,353						
630005	VMI E_DO 0.05S-II	3.318,353						
0601005	DO 0.001S-V	3.451,484						
630004	VMI 4_DO 0.001S-V	3.451,484						

(*) Thanh toán ngày = TMI/ KTM
 (**) Xuất hộ = xuất theo lệnh cấp 18, khuyến mãi, sử dụng điểm

- NSD tại cửa hàng lấy File *SyncTime_EGASClient.zip* về máy tính và giải nén chạy File trong thư mục theo đường dẫn: <https://egas.petrolimex.com.vn/Downloads/TOOLS/>

3 THỰC HIỆN NGHIỆP VỤ THỐNG KÊ CỬA HÀNG

3.1 Cập nhật các số tồn đầu năm

3.1.1 Cập nhật số tồn hàng hóa.

- Sử dụng khi: Triển khai EGAS hoặc số lượng tồn đầu kỳ không kết chuyển được từ năm cũ sang năm mới.
- Người thực hiện: Văn phòng công ty.
- Các loại hàng hóa: Tất cả các loại mặt hàng còn tồn kho tại cửa hàng.
- Các bước thực hiện:
 - Với xăng dầu sáng: Menu **Nhập tồn đầu** ->**Nhập tồn đầu XDS**
 - Với hàng hóa khác xăng dầu: Menu **Nhập tồn đầu** ->**Nhập tồn đầu hàng hóa khác**
- Tải dữ liệu tồn đầu theo mẫu (template): Chỉ quản trị đơn vị thực hiện với sự hướng dẫn từ đội hỗ trợ kỹ thuật của PIACOM.

3.1.2 Cập nhật số dư công nợ, tiền mặt đầu năm

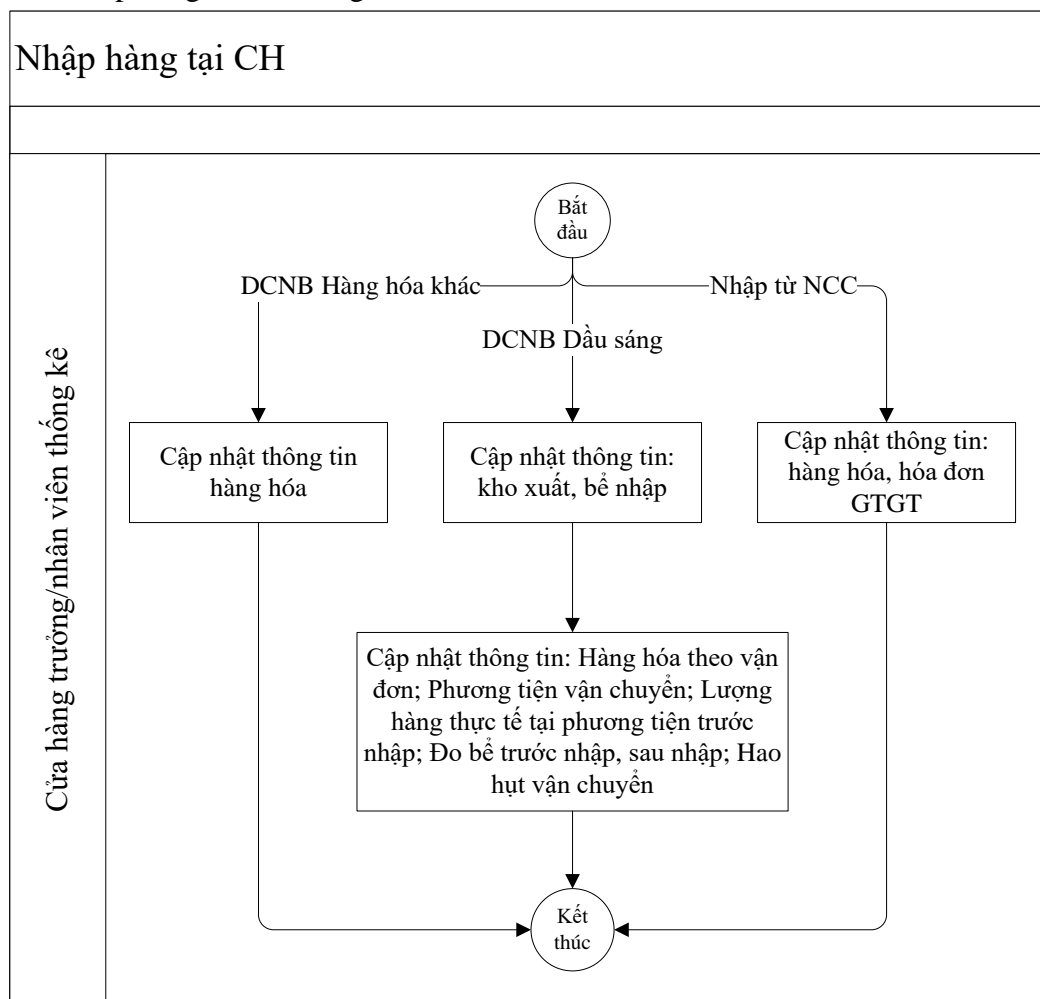
- Sử dụng khi: Triển khai Egas hoặc số dư nợ, dư có, tiền mặt của cửa hàng không kết chuyển được từ năm cũ sang năm mới.
- Người thực hiện: Văn phòng công ty.
- Cập nhật tồn đầu dư nợ, dư có của khách hàng, tiền của cửa hàng thực hiện các bước Menu **Nhập tồn đầu** ->**Dư nợ công nợ khách/CHXD** hoặc **Dư có công nợ khách/CHXD**, có 2 trường hợp:
 - Trường hợp cập nhật số dư công nợ khách hàng đầu năm:
 - Ghi có TK: Chọn tài khoản Phải thu khách hàng tại CHXD
 - Đối tượng: Cập nhật mã khách
 - Số tiền: Số dư nợ/có
 - CHXD: Cửa hàng quản lý khách đó
 - Trường hợp cập nhật số dư tiền mặt đầu năm (tồn quỹ đầu năm):
 - Ghi có TK: Chọn tài khoản Tiền mặt tại CHXD
 - Đối tượng: Cập nhật mã cửa hàng trưởng
 - Số tiền: Số tiền tồn quỹ
 - CHXD: Cửa hàng tồn quỹ
- Tải dữ liệu tồn đầu dư nợ, dư có của khách, tiền mặt CH theo mẫu: Chỉ quản trị đơn vị thực hiện với sự hướng dẫn từ đội hỗ trợ kỹ thuật của PIACOM.

3.2 Nhập hàng

3.2.1 Lưu đồ

- Sử dụng khi: Nhập di chuyển dầu sáng, nhập di chuyển hàng hóa khác xăng dầu, nhập từ nhà cung cấp.

- Người thực hiện: Cửa hàng trưởng/Nhân viên thống kê của cửa hàng/User được gán thêm quyền CH202.
- Lưu đồ nhập hàng tại cửa hàng:



3.2.2 Nhập xăng dầu sáng khi BỂ - Vòi bơm sử dụng TĐH

Các bước thực hiện khi nhập xăng dầu sáng khi BỂ - Vòi bơm sử dụng tự động hóa trong chốt trước nhập và sau nhập như sau:

- Bước 1:
 - Chốt bể vòi bơm trước nhập (bể kết nối máy tính nhúng TĐH): Từ menu **CHXD\Kho** -> Kích chọn **Nhập di chuyển XDS đến CHXD** Chọn bể hàng hóa cần nhập, chọn Kho xuất, đánh số phiếu và ngày phiếu của vận đơn, kích **chốt TĐH trước nhập**. (trước khi nhập hàng xuống bể). Kích **Load TĐH** động hóa hiển thị thông tin bể, vòi bơm trước nhập. Khi thực hiện cập nhật chứng từ SR1, với thông tin số phiếu nhập, ngày phiếu chương trình sẽ lấy các thông tin: nhiệt độ, Dennis 15, VCF, Lít TT, L 15 từ chứng từ xuất hàng của hệ thống SAP. Cập nhật chính xác hàng hóa, số phiếu nhập (bỏ số 0 đằng trước), ngày phiếu theo thông tin của chứng từ xuất hàng trên SAP
 - Ngày giờ làm SR1 phải lớn hơn Ngày giờ P XK + Thời gian đi đường

Chọn bể nhập

MA BỂ/Vòi bơm	TÊN BỂ/Vòi bơm	TDH	HÀNG HÓA
<input checked="" type="checkbox"/> 1001	Bể 1 - E5 RON92-II	Y	Xăng E5 RON 92-II
10011	Vòi 1_E5-RON92-II_AA247633	Y	
10003	Vòi 3_E5-RON92-II_AA247634	Y	
<input type="checkbox"/> 1002	Bể 2 - E5 RON92-II	Y	Xăng E5 RON 92-II
10005	Vòi 5_E5-RON92-II_AA247635	Y	
10007	Vòi 7_E5-RON92-II_AA247636	Y	
10009	Vòi 9_E5-RON92-II_AA267355	Y	
<input type="checkbox"/> 1003	Bể 3 - E5 RON92-II	Y	Xăng E5 RON 92-II
10011	Vòi 11_E5-RON92-II_AA267354	Y	
10013	Vòi 13_E5-RON92-II_AA267356	Y	
100151	Vòi 15_E5-RON92-II_AA278054	Y	

Không nhập số đo bể, vòi bơm
 Ngày lấy hệ số định mức hao hụt vận tải: 15/1/2021

Kho xuất: Tổng kho XD Đức Giang
 Km vận đơn: 14
 Số phiếu nhập: 45301
 Ngày phiếu: 23/09/2016

Kích vào chứng từ giao nhận

- Bước 2 – Cập nhật các thông tin giao nhận và chốt bể sau nhập: Sau khi nhập hàng xong vào lại menu CHXD\Kho\Nhập di chuyển XDS đến CHXD. Màn hình sẽ hiển thị lại trạng thái chọn bể có sẵn phiếu nhập. Nhấn nút Chứng từ giao nhận.

a. Vận đơn:

Nhập di chuyển XDS đến CHXD

Ngày giờ: 15/1/2021 16:03

Vận đơn: 02718 - 29C02718

Số xe	Hàng hóa	Nhiệt độ	Đơn vị	VCF	LIT TT	L15	DCNB	Từ kho	Ngày phiếu	Số phiếu	Km	Lít nhập bể
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-II							215A - Tổng kho XD Đức Giang	23/09/2016	45301	14	

- Kích nút tại tab vận đơn để lấy thông tin từ hệ thống SAP về (để load đúng số liệu thì cần nhập chính xác số phiếu – bỏ số 0 đằng trước, ngày phiếu trên phiếu xuất):

Nhập di chuyển XDS đến CHXD

Ngày giờ: 15/1/2021 16:03

Vận đơn: 02718 - 29C02718

Số xe	Hàng hóa	Nhiệt độ	Đơn vị	VCF	LIT TT	L15	DCNB	Từ kho	Ngày phiếu	Số phiếu	Km	Lít nhập bể
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	29.32	791	0.9824	12000	11785	0	215A - Tổng kho XD Đức Giang	23/09/2016	45301	14	12000 X <input type="button" value="Load PXX"/>

- Kiểm tra lại các thông tin lấy về: Có thể sửa lại các thông tin ngoại trừ Ngày giờ, số phiếu và những thông tin bị làm mờ

b. Số đo phương tiện: Cập nhật nhiệt độ, litTT tại xe của từng mặt hàng

Nhập di chuyển XDS đến CHXD

Số chứng từ: SR1.220390

Ngày giờ: 21/4/2020 15:58

Vận đơn: **Số đo phương tiện**

Số xe: 02736 - 29C02736 Ghi chú:

	Hàng hóa	Nhiệt độ	Lit TT
			30 000
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	28.50	10 000 X
2	0201042 - Xăng RON95-IV	29.50	20 000 X

- c. **Hạch toán XDS:** cập nhật V.bể trong trường hợp không có số liệu tại phần đo bể. LitTT hạch toán, V.chênh lệch, V.giãn nở, V.thừa/thiếu,.... được tự động tính toán dựa trên số liệu cập nhật tại tab Vận đơn và số đo phương tiện:

+ Lit TT hạch toán = LTT trên tab Vận đơn – DCNB trên tab Vận đơn

+ Lit 15 = (LTT trên tab Vận đơn – DCNB trên tab Vận đơn) * VCF

+ Kg = (LTT trên tab Vận đơn – DCNB trên tab Vận đơn) * WCF

+ V.chênh lệch = LTT trên tab Vận đơn –DCNB trên tab Vận đơn - LTT trên tab Số đo phương tiện

+ V.giãn nở = (LTT trên tab Vận đơn- DCNB trên tab Vận đơn - LTT trên tab Số đo phương tiện)*(nhiệt độ vận đơn – nhiệt độ tại tab số đo phương tiện)*Hệ số giãn nở

+ V. định mức = (LTT trên tab Vận đơn-DCNB) * Hệ số hao hụt trong Giao hao hụt định mức vận chuyển * Km từ kho đến CH.

→Có thể gõ lại giá trị V.định mức

+ V. thừa thiếu = V chênh lệch - V. giãn nở - V định mức.

Nhập di chuyển XDS đến CHXD
Số chứng từ: SR1.220390
Ngày giờ: 21/4/2020 15:38

Hạch toán XDS

Hàng hóa	V. bổ	V. chênh lệch	V. giãn nở	V. định mức	V. thừa thiếu	LTT thực tế	L15	Kg	Số hatch
1 0201004 - Xăng E5 RON 02-II		0	0	0.58	0.00	0.01	10.000.00	9.911.00	9.771.25
2 0201042 - Xăng RON95-IV		0	0	-13	1.00	11.32	20.000.00	19.882.00	19.087.15

d. **Phần đo bể:** Kích load chốt tr. nhập, Load TĐH(sau nhập) để hiển thị thông tin bể trước nhập và sau nhập. Cụ thể các thông tin trong phần đo bể:

- + Hc: Chiều cao chiếm chỗ trong bể.
- + Hn: Chiều cao của lượng nước trong bể.
- + Vc: Thể tích chiếm chỗ trong bể (cả hàng hóa và nước)
- + Vn: Thể tích lượng nước chiếm chỗ trong bể.
- + Vtt: Thể tích hàng hóa thực tế chiếm chỗ trong bể.
- + V15: Thể tích hàng hóa quy đổi về nhiệt độ 15 độ

Nhập di chuyển XDS đến CHXD
Ngày giờ: 27/4/2020 09:31

Phần đo bể

Bể chứa	Nhiệt độ T tại 15 (x1000)	VCF	WCF	Hc	Hn	Vc	Vn	Vtt	V tại 15
1 63001 - Bể 1 - E5 RON92-II [TRƯỚC NHẬP]	25.16	0.90	0.900	0.000	777.00	128.00	0.00	0.00	0.00
2 63001 - Bể 1 - E5 RON92-II [SAU NHẬP]	25.16	0.90	0.900	0.000	777.00	128.00	0.00	0.00	0.00

e. **Số đo vòi bơm chốt:** Kích Load TĐH(sau nhập) để hiển thị thông tin bể trước nhập và sau nhập. Cụ thể các thông tin trong phần số đo vòi bơm chốt:

- + Số đầu: Số chốt cột bơm trước nhập
- + Số cuối: Số chốt cột bơm sau nhập
- + Có TĐH: Có kết nối TĐH (1: Có/ 0: không)
- + Time Agas: Thời gian ghi nhận kết quả trả về từ Agas
- + Mã lỗi: Lỗi chốt (0: không lỗi/ Khác: Có lỗi)
- + Chênh lệch: = Số cuối – Số đầu – Kiểm định

Nhập di chuyển XDS đến CHXD
Ngày giờ: 27/4/2020 09:31

Số đo vòi bơm chốt

Vòi bơm	Số đầu	Số cuối	Có TĐH	T gian Agas trả KQ về	Mã lỗi	Chênh lệch
1 01 - Vòi 01 E5 RON92-II_AA290570	266 145.890	266 145.890	1	27/4/2020 9:31	0	0.00
2 630002 - Vòi 02_E5-RON92-II_AA290570	2 222.430	2 222.430	1	27/4/2020 9:31	0	0.00

f. **Thông tin bổ sung:** Các trường về chiều cao tấn mức cập nhật dạng số, các trường về tỷ trọng khi cập nhật thì nhân với 1000

Nhập đi chuyển XDS đến CHXD
Số chứng từ: SR1.220390
Ngày giờ: 21/4/2020 15:58

Thêm tin bổ sung

Số xe	Hàng hóa	Ngày	Số kiện mẫu gửi theo xe	Chiều cao kiện mẫu vận đơn	Số mẫu lưu giữ theo xe	Tỷ trọng D15 tại kiện vận đơn	Số kiện kiện mẫu lưu giữ	Chiều cao kiện mẫu thực tế	Số mẫu lưu tại xe trước nhập hàng	Tỷ trọng D15 tại phương tiện trước nhập
0201004 - Xăng ES RON 92-E	1A1		10.0	B1	790	C1		23.001		785
0201004 - Xăng ES RON 92-E	2B1		11.0	B2	790	C2		21.002		785
0201042 - Xăng RON95-IV	3C1		12.0	B3	790	C3		22.003		785
0201042 - Xăng RON95-IV	4D1		13.0	B4	790	C4		23.004		785
0201042 - Xăng RON95-IV	5E1		14.0	B5	780	C5		24.005		785

- g. Kết thúc, chọn **Lưu** để lưu lại thông tin hàng giao nhận hàng hóa, hệ thống tự động tạo phiếu nhập trên cơ sở các thông tin giao nhận.

3.2.3 Nhập xăng dầu sáng khi BỂ - Vòi bơm không có TĐH

Các bước thực hiện khi nhập xăng dầu sáng khi bể - vòi bơm không sử dụng tự động hóa chốt trước nhập và sau nhập như sau:

- Bước 1:
 - Cập nhật bể nhập hàng: Từ menu **CHXD\Kho** -> Kịch chọn **Nhập đi chuyển XDS đến CHXD** Chọn bể hàng hóa cần nhập hàng, chọn Kho xuất, nhập số phiếu và ngày phiếu của vận đơn.
 - Ngày giờ làm SR1 phải lớn hơn Ngày giờ P XK + Thời gian đi đường.

Check vào ô “Không nhập số đo bể, vòi bơm”. Nhấn vào nút **Chứng từ giao nhận**.

- Bước 2 – Cập nhật các thông tin giao nhận.
 - a. **Vận đơn:** Cập nhật đúng các thông tin về số phiếu nhập, ngày phiếu để lấy thông tin từ SAP

Nhập đi chuyển XDS đến CHXD
Ngày giờ: 15/1/2021 16:03

Vận đơn

Số xe	Hàng hóa	Nhiệt độ	Đơn vị	VCF	LITTT	L15	ĐCXB	Từ kho	Ngày phiếu	Số phiếu	Km	Lit nhập bể
0201004 - Xăng ES RON 92-E								215A - Tổng kho XD Đức Giang	23/05/2016	45301	14	

- Kích nút **Load P XK** tại tab vận đơn để lấy thông tin từ hệ thống SAP về:

Nhập đi chuyển XDS đến CHXD
Ngày giờ: 15/1/2021 16:03

Vận đơn

Số xe	Hàng hóa	Nhiệt độ	Đơn vị	VCF	LITTT	L15	ĐCXB	Từ kho	Ngày phiếu	Số phiếu	Km	Lit nhập bể
0201004 - Xăng ES RON 92-E		23.32	T91	0.9824	12000	11785		215A - Tổng kho XD Đức Giang	23/05/2016	45301	14	12000.00

Kiểm tra lại các thông tin lấy về: Có thể sửa lại các thông tin ngoại trừ Ngày giờ, Số phiếu và các thông tin bị làm mờ

- a. Số đo phương tiện: Cập nhật nhiệt độ, litTT tại xe của từng mặt hàng

Nhập di chuyển XDS đến CHXD
Số chứng từ: SR1.220390

Ngày giờ: 21/4/2020 15:58

Văn đơn | **Số đo phương tiện** | Hạch toán XDS | Phân đo bể | Số đo vòi bơm chốt | Thông tin bổ sung

Số xe: 02736 - 29C02736 Ghi chú:

Hàng hóa	Nhiệt độ	Lit TT
		30 000
1 0201004 - Xăng E5 RON 92-II	28.50	10 000 X
2 0201042 - Xăng RON95-IV	29.50	20 000 X

- b. Hạch toán XDS – cập nhật thông tin Vbể, V.địnhmức. Các trường khác chương trình tính toán theo cách tính giống như khi nhập có TĐH

Nhập di chuyển XDS đến CHXD
Số chứng từ: SR1.220390

Ngày giờ: 21/4/2020 15:58

Hạch toán XDS

Hàng hóa	V. bể	V. định mức	V. gần 0	V. định mức	V. hiệu suất	L. TT hạch toán	L. TT	Kg	Số hạch toán
1 0201004 - Xăng E5 RON 92-II	0	0	-6.58	0.00	0.51	10 000.00	9 911.80	9 771.25	212001 - PETROLIMEX- CUA HANG
2 0201042 - Xăng RON95-IV	0	0	-13	1.00	11.22	20 000.00	19 802.00	19 087.15	212001 - PETROLIMEX- CUA HANG

- c. **Phân đo bể:** Bỏ qua phân đo bể.
d. **Số đo vòi bơm chốt:** Có thể bỏ qua
e. **Thông tin bổ sung:** Các trường về chiều cao tấn mức cập nhật dạng số, các trường về tỷ trọng khi cập nhật thì nhân với 1000

Nhập di chuyển XDS đến CHXD
Số chứng từ: SR1.220390

Ngày giờ: 21/4/2020 15:58

Thông tin bổ sung

Số xe	Hàng hóa	Tên	Số hiệu mẫu ghi theo xe	Chiều cao bơm mức vận đơn	Số hiệu lưu ghi theo xe	Tỷ trọng D15 tại bể đơn	Số hiệu mức mẫu trước nạp	Chiều cao bơm mức trước	Số hiệu lưu tại xe trước nạp hàng	Tỷ trọng D15 tại phương tiện trước nạp
02736 - 29C02736 Ghi chú	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	1A1	10.0	B1	780	C1	20.0D1		785	X
	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	2 B1	11.0	B2	790	C2	21.0D2		790	X
	0201042 - Xăng RON95-IV	3 C1	12.0	B3	790	C3	22.0D3		795	X
	0201042 - Xăng RON95-IV	4 D1	13.0	B4	790	C4	23.0D4		795	X
	0201042 - Xăng RON95-IV	5 E1	14.0	B5	780	C5	24.0D5		795	X

- f. Kết thúc, chọn **Lưu** để lưu lại thông tin hàng giao nhận hàng hóa, hệ thống tự động tạo phiếu nhập trên cơ sở các thông tin giao nhận.

Lưu ý:

Tại tab Hạch toán XDS :

- Khi thực hiện tính toán chương trình sẽ lưu 2 số sau thập phân
- Người dùng được cập nhật lại và chương trình sẽ không tính toán lại các dữ liệu liên quan.

- Báo cáo nhập xuất tồn hiện đúng số hạch toán:

Công ty xăng dầu Bắc Thái
Cửa hàng xăng dầu số 14 Sóng Công

[Chọn nhanh] ▼ Từ ngày: 19/09/2018 Đến ngày: 19/09/2018 23:59

Nhóm hàng hóa: 11 - Xăng dầu sáng

Mã hàng hóa:

Chọn đầu ra: HTML

BÁO CÁO CÂN ĐỐI NHẬP XUẤT TỒN (2)
Từ ngày 19/09/2018 đến ngày 19/09/2018 23:59

STT	TÊN HÀNG HÓA	TÓN ĐẦU	NHẬP TRONG KỲ		XUẤT TRONG KỲ		TÓN CUỐI
			Phương thức	Lượng	Phương thức	Lượng	
1	NHIÊN LIỆU XĂNG	11,048.56		6,858.70		4,020.69	13,886.57
1.1	0201004-Xăng E5 RON 92-II	4,299.65		6,571.30		2,489.40	8,381.55
1			Điều động	6,571.30	Bán tiền ngay CHXD	2,489.40	
1.2	0201042-Xăng RON95-IV	6,748.91		287.40		1,531.29	5,505.02
1			Điều động	287.40	Bán tiền ngay CHXD	1,480.29	
2					Bán công nợ tại CHXD	51.00	
2	NHIÊN LIỆU DIEZEN	7,778.14		4,329.50		1,480.93	10,626.71
2.1	0601005-ĐO 0.001S-V	7,778.14		4,329.50		1,480.93	10,626.71
1			Điều động	4,329.50	Bán tiền ngay CHXD	933.93	
2					Bán công nợ tại CHXD	547.00	
TỔNG CỘNG		18,826.70		11,188.20		6,901.62	24,513.28

Ngày giờ in: 3/10/2018 11:46
LẬP BIỂU CỬA HÀNG TRƯỞNG

3.2.4 Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ

- Sử dụng tại các cửa hàng có ĐMTĐ hoặc các CHXD có khai báo nhiệt độ bình quân tại danh mục Nhiệt độ bình quân tại thời điểm kiểm kê (thay đổi giá bán, cuối tháng,..)
- Thực hiện: cửa hàng thực hiện tại Menu CHXD/Kho/Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ





Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ

Ngày nhập xuất (đến ngày): 05/12/2022 23:59

Ngày tính nhập xuất chênh lệch lần trước: 5/12/2022 23:59

Next >>

Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ # KS9.39601

Ngày xuất hao hụt: 18/1/2023 9:51

Xuất Nhập Chi tiết

/ Ghi chú:

	Hàng hóa	Tổng nhập có chênh lệch	Số lượng	Bể
1	0601002 - DO 0.05S-II	100 865	56.14	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
2	0601002 - DO 0.05S-II	20 706	10.95	880011 - Bể 1 - DO 0.05S-II X
3	0201032 - Xăng RON95-III	75 125	58.47	880022 - Bể 2 - RON95-III X
4	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	22 265	32.85	880033 - Bể 3 - E5-RON92 X
5				X
6				X
7				X
8				X
9				X
10				X
11				X
12				X

Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ # KS9.39601

Ngày xuất hao hụt: 18/1/2023 9:51

Chi tiết

/ Ghi chú:

	Hàng hóa	Lượng chênh lệch	Nhiệt độ BC	Ngày Chờ	Số tham chiếu	Bể
1	0601002 - DO 0.05S-II	-0.44	22.81	4/1/2023 16:26	2120881666082	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
2	0601002 - DO 0.05S-II	15.90	22.81	6/1/2023 17:09	2120881666514	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
3	0601002 - DO 0.05S-II	1.10	22.81	3/1/2023 14:53	2120881666890	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
4	0601002 - DO 0.05S-II	-1.77	22.81	5/1/2023 10:00	2120881666279	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
5	0601002 - DO 0.05S-II	-11.78	22.81	17/1/2023 10:23	2120881666593	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
6	0601002 - DO 0.05S-II	-19.05	22.81	16/1/2023 10:06	2120881666395	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
7	0601002 - DO 0.05S-II	-10.09	22.81	3/1/2023 23:56	2120881666796	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
8	0601002 - DO 0.05S-II	5.58	22.81	15/1/2023 8:58	2120881668193	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
9	0601002 - DO 0.05S-II	2.14	22.81	13/1/2023 22:22	2120881667903	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
10	0601002 - DO 0.05S-II	-9.10	22.81	1/1/2023 11:11	2120881666471	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
11	0601002 - DO 0.05S-II	0.90	22.81	11/1/2023 9:00	2120881667454	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
12	0601002 - DO 0.05S-II	0.97	22.81	13/1/2023 9:21	2120881667805	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
13	0601002 - DO 0.05S-II	0.05	22.81	12/1/2023 23:21	2120881667789	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
14	0601002 - DO 0.05S-II	4.37	22.81	9/1/2023 13:56	2120881667029	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
15	0601002 - DO 0.05S-II	7.63	22.81	7/1/2023 17:09	2120881666705	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X

- Chọn ngày nhập xuất (đến ngày). → Next → Chương trình sẽ tính ra lượng nhập, xuất cho các chứng từ nhập từ “Ngày tính nhập xuất chênh lệch lần trước” đến “Ngày chọn”, theo nhiệt độ giao theo từng Kỳ khoán → Bấm “Lưu” để tạo chứng từ.

Lưu ý: “Ngày tính nhập xuất chênh lệch lần trước” do chương trình tự động lấy từ chứng từ nhập xuất gần nhất. Do vậy khi muốn xóa chứng từ thì phải xóa lần lượt từ kỳ gần nhất trở lại.

- Phương pháp tính: Theo từng bể, chứng từ nhập trong kỳ

$$Vcl = Vtt * (VCFqd - VCF)$$

Trong đó:

- Vcl là lượng hàng hóa phát sinh do chênh lệch nhiệt độ thực tế hàng hóa tại vận đơn và nhiệt độ tại bể chứa CHXD
- Vtt là lượng hàng hóa thực tế tại vận đơn
- VCF là hệ số được xác định theo thông tin D15 và nhiệt độ thực tế hàng hóa tại vận đơn (tra bảng 54B)

- VCFqd là hệ số được xác định theo thông tin D15 hàng hóa tại vận đơn và nhiệt độ tại bể chứa tại CHXD (tra bảng 54B)
- Tổng lượng Vcl (không bù trừ lượng tăng/giảm) làm cơ sở để tạo chứng từ “KS9 chênh lệch nhiệt độ” theo nguyên tắc:
 - Vcl bể $\leq 0 \rightarrow$ đưa vào phần Nhập
 - Vcl bể $> 0 \rightarrow$ đưa vào phần Xuất

(*) Nhiệt độ bể nhập được xác định theo nguyên tắc sau:

- *Bể có sử dụng ĐMTĐ: nhiệt độ được xác định theo thứ tự ưu tiên:*
 1. Lấy nhiệt độ của log nhiệt độ gần nhất tại bể nhập tại thời điểm sau 120 phút nhập hàng và không quá 150 phút sau thời gian kết thúc nhập hàng; hoặc lấy nhiệt độ của bể tại thời điểm làm chứng từ chênh lệch nhiệt độ
 2. Lấy nhiệt độ bình quân thực tế tính toán lấy theo các log nhiệt độ tại bể ghi nhận từ hệ thống TĐH trong 30 ngày trước đó tính từ thời điểm kết thúc nhập hàng

Lưu ý:

Hệ thống không xác định được nhiệt độ thì sẽ có cảnh báo về chứng từ SR1 không xác định được nhiệt độ (các thông tin cảnh báo bao gồm: số chứng từ, bể chứa, ngày chứng từ, mặt hàng) và dừng không tạo chứng từ KS9.

Các bước xử lý đối với bể có ĐMTĐ khi không xác định được nhiệt độ

- B1: Vào danh mục “Cấu hình bể sử dụng ĐMTĐ, ”khai báo bể từ “Có sử dụng ĐMTĐ” về “Không sử dụng ĐMTĐ”
- B2: Khai báo nhiệt độ bình quân cho mặt hàng của bể bị lỗi
- B3: Tạo chứng từ KS9 tương ứng.

Bể không sử dụng ĐMTĐ, nhiệt độ lấy nhiệt độ khai báo tại danh mục Nhiệt độ bình quân.

3.2.5 Nhập hàng hóa khác từ nhà cung cấp ngoài - SR2

- Sử dụng tại các cửa hàng nhập hàng hóa khác trực tiếp từ Nhà cung cấp ngoài.
- Đường dẫn Menu: CHXD/Kho/ Nhập hàng hóa khác từ NCC ngoài - SR2
- Người thực hiện: Kế toán nghiệp vụ hoặc Cửa hàng trưởng.
- Trong tab Hàng hóa, nhập các thông tin sau:
 - Ngày giờ: thời gian nhập hàng
 - Nhà cung cấp: Chọn từ danh mục có sẵn, Nhà cung cấp thực hiện xuất hàng
 - Hàng hóa: Chọn từ danh mục có sẵn, theo hóa đơn của nhà cung cấp.
 - Giá hàng hóa (Giá trước thuế, VAT%, Thuế MT, Giá mua): nhập theo thông tin trên

hóa đơn, Giá hàng hóa do VP đã cập nhật trước.

- Số lượng: Số lượng hàng hóa trên hóa đơn.

Nhập hàng hóa khác từ NCC ngoài đến CHXD
Số chứng từ: SR2.107
Ngày giờ: 14/1/2022 14:35

Hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị tính	VAT %	Trái MT	Số lượng	Giá mua	#Phân nhập	Tiền hàng	Tổng cộng
1 2801063 - Dầu nhớt PLC Komat 8HD50 - T1E.M		10	0	0	1 195 825		6 304 590	6 034 950
2 080004 - PLC AW hydroi HWP- tháng 1818		10	0	10	1 083 940		9 854 000	10 839 400

- Trong tab Hóa đơn GTGT mua hàng nhập các thông tin sau:

- Ngày hóa đơn: Nhập giá trị trên hóa đơn Nhà cung cấp.
- Số xê ri: Số seri trên hóa đơn Nhà cung cấp.
- Công ty xuất hóa đơn: Nhập giá trị trên hóa đơn.
- MST: Mã số thuế của Nhà cung cấp
- Địa chỉ: Địa chỉ của Nhà cung cấp
- Tiền thuế: Chương trình đã tính tiền thuế căn cứ theo giá bán. Cửa hàng có thể sửa nếu Tiền thuế trên hóa đơn khác so với giá trị chương trình tính ra.

Nhập hàng hóa khác từ NCC ngoài đến CHXD
Số chứng từ: SR2.107
Ngày giờ: 14/1/2022 14:35

Hàng hóa **Hóa đơn GTGT mua hàng**

Nhà cung cấp: 200027 - Tổng cty hóa dầu petrolimex-CTCP Ghi chú:

VAT %: 10

Ngày hóa đơn: 14/1/2022

Số ngày nợ: 0

Số xê ri: DG/21E

Số hóa đơn: 0002758

Công ty xuất HĐ: Tổng cty hóa dầu petrolimex-CTCP

MST: 0101463614

Địa chỉ: tầng 18&19, số 229 Tây Sơn, Ngã tư sở - Đống Đa, Hà Nội

Tiền thuế: 1 615 850.0

Tổng tiền: 17 774 350

3.2.6 Nhập di chuyển hàng hóa khác - SR3

- Nhập di chuyển hàng hóa khác xăng dầu: Từ menu **Kho->Kích chọn Nhập di chuyển hàng hóa khác đến CHXD**. Cập nhật Nơi xuất di chuyển, hàng hóa, số lượng, số phiếu nhập và Lưu lại.

Menu search

Nhập di chuyển hàng hóa khác đến CHXD

Ngày giờ: 27/8/2012 11:28

Nhập di chuyển hàng hóa khác

Nhập từ: 662000 - KHO TT KV2UAT Ghi chú:

Hàng hóa	Số lượng	#Phiếu nhập
1 08002112 - KOMAT SHD 40	100	123
2		
3		
4		

3.3 Xuất hàng

3.3.1 Xuất di chuyển XDS từ CHXD - SO1

- Mục đích: Cửa hàng thực hiện xuất di chuyển xăng dầu sáng từ cửa hàng về Văn phòng Công ty trong trường hợp nạo vét bể hoặc sửa chữa cửa hàng.
- Đường dẫn menu: CHXD\ Kho\ Xuất di chuyển nội bộ\ Xuất di chuyển XDS từ CHXD – SO1
- Người thực hiện: Kế toán nghiệp vụ hoặc Cửa hàng trưởng

Nhập các thông tin trong màn hình “Chọn bể xuất” như sau:

- Chọn bể có lượng hàng cần xuất di chuyển
- Chọn kho Xuất đến là Kho TT
- Nhập Số lệnh xuất
- Nhấn Next để tiếp tục

Chọn bể xuất

	MÃ BỂ	TÊN BỂ	HÀNG HÓA	TĐH
<input checked="" type="checkbox"/>	211	BỂ 03-Xăng E5 Ron 92-II	Xăng E5 RON 92-II	
<input type="checkbox"/>	205	BỂ 02 M95-III	Xăng RON95-III	
<input type="checkbox"/>	201	BỂ 01-DO 0,05S-II	DO 0.05S-II	
<input type="checkbox"/>	204	BỂ 04-DO 0,05S-II	DO 0.05S-II	

Xuất đến: 721000 - KHO TT S721

Số lệnh xuất: 1

NEXT >>

Nhập các thông tin trong màn hình “Xuất di chuyển XDS từ CHXD” trong tab “Phần đo bể” và tab “Phần hàng hóa”.

Xuất di chuyển XDS từ CHXD

Ngày giờ: 27/8/2012 15:47 Ghi chú:

Phần đo bể

Xuất đến: 721000 - KHO TT S721 Ghi chú:

Bể chứa	NHỆ SỐ TỶ TRỌNG (%)	VCF	WCF	Hc	Hr	Vc	Vr	TĐH	Mục đích	Tên Agas	Đơn vị	V số	V số L15
1 211 - BỂ 03-Xăng E5 Ron 92-II (TRƯỚC XUẤT)	31	0,974	0,964	0,964	0	4.022,0	9,0	0	21		kg	666,16	666,20
2													X
3 211 - BỂ 03-Xăng E5 Ron 92-II (SAU XUẤT)	30	0,974	0,967	0,967	0,967	0	0,446,3	9,0	22		kg	3.447,90	3.404,1 X

Xuất di chuyển XDS từ CHXD
SO1.1
 OLD TRANSACTION
 Ngày giờ: 20/2/2020 8:11

Phân đi bộ **Phân hàng hóa**

Xuất đến 721041 - PETROLIMEX-CỬA HÀNG 4 Ghi chú:

Hàng hóa	V. bẻ	Nhiệt độ	Tỷ trọng 15 (x1000)	VCF	WCF	Lit TT hạch toán	L15	Kg
1 0601002 - DO 0.06S-II	567.0	30	837.40	0.9873	0.8363	567.000	559.80	469.20 X
2								X
3								X
4								X
5								X
6								X

Nhấn nút Lưu hoặc tổ hợp phím Ctrl S để lưu chứng từ.

3.3.2 Xuất trả hàng nhà cung cấp - SO2

3.3.3 Xuất di chuyển hàng hóa khác từ CHXD - SO3

Thực hiện bằng phương thức xuất di chuyển nội bộ về đơn vị chủ quản (SO3), tương tự nhập di chuyển nội bộ SR3

3.3.4 Xuất khác - SO4

- Mục đích: Cửa hàng thực hiện chuyển đổi mặt hàng A sang mặt hàng B khi có thay đổi mặt hàng cùng tính chất hoặc hàng hóa bị thay đổi kém mất phẩm chất.
- Đường dẫn menu: CHXD\ Kho\ Khác\ Xuất khác – SO4
- Người thực hiện: Kế toán nghiệp vụ hoặc Cửa hàng trưởng.

Trên màn hình cập nhật chứng từ nhập các thông tin sau:

- Xuất đến: Chọn Kho TT nếu xuất về VPCTy hoặc cửa hàng nếu chuyển đến cửa hàng khác.
- Hàng hóa: Chọn mã hàng hóa cần xuất
- Số lượng: Nhập số lượng hàng hóa cần xuất
- # Phiếu xuất: Số phiếu xuất (nếu có)

Nhấn nút Lưu hoặc tổ hợp phím Ctrl S để lưu chứng từ.

Xuất khác
SO4.3
 OLD TRANSACTION
 Ngày giờ: 17/9/2019 14:25

Xuất di chuyển hàng hóa khác

Xuất đến 721000 - KHO TT S721 Ghi chú:

Hàng hóa	Số lượng	#Phiếu xuất
1 0901066 - PLC Grease L-EP1 - Thùng 15 kg	7.000 x	X

3.3.5 Xuất chuyển loại - 2003

- Mục đích: Cửa hàng thực hiện chuyển đổi mặt hàng A sang mặt hàng B khi có thay đổi mặt hàng cùng tính chất hoặc hàng hóa bị thay đổi kém mất phẩm chất.
- Đường dẫn menu: CHXD\ Kho\ Khác\ Xuất chuyển loại - 2003
- Người thực hiện: Kế toán nghiệp vụ hoặc Cửa hàng trưởng

Trong tab Xuất từ hàng hóa tại kho nhập các thông tin sau:

- Hàng hóa: Chọn hàng hóa thực hiện xuất chuyển loại

- Số lượng: Nhập số lượng hàng hóa thực hiện xuất chuyển loại
- Kho xuất: Chọn cửa hàng thực hiện xuất chuyển loại



Trong tab Nhập thành hàng hóa tại kho nhập các thông tin sau:

- Hàng hóa: Chọn hàng hóa được chuyển loại.
- Số lượng: Nhập số lượng được chuyển loại
- Kho nhập: Chọn cửa hàng được chuyển loại đến.




3.4 Quản lý công nợ khách hàng



Quản lý công nợ khách hàng có các nghiệp vụ sau:

- Cập nhật/điều chỉnh số dư công nợ khách hàng đầu năm: Do văn phòng công ty thực hiện(đã giới thiệu ở 3.1.2 - Cập nhật số dư công nợ, tiền mặt đầu năm).
- Cập nhật định mức công nợ khách hàng: Văn phòng công ty cập nhật/điều chỉnh, cửa hàng chỉ áp dụng.
- Phát sinh công nợ của khách gồm lấy hàng, trả tiền đã được giới thiệu ở phần nghiệp vụ ca bán hàng.
- Xem công nợ khách hàng: Chạy các báo cáo trong menu **Sổ cái**, ở đây ví dụ với Báo cáo công nợ tổng hợp/chi tiết: Vào menu **Sổ cái**, chọn **Sổ cái tài khoản/đối tượng**. Sau đó chọn các thông số để chạy:



- ✓ Từ ngày, đến ngày: Kỳ xem công nợ
- ✓ Tài khoản: Phải thu của khách hàng (1311)
- ✓ Đối tượng: Khách hàng công nợ
- ✓ Chọn  để chạy xem công nợ, có thể chọn thêm các thông số khác để lọc theo ý muốn
- Khi tham số Đến ngày vượt quá thời hạn của hợp đồng, nhưng khách hàng vẫn còn công nợ thì vẫn hiển thị "Số tiền định mức" theo Hợp đồng. Sửa đổi tại các báo cáo:
 - ✓ CHXD -> Sổ quỹ/Công nợ -> Bc tình hình công nợ KH (theo dư nợ BQ)
 - ✓ CHXD -> Sổ quỹ/Công nợ -> Bc công nợ KH (theo dư nợ cuối kỳ bc)
- Xem và in biên bản đối chiếu công nợ: Chạy báo cáo **Đối chiếu công nợ khách hàng** trong menu **Sổ quỹ-Cnợ**. Sau chọn các thông tin để chạy báo cáo:



- ✓ Từ ngày, đến ngày: Kỳ cần đối chiếu công nợ
- ✓ Khách: Khách hàng cần đối chiếu công nợ
- ✓ Kích chọn  để chạy biên bản đối chiếu công nợ khách hàng.
- ✓ Kích chọn  để in ra biên bản đối chiếu công nợ khách hàng – M04:

**CHI NHÁNH XĂNG ĐẦU HÀ NỘI-CÔNG TY XĂNG ĐẦU KHU VỰC I-CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63**

[Chọn nhanh] Từ ngày 01/01/2025 Đến ngày 31/12/2099
 Khách: khaihm_UAT - khaihm_UAT Chọn đầu ra: HTML Close after print

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ KHÁCH HÀNG

Hôm nay, ngày 28 tháng 3 năm 2025, Chúng tôi gồm:

A. ĐẠI DIỆN BÊN BÁN:

CHI NHÁNH XĂNG ĐẦU HÀ NỘI-CÔNG TY XĂNG ĐẦU KHU VỰC I-CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - PETROL

Địa chỉ:

Đường Phạm Văn Đồng, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội.

- Ông(Bà):

Chức vụ:

- Ông(Bà):

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số

chức vụ:

ngày

do

ký

B. ĐẠI DIỆN BÊN MUA:

khaihm_UAT - khaihm_UAT

Địa chỉ:

HN

- Ông(Bà):

Chức vụ:

- Ông(Bà):

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số

chức vụ:

ngày

do

ký

Cùng nhau đối chiếu việc thanh toán tiền mua hàng từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2099 như sau:

I/ PHẦN MUA HÀNG:

TT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	ĐƠN GIÁ	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
1	Xăng E5 RON 92-II	Lít	19.340	159,266	3.080.200
2	PLC RACER SF - Hộp 0,8 lít	Hộp	50.000	2,000	100.000
TỔNG CỘNG				161,266	3.180.200

Bằng chữ: Ba triệu một trăm tám mươi nghìn hai trăm đồng
 Chi tiết phát sinh mua hàng theo Bảng kê hàng hóa đính kèm

II/ TỔNG HỢP CÔNG NỢ:

		EVT: Đồng	
	NỘI DUNG	NỢ	CÓ
1	Số dư kỳ trước	27.703.054	
2	Phát sinh trong kỳ	5.180.200	2.000.000
3	Số dư cuối kỳ	30.883.254	

III/ KẾT LUẬN:

Căn cứ Hợp đồng số 0, ngày, tính đến ngày 31/12/2099 số tiền bên mua:

- Còn thiếu là: 30.883.254 đồng, đề nghị chuyển trả trước ngày:

- Số tiền lãi chậm thanh toán theo hợp đồng là: đồng

Biên bản này được lập phù hợp với các điều khoản đã ký trong hợp đồng. Hai bên thống nhất với số liệu trên

Biên bản được lập thành 2 bản có giá trị như nhau.

Ngày giờ in: 28/3/2025 13:19

BÊN MUA

(Đại diện hợp pháp ký tên, đóng dấu)

BÊN BÁN

(Đại diện hợp pháp ký tên, đóng dấu)

- Xem, in biên bản thanh lý hợp đồng – M05 theo đường dẫn **CHXD/ Sổ quỹ/cno/ Thanh lý hợp đồng.**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Số: _____

Căn cứ Hợp đồng số 0 _____, ngày 0 _____

Hôm nay, ngày 30 tháng 3 năm 2021, Chúng tôi gồm:

A. ĐẠI DIỆN BÊN BÁN: Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV
 - Địa chỉ: Số 01 Phố Thành Công, P. Thành Công, Q. Ba Đình, Hà Nội
 - Do Ông (Bà): Bùi Đăng Khoa Chức vụ: Kế toán trưởng làm đại diện
 Giấy ủy quyền số: 0123456789 ngày: 26/03/2021
 của Giám đốc Công ty _____

B. ĐẠI DIỆN BÊN MUA: 212.1111 - CÔNG TY TNHH KHUÔN ĐÚC TSUKUBA VIỆT NAM
 - Địa chỉ: Lô A6-Đường Công Nghiệp 4-Khu Công Nghiệp Sài Đồng B-Long Biên-Hà Nội
 - Do Ông (Bà): _____ Chức vụ: _____ làm đại diện
 Giấy ủy quyền số: _____ ngày: _____
 của Giám đốc Công ty _____

Cùng nhau tiến hành thanh lý hợp đồng số 0 _____, ngày 0 _____ tại PETROLIMEX- CỬA HÀNG 80 -

I/ KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/01/2021 23:59

1. Số lượng, trị giá hàng hóa đã thực hiện:

1.1 Tổng hợp:

TT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
1	Xăng E5 RON 92-II	LIT	8,00	147.840
TỔNG CỘNG			8,00	147.840

1.2 Chi tiết:

- Tại Biên bản thanh lý hợp đồng mục "**Đại diện bên bán**" bổ sung lưu các thông tin *Người đại diện, Chức vụ, Số giấy ủy quyền, Ngày ủy quyền*. Thông tin lấy từ **Danh mục Thông tin người đại diện Cty** do nghiệp vụ văn phòng khai báo.
 - Bổ sung Menu: Hệ thống\Dm Công ty\Thông tin người đại diện công ty
 - Phân quyền: ADMCTY - Admin công ty:

Thông tin người đại diện Cty

Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh Tìm: Any >

Param	Value
1 CV	Kế toán trưởng
2 NDD	Bùi Đăng Khoa
3 NUQ	26/03/2021
4 SGUQ	0123456789

- ✓ CV: Chức vụ
- ✓ NDD: Người đại diện
- ✓ NUQ: Ngày ủy quyền
- ✓ SGUQ: Số giấy ủy quyền

3.5 Gán thanh toán với xuất bán công nợ

Là gán các lần thanh toán của khách hàng với các chứng từ hàng hóa khách hàng đã lấy.

- Thực hiện tại cửa hàng.
- Người thực hiện: Cửa hàng trưởng, kế toán cửa hàng.
- Cách thực hiện: Từ menu **CHXD\ Sổ quỹ/Cnợ\ Gán thanh toán với xuất bán Cnợ**



Chọn khách hàng, loại chứng từ, đến ngày, tích vào các chứng từ cần gán thanh toán và kích **gán thanh toán**.



MÃ HHÓA	TÊN HÀNG HÓA	GIÁ BÁN	LƯỢNG CHƯA GÁN THANH TOÁN	TIỀN CHƯA GÁN THANH TOÁN	
<input checked="" type="checkbox"/>	020202	Xăng RON 92	22,900	200.0	4,580,000.0
<input checked="" type="checkbox"/>	060203	DO 0.05S	20,400	1,391.0	28,376,400.0
<input type="checkbox"/>	060203	DO 0.05S	21,400	3,050.0	65,270,000.0
TỔNG CỘNG					98,226,400.0

Nếu tháng của chứng từ tiền khác tháng thực hiện clear -> chương trình đưa ra cảnh báo cho người dùng, buộc người dùng xác nhận mới clear

Cảnh báo!!! Tháng clear khác với tháng của chứng từ tiền. Tiếp tục hay không?

OK Hủy

Sau khi kiểm tra thông tin về tiền, hàng, và thời gian, kích **Lưu** để hoàn tất quá trình gán thanh toán cho khách công nợ.

Menu search [Search] Tìm trong 4/9/2012 (2012) [Back]

Gán thanh toán cho chữ xuất bán nợ

Ngày giờ: 4/9/2012 15:10
 Ngày giờ lấy dữ: 4/9/2012 15:08

Các chữ xuất kho chưa thanh toán **Câu hỏi bán khách** Lưu (Ctrl-S)

Khách: 78355 - CTCP TM-DV-KD NGÂN HÀNG HẠ Ghi chú:

Hàng hóa	S.lượng	Giá bán	Ngày x.kho	Phiếu xuất	Due-date	Số tiền còn lại
						32 956 400
060203 - DO 0.05S	91.00	20 400	1/3/2012 10:56		1/4/2012	1 856 400 X
060203 - DO 0.05S	412.00	20 400	4/3/2012 10:33		4/4/2012	8 404 800 X
060203 - DO 0.05S	58.00	20 400	5/3/2012 12:10		5/4/2012	1 183 200 X
060203 - DO 0.05S	830.00	20 400	8/3/2012 14:12		8/4/2012	16 932 000 X
020202 - Xăng RON 92	200.00	22 900	31/3/2012 14:56		1/5/2012	4 580 000 X

Hoặc CHXD\ Sổ quỹ/Cnợ\ Danh sách khách hàng chưa Clear

Khách hàng chưa gán chứng từ trả tiền

Đến ngày: 31/01/2020 23:59

Loại công nợ: [Theo loại công nợ]

Chọn đầu ra: HTML Close after print

Mã khách	Tên khách	Hàng chưa gán	Tiền chưa gán	[Lọc điều kiện]	[Clear chứng từ]
1 212.0016	Công an thành phố Hà Nội	21.811.500	40.000.000	>>	>>>>
TỔNG CỘNG		21.811.500	40.000.000		

Kích chọn >>>> để thực hiện clear công nợ cho khách. Nếu tháng của chứng từ tiền khác tháng thực hiện clear -> chương trình đưa ra cảnh báo cho người dùng, buộc người dùng xác nhận mới clear

Lưu ý:

- Khi số lượng chứng từ xuất hàng =<200 dòng: chương trình list hết các chứng từ, xử lý như trước đây
- Khi số lượng chứng từ xuất hàng cần gán > 200 dòng, chương trình chỉ hiển thị 200 chứng từ tương ứng với 200 dòng này. Lượng tiền được gán thanh toán = lượng tổng tiền của 200 chứng từ xuất được liệt kê. Số lượng các chứng từ vượt quá 200 dòng này người dùng phải thực hiện clear vào chứng từ tiếp theo.
- Chứng từ chiết khấu CK1 sẽ thể hiện tại tab “Chữ thu tiền khách”

3.5.1 Gán thanh toán với xuất bán công nợ chứng từ GL1 – GL9

Chức năng “Gán thanh toán với xuất bán công nợ” – CM1, cho phép Clear được công nợ của các khách hàng được điều chuyển công nợ sang cửa hàng khác.

Hạch toán phát sinh có của khách khi điều chuyển về VPCTY → Clear công nợ.

Cửa hàng nhận dư có(hạch toán PS có) → Clear công nợ.

Cửa hàng chuyển dư có(hạch toán PS nợ)→ Clear công nợ.

Clear được các phiếu kế toán:

- GL9 khi điều chuyển công nợ khách về VPCTY
TK Co: 131202 - CN khách tại cửa hàng A
TK No: 33688
- GL1 khi trên văn phòng chuyển công nợ từ cửa hàng A sang cửa hàng B.
TK No/Co: 131202 - CN khách cho cửa hàng B
TK Co/No: 33688

3.5.2 Gán thanh toán với xuất bán công nợ chứng từ D10

Khi gán thanh toán với xuất bán công nợ trên chứng từ CM1, phần mềm hiển thị giá trị số tiền chứng từ *D10 - Hóa đơn dịch vụ khách hàng công nợ* tại tab “*Các chứng từ xuất kho chưa thanh toán*” như bên dưới:

Gán thanh toán cho từ xuất bán công nợ

Ngày-giờ: 17/1/2025 10:06 Ghi chú (header):

Các từ xuất kho chưa thanh toán Ghi chú:

	Hàng hóa	S.lượng	Giá bán	Ngày x.kho	Phiếu xuất	Due-date	Số tiền còn lại
1	3101003 - Dịch vụ khác	0.00	0	27/12/2024 8:43	D10.3	6/1/2025	1 000 000 ✕
2	3101003 - Dịch vụ khác	0.00	0	27/12/2024 8:57	D10.7	6/1/2025	200 000 ✕
3	3101003 - Dịch vụ khác	0.00	0	17/1/2025 10:03	D10.5	27/1/2025	11 000 ✕
4	3101003 - Dịch vụ khác	0.00	0	17/1/2025 10:03	D10.6	27/1/2025	1 000 000 ✕

Lưu ý: Không hiển thị số tiền của chứng từ D10 cũ không có due-date

3.6 Quản lý hàng chưa xuất trả khách theo lệnh

Lệnh xuất là một yêu cầu cấp một mặt hàng với số lượng cụ thể cho một khách cụ thể từ văn phòng công ty chuyển xuống cửa hàng. Cửa hàng chỉ thực hiện cấp hàng theo lệnh này, theo dõi về số lượng, không chịu trách nhiệm về công nợ. Vậy cần thống kê được tại mọi thời điểm các lệnh xuất chuyển từ văn phòng công ty xuống, lượng hàng đã xuất, còn tồn trên từng lệnh.

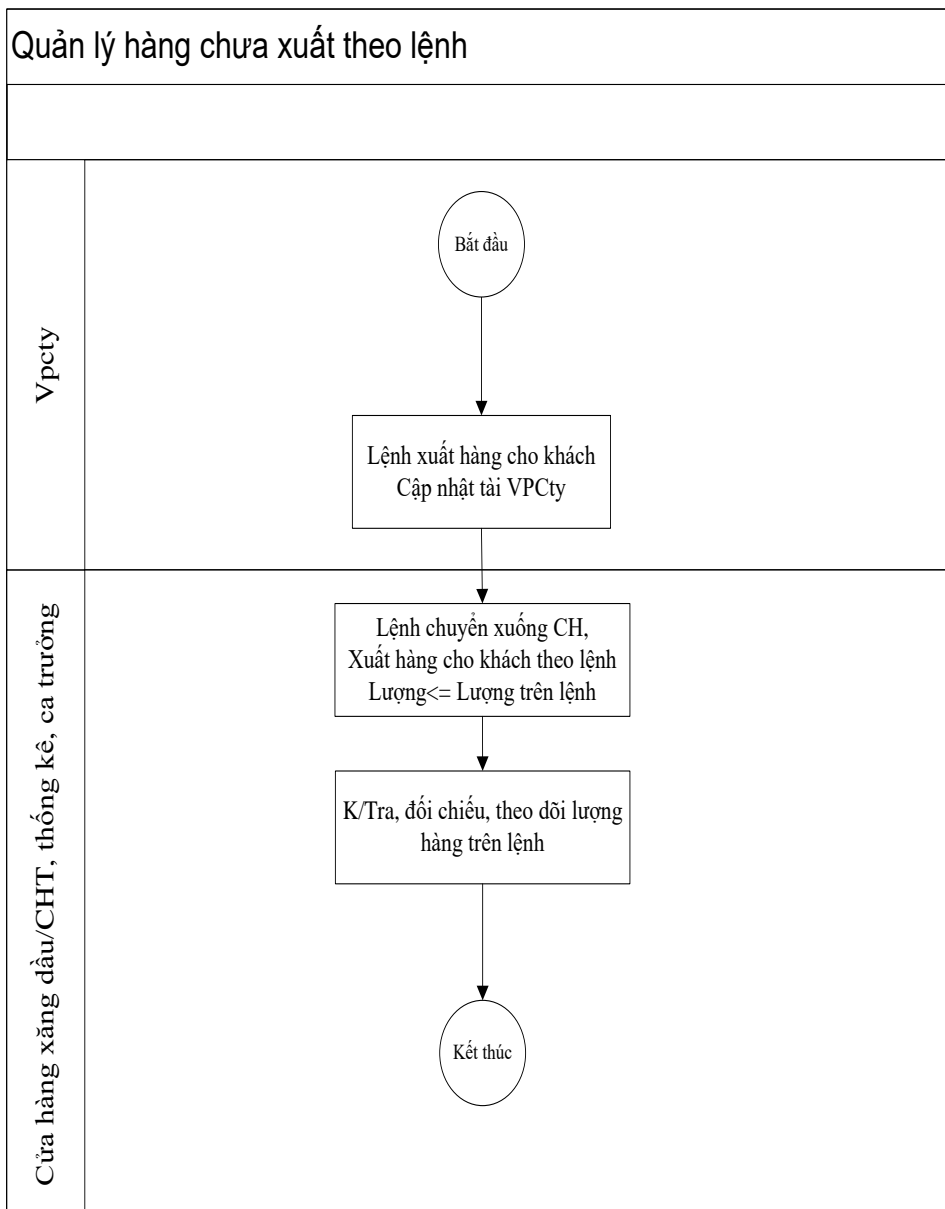
- Văn phòng lập lệnh xuất hàng chuyển xuống cửa hàng, các bước thực hiện: Từ menu **VPCTY ->Lệnh ->Lệnh xuất hàng**, bắt buộc cập nhật đủ các thông tin:
 - Khách hàng: Khách nhận hàng theo lệnh
 - Mặt hàng: Mặt hàng xuất cho khách.
 - Số lượng, giá bán, ngày hết hạn lấy hàng theo lệnh.
 - Số lệnh.
 - Cửa hàng: Xuất từ kho cửa hàng nào.

Lệnh xuất từ văn phòng công ty sẽ được chuyển đến cửa hàng nhận lệnh xuất hàng cho khách.

Tại cửa hàng: khi khách đến lấy hàng trong ca bán hàng.

- Thực hiện: Tại cửa hàng (trong ca bán hàng)
- Các bước thực hiện trong chương trình: Chọn menu **Xuất hộ công ty ->Xuất theo lệnh**.
 - Trong tab **Hàng hóa** Chọn Khách hàng, thông tin về hàng hóa, lượng xuất, hạn ngày, giá bán sẽ tự động hiện theo lệnh chuyển về.
 - Trong tab: **Người nhận hàng** ghi nhận số xe, người lấy hàng, số kiểm soát.
 - Trong tab: **Trả kho TT VP** Thông tin tự động cập nhật.
 - Kích **Lưu** để lưu thông tin.

Lưu đồ quản lý hàng chưa xuất trả khách theo lệnh.



3.7 Quản lý hàng hóa

Trong nghiệp vụ quản lý hàng hóa được thực hiện tại cửa hàng, một số nghiệp vụ liên quan đến lập chứng từ hàng hóa

3.7.1 Hao hụt hàng hóa

Văn phòng công ty thực hiện cập nhật các hệ số hao hụt định mức, hao hụt vận chuyển:

- Giao các hệ số cho CH:
 - Cập nhật hệ số hao hụt định mức, tỷ trọng 15 mùa miền, nhiệt độ bình quân mùa miền, tỷ vận chuyển: Vào menu **Cấu hình CHXD -> Giao thông số hàng hóa cho CHXD**



Thông số hàng hóa tại CHXD Show 100 lines - [IMPORT]

Tỷ trọng 15 mùa miễn

Thêm	Lưu (Ctrl-S)	Refresh	Hàng hóa	Kho, CHXD	Tỷ trọng 15 mùa miễn	Giá trị	Từ ngày	Đến ngày
[Sys]			Hàng hóa	Kho	Loại thông số			
1	666012	020202	Xăng không chì RON 92	100001 - CHXD Nghi Kim PTS	Tỷ trọng 15 mùa miễn	781.0000	1/4/2012	31/8/2012
2	666013	020203	Xăng không chì RON 95	100001 - CHXD Nghi Kim PTS	Tỷ trọng 15 mùa miễn	799.0000	1/4/2012	31/8/2012
3	666014	080203	DO 0.05S	100001 - CHXD Nghi Kim PTS	Tỷ trọng 15 mùa miễn	897.2000	1/4/2012	31/8/2012

- Cập nhật hệ số hao hụt vận chuyển: Vào menu **Cấu hình CHXD** -> **Gán định mức hao hụt vận chuyển đến CHXD**

Giao định mức h.hụt v.chuyển đến CHXD Show 100 lines - [IMPORT]

Kho K135 (Phủ lý) : 666002 - CH Xăng dầu Minh Nguyệt

Thêm	Lưu (Ctrl-S)	Refresh	Hàng hóa	Kho K135 (Phủ lý)	CHXD : 666002 - CH Xăng dầu Minh Nguyệt	Định mức hao hụt v.chuyển	Từ ngày	Đến ngày
[Sys]			Hàng hóa	Từ kho	Đến kho, CHXD			
1	666015	020202	Xăng không chì RON 92	Kho K135 (Phủ lý) : 666002 - CH Xăng dầu Minh Nguyệt		0.0010	1/1/2012	31/12/2012
2	666016	020203	Xăng không chì RON 95	Kho K135 (Phủ lý) : 666002 - CH Xăng dầu Minh Nguyệt		0.0010	1/1/2012	31/12/2012
3	666017	080201	DO 0.5S	Kho K135 (Phủ lý) : 666002 - CH Xăng dầu Minh Nguyệt		0.0005	1/1/2012	31/12/2012

3.7.2 Kiểm kê hàng hóa

Thực hiện kiểm kê hàng hóa khi có thay đổi giá hoặc kiểm kê theo định kỳ, kiểm kê đột xuất.

Các bước thực hiện:

B1: Tại thời điểm Kiểm kê, ca bán hàng phải hoàn chỉnh dữ liệu và đóng ca bán hàng. Các chứng từ phải được cập nhật trước thời điểm kiểm kê. Sau đó mở ca làm việc mới.

Ví dụ: Thời điểm kiểm kê hàng hóa là 15h thì ca bán hàng phải hoàn thiện số liệu và đóng ca vào 14h59’.

B2: CHT thực hiện làm chứng từ kiểm kê KS5 vào 15h sau thời điểm ca bán hàng đã đóng:

- Kiểm kê hàng hóa nhóm dầu sáng: Hệ thống hỗ trợ tính toán lượng chênh lệch giữa lượng tồn kho thực tế và tồn kho sổ sách và tự động tạo chứng từ nhập thừa/xuất thiếu kiểm kê. Thực hiện theo các bước sau:
 - Bước 1: Từ menu **Nhập - xuất**, chọn chức năng **Kiểm kê XDS**, chọn các bể và vòi bơm cần kiểm kê

Chọn bể, vòi bơm cho kiểm kê

Ngày-giờ kiểm kê: 16/4/2018 15:39 [NEXT >>]

HANG HOA	MÃ BỂ /Vòi bơm	TBH	TÊN BỂ /Vòi bơm
Xăng RON 92-II	3601		BỂ 1 - R92
	3602		C2_R92_EDAT1112_782
	36021	Y	C2_R92_EDAT2221HJ_N_1945
	3603	Y	C3_R92_EDAT1112_1632
	3605	Y	C5_R92_EDAT2221HJ_N_1945
Xăng RON 95-II	3602		BỂ 2 - R95
	3604	Y	C4_R95_AA180415
DO 0.05S	3603		BỂ 3 - DO 0,05
	3601		C1_DO_AA079190
	36011		C1_DO_AA079190
	36012	Y	C1_DO_AA079190

- Bước 2:
 - ✓ Cập nhật các thông tin bể chứa (bể có sử dụng hệ thống TĐH đo bể); Kích **Load TĐH** để lấy thông tin về nhiệt độ, hc, hn, của bể.

Thực hiện cập nhật các thông tin Tỷ trọng TT, VCF. Tỷ trọng 15 D15 sẽ được chương trình tự động tính sau khi người dùng cập tỷ trọng thực tế. Trường Vc, Vn, Vtt, Vtai L15 được tự động tính và lấy số nguyên. Các Thông tin kiểm kê và sổ sách được tự động cập nhật trong tab **Thừa thiếu kiểm kê**. Chọn **Lưu** để hoàn thành tạo chứng từ nhập thừa hoặc xuất thiếu kiểm kê (các thông tin tại tab Phần đo bể không để trống).

- ✓ Cập nhật các thông tin bể chứa (nếu hệ thống TĐH đo bể không có hoặc lỗi): nhiệt độ, tỷ trọng được mặc định là số được khai báo tại Hệ thống/cấu hình CHXD/ Cập nhật nhiệt độ/ tỷ trọng bể chứa. Cập nhật nhiệt độ, tỷ trọng 15, Tỷ trọng TT, Hc, Hn Hn để chương trình tự động tính ra Vc, Vn, V tt, V tại L15 và lấy giá trị nguyên. Cập nhật tab Số đo vòi bơm; Phần Thừa thiếu kiểm kê thể hiện lượng hàng thừa/thiếu. Chọn **Lưu** để hoàn thành tạo chứng từ nhập thừa hoặc xuất thiếu kiểm kê (các thông tin tại tab Phần đo bể không để trống)



Chênh lệch Kiểm kê XDS
Số chứng từ: KS5.19834

Ngày giờ: 24/12/2019 8:30

Phân đo bể | **Thừa thiếu kiểm kê** | Chốt số đo vòi bơm

/ Ghi chú:

	Hàng hóa	Số kiểm kê	Tồn sổ sách	Thừa/thiếu hàng	Tồn đường ống
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	6 435	1 099	5 436	100 X
2	0601005 - ĐO 0.001S-V	8 886	1 000	7 886	0 X

Chênh lệch Kiểm kê XDS

Ngày giờ: 17/6/2019 13:54 Ghi chú (header):

Phân đo bể | Thừa thiếu kiểm kê | **Chốt số đo vòi bơm**

/ Ghi chú:

	Vòi bơm	Số chốt	Số TĐH	Có TĐH	Time Agas	Mã lỗi	
1	19014 - Vòi 1_E5-RON92-II_AA238504	254 894.600	254 894.600	1	17/6/2019 13:55	0 X	Load TĐH
2	19024 - Vòi 2_E5-RON92-II_AA238504	251 131.090	251 131.090	1	17/6/2019 13:55	0 X	Load TĐH
3		0.000	0.000	0		0 X	

Lưu ý:

Tại tab “Chốt số đo vòi bơm” hệ thống ghi nhận các thông tin liên quan đến TĐH gồm:

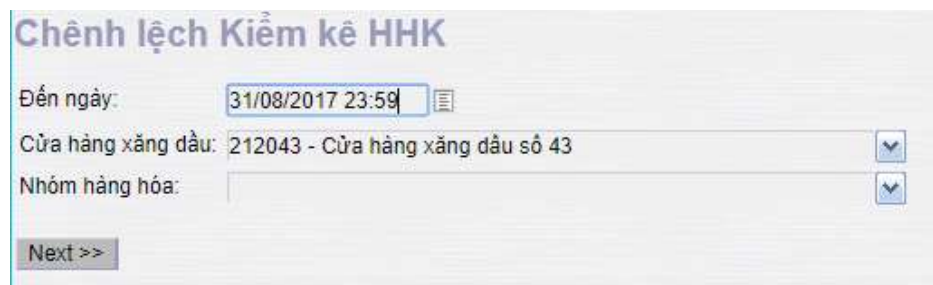
- Số chốt: Số chốt tại thời điểm kiểm kê. Nếu chốt bằng TĐH thì người dùng không sửa được số này. Ngược lại, người dùng được phép nhập số chốt thủ công.
- Số TĐH: Số chốt ghi nhận được từ hệ thống TĐH
- Có TĐH: Có kết nối TĐH (1: Có/ 0: không)
- Time Agas: Thời gian ghi nhận kết quả trả về từ Agas
- Mã lỗi: Lỗi chốt (0: không lỗi/ Khác: Có lỗi)

Với các cửa hàng không có TĐH bề thì thực hiện cập nhật thông tin tại tab Phần đo bề: nhiệt độ, tỷ trọng 15, Tỷ trọng TT, Hc, Hn Hn để chương trình tự động tính ra Vc, Vn, V tt, V tại L15

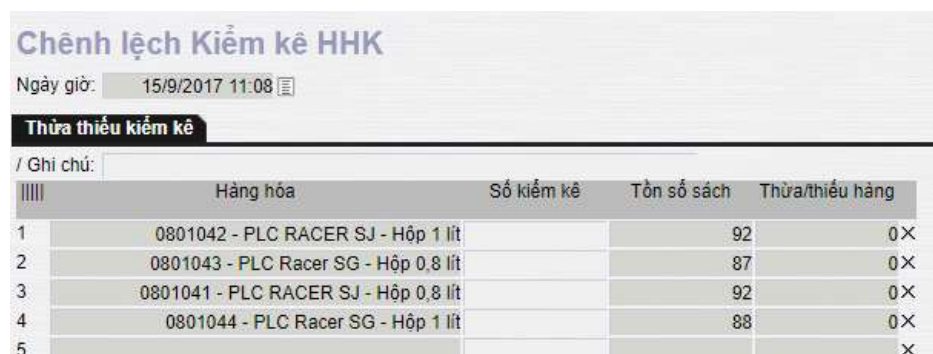
Cập nhật giá trị D15 và DTT tại chương trình ta lấy D15 (DTT) * 1000

Tỷ trọng 15 sẽ được tự động tính lại khi cập tỷ trọng thực tế

- Kiểm kê hàng hóa không thuộc nhóm dầu sáng:
 - Bước 1: Từ menu **Kho**, chọn chức năng **Kiểm kê hàng hóa khác**. Cập nhật ngày giờ kiểm kê, CHXD, Nhóm hàng hóa cần kiểm kê và kích chọn nút “Next”.





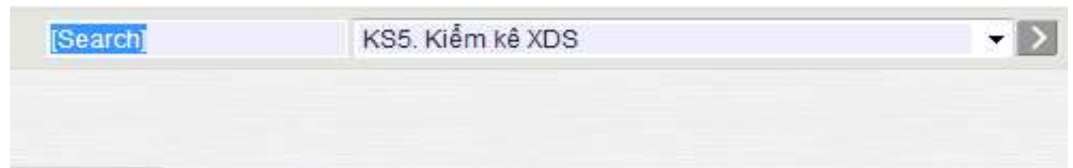
- Bước 2: Hệ thống tự động hiển thị danh sách các mặt hàng theo nhóm hàng hóa đã chọn và tồn số sách các mặt hàng đến thời điểm kiểm kê. Cập nhật số lượng kiểm kê thực tế, hệ thống tự động tính số lượng chênh lệch. Kích chọn nút “Lưu” để hoàn thành tạo chứng từ nhập thừa xuất thiếu kiểm kê.





Chênh lệch Kiểm kê HHK				
Ngày giờ: 15/9/2017 11:08				
Thừa thiếu kiểm kê				
/ Ghi chú:				
	Hàng hóa	Số kiểm kê	Tồn số sách	Thừa/thiếu hàng
1	0801042 - PLC RACER SJ - Hộp 1 lít		92	0X
2	0801043 - PLC Racer SG - Hộp 0.8 lít		87	0X
3	0801041 - PLC RACER SJ - Hộp 0.8 lít		92	0X
4	0801044 - PLC Racer SG - Hộp 1 lít		88	0X
5				X

- Chú ý:
 - ✓ Tại bước 1 nếu người dùng không chọn “Nhóm hàng hóa” thì hệ thống sẽ tự động hiển thị toàn bộ danh sách các mặt hàng còn tồn kho số sách tại thời điểm kiểm kê của cửa hàng.
 - ✓ Trong trường hợp cửa hàng có nhiều hơn 100 mặt hàng, khi làm chứng từ kiểm kê người dùng phải kiểm kê theo nhóm hàng hóa để số mặt hàng kiểm kê không vượt quá 100 mặt hàng.
- Xóa/sửa chứng từ nhập thừa/xuất thiếu kiểm kê:

- Bước 1: Tìm chứng từ xuất hao hụt định mức (ví dụ tìm chứng từ xuất hao hụt định mức theo phương pháp 1): Chọn loại chứng từ ở , chọn để  tìm



- Bước 2: Chọn, xóa chứng từ: Chọn từ ngày, đến ngày, chọn loại chứng từ ở , chọn để  tìm



Chú ý: Để theo dõi lượng hao hụt thực tế tại cửa hàng so với định mức hao hụt tại cửa hàng ta có thể sử dụng báo cáo *Hao hụt thực tế so với định mức xuất* hoặc *Hao hụt thực tế so với định mức (Nhập+Xuất)/2* tùy theo quy định của từng đơn vị.

Báo cáo so sánh hao hụt thực tế so với định mức xuất

Tháng trước: Từ ngày: 1/4/2013 Đến ngày: 30/4/2013 23:59

Cửa hàng: 212004

Mã hàng hóa:

Chọn đầu ra: HTML

HÀNG HÓA	KẾT QUẢ KIỂM KÊ			HAO HỤT ĐỊNH MỨC TRONG KỶ			ĐỐI CHIẾU HHDM		
	Ngày	Nhập thừa	Xuất thiếu	Ngày KK trước	Lượng xuất qua kho trong kỳ	Tỷ lệ HHDM (%)	Lượng HHDM	Lượng định HHDM	Lượng vượt HHDM
1 CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 04		4,615.52			1,003,819.48		3,128.57	75.58	1,562.53
1.1 0201001		3,329.87			735,468.13		2,250.53		1,079.34
1 Xăng RON 92	18/4 18:59	1,206.46	9/4 17:59		321,421.54	0.3060	983.55		222.91
2 Xăng RON 92	26/4 16:29	1,519.52	18/4 18:59		277,970.45	0.3060	850.59		768.93
3 Xăng RON 92	30/4 23:59	593.89	26/4 16:29		136,076.11	0.3060	418.39		87.58
1.2 0201002		1,119.16			207,833.84		635.97		483.19
1 Xăng RON 95	18/4 18:59	385.65	9/4 17:59		90,768.35	0.3060	277.75		107.99
2 Xăng RON 95	26/4 16:29	570.65	18/4 18:59		76,460.35	0.3060	240.99		330.56
3 Xăng RON 95	30/4 23:59	162.86	26/4 16:29		38,605.14	0.3060	118.13		44.73
1.3 0601002		156.49			60,517.51		242.07	75.58	
1 ĐO 0.95S	18/4 18:59	45.01	9/4 17:59		27,145.99	0.4000	108.58		63.57
2 ĐO 0.95S	26/4 16:29	85.24	18/4 18:59		22,013.76	0.4000	88.06		2.82
3 ĐO 0.95S	30/4 23:59	26.24	26/4 16:29		11,357.76	0.4000	45.43		9.19
TỔNG CỘNG		4,615.52			1,003,819.48		3,128.57	75.58	1,562.53

Ngày ghi in: 13/6/2013 14:28

LẬP BIỂU: _____ PHÒNG KẾ TOÁN: _____ PHÒNG KINH DOANH: _____ GIÁM ĐỐC: _____

- Biên bản kiểm kê

- Biên bản kiểm kê xăng dầu

Cửa hàng xăng dầu số 36 ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TỒN KHO XĂNG DẦU

Thời gian: 14 giờ 54 phút ngày 4 tháng 12 Năm 2019

Thành phần Tổ kiểm kê gồm:

- Ông(Bà): _____ Đơn vị: _____

- Ông(Bà): _____ Đơn vị: _____

- Ông(Bà): _____ Đơn vị: _____

- Ông(Bà): _____ Đơn vị: _____

Cùng nhau tiến hành kiểm kê hàng hóa tồn kho và đã thống nhất kết quả kiểm kê như sau:

Số TT	Hàng hóa/Bể chứa	Số đo bể				Tồn kho			Số sách	Chênh lệch Thừa(+) /Thiếu(-)	Số máy
		Hc (mm)	Hn (mm)	Nhiệt độ thực tế (°C)	Tỷ trọng thực tế	Thực tế					
						Bể	Óng	Tổng			
1	XĂNG E5 RON 92-II					19.170,00	100,00	19.270,00	32.545,00	(13.275,00)	
1	BỂ 11 - E5-RON92-II	1.000		30	0,8900	9.585,00					
2	BỂ 1 - E5-RON92-II	1.000	1	30	0,8900	9.585,00					
3							100,00	19.270,00	32.545,00	(13.275,00)	

- Biên bản kiểm kê XDS – Thay đổi giá: Thêm cột tồn đường ống:

I. Kết quả kiểm kê hàng hóa:

1. Số đo bể

Số TT	Hàng hóa/Bể chứa	Số máy cột bơm	Người đo	Chiều cao		Dung tích thực tế	Tồn đường ống	Tồn thực tế	Tồn số sách	Chênh lệch: Thừa (+)/HHụt TT(-)	Ghi chú
				Chung	Nước						
1	XĂNG E5 RON 92-II				1,00	19.170,00	100,00	19.270,00	32.545,00	(13.275,00)	
1	BỂ 11 - E5-RON92-II		2120360	1.000		9.585,00					
2	BỂ 1 - E5-RON92-II		2120360	1.000	1,00	9.585,00					
3			2120360				100,00	19.270,00	32.545,00	(13.275,00)	
2	XĂNG RON95-IV				10,00	9.585,00	200,00	9.785,00	15.843,50	(6.058,50)	
1	BỂ 2 - R95-IV		2120360	1.000	10,00	9.585,00					
2			2120360				200,00	9.785,00	15.843,50	(6.058,50)	
3	DO 0.001S-V				10,00	9.485,00	300,00	9.785,00	24.823,00	(15.038,00)	
1	BỂ 3 - DO 0,001S-V		2120360	1.000	10,00	9.485,00					
2			2120360				300,00	9.785,00	24.823,00	(15.038,00)	
	TỔNG CỘNG				21,00	38.240,00	600,00	38.840,00	73.211,50	(34.371,50)	

2. Tiền tồn tại CH : _____ đồng

3. Phiếu dịch vụ:

- Biên bản kiểm kê tồn kho XD – Cuối tháng: thêm cột tồn đường ống

- Ông(Bà):		Chức vụ: Ca trưởng									
- Ông(Bà):		Chức vụ: Công nhân									
Cùng nhau tiến hành kiểm kê hàng hóa tồn kho và đã thống nhất kết quả kiểm kê như sau:											
Số TT	Hàng hóa/Bể chứa	Số máy cột bơm	Người đo	Chiều cao		Dung tích thực tế	Tồn đường ống	Tồn thực tế	Tồn số sách	Chênh lệch: Thừa (+)/H hụt TT(-)	Ghi chú
				Chung	Nước						
1	XĂNG E5 RON 92-II				1,00	19.170,00	100,00	19.270,00	32.545,00	(13.275,00)	
1	Bể 11 - E5- RON92-II		2120360	1.000		9.585,00					
2	Bể 1 - E5- RON92-II		2120360	1.000	1,00	9.585,00					
3			2120360				100,00	19.270,00	32.545,00	(13.275,00)	
2	XĂNG RON95-IV				10,00	9.585,00	200,00	9.785,00	15.843,50	(6.058,50)	
1	Bể 2 - R95-IV		2120360	1.000	10,00	9.585,00					
2			2120360				200,00	9.785,00	15.843,50	(6.058,50)	
3	DO 0.001S-V				10,00	9.485,00	300,00	9.785,00	24.823,00	(15.038,00)	
1	Bể 3 - DO 0,001S-V		2120360	1.000	10,00	9.485,00					
2			2120360				300,00	9.785,00	24.823,00	(15.038,00)	
TỔNG CỘNG					21,00	38.240,00	600,00	38.840,00	73.211,50	(34.371,50)	
Nguyên nhân:											
Kiến nghị(hoặc kết luận):											

3.7.3 Chặn không cho cửa hàng xuất hàng khi tồn kho hàng hóa âm

Các nghiệp vụ ảnh hưởng khi chặn không cho xuất âm kho:

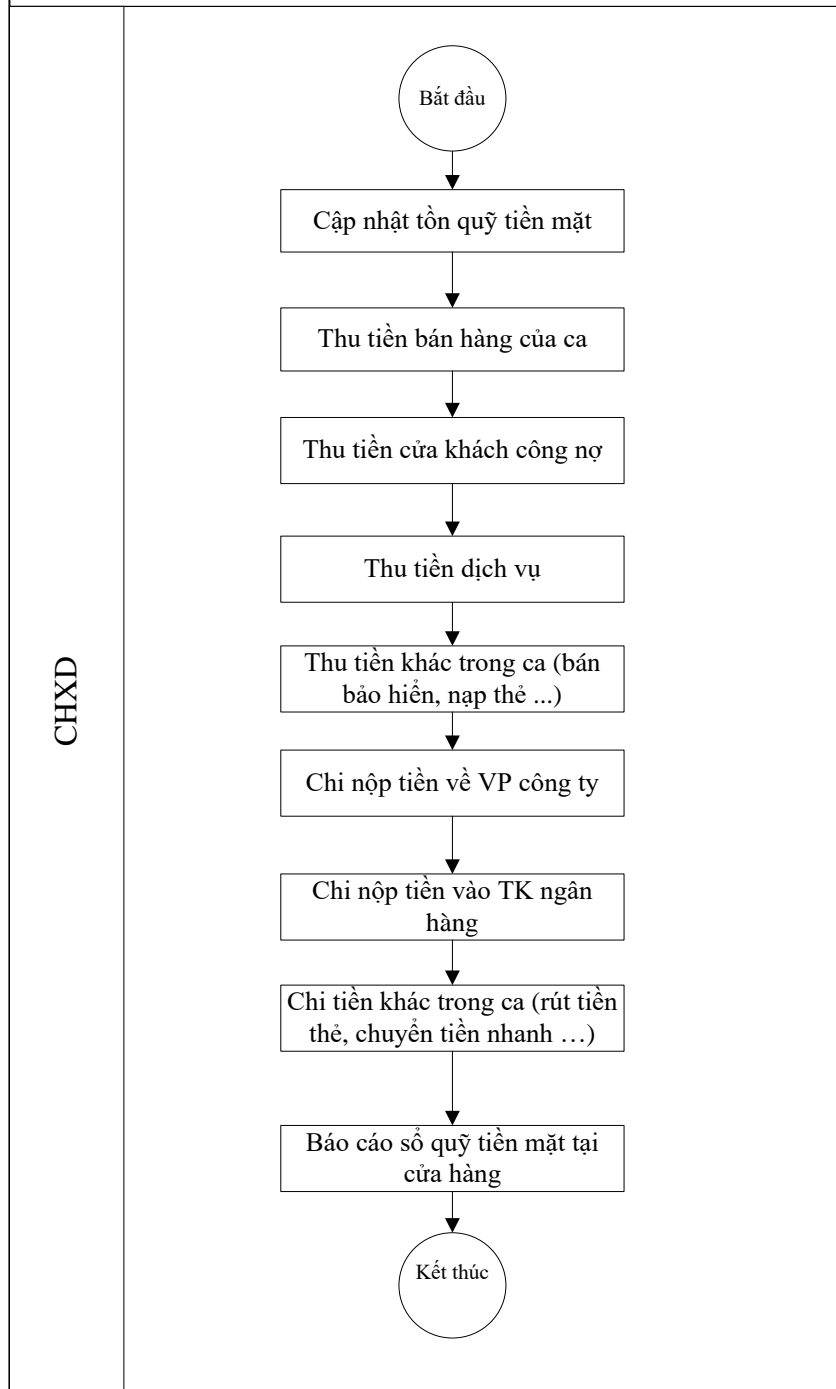
- Xuất hóa đơn thu tiền mặt – 401.
- Bán lẻ Gas ký quỹ vỏ bình – GA1.
- Bán lẻ Gas đôi vỏ bình – GA2.
- Xuất hóa đơn thanh toán bằng thẻ - 406.
- Bán công nợ trả chậm chưa hóa đơn – 412.
- Bán công nợ trả chậm kiêm hóa đơn – 411.
- Bán qua thẻ chưa hóa đơn – 407.
- Xuất hộ công ty – E422.
- Xuất hàng khuyến mại – Q101.
- Xuất hàng cấp lẻ - G101.
- Hóa đơn chốt ca từng phần – 490.
- Xuất di chuyển XDS từ CHXD – SO1.
- Xuất di chuyển hàng hóa khác từ CHXD – SO3.
- Xuất chuyên loại - 2003
- Xuất trả hàng NCC – SO2.
- Xuất khác – SO4.

3.8 Quản lý tiền tại cửa hàng

Quản lý tiền tại cửa hàng: là quản lý các hoạt động thu, chi tại cửa hàng để kiểm soát được lượng tồn quỹ tiền mặt tại cửa hàng với mọi thời điểm.

- Sử dụng khi: Phát sinh các các nghiệp vụ thu chi tại cửa hàng.
- Người thực hiện: Cửa hàng trưởng, kế toán cửa hàng, ca trưởng
- Lưu đồ quản lý tiền hàng tại cửa hàng:

Quản lý tiền tại cửa hàng



- Các bước thực hiện trong chương trình:
 - a. **Cập nhật tồn quỹ tiền mặt:** Chi tiết tại 3.1.2 - Cập nhật số dư công nợ, tiền mặt đầu năm.
 - b. **Thu tiền bán hàng của ca:** Chi tiết tại 2.15.1 - Nộp tiền ca bán hàng tại cửa hàng.
 - c. **Thu tiền của khách công nợ:** Chi tiết tại 2.14.2 - Thu tiền .
 - ✓ Thu tiền khách công nợ (TT2) các User cửa hàng được thêm mới chứng từ, để xóa sửa được chứng từ thì User cần được VP gán quyền CH9
 - d. **Thu tiền dịch vụ:** Chi tiết tại 2.14.1 - Xuất hóa đơn và thu tiền dịch vụ.

e. **Thu tiền khác trong ca:** Chi tiết tại 2.14.2 - Thu tiền .

f. **Chi nộp tiền về văn phòng công ty:** Chi tiết tại 2.15.2 - Chi nộp tiền về Công ty

g. **Chi nộp tiền vào tài khoản ngân hàng:** Chi tiết tại 2.15.3 - Chi nộp tiền vào tài khoản ngân hàng


h. **Chi tiền khác trong ca:** Chi tiết tại 2.15.4 - Chi tiền rút thẻ, chi chuyển tiền nhanh.

i. **Kiểm kê quỹ tại cửa hàng**

a. Thực hiện tại menu: CHXD/ Thu – chi / Kiểm kê quỹ

b. Mục đích: Thực hiện kiểm kê quỹ tại các thời điểm kiểm kê


Lưu ý: Khi thực hiện kiểm kê quỹ sẽ lấy cả những chứng từ phát sinh vào thời điểm kiểm kê quỹ

j. **Xem báo cáo sổ quỹ tiền mặt tại cửa hàng:** Từ menu **Sổ quỹ - Chọn** a kích chọn **Sổ quỹ kiểm báo cáo quỹ**, sau đó chọn các lựa chọn thích hợp với báo cáo (thời gian, Cbcnv, loại chứng từ thu, chi, chọn đầu ra, ...), rồi kích chọn  để xem báo cáo.

Sổ quỹ kiểm báo cáo quỹ

[Chọn nhanh] Từ ngày: 01/03/2012 Đến ngày: 31/03/2012 Thu hoặc chi: Thu + Chi Trang thái chuyển tiền: Chưa báo cáo

Cbcnv: DQV01 - Đặng Quốc Việt Số tiền từ: đến

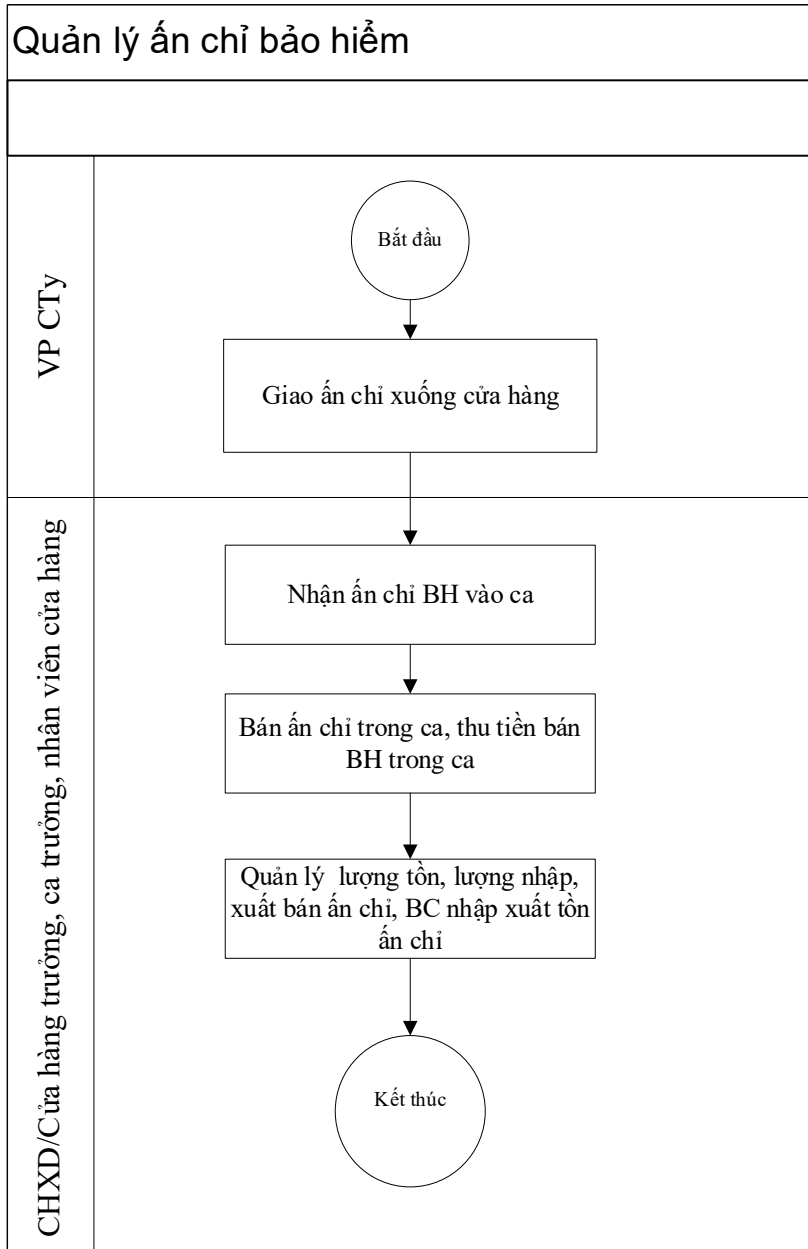
Loại hình: Chọn đầu ra: HTML  Close after print

Số CT	Diễn giải	Cbcnv	Thu	Chi	LŨY KẾ	
					Dư nợ	Dư có
29/2/2012					654,605,944	
1	T.3 Nộp tiền ca bán hàng tại CH	Đặng Quốc Việt	33,746,500			
2	C.1.03 Ca/CH nộp tiền lên Công ty	Đặng Quốc Việt		53,056,000		
3	T.3.01 Nộp tiền ca bán hàng tại CH	Đặng Quốc Việt	259,323,500			
4	T.3.02 Nộp tiền ca bán hàng tại CH	Đặng Quốc Việt	336,268,500			
5	C.1 Ca/CH nộp tiền lên Công ty	Đặng Quốc Việt		601,549,944		
6	C.1.01 Ca/CH nộp tiền lên Công ty	Đặng Quốc Việt		33,746,378		
7	C.1.02 Ca/CH nộp tiền lên Công ty	Đặng Quốc Việt		336,268,472		
8	T.3.03 Nộp tiền ca bán hàng tại CH	Đặng Quốc Việt	302,097,500			
9	T.3.04 Nộp tiền ca bán hàng tại CH	Đặng Quốc Việt	44,626,500			
10	T.3.05 Nộp tiền ca bán hàng tại CH	Đặng Quốc Việt	9,240,000			
11	C.1.04 Ca/CH nộp tiền lên Công ty	Đặng Quốc Việt		6,740,000		
1/3/2012			985,302,500	1,031,360,794	608,547,650	
12	T.3.05 Nộp tiền ca bán hàng tại CH	Đặng Quốc Việt	32,918,500			
13	T.3.07 Nộp tiền ca bán hàng tại CH	Đặng Quốc Việt	317,250,500			
14	T.3.1 Nộp tiền ca bán hàng tại CH	Đặng Quốc Việt	299,249,000			
15	T.3.08 Nộp tiền ca bán hàng tại CH	Đặng Quốc Việt	243,672,500			
16	C.1.06 Ca/CH nộp tiền lên Công ty	Đặng Quốc Việt		2,500,000		
17	C.1.07 Ca/CH nộp tiền lên Công ty	Đặng Quốc Việt		606,047,714		

Done

3.9 Quản lý bán ẩn chỉ bảo hiểm tại cửa hàng

- Sử dụng khi: Cửa hàng có bán Ẩn chỉ bảo hiểm.
- Người thực hiện: Ca trưởng, nhân viên cửa hàng.
- Lưu đồ quản lý ẩn chỉ bảo hiểm:



Các bước thực hiện trong chương trình:

Văn phòng công ty sẽ thực hiện giao ấn chỉ bảo hiểm xuống cửa hàng: Từ menu Chứng từ ta kích chọn Giao h.đơn, ấn chỉ xuống CH. Sau đó cập nhật thông tin về ấn chỉ ở tab **Kho xuất** (Sê ri, Từ số, Đến số, Ghi chú) và cửa hàng ở tab **Kho nhập**, rồi kích chọn **Luu**.



Giao hóa đơn, ấn chỉ xuống CH

Ngày: 22/6/2012

Kho xuất Kho nhập

Sê-ri	Từ số	Đến số	Sê-ri nội bộ	Ghi chú	Số tờ	Kho nhập
BB-OTO - PJCO-PHT/01	04 300 70	04 300 95	1		300	666002 - CH Xăng dầu Minh Nguyệt
					300	X
						X

Tại cửa hàng thực hiện các bước nghiệp vụ như sau:

- Bước 1: Nhận ấn chỉ bảo hiểm vào ca:
- Bước 2: Bán ấn chỉ bảo hiểm, thu tiền bán bảo hiểm trong ca: Từ màn hình ca bán hàng ta kích chọn Thu tiền khác trong ca và cập nhật loại dịch vụ là tiền bán ấn chỉ bảo hiểm và số tiền rồi kích chọn **Lưu**.

Thu chi khác		
[Khách vắng lai] Ghi chú:		
Loại dịch vụ	Đối tượng	Số tiền
1 3		X
2 338831 - Tiền rút, nạp thẻ PG Bank		X
3 338832 - Phí truy vấn thẻ PG Bank		X
4 338841 - Chuyển tiền nhanh		X
5 338851 - Tiền bán ấn chỉ bảo hiểm		X
6		X

- Bước 3: Chốt số ấn chỉ cuối ca: Từ màn hình ca bán hàng ta kích chọn **Chốt hóa đơn ấn chỉ** và cập nhật các thông tin về ấn chỉ (Sê ri, từ số, đến số, nội dung), sau đó kích chọn **Lưu**

Tình hình sử dụng hóa đơn, ấn chỉ							
Sê-ri	Từ số	Đến số	Nội dung	Sê-ri nội bộ	Ghi chú	Số tờ	
AA/10T - 01GTKT2/002	201	201	Xuất bán	1		1	16
BB/13P - 01GTKT2/003	500	500	Xuất bán	1		1	X
AA/10T - 01GTKT2/002	202	205	Hủy	1		4	X
BB/13P - 01GTKT2/003	501	510	Trả về CH	2		10	X

Xem báo cáo nhập xuất tồn ấn chỉ: Từ menu Báo cáo ta kích chọn **N-X-T ấn chỉ** và kích chọn **>** (hoặc dùng tổ hợp phím Ctrl+Enter)

Master data Chứng từ Báo cáo											
Menu search											
Nhập xuất tồn ấn chỉ báo cáo											
[Chọn nhanh]	Từ ngày: 22/5/2012	Đến ngày: 22/6/2012	Ấn chỉ								
Đơn vị: 666002 - CH Xăng dầu Minh Nguyệt						Sê-ri: :					
Chọn đầu ra: HTML						Từ số: : đến số					
SÊ-RI	NHẬP				XUẤT				TỒN		
	Nhập từ	Từ số	Đến số	Số tờ	Xuất đến	Từ số	Đến số	Số tờ	Từ số	Đến số	Số tờ
1 CH Xăng dầu Minh Nguyệt				50							50
1 BB-XEMAY /1	Kho thủ tục tại VPcty	101	150	50					101	150	50
TỔNG CỘNG											50

3.10 Thay đổi giá

Khi có sự thay đổi giá quản trị công ty sẽ thực hiện cập nhật hồ sơ giá cũng như phê duyệt hồ sơ giá trên văn phòng và giá mới sẽ được tự động cập nhật xuống cửa hàng khi máy tính dưới cửa hàng được kết nối mạng internet; giá mới đã được phê duyệt sẽ tự động áp sang agas/ cột bom khi egas client và agas có kết nối.

Khi có thông báo thay đổi giá từ đơn vị cửa hàng phải thực hiện các công việc sau trên egas:

1. Đối với ca trưởng: tiến hành đóng ca và mở ca mới theo thời gian quy định.
2. Đối với cửa hàng trưởng:
 - + Kiểm tra hồ sơ giá (đối với cửa hàng có tự động hóa).
 - + Tiến hành các thủ tục kiểm kê sau thời gian thay đổi giá theo quy định của đơn vị.

Riêng đối với những cửa hàng áp dụng tự động hóa thì kiểm tra hồ sơ giá mới đã được áp tại cột bơm chưa :

- Sử dụng khi: Có thay đổi giá
- Người thực hiện: Cửa hàng trưởng/ ca trưởng.
- Phạm vi áp dụng: Đối với những cửa hàng có áp dụng tự động hóa
- Đường dẫn: Từ giao diện Uhome của ca bán hàng ta kích chọn tab “**Áp giá ra vòi bơm**”.

Cô

Ca: 24031802. /Nguyễn Văn Thuỳên 18/3/2024 17:53 - 19/3/2024 0:53

NV: []

Nhận hàng vào ca
 Chốt cột bơm, bể cuối ca
 Chốt hàng hóa tổng hợp
 Chốt hóa đơn, ấn chỉ
 Lập hóa đơn đóng ca
 Sổ giao ca

Home
 Thao tác HTM
 Áp giá ra vòi bơm
 Kiểm kê hóa
 Báo cáo
 Kiểm kê HTM
 Cấu hình
 Thông tin khác
 Tài khoản
 Kế toán
 Đăng nhập
 Log bơm

Mặt hàng	EGAS		AGAS		
	Ngày giờ hiệu lực	Giá bán	Ngày giờ hiệu lực	Giá bán	
0201004 - Xăng E5 RON 92-II					
630001 - Vòi 1_E5 RON 92	17/3/2024 10:15 20/3/2024 15:00 21/3/2024 15:00	12.000 23.120 21.000	17/03/2024 10:15 20/03/2024 15:00 21/03/2024 15:00	12.000 23.120 21.500	<input checked="" type="checkbox"/>
630002 - Vòi 2_E5 RON 92	17/3/2024 10:15 20/3/2024 15:00 21/3/2024 15:00	12.000 23.120 21.000	17/03/2024 10:15 20/03/2024 15:00 21/03/2024 15:00	12.000 23.120 21.000	
0201042 - Xăng RON95-IV					
630003 - Vòi 3_RON 95 IV	17/3/2024 10:15 20/3/2024 15:00 21/3/2024 15:00	13.000 24.120 22.000	17/03/2024 10:15 20/03/2024 15:00 21/03/2024 15:00	13.000 24.120 22.000	
630006 - Vòi 6_RON 95 IV	17/3/2024 10:15 20/3/2024 15:00 21/3/2024 15:00	13.000 24.120 22.000	17/03/2024 10:15 20/03/2024 15:00 21/03/2024 15:00	13.000 24.120 22.000	
0601002 - DO 0.05S-II					
630005 - Vòi 5_DO 0.05S-II	17/3/2024 10:10 20/3/2024 15:00 21/3/2024 15:00	22.110 25.120 23.000	17/03/2024 10:10 20/03/2024 15:00 21/03/2024 15:00	22.110 25.120 23.000	
0601005 - DO 0.001S-V					
630004 - Vòi 4_DO 0.001S-V	17/3/2024 10:10 20/3/2024 15:00 21/3/2024 15:00	23.110 26.120 24.000	17/03/2024 10:10 20/03/2024 15:00 21/03/2024 15:00	23.110 26.120 24.000	

Áp giá cho vòi bơm

- + Cột mặt hàng: Mã hàng hóa + Tên hàng hóa / Mã vòi+ Tên vòi
- + Ngày giờ hiệu lực (Egas):
 - ✓ Với dòng dữ liệu Vòi bơm: Thời gian hiệu lực tại chứng từ PC1 có thời gian hiệu lực lớn nhất < Thời gian chạy báo cáo
 - ✓ Với các dòng dữ liệu trống thông tin vòi bơm: Thời gian hiệu lực tại tất cả các chứng từ PC1 có thời gian hiệu lực > Thời gian chạy báo cáo

Trường "Diễn giải" tại các chứng từ khai báo chi phí (BK3, BK5, BK9, BK10) chuyển thành bắt buộc nhập (hiện tại có thể để trống)

3.12 Sửa các mẫu in phiếu xuất Kho – nhập kho

Sửa các mẫu in phiếu xuất Kho – nhập kho (SO1, SO3, SO4, SR1, SR2, SR3)

- Thêm vào mẫu in cột <Mã hàng> trước <Tên hàng>
- Thêm thông tin: Nơi nhận hàng (dưới địa chỉ) (để dạng box để CH điền bằng tay tại bản in)
- Tại phiếu xuất kho SO3: Thêm chữ ký "Người vận chuyển (để cuối)"

Print X

XÍ NGHIỆP BÁN LẺ XĂNG DẦU -
CTY XD KV1 - CTY TNHH MTV
PETROLIMEX- CỬA HÀNG
01_CuongNK

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 21 tháng 7 Năm 2014

Số chứng từ: SO3.2
Số chứng từ kèm theo: 0

Kho: PETROLIMEX- CỬA HÀNG 01_CuongNK
Phương thức: SO3 - Xuất đi chuyển hàng hóa khác từ CHXD
Nơi xuất hàng: PETROLIMEX- CỬA HÀNG 01_CuongNK
Địa chỉ: Số 01 đường Trần Quang Khải, phường Trưng Tiên, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Nơi nhận hàng:

Số TT	Mã Hàng hóa	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	1304103	Nước giặt cao cấp JANA loại 02 kg-CAN	CAN_Can	36,00		
2	1304107	Nước giặt cao cấp JANA Blue (Loại 2Kg)	CAN_Can	36,00		
TỔNG CỘNG				72,00		

Ngày giờ in: 20/1/2022 09:31
CỬA HÀNG TRƯỞNG

NGƯỜI NHẬN

LẬP BIỂU

Ngày 20 tháng 1 năm 2022
NGƯỜI VẬN CHUYỂN

4 CÁC BÁO CÁO TRÊN EGAS

4.1 Định dạng số tại báo cáo

Từ ngày 17/03/2019, chương trình thay đổi dấu ngăn cách trên báo cáo như sau:

- Dấu ngăn cách hàng nghìn chuyển thành dấu “.”.
- Dấu ngăn cách hàng thập phân chuyển thành dấu “,”.

4.2 Kết xuất dữ liệu báo cáo ra Excel

Từ ngày 31/03/2025 chương trình bổ sung thêm 02 lựa chọn kết xuất dữ liệu báo cáo ra Excel

Chương trình có 04 lựa chọn kết xuất dữ liệu ra Excel:

- Excel full(.xls): Kết xuất dữ liệu fiel có đuôi .xls có cả phần tiêu đề và phần dữ liệu của báo cáo theo định dạng như khi xem báo cáo trên Web
- Excel less Form(.xls): Kết xuất dữ liệu file có đuôi .xls của phần dữ liệu của báo cáo theo định dạng như khi xem báo cáo trên Web
- Excel full (.xlsx): Kết xuất dữ liệu có cả phần tiêu đề và phần dữ liệu của báo cáo theo định dạng chuẩn file có đuôi .xlsx
- Excel less Form (.xlsx): Kết xuất dữ liệu của phần dữ liệu của báo cáo theo định dạng chuẩn file có đuôi .xlsx

Định dạng chuẩn dữ liệu số và ngày tháng:

- Dữ liệu số: Theo định dạng theo thiết lập sẵn của máy tính. Các trường dữ liệu số khi kết xuất ra được định dạng theo kiểu giá trị số trong excel
- Dữ liệu ngày tháng: Theo định dạng ngày tháng được thiết lập sẵn của máy tính

B/c VPCT **B/k thuế GTGT** **Banks** **B/c KD hàng hóa** **N-X-T** **Chú**

↓ ↶ ↷

Báo cáo xuất bán hàng hóa

[Chọn nhanh] v Từ ngày: 22/9/2025 Đến ngày: 22/10/2025 23:59

Đối tượng : v

Loại Ctừ : v

Nhóm giá : v

Chọn đầu ra : HTML v >

- HTML
- Excel full (.xls)
- Excel less form (.xls)
- Excel full (.xlsx)
- Excel less form (.xlsx)

Lưu ý: Định dạng của máy tính thì excel phải chọn vào mục sử dụng theo định dạng hệ thống bằng cách

- B1: Mở excel
- B2: Chọn File/ Chọn Options/ Chọn Advanced
- B3: Tích chọn “Use Seperator System”
- B4: Bấm OK

4.3 Sổ giao ca – M08

4.3.1 Hình thức báo cáo

Từ ca: 19112101-1 (21/11/2019 15:58) đến ca: 19112101-1 (21/1/2020 11:27)

A/ TÌNH HÌNH GIAO CA

I. XĂNG DẦU SÁNG		SỐ ĐẦU	SỐ CUỐI	XUẤT KHÁC	XUẤT BÁN
1	XĂNG E5 RON 92-II	1.009.721,926	1.009.781,926		60,00
1	Vòi số 1xx - Xăng E5 Ron 92	1.009.721,926	1.009.781,926		60,00
2	XĂNG RON95-IV	8.180.015,510	8.180.025,510		10,00
1	Vòi số 2 - Ron 95-IV	8.180.015,510	8.180.025,510		10,00
TỔNG CỘNG		9.189.737,436	9.189.807,436		70,00

II. HÀNG HÓA KHÁC		TỜN ĐẦU	NHẬP	TỜN CUỐI	XUẤT BÁN
TỔNG CỘNG					

ÁN CHỈ		NHẬP			XUẤT			TỜN				
Số-n	#	Diễn giải	Từ số	Đến số	Số tờ	Diễn giải	Từ số	Đến số	Số tờ	Từ số	Đến số	Số tờ
1	1-Hóa đơn				63.955							63.955
1	XN/17P	1	Nhận từ CH	22668	86622	63.955				22668	86622	63955
TỔNG CỘNG					63.955							63.955

B/ TÌNH HÌNH BÁN HÀNG

PHƯƠNG THỨC/HÀNG HÓA		ĐVT	GIÁ BÁN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	GIẢM TRỪ	TỔNG CỘNG
1	NHIÊN LIỆU XĂNG			70,00	910.820	40.000	870.820
1.1	Xuất hóa đơn thu tiền mặt			60,00	733.320		733.320
1	Xăng E5 RON 92-II	Lit	12.222	60,00	733.320		733.320
1.2	Bán công nợ kiểm xuất hóa đơn			10,00	177.500	20.000	157.500
1	Xăng E5 RON 92-II	Lit				20.000	(20.000)
2	Xăng RON95-IV	Lit	17.750	10,00	177.500		177.500
1.3	Xuất hóa đơn chiết khấu thương mại					20.000	(20.000)
1	Xăng E5 RON 92-II	Lit				20.000	(20.000)
2	NHIÊN LIỆU DIEZEN					21.000	(21.000)

Bổ sung cột ghi nhận tiền CKTM

B/ TÌNH HÌNH BÁN HÀNG

PHƯƠNG THỨC/HÀNG HÓA		ĐVT	GIÁ BÁN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	GIẢM TRỪ	TỔNG CỘNG
1	NHIÊN LIỆU XĂNG			2.313,107	53.605.247		53.605.247
1.1	Xuất hóa đơn thu tiền mặt			241,448	5.663.380		5.663.380
1	Xăng E5 RON 92-II	Lit	22.620	22,104	500.000		500.000
2	Xăng RON95-III	Lit	23.540	219,344	5.163.380		5.163.380
1.2	Bán công nợ kiểm xuất hóa đơn			18,608	420.913		420.913
1	Xăng E5 RON 92-II	Lit	22.620	18,608	420.913		420.913
1.3	Xuất h.đơn nhiều HTTT - HDB			106,605	2.450.492		2.450.492
1	Xăng E5 RON 92-II	Lit	22.620	64,124	1.450.492		1.450.492
2	Xăng RON95-III	Lit	23.540	42,481	1.000.000		1.000.000
1.4	Bk từng lần BH - HDB			340,416	7.950.616		7.950.616
1	Xăng E5 RON 92-II	Lit	22.620	68,278	1.544.449		1.544.449
2	Xăng RON95-III	Lit	23.540	272,138	6.406.167		6.406.167
1.5	Bk từng lần BH - Nhiều HTTT			1.806,030	37.119.846		37.119.846
1	Xăng E5 RON 92-II	Lit	22.620	745,761	16.869.114		16.869.114
2	Xăng RON95-III	Lit	23.540	860,269	20.250.732		20.250.732
2	NHIÊN LIỆU DIEZEN			3.146,825	62.324.230		62.324.230
2.1	Xuất hóa đơn thu tiền mặt			946,497	18.778.515		18.778.515
1	DO 0.05S-II			946,497	18.778.515		18.778.515
2.2	Bán công nợ kiểm xuất hóa đơn			630,000	12.499.200		12.499.200
1	DO 0.05S-II	Lit	19.640	630,000	12.499.200		12.499.200
2.3	Bán công nợ kiểm xuất hóa đơn - BHTQ			544,053	10.685.201		10.685.201
1	DO 0.05S-II	Lit	19.640	544,053	10.685.201		10.685.201
2.4	Xuất h.đơn nhiều HTTT - HDB			998,553	19.811.313		19.811.313

Bổ sung ghi nhận bán hàng toàn quốc

4.3.2 Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc	Mô tả thêm
1.	Từ ca	Mã ca bắt đầu lấy dữ liệu		Mã ca đang thao tác	X	

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc	Mô tả thêm
2.	Đến ca	Mã ca kết thúc lấy dữ liệu		Mã ca đang thao tác	X	
3.	Đầu ra báo cáo	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn 1 định dạng từ danh sách có sẵn	HTML		

Chú ý:

- Tại tình hình giao ca lượng xuất khác được tính bằng tổng của xuất kiểm định, xuất thử máy, xuất khác của chứng từ chốt ca
- Chính sửa bổ sung ghi nhận tiền chiết khấu thương mại vào ca bán hàng
- Chính sửa bổ sung TK 13613(Giao dịch bán hàng toàn quốc) vào báo cáo sổ giao ca bán hàng.

4.4 Chi tiết công nợ phải thu tại CH

4.4.1 Hình thức báo cáo: Mẫu báo cáo

Tập đoàn xăng dầu Việt Nam
 Công ty xăng dầu

Chi tiết công nợ phải thu tại cửa hàng

Từ ngày: 1/5/2017 Đến ngày: 1/6/2017
 23:59

	Khách	TỜ ĐẦU		PHÁT SINH				TỜ CUỐI	
		Nợ	Có	Ngày-giờ	Số lượng	Nợ	Có	Nợ	Có
1	MaKH1-TenKH1								
1	Xăng RON95-III								
2	DO 0.05S								
								
2	MaKH2-TenKH2								
1	Thu tiền khách công nợ tại CHXD								
3								
	TỔNG CỘNG								

Ngày giờ in: 1/6/2017 08:34
 LẬP BIỂU

CỬA HÀNG TRƯỞNG

4.4.2 Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc	Mô tả thêm
4.	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo		Ngày giờ hiện tại - 30 ngày	X	
5.	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo		23h59 ngày hiện tại	X	
6.	Kho	Các Cửa hàng lấy dữ liệu báo cáo	Chọn 1 hoặc nhiều giá trị từ danh sách có sẵn	Toàn bộ CHXD trong Công ty		
7.	Đối tượng	Khách hàng cần lấy dữ liệu báo cáo	Tìm kiếm khách cần lấy dữ liệu	Toàn bộ khách		
8.	Loại chứng từ	Loại chứng từ cần lấy dữ liệu báo cáo	Chọn 1 hoặc nhiều loại chứng từ từ danh sách có sẵn	Toàn bộ loại chứng từ có phát sinh dl		
9.	Nhóm hàng hóa	Loại nhóm hàng hóa cần lấy dữ liệu bc	Chọn nhóm hàng hóa cấp 1 hoặc cấp 2	Toàn bộ nhóm hàng hóa có phát sinh dữ liệu		
10.	Mã hàng hóa	Mã hàng hóa cần lấy dữ liệu báo cáo	Tìm kiếm mã hàng hóa cần lấy dữ liệu	Toàn bộ mã hàng hóa có phát sinh dữ liệu		
11.	Đầu ra báo cáo	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn 1 định dạng từ danh sách có sẵn	HTML		

4.4.3 Mô tả tiêu chí sắp xếp

STT	Tên trường	Độ ưu tiên	Mô tả thêm
1	Mã khách hàng	1	
2	Ngày chứng từ	2	

4.5 Công nợ phải thu theo ngày due-date

4.5.1 Hình thức báo cáo: Mẫu báo cáo

Báo cáo công nợ phải thu theo ngày due-date

**Cần gán công nợ
trước khi sử dụng**

Đến ngày: 1/6/2017 11:59:00 PM

Khách

Loại công nợ

Chọn đầu ra

	Khách	Ngày-giờ	Số phiếu	Giá	S.lượng	Số tiền	Đã TT	Due-date	Nợ trong hạn	Ngày q.hạn	Số tiền quá hạn /ngày				Còn nợ
											1-30	31-60	61-90	Trên 90	
1	MaKH1-TenKH1														
1	Mặt hàng A														
2	Mặt hàng B														
3	...														
2	MaKH2-TenKH2														
1	Mặt hàng A														
2	Mặt hàng B														
3														
3														
	TỔNG CỘNG														

4.5.2 Tham số chạy báo cáo

Tương tự như báo cáo “Chi tiết công nợ phải thu tại CH”

4.5.3 Mô tả tiêu chí sắp xếp

STT	Tên trường	Độ ưu tiên	Mô tả thêm
1	Mã khách hàng	1	
2	Ngày chứng từ	2	

Lưu ý: Chứng từ chiết khấu CK1 thể hiện tại báo cáo như chứng từ thanh toán – nếu gán 1 phần thì sẽ thể hiện số tiền đã gán tại cột “Đã TT”

4.6 Bảng kê nhập di chuyển xăng dầu sáng

4.6.1 Hình thức báo cáo: Mẫu báo cáo

CHI NHÁNH XĂNG DẦU HÀ NỘI-CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I-CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
212017

BẢNG KÊ NHẬP DI CHUYỂN XDS

[Chọn nhanh] Từ ngày: 01/01/2024 Đến ngày: 17/5/2024 23:59

Ngành hàng : 11
Nhóm hàng hóa : 0201 - Nhiên liệu xăng
Hàng hóa : 0201032 - Xăng RON95-III
Kho xuất hàng :
Chọn đầu ra : HTML Close after print

STT	Hàng hóa/Cửa hàng	Số CTừ	Ngày CTừ	ĐVT	Nhiệt độ	Tỷ trọng	VCF	SL LTT	SL L15	Kho xuất hàng	Số xe	Ghi chú
1	0201032 - XĂNG RON95-III							125.000,00	123.600,00			
1	212017 - PETROLIMEX-CỬA HÀNG 17	1	12/4/2024 11:01	Lit	29,00	888,0	0,9890	10.000,00	9.890,00	215A - Tổng kho XD Đức Giang	02718 - 29C02718	
2	212017 - PETROLIMEX-CỬA HÀNG 17	100	19/4/2024 14:57	Lit	27,68	730,0	0,9840	5.000,00	4.920,00	215A - Tổng kho XD Đức Giang	02718 - 29C02718	
3	212017 - PETROLIMEX-CỬA HÀNG 17	2	6/5/2024 8:43	Lit	29,00	888,0	0,9890	100.000,00	98.900,00	215A - Tổng kho XD Đức Giang	00 - 30F6917	
4	212017 - PETROLIMEX-CỬA HÀNG 17	1234	6/5/2024 15:19	Lit	29,00	888,0	0,9890	10.000,00	9.890,00	215A - Tổng kho XD Đức Giang	00 - 30F6917	
	TỔNG CỘNG							125.000,00	123.600,00			

4.6.2 Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc	Mô tả thêm
1	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo		Ngày giờ hiện tại - 30 ngày	X	
2	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo		23h59 ngày hiện tại	X	
3	Ngành hàng					
4	Nhóm HH					
5	Hàng hóa					
6	Kho xuất hàng					

4.6.3 Mô tả tiêu chí sắp xếp

STT	Tên trường	Độ ưu tiên	Mô tả thêm
1	Mã CH	1	
2	Mã hàng hóa	2	
2	Ngày chứng từ	3	

4.7 Báo cáo cân đối tiền hàng – công nợ

4.7.1 Hình thức báo cáo

BÁO CÁO CÂN ĐỐI TIỀN HÀNG - CÔNG NỢ

Thời gian bán hàng từ ngày-giờđến ngày-giờ

I/ SỐ ĐẦU KỲ

Diễn giải	Số tiền	Diễn giải	Số tiền
1. Khách dư nợ	0	1. Tiền mặt tồn cửa hàng	0
2. Khách dư có	0	2. Tiền đang chuyển	0
Số dư công nợ khách tại CH (1-2)	0	Số dư quỹ tại CH (1+2)	0

II/ PHÁT SINH TIỀN HÀNG HÓA DỊCH VỤ PHẢI THU TRONG KỲ (PHÁT SINH NỢ)

Diễn giải	Tổng số tiền bán hàng phải thu trong kỳ	Trong đó:	
		Nhóm khách hàng ký hợp đồng	Nhóm khách hàng vãng lai
.....			
.....			
TỔNG CỘNG			

III/ PHÁT SINH ĐÃ NỘP TRONG KỲ (PHÁT SINH CÓ)

Diễn giải	Số tiền nộp/giảm trừ
.....	
TỔNG CỘNG	

IV/ SỐ CUỐI KỲ

Diễn giải	Số tiền	Diễn giải	Số tiền
1. Khách dư nợ	0	1. Tiền mặt tồn cửa hàng	0
2. Khách dư có	0	2. Tiền đang chuyển	0
Số dư công nợ khách tại CH (1-2)	0	Số dư quỹ tại CH (1+2)	0

V/ BÁN THU TIỀN QUA THẺ

Diễn giải	Số tiền
1. Bán qua thẻ xuất hóa đơn	0
2. Bán qua thẻ nợ hóa đơn	0
Tổng cộng	0

Ngày giờ in: ...

LẬP BIỂU

CỬA HÀNG TRƯỞNG

4.7.2 Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1.	Chọn nhanh	Chọn nhanh thời gian khi chạy báo cáo	1. Từ đầu tháng 2. Tháng này 3. Tháng trước 4. Từ đầu năm 5. Quý 1 6. Quý 2 7. Quý 3 8. Quý 4 9. Cả năm		
2.	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo		Ngày giờ hiện tại	X

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
3.	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo		23h59 ngày hiện tại	X
4.	Đầu ra báo cáo	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn 1 định dạng từ danh sách có sẵn	HTML	

Chú ý:

- Chứng từ CH8 cửa hàng nộp tiền và công ty đã “báo có”, Khi chạy lại báo cáo Cân đối tiền hàng - công nợ trước “ngày báo có” số tiền này vẫn thể hiện là “tiền đang chuyển”.

4.8 Bảng kê xuất bán hàng hóa dịch vụ

4.8.1 Hình thức báo cáo: Mẫu báo cáo



PETROLIMEX

BẢNG KÊ XUẤT BÁN HÀNG HÓA DỊCH VỤ

Chọn nhanh Từ ngày: Đến ngày:

Phương thức:

Nhóm hàng hóa:

Hàng hóa:

Chọn đầu ra:

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	GIÁ BÁN	SỐ LƯỢNG	TỔNG TIỀN THANH TOÁN	Trong đó		
						Tiền hàng	Tiền thuế	Phí MT
1	Nhiên liệu xăng							
1	Xăng E5 RON 92-II	Lít						
2	Xăng E5 RON 92-II	Lít						
3	Xăng RON95-IV	Lít						
4	Xăng RON95-IV	Lít						
5	Xăng RON95-IV	Lít						
2	Nhiên liệu Diezen							
1	DO 0.001S-V	Lít						
2	DO 0.001S-V	Lít						
3	DO 0.001S-V	Lít						
4	DO 0.001S-V	Lít						
5	DO 0.001S-V	Lít						
	TỔNG CỘNG							

Ngày giờ in:

Bao gồm... chứng từ (trong đó... hóa đơn điện tử, ... hóa đơn truyền thống)**LẬP BIỂU****CỬA HÀNG TRƯỞNG**

4.8.2 Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1.	Chọn nhanh	Chọn nhanh thời gian khi chạy báo cáo	10. Từ đầu tháng 11. Tháng này 12. Tháng trước 13. Từ đầu năm 14. Quý 1 15. Quý 2 16. Quý 3 17. Quý 4 18. Cả năm		
2.	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo		Ngày giờ hiện tại	X
3.	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo		23h59 ngày hiện tại + 1 tháng	X
4.	Phương thức	Các phương thức xuất bán	Chọn 1 hoặc tất cả giá trị từ danh sách có sẵn	Toàn bộ phương thức xuất bán tại CH	
5.	Nhóm hàng hóa	Nhóm hàng hóa cần lọc dữ liệu	Chọn một giá trị từ danh sách có sẵn	Tất cả nhóm hàng hóa	
6.	Hàng hóa	Mã hàng hóa cần lọc dữ liệu	Chọn một giá trị từ danh sách có sẵn	Toàn bộ mã hàng hóa	
7.	Đầu ra báo cáo	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn một định dạng từ danh sách có sẵn	HTML	

4.9 Các báo cáo bổ sung phương thức “Bán theo lô”

4.9.1 Báo cáo hàng hóa

- Các báo cáo trong menu CHXD\ Hàng hóa cần bổ sung phương thức “Bán theo lô” gồm:

STT	Tên Báo Cáo	Nội dung chỉnh sửa
1	Bảng kê xuất bán hàng hóa dịch vụ	- Bổ sung phương thức bán theo lô vào điều kiện lọc dữ liệu “Phương thức” - Bổ sung phương thức “Bán theo lô” vào dữ liệu báo cáo.
2	Bảng kê tổng hợp bán hàng	- Bổ sung phương thức bán theo lô vào dữ liệu báo cáo
3	Báo cáo cân đối NXT (1)	- Bổ sung phương thức bán theo lô vào dữ liệu báo cáo
4	Báo cáo cân đối NXT (2)	- Bổ sung phương thức bán theo lô vào dữ liệu báo cáo
5	Thẻ kho hàng hóa	- Bổ sung phương thức bán theo lô vào điều kiện lọc dữ liệu “Phương thức” - Bổ sung phương thức “Bán theo lô” vào dữ liệu báo cáo.

STT	Tên Báo Cáo	Nội dung chỉnh sửa
6	Thẻ kho hàng hóa TH	- Bổ sung phương thức bán theo lô vào điều kiện lọc dữ liệu “Phương thức” - Bổ sung phương thức “Bán theo lô” vào dữ liệu báo cáo.
7	Chi tiết xuất bán khách dịch vụ	- Bổ sung các phương thức “Bán theo lô” cho khách công nợ vào dữ liệu báo cáo
8	Tổng hợp tình hình xuất hóa đơn sau	- Bổ sung phương thức bán theo lô xuất hóa đơn sau vào điều kiện lọc dữ liệu “Loại chứng từ” - Bổ sung phương thức “Bán theo lô” vào dữ liệu báo cáo.
9	Tổng hợp tình hình xuất hóa đơn sau (1)	- Bổ sung phương thức bán theo lô xuất hóa đơn sau vào điều kiện lọc dữ liệu “Loại chứng từ” - Bổ sung phương thức “Bán theo lô” vào dữ liệu báo cáo.

4.9.2 Báo cáo sổ quỹ, công nợ

Các báo cáo thuộc menu CHXD\ Sổ quỹ/ công nợ bổ sung phương thức “Bán theo lô” gồm:

STT	Báo Cáo	Nội dung chỉnh sửa
1	Sổ quỹ kiêm báo cáo quỹ (1)	- Bổ sung phương thức bán theo lô xuất hóa đơn sau vào điều kiện lọc dữ liệu “Phương thức” - Bổ sung phương thức “Bán theo lô” vào dữ liệu báo cáo.
2	Sổ quỹ kiêm báo cáo quỹ (2)	- Bổ sung phương thức “Bán theo lô” vào dữ liệu báo cáo.
3	Chi tiết công nợ phải thu tại cửa hàng	- Bổ sung phương thức bán công nợ theo lô vào dữ liệu báo cáo
4	Sổ theo dõi công nợ khách	- Bổ sung phương thức bán công nợ theo lô vào dữ liệu báo cáo
5	Báo cáo công nợ khách	- Bổ sung phương thức bán công nợ theo lô vào dữ liệu báo cáo
6	Báo cáo tuổi nợ	- Bổ sung phương thức bán công nợ theo lô vào dữ liệu báo cáo
7	Đối chiếu công nợ khách	- Bổ sung phương thức bán công nợ theo lô vào dữ liệu báo cáo

STT	Báo Cáo	Nội dung chỉnh sửa
8	Sổ theo dõi công nợ khách (TH)	- Bổ sung phương thức bán công nợ theo lô vào dữ liệu báo cáo
9	Công nợ phải thu theo ngày due date	- Bổ sung phương thức bán công nợ theo lô vào dữ liệu báo cáo
10	Cân đối công nợ VPCTY – CHXD	- Bổ sung phương thức bán công nợ theo lô vào dữ liệu báo cáo
11	Báo cáo công nợ khách hàng	- Bổ sung phương thức bán công nợ theo lô vào dữ liệu báo cáo
12	Báo cáo tình hình công nợ KH	- Bổ sung phương thức bán công nợ theo lô vào dữ liệu báo cáo

4.10 Bảng kê hóa đơn theo ca

4.10.1 Hình thức báo cáo: Mẫu báo cáo

Công ty xăng dầu Yên Bái PETROLIMEX-CỬA HÀNG 02													
BẢNG KÊ HÓA ĐƠN BÁN HÀNG Ca bán hàng: 22012302-2 (23/1/2022 12:00 - 23/1/2022 17:58) Ca trưởng: Nguyễn Thị T Dung													
Phần 1: Hóa đơn lưu hành													
STT	Ký hiệu	Thông tin hóa đơn			Thông tin khách hàng			Thông tin bán hàng			Thông tin phát hành		
		Số h. đơn	Ngày h. đơn	Ngày ký số	Tên khách	MST	Hàng hóa, dịch vụ	Tiền hàng	Tiền thuế	Tổng tiền	Trạng thái	Người phát hành	Mã tra cứu
1	CH/21E	0141132	23/1/2022	23/1/2022	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHÚC THÀNH	5200286468	Xăng RON95-III	1.018.182	101.818	1.120.000	In CTG	1710027	JII6TTZSB
2	CH/21E	0141195	23/1/2022	23/1/2022	Công An Tỉnh Lào Cai	xxxx	ĐO 0.05S-II	875.909	87.591	963.500	In CTG	1710027	8II6TTZSB
3	CH/21E	0141199	23/1/2022	23/1/2022	Doanh nghiệp tư nhân Mai Tỉnh	5200892613	ĐO 0.05S-II	2.312.400	231.240	2.543.640	In CTG	1710027	BJI6TTZSB
4	CH/21E	0141200	23/1/2022	23/1/2022	Doanh nghiệp tư nhân Đức Anh Yên Bái	5200867783	ĐO 0.05S-II	1.500.000	150.000	1.650.000	In CTG	1710027	DJI6TTZSB
5	XD/18E	0043997	23/1/2022	23/1/2022	Người mua không lấy hóa đơn	*	Xăng E5 RON 92-II	38.791.444	3.879.145	42.670.589	Chưa in	1710027	HJI6TTZSB
TỔNG CỘNG								44.497.935	4.449.794	48.947.729			
Tổng số hóa đơn phát hành: 5, trong đó (5 hóa đơn điện tử, 0 hóa đơn truyền thống, 0 hóa đơn lỗi)													
Phần 2: Hóa đơn hủy													
STT	Ký hiệu	Thông tin hóa đơn			Thông tin khách hàng			Thông tin bán hàng			Thông tin phát hành		
		Số h. đơn	Ngày h. đơn	Ngày hủy hóa đơn	Tên khách	MST	Hàng hóa, dịch vụ	Tiền hàng	Tiền thuế	Tổng tiền	Trạng thái	Người hủy	Lý do
TỔNG CỘNG													
Tổng số hóa đơn điện tử hủy: 0													
Ngày giờ in: 24/1/2022 15:03													
LẬP BIỂU							CỬA HÀNG TRƯỞNG						

Bổ sung 2 cột tiền hàng và tiền thuế vào bảng kê hóa đơn theo ca

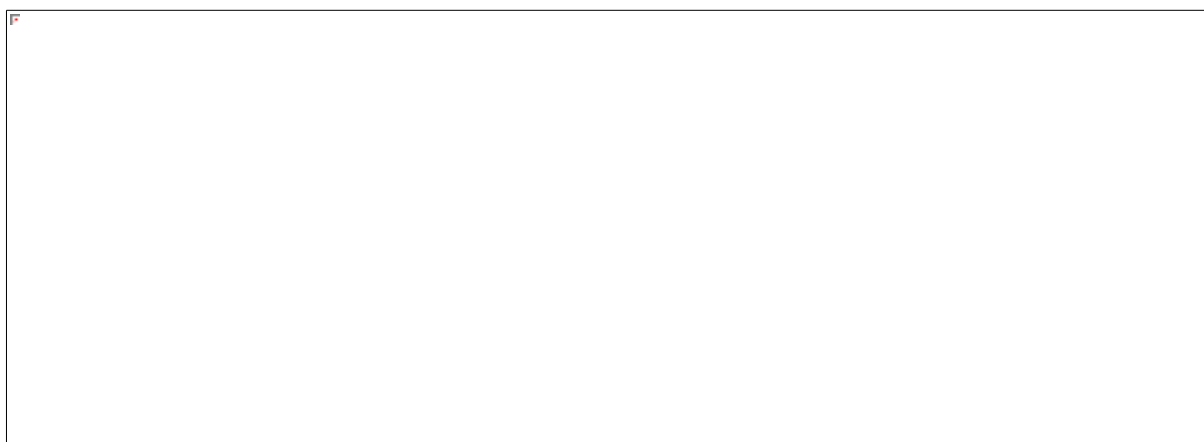
4.10.2 Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Ca bán hàng			Mặc định ca bán hàng	X
2	Trạng thái hóa đơn			Mặc định cả hai	X

4.11 Nhật ký chứng từ nhập xuất

Bổ sung, cập nhật các thông tin:

- Điều kiện lọc: thêm **Nhóm giá**
- Dữ liệu báo cáo:
 - Khách: Tên khách khách hàng/ nhà cung cấp (lấy trường Khách hàng tại tab **Tiền hàng** của chứng từ nhập xuất). Nếu Tab tiền hàng không khách hàng: lấy Tên khách hàng lấy từ trường Khách tại tab Hoá đơn VAT của chứng từ xuất)
 - Mã số thuế: Nếu khách hàng công nợ: lấy theo mã khách. Nếu khách vắng lai: Lấy theo trường MST trong tab Hoá đơn VAT của chứng từ xuất
 - Người mua hàng: Lấy theo trường Người mua hàng trong tab Hoá đơn VAT của chứng từ xuất
 - Ghi chú: Lấy theo trường Ghi chú trong tab Hoá đơn VAT của chứng từ xuất
 - Giá bán lẻ có thuế: Lấy theo hồ sơ giá của mặt hàng – giá bán lẻ công bố tại cửa hàng đó

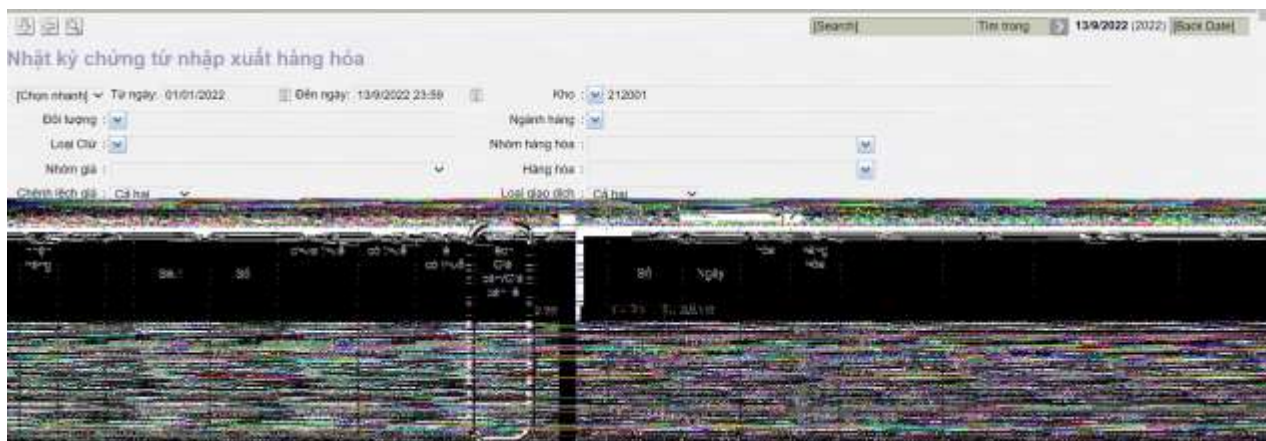


Thêm điều kiện lọc:

+ Loại giao dịch: "Tự động có POS", "Thủ công", "Cả hai".



- Bổ sung thêm cột "Chênh lệch Giá bán/Giá bán lẻ" (= "Đơn giá có thuế" - "Giá bán lẻ có thuế") ở sau cột "Giá bán lẻ có thuế"



- Bổ sung thêm điều kiện lọc "Chênh lệch", "Bằng nhau", "Cả hai" căn cứ vào cột "Chênh lệch Giá bán/Giá bán lẻ"



4.12 Bảng kê tổng hợp bán hàng – M09

4.12.1 Hình thức báo cáo: Mẫu báo cáo

BẢNG KÊ TỔNG HỢP BÁN HÀNG							
Từ ngày: 3/1/2020 đến ngày: 3/2/2020 23:59							
I/ TÌNH HÌNH BÁN HÀNG							
	HÀNG HÓA/PHƯƠNG THỨC	ĐVT	GIÁ BÁN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	GIẢM TRỪ	TỔNG CỘNG
1	NHIÊN LIỆU XĂNG			260,00	3.177.720	300.000	2.877.720
1.1	Bán tiền ngay CHXD			60,00	733.320		733.320
1	Xăng E5 RON 92-II	Lít	12.222	60,00	733.320		733.320
1.2	Bán công nợ tại CHXD			200,00	2.444.400	100.000	2.344.400
1	Xăng E5 RON 92-II	Lít				100.000	(100.000)
2	Xăng E5 RON 92-II	Lít	12.222	200,00	2.444.400		2.444.400
1.3	Xuất hóa đơn sau					200.000	(200.000)
1	Xăng E5 RON 92-II	Lít				200.000	(200.000)
	TỔNG CỘNG			260,00	3.177.720	300.000	2.877.720
II/ TÌNH HÌNH THU NỘP TIỀN							
	DIỄN GIẢI		THU		CHI/GIẢM TRỪ		
1	TỔNG SỐ TIỀN ĐÃ THU		733.320				
1	Thu tiền bán hàng hóa		733.320				
2	TỔNG SỐ TIỀN ĐÃ CHI						400.000
1	Chi tiền khác						400.000
	TỔNG CỘNG		733.320				400.000
Tiền tồn quỹ tại Cửa hàng chuyển sang:						1.098.477.695	
Tiền dư quỹ cuối kỳ:						1.098.811.015	
Tiền séc chưa nộp/thanh toán ngân hàng:						0	
Tổng dư quỹ tại cửa hàng (tiền mặt + séc):						1.098.811.015	
Ngày giờ in: 3/2/2020 15:50							
LẬP BIỂU				CỬA HÀNG TRƯỞNG			

4.12.2 Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
7.	Chọn nhanh	Chọn nhanh thời gian khi chạy báo cáo	19. Từ đầu tháng 20. Tháng này 21. Tháng trước 22. Từ đầu năm 23. Quý 1 24. Quý 2 25. Quý 3 26. Quý 4 27. Cả năm		
8.	Đơn vị	Mã cửa hàng	Chọn một hoặc nhiều mã cửa hàng		

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
9.	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo		Ngày giờ hiện tại	X
10.	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo		23h59 ngày hiện tại + 1 tháng	X
11.	Đầu ra báo cáo	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn một định dạng từ danh sách có sẵn	HTML	

4.13 Bảng kê xuất bán hàng hóa dịch vụ (quy đổi kg) – M19

Menu chạy báo cáo: **CHXD\ Hàng hóa\ Xuất hàng\ Bảng kê xuất bán hàng hóa dịch vụ (quy đổi kg)**

4.13.1 Hình thức báo cáo:

Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV
 212001

BẢNG KÊ XUẤT BÁN HÀNG HÓA DỊCH VỤ

[Chọn nhanh] ▼ Từ ngày-giờ: 31/01/2018 đến ngày-giờ: 31/01/2018 23:59

Phương thức: 401

Nhóm hàng hóa: 0801 - Dầu nhớt động cơ

Hàng hóa:

Chọn đầu ra: HTML Close after print

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐVT	GIÁ BÁN	SỐ LƯỢNG	SỐ LƯỢNG THEO KG	TỔNG TIỀN THANH TOÁN	Trong đó		
							Tiền hàng	Tiền thuế	Phi MT
1	DẦU NHỚT ĐỘNG CƠ			19,00	43,84	3.299.000	2.999.091	299.909	
1	Racer Scooter MB - Hộp 1 lít	Hộp	97.000	1,00	1,00	97.000	88.182	8.818	
2	PLC RACER SJ - Hộp 0,8 lít	Hộp	79.000	10,00	8,00	790.000	718.182	71.818	
3	PLC RACER SCOOTER - Hộp 0,8 lít	Hộp	91.000	4,00	2,84	364.000	330.909	33.091	
4	KOMAT SHD50 - Phuy 200 lít	Lít	55.000	2,00	2,00	110.000	100.000	10.000	
5	KOMAT SHD50 - Thùng 25 lít	Thùng	1.483.000	1,00	25,00	1.483.000	1.348.182	134.818	
6	PLC CATER CI-4 - Hộp 5 lít	Hộp	455.000	1,00	5,00	455.000	413.636	41.364	
	TỔNG CỘNG			19,00	43,84	3.299.000	2.999.091	299.909	

Bao gồm: 5 chứng từ. (trong đó 0 hóa đơn điện tử, 5 hóa đơn truyền thống)

Đơn vị tính quy đổi được lấy từ danh mục hàng hóa của tập đoàn

Mặt hàng không có Đơn vị tính quy đổi: để trống cột “số lượng theo Kg” trên Báo cáo

4.13.2 Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
12.	Chọn nhanh	Chọn nhanh thời gian khi chạy báo cáo	28. Từ đầu tháng 29. Tháng này 30. Tháng trước 31. Từ đầu năm 32. Quý 1 33. Quý 2 34. Quý 3 35. Quý 4 36. Cả năm		
13.	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo		Ngày giờ hiện tại	X
14.	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo		23h59 ngày hiện tại + 1 tháng	X
15.	Phương thức	Các phương thức xuất bán	Chọn 1 hoặc tất cả giá trị từ danh sách có sẵn	Toàn bộ phương thức xuất bán tại CH	
16.	Nhóm hàng hóa	Nhóm hàng hóa cần lọc dữ liệu	Chọn một giá trị từ danh sách có sẵn	Tất cả nhóm hàng hóa	
17.	Hàng hóa	Mã hàng hóa cần lọc dữ liệu	Chọn một giá trị từ danh sách có sẵn	Toàn bộ mã hàng hóa	
18.	Đầu ra báo cáo	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn một định dạng từ danh sách có sẵn	HTML	

4.14 Bảng kê hiệu lực giá bán lẻ

4.14.1 Hình thức báo cáo

BẢNG KÊ GIÁ BÁN HÀNG HÓA

Từ ngày: 31/01/2019 Đến ngày (Ngày-giờ lấy giá): 30/01/2019 23:59

Loại giá: Giá bán lẻ XDS, DMN

Nhóm hàng hóa: Vingroup

Mã hàng hóa: Vingroup

Đơn vị tính: VNĐ

Format: HTML

1. Chọn loại là "Bảng kê hồ sơ giá"

2. Chọn khoảng thời gian muốn lấy giá

3. Báo cáo có thêm phần "Ngày giờ hết hiệu lực"

Số	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Ngày-giờ hiệu lực	Ngày-giờ hết hiệu lực	Giá trước thuế	VAT	Thuế MT	Giá bán	Giá MN	Giá Mh	Vùng giá	Nhóm giá
1	PC1-54262	0201904	Xăng E5 RON 92-E	1/1/2019 0 00	10.794.000	10	3.815.0	16.879.0			Vùng giá 1	Ô tô bán lẻ ưu đãi - Giảm 200đ
2	PC1-53570	0201904	Xăng E5 RON 92-E	1/1/2019 0 00	10.839.550	10	3.815.0	16.120.0			Vùng giá 1	Ô tô bán lẻ ưu đãi - Giảm 150đ
3	PC1-53864	0201904	Xăng E5 RON 92-E	1/1/2019 0 00	10.975.910	10	3.815.0	16.270.0			Vùng giá 1	[Default]
4	PC1-53685	0201904	Xăng E5 RON 92-E	1/1/2019 0 00	10.975.910	10	3.815.0	16.270.0			Vùng giá 1	Ô tô ưu đãi thanh toán thẻ PGBank
5	PC1-53866	0201904	Xăng E5 RON 92-E	1/1/2019 0 00	10.948.640	10	3.815.0	16.240.0			Vùng giá 1	Ô tô bán lẻ ưu đãi - Giảm 30đ
6	PC1-53566	0201904	Xăng E5 RON 92-E	1/1/2019 0 00	10.935.450	10	3.815.0	16.220.0			Vùng giá 1	Ô tô bán lẻ ưu đãi - Giảm 50đ

4.14.2 Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc	Mô tả thêm
1.	Từ ngày	Ngày chạy báo cáo			x	
2.	Đến ngày	Ngày chạy báo cáo			x	
3.	Loại giá	Lựa chọn từ danh mục Loại giá			x	
4.	Nhóm hàng hóa	Lựa chọn từ danh mục nhóm hàng hóa				
5.	Vùng giá	Lựa chọn từ danh mục vùng giá				
6.	Mã hàng hóa	Lựa chọn từ danh mục Mã hàng hóa từ danh mục Nhóm hàng hóa		HTML		
7.	Go-to	Lựa chọn hình thức chạy báo cáo: - View giá hàng hóa - Bảng kê hồ sơ giá			x	
8.	Format	Lựa chọn định dạng xuất báo cáo: - HTML - Excel full - Excel less - PDF				

4.14.3 Mô tả chi tiết các trường thông tin trong báo cáo


STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1.	Số	Kiểu số		Lấy từ số chứng từ
2.	Mã hàng hóa	Kiểu số		Lấy từ danh mục mã hàng hóa
3.	Tên hàng hóa	Kiểu chữ		Lấy từ danh mục mã hàng hóa
4.	Ngày giờ hiệu lực	Kiểu ngày		Lấy từ chứng từ giá
5.	Ngày giờ hết hiệu lực	Kiểu ngày		Lấy từ chứng từ giá
6.	Giá trước thuế	Kiểu số		Lấy từ chứng từ giá
7.	% VAT	Kiểu số		Lấy từ chứng từ giá
8.	Thuế MT	Kiểu số		Lấy từ chứng từ giá
9.	Giá bán	Kiểu số		Lấy từ chứng từ giá
10.	Giá Min	Kiểu số		Lấy từ chứng từ giá
11.	Giá Max	Kiểu số		Lấy từ chứng từ giá
12.	Vùng giá	Kiểu chữ		Lấy từ chứng từ giá
13.	Nhóm giá	Kiểu chữ		Lấy từ chứng từ giá

4.15 Biên bản giao nhận xăng dầu - M07

Hình thức báo cáo: theo mẫu quy chế quản lý CHXD

- Chỉnh sửa mẫu biên bản, thêm các thông tin sau:
 - Số mẫu lưu gửi theo xe
 - Số hiệu niêm mẫu
 - Tỷ trọng D15 tại hóa đơn
 - Số mẫu lưu lấy tại xe trước khi nhập hàng
 - Số hiệu niêm mẫu
 - Tỷ trọng D15 tại phương tiện trước nhập
 - Số hiệu niêm tại Xitec

- Ngăn 1
- Ngăn 2
- Ngăn 3

CTY XĂNG DẦU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM CƠ CẤP - TỰ DO - HẠNH PHÚC	Mẫu M07										
CHXD Số	BIÊN BẢN GIAO NHẬN XĂNG DẦU											
Hôm nay, vào hồi giờ ngày tháng năm ; Chúng tôi gồm:												
A. ĐẠI DIỆN BÊN GIAO:												
- Ông (Bà): Nguyễn Văn A		Lái xe BKS đại diện bên vận chuyển										
- Ông (Bà):												
B. ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN:												
- Ông (Bà): Nguyễn Văn B		Cửa hàng trưởng										
- Ông (Bà): Nguyễn Văn C		Ca trưởng										
Cùng nhau giao nhận các loại hàng hóa như sau:												
II THÔNG TIN CHUNG:												
Kho xuất		Phương thức nhập										
III THÔNG TIN CHI TIẾT												
Theo vận đơn												
Số chứng từ	Tên hàng hóa	Lượng Lít TT	Nhiệt độ	Lượng Lít 15	Lượng DCNB (nếu có)	Tại phương tiện		Lượng nhập bể Lít	Lượng chênh lệch giao	Lượng giãn nở do CL nhiệt độ	Lượng ĐM hao hụt vận	Thừa/Thiếu vận chuyển
						Lượng Lít TT	Nhiệt độ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=3-6-7	11	12	13=10-11-12
4E+06	XĂNG E5 RON 92II											
Ghi chú:												
- Số mẫu lưu giữ theo xe:			số hiệu niêm mẫu:			Tỷ trọng D15 tại hóa đơn:						
- Số mẫu lưu lấy tại xe trước khi nhập hàng:			số hiệu niêm mẫu:			Tỷ trọng D15 tại phương tiện trước nhập:						
- Số hiệu niêm tại xi: Ngăn 1:			Ngăn 2:			Ngăn 3:						
- Chiều cao từ mặt đầu đến tấm mức:			+ Theo vận đơn:			Ngăn 1			Ngăn 2			Ngăn 3
			+ Theo thực nhận tại CHXD:			Ngăn 1			Ngăn 2			Ngăn 3
- Hệ số giãn nở xăng dầu bình quân (B): Xăng các loại=0,0013; Dầu Diesel=0,0009; Dầu hỏa a=0,0010												
- Chênh lệch giao nhận cột 10 là chênh lệch lượng (Lít TT) tại nơi giao và nơi nhận; Lượng giao < Lượng nhận đầu (-); Lượng giao > Lượng nhận đầu (+)												
- Lượng giãn nở do chênh lệch nhiệt độ (11) = (4-8) * (3-6) * B												
- Lượng thừa thiếu vận chuyển: Thừa (-); Thiếu (+)												
Biên bản được lập thành 2 bản có giá trị như nhau.												
BÊN GIAO						BÊN NHẬN						
						CỬA HÀNG TRƯỞNG PHỤ TRÁCH CA BÀN HÀNG						

4.16 Sửa đổi báo cáo khi bổ sung nghiệp vụ chiết khấu tại cửa hàng:

- Bổ sung thêm cột Giảm trừ và Tổng cộng:
 - Bảng kê bán hàng và giao ca tại màn hình Uhome – giao diện ca bán hàng
 - Bảng kê tổng hợp bán hàng tại menu CHXD – Hàng hóa.
- Với loại chứng từ CK: Thẻ hiện giá trị âm (tiền chưa thuế, tiền thuế) trên bảng kê:
 - Bảng kê hóa đơn tại màn hình Uhome – giao diện ca bán hàng

4.17 Bổ sung User phát hành tại bảng kê hóa đơn màn hình Uhome – giao diện ca bán hàng

- Tại giao diện ca bán hàng bổ sung User phát hành tại tab B.ke hóa đơn.

4.18 Sửa đổi bổ sung thêm điều kiện lọc ngành hàng với các báo cáo có lọc tham số “nhóm hàng hóa”:

Bổ sung tại các báo cáo:

- CHXD / Vpcty / Đơn đặt hàng về CHXD
- CHXD / Giá / View giá hàng hóa
- CHXD / Giá / View giảm giá trên giá bán

- CHXD / Hàng hóa / Bảng kê xuất bán hàng hóa dịch vụ
- CHXD / Hàng hóa / Bảng kê xuất bán hàng hóa dịch vụ (Quy đổi Kg)
- CHXD / Hàng hóa / Bảng kê xuất khác hàng hóa
- CHXD / Hàng hóa / Bảng kê nhập mua hàng hóa
- CHXD / Hàng hóa / Bảng kê nhập khác hàng hóa
- CHXD / Hàng hóa / BK nhập di chuyển XDS
- CHXD / Hàng hóa / Báo cáo cân đối N-X-T (1)
- CHXD / Hàng hóa / Báo cáo cân đối N-X-T (2)
- CHXD / Hàng hóa / Tình hình phê duyệt đơn hàng
- CHXD / Hàng hóa / Bảng kê xuất hàng hóa theo hoá đơn viết sau

4.19 Cho phép chọn nhiều nội dung cho một chỉ tiêu. Chuyển các điều kiện lọc "kho xuất", "Khách hàng" sang dạng Multicheck:

Sửa các báo cáo:

- CHXD / Thu - Chi / Bảng kê tổng hợp nộp séc
- CHXD / Vpcty / Báo có CHXD nộp tiền mặt tại Cty
- CHXD / Vpcty / Báo có tiền CHXD chuyển khoản
- CHXD / Vpcty / Bảng kê bán qua thẻ chưa hóa đơn
- CHXD / Hàng hóa / Bảng kê nhập mua hàng hóa
- CHXD / Hàng hóa / BK nhập di chuyển XDS
- CHXD / Hàng hóa / Chi tiết xuất bán khách dịch vụ
- CHXD / Hàng hóa / Tổng hợp tình hình xuất hóa đơn sau
- CHXD / Hàng hóa / Tổng hợp tình hình xuất hóa đơn sau(1)
- CHXD / Hàng hóa / Tổng hợp tình hình lệnh xuất công ty
- CHXD / Hàng hóa / Tổng hợp tình hình lệnh xuất công ty(1)
- CHXD / Hàng hóa / Chi tiết tình hình lệnh xuất công ty
- CHXD / Sổ quỹ /Cnợ / Công nợ phải thu theo ngày due-date

4.20 Bổ sung tên người lập biểu – chữ ký báo cáo tại các báo cáo:

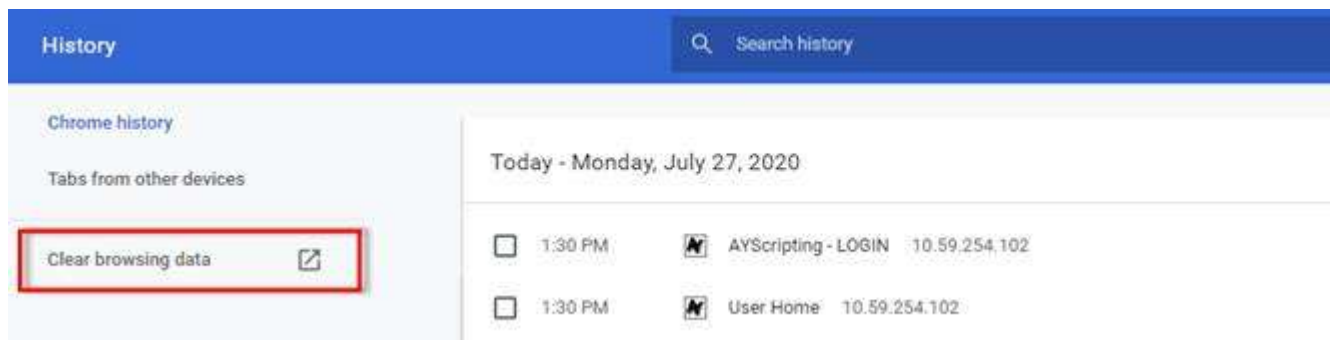
Bổ sung tại các báo cáo:

- CHXD / Thu - Chi / Công ty đã báo có khách trả tiền: Lập biểu, Thủ trưởng đơn vị
- CHXD / Vpcty / Báo có CHXD nộp tiền mặt tại Cty: Lập biểu, Thủ trưởng đơn vị
- CHXD / Sổ quỹ /Cnợ / Công nợ phải thu theo ngày due-date: Lập biểu, Thủ trưởng đơn vị

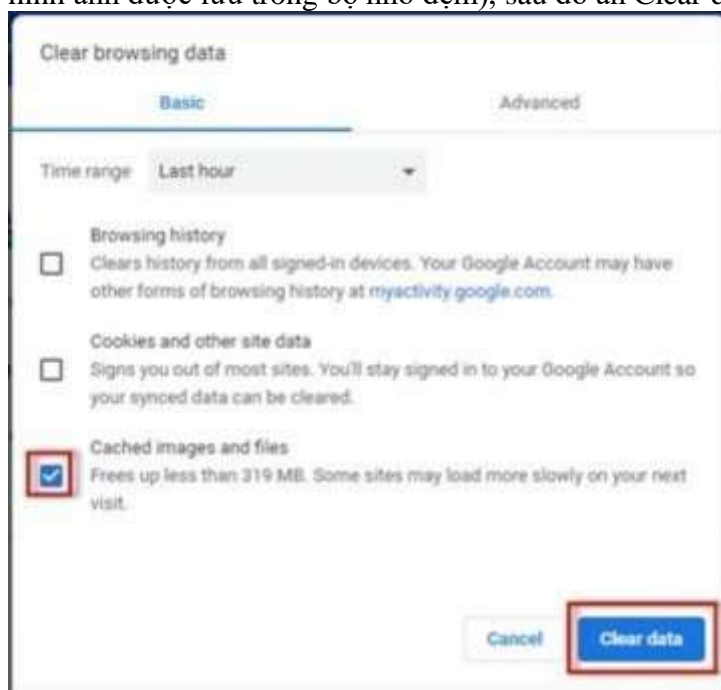
4.21 Các điều kiện lọc báo cáo có dạng Multicheck không tìm kiếm được

Khi thực hiện tìm kiếm tại điều kiện lọc báo cáo dạng Multicheck, một số máy tính khi nhập ký tự để tìm kiếm sẽ không tìm được (nhập ký tự ->nhấn enter để tìm kiếm -> nhưng ô tìm kiếm không tìm ra kết quả). Lý do là do trình duyệt lưu lại định dạng tìm kiếm cũ (tại phần cache). Em gửi chỉ hướng dẫn xóa phần cache này tại trình duyệt Chrome:

- Bước 1: Tại Chrome, nhấn tổ hợp phím Ctrl+H để mở lịch sử duyệt web
- Bước 2: Tại màn hình History, chọn Clear browsing data (Xóa dữ liệu duyệt Web)



- Bước 3: Tại giao diện xóa dữ liệu, chỉ click chọn mục **Cached images and files** (Tập và hình ảnh được lưu trong bộ nhớ đệm), sau đó ấn **Clear data** (Xóa dữ liệu) để xóa cache.



Việc xóa cache này chỉ là xóa các thông tin cấu hình chạy chứ không ảnh hưởng gì tới dữ liệu cá nhân tại trình duyệt.

4.22 Bảng kê thống kê giao dịch in biên lai bán hàng

Thống kê các giao dịch in biên lai bán hàng, số lần in biên lai. Menu chạy báo cáo: **CHXD/ TĐH/ Bảng kê thống kê giao dịch in biên lai bán hàng**

4.22.1 Hình thức báo cáo

BẢNG KÊ THỐNG KÊ GIAO DỊCH IN BIÊN LẠI BÁN HÀNG

Chọn nhúng | Từ ngày: 25/8/2020 | Đến ngày: 25/8/2020 23:59

Vào bơm | Số lượng từ | Đơn vị: lít | Mã hàng | Số tiền từ | Đơn vị: VNĐ

Chọn đầu ra: HTML | Close after print | Trang thứ: 1/1

STT	Tên	Thời gian	Mã hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lần in
1		25/8/2020 11:24	9991892 - DD 0 855-B	Lít	7.083	15.400	107.846	
2		25/8/2020 11:24	0291894 - Xăng ES RON 93-B	Lít	7.480	15.400	115.192	
3		25/8/2020 14:39	9991892 - DD 0 855-B	Lít	7.907	15.400	121.800	
4		25/8/2020 14:39	0291894 - Xăng ES RON 93-B	Lít	7.265	15.400	111.881	
5		25/8/2020 14:39	0291842 - Xăng RON95-E	Lít	5.269	14.200	74.818	
6		25/8/2020 14:39	9991892 - DD 0 855-B	Lít	7.136	15.400	109.794	
7		25/8/2020 14:37	0291894 - Xăng ES RON 93-B	Lít	7.625	15.400	117.425	
8		25/8/2020 14:37	0291842 - Xăng RON95-E	Lít	4.653	14.200	66.073	
TỔNG CỘNG						57.440		878.440

Ngày in: 25/8/2020 16:12
LẬP BIÊN

CỬA HÀNG TRƯỜNG

4.22.2 Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc	Mô tả thêm
1.	Từ ngày	Ngày chạy báo cáo			X	
2.	Đến ngày	Ngày chạy báo cáo			X	
3.	Vòi bơm	Lựa chọn từ danh mục				
4.	Số lượng từ	Số lượng của 1 giao dịch bán hàng nhỏ nhất để liệt kê				
5.	Đến	Số lượng của 1 giao dịch bán hàng lớn nhất để liệt kê				
6.	Số tiền từ	Số tiền của 1 giao dịch bán hàng nhỏ nhất để liệt kê				
7.	Đến	Số tiền của 1 giao dịch bán hàng lớn nhất để liệt kê				
8.	Xóa	Chức năng xóa điều kiện lọc về số lượng hoặc				

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc	Mô tả thêm
		tiền của 1 giao dịch				
9.	Trạng thái	Trạng thái in của giao dịch				

4.22.3 Mô tả chi tiết các trường thông tin

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1.	TDHID	Kiểu số		Mã TDH của vòi bơm
2.	Thời gian	Ngày tháng		Thời gian đến giờ/phút thực hiện giao dịch
3.	Mặt hàng	Kiểu chữ		Mã hàng hóa, tên hàng hóa
4.	ĐVT	Kiểu ngày		Đơn vị tính hàng hóa
5.	Số lượng	Kiểu số		Số lượng hàng hóa của giao dịch
6.	Đơn giá	Kiểu số		Giá của hàng hóa
7.	Thành tiền	Kiểu số		Số tiền thực hiện giao dịch
8.	Số lần đã in	Kiểu số		Số lần in của giao dịch

4.23 Bảng kê trạng thái ca

Đường dẫn chạy báo cáo: *CHXD\ Ca\ Bảng kê trạng thái ca*

4.23.1 Hình thức báo cáo

Bảng kê trạng thái ca

[Chọn nhanh] ▼ Từ ngày: 01/03/2020 Đến ngày: 01/03/2020 23:59

CHXD : 212001,212030 Trạng thái : Mở ca Đóng tạm thời Đóng hẳn Tất cả

Chọn đầu ra : HTML Close after print

STT	CHXD/Mã ca	Ngày mở ca	Ngày đóng ca	Ca trưởng	User mở ca	Trạng thái
1	212001 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 01					
1	20030101	1/3/2020 0:00	1/3/2020 5:59	NVG01 - Nguyễn Văn Giang	2120013 - CH001-NV3	Đóng hẳn
2	20030102	1/3/2020 6:00	1/3/2020 10:59	NHH01 - Ngô Thị Hồng Hải	2120012 - CH001-NV2	Đóng hẳn
3	20030103	1/3/2020 11:00	1/3/2020 16:59	DMH05 - Đỗ Minh Hải	2120014 - CH001-NV4	Đóng hẳn

4.23.2 Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc	Mô tả thêm
	Từ ngày	Ngày chạy báo cáo			x	
	Đến ngày	Ngày chạy báo cáo			x	
	CHXD	Lựa chọn một hoặc nhiều cửa hàng từ danh mục				
	Trạng thái	Trạng thái ca bán hàng			x	

4.23.3 Mô tả chi tiết các trường thông tin

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1.	CHXD/Mã ca	Kiểu chữ		Mã – tên cửa hàng xăng dầu/ Mã ca
2.	Ngày mở ca	Ngày tháng		Ngày giờ mở ca

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
3.	Ngày đóng ca	Ngày tháng		Ngày giờ đóng ca
4.	Ca trưởng	Kiểu chữ		Mã – tên CBCNV làm ca trưởng
5.	User mở ca	Kiểu chữ		Mã User – Cửa hàng
6.	Trạng thái	Kiểu chữ		Trạng thái ca bán hàng

4.23.4 Mô tả tiêu chí sắp xếp

STT	Tên trường	Độ ưu tiên	Mô tả thêm
1.	Cửa hàng	1	Mã cửa hàng
2.	Ca bán hàng	2	Mã ca

4.24 Bảng kê xuất bán hàng hóa dịch vụ

Đường dẫn chạy báo cáo: *CHXD\Hàng hóa\Bảng kê xuất bán hàng hóa dịch vụ (Quy đổi theo đơn vị tính)*

4.24.1 Hình thức báo cáo

Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV

212001

BẢNG KÊ XUẤT BÁN HÀNG HÓA DỊCH VỤ QUY ĐỔI THEO ĐƠN VỊ TÍNH

[Chọn nhanh] v Từ ngày-giờ: 01/01/2020 đến ngày-giờ: 01/01/2020 23:59

Đơn vị tính quy đổi: L - Lit

Phương thức:

Ngành hàng: 21

Nhóm hàng hóa:



4.24.2 Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1.	Chọn nhanh	Chọn nhanh thời gian khi chạy báo cáo	1. Từ đầu tháng 2. Tháng này 3. Tháng trước 4. Từ đầu năm 5. Quý 1 6. Quý 2 7. Quý 3 8. Quý 4 9. Cả năm		
2.	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo		Ngày giờ hiện tại	X
3.	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo		23h59 ngày hiện tại + 1 tháng	X
4.	Đơn vị tính quy đổi	Đơn vị tính sẽ quy đổi khi chạy báo cáo			

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
5.	Phương thức	Các phương thức xuất bán	Chọn 1 hoặc tất cả giá trị từ danh sách có sẵn	Toàn bộ phương thức xuất bán tại CH	
6.	Nghành hàng	Chọn trong danh mục có sẵn			
7.	Nhóm hàng hóa	Nhóm hàng hóa cần lọc dữ liệu	Chọn một giá trị từ danh sách có sẵn	Tất cả nhóm hàng hóa	
8.	Hàng hóa	Mã hàng hóa cần lọc dữ liệu	Chọn một giá trị từ danh sách có sẵn	Toàn bộ mã hàng hóa	
9.	Đầu ra báo cáo	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn một định dạng từ danh sách có sẵn	HTML	

4.24.3 Mô tả chi tiết các trường thông tin

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1.	Tên hàng hóa	Kiểu chữ		Tên hàng hóa
2.	ĐVT	Kiểu chữ		Đơn vị tính hạch toán tại Egas
3.	Giá bán	Kiểu số		Giá bán hàng hóa
4.	Số lượng	Kiểu số		Số lượng hàng hóa theo đơn vị tính hạch toán tại Egas
5.	Số lượng theo ĐVT quy đổi	Kiểu chữ		Số lượng hàng hóa theo đơn vị tính quy đổi- chọn tại điều kiện lọc báo cáo
6.	Tổng tiền thanh toán	Kiểu số		Tổng tiền hàng thanh toán
7.	Tiền hàng	Kiểu số		Tiền hàng hóa
8.	Tiền thuế	Kiểu số		Tiền thuế
9.	Phí MT	Kiểu số		Phí môi trường

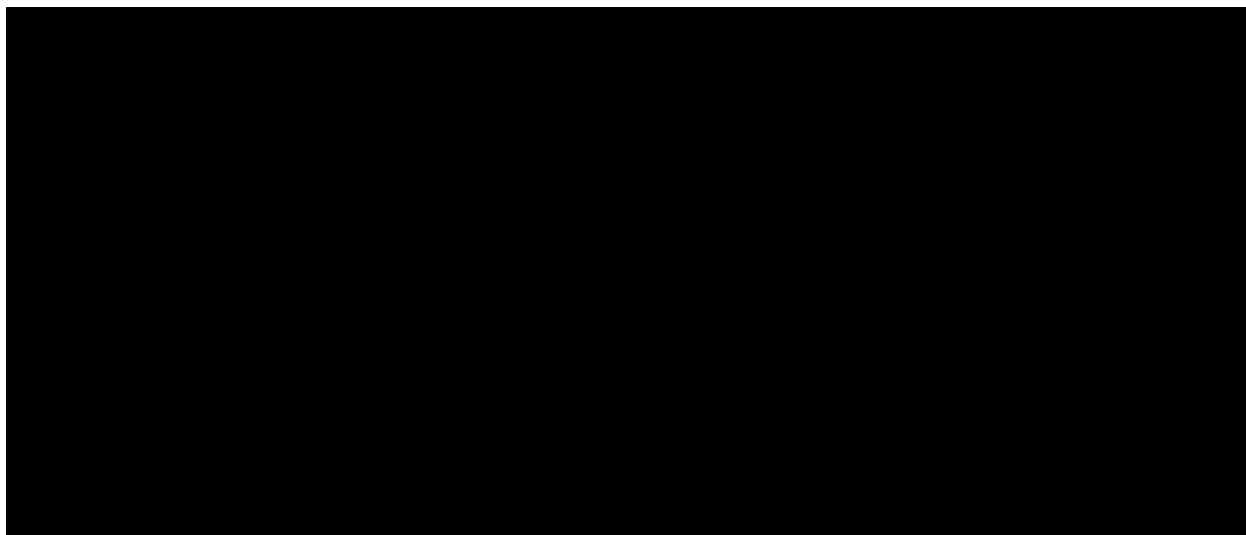
4.24.4 Mô tả tiêu chí sắp xếp

STT	Tên trường	Độ ưu tiên	Mô tả thêm
1.	Hình thức bán hàng	1	Bán lẻ/ Dịch vụ khác
2.	Mã hàng hóa	2	Mã hàng hóa

4.25 Báo cáo thống kê nhiệt độ bình quân gia quyền

Đường dẫn chạy báo cáo: *CHXD\ TĐH\ Báo cáo thống kê nhiệt độ bình quân gia quyền*

4.25.1 Hình thức báo cáo:



4.25.2 Mô tả tham số chạy báo cáo:

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1.	Chọn nhanh	Chọn nhanh thời gian khi chạy báo cáo	1. Từ đầu tháng 2. Tháng này 3. Tháng trước 4. Từ đầu năm 5. Quý 1 6. Quý 2 7. Quý 3 8. Quý 4 9. Cả năm		
2.	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo			X
3.	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu của báo cáo		23h59 ngày hiện tại	X
4.	Cửa hàng	Tích chọn từ danh mục CHXD ((kiểu Multi check))			

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
5.	Hàng hóa	Tích chọn từ danh mục hàng hóa ((kiểu Multi check))			

4.25.3 Mô tả chi tiết các trường dữ liệu báo cáo:

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1	Cửa hàng	Kiểu chữ		Lấy theo mã cửa hàng – tên cửa hàng. Dữ liệu chi tiết lấy mã hàng hóa – tên hàng hóa
2	Nhiệt độ bình quân bể chứa, oC	Kiểu số		Lấy bình quân tại chứng từ WS3 theo công thức $\text{Nhiệt độ bình quân} = ((\text{Nhiệt độ 1} \times \text{số lượng 1}) + (\text{Nhiệt độ 2} \times \text{số lượng 2}) + \dots) / (\text{số lượng 1} + \text{số lượng 2} + \dots)$ (nhiệt độ và số lượng lấy tại chứng từ WS3 trong kỳ chạy báo cáo)
3	Nhiệt độ bình quân hóa đơn, oC	Kiểu số		Lấy bình quân tại chứng từ SR1 theo công thức $\text{Nhiệt độ bình quân} = ((\text{Nhiệt độ 1} \times \text{số lượng 1}) + (\text{Nhiệt độ 2} \times \text{số lượng 2}) + \dots) / (\text{số lượng 1} + \text{số lượng 2} + \dots)$ (nhiệt độ và số lượng lấy tại chứng từ SR1 trong kỳ chạy báo cáo)

4.25.4 Mô tả tiêu chí sắp xếp

STT	Tên trường	Độ ưu tiên	Mô tả thêm
1.	Mã cửa hàng	1	
2.	Mã hàng hóa	2	

4.26 Đổi tên cột “xuất thử máy” thành “xuất khác”

Cột “xuất thử máy” cũng được đổi tên thành “xuất khác” tại màn hình giao diện/ báo cáo”

- Tab **T.hợp** giao diện ca bán hàn (màn hình Uhome)

Ca: 20033001. /Nguyễn Văn Thuyền 29/3/2020 23:58 - 24/4/2020 17:05 Ngày-giờ viết chứng t

NV: []

• Ca không có hóa đơn chốt ca. [Mở lại ca] • Chốt hóa đơn, ấn chỉ cuối ca [Số giao ca]

Thợp | G.nhận nhòa | Đo bể | G.nhận sơn | Ctu xuất | Th.chi khác | B.khắc | B.kh.h.đơn | Đong bán

Mã	Tên	Số nhận	Đã ghi nhận			Chốt cuối ca				Số còn lại
			Th.toán ngay (*)	Công nợ	Xuất hộ (**)	K.định	Xuất khác	Tự K.tra sai số	Số cuối	
0201004	Xăng E5 RON 92-II	423.359,6	2,0	5.998,0		500,0	250,0	100,0	430.159,6	(50,0)
630001	Voi 01 E5 RON92-II_AA290570	240.227,8					50,0		245.227,8	4.950,0
630002	Voi 02_E5-RON92-II_AA290570	183.131,8				500,0	200,0	100,0	184.931,8	1.000,0
0800001	PLC Cater CF 4 phuy 209 lit	10,0							10,0	0,0
0801001	CASTROL GTX 20W/50 - Phuy 209 lit	1,0							1,0	0,0

- Báo cáo Uhome/ Số giao ca
- Kế toán VPCTy\ B/c Kinh doanh hàng hóa\Báo cáo tình hình sử dụng cột bom

4.27 Báo cáo so sánh hao hụt thực tế so với định mức – chi tiết

Thực hiện tại **CHXD\ Hao hụt\ Báo cáo so sánh hao hụt thực tế so với định mức- GOTO: Chi tiết**

4.27.1 Hình thức báo cáo

Tháng trước: 1/2021 Từ ngày: 1/2021 Đến ngày: 28/2021 23:59 Nomin hàng hóa: []

Cửa hàng: 212001 Hàng hóa: []

Chọn đầu ra: HTML Chọn báo cáo: Chi tiết

Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV

BÁO CÁO SO SÁNH HAO HỤT THỰC TẾ SO VỚI ĐỊNH MỨC

Từ ngày: 1/2/2021 đến ngày: 28/2/2021 23:59
Cửa hàng: 212001

STT	Hàng hóa	Kết quả kiểm kê			Hao hụt định mức				Hao hụt thực tế		Chênh lệch giữa thực tế và định mức						
		Ngày kiểm kê	Tồn số sách	Tồn thực tế	Lượng bình hao hụt	Hao hụt từ đồng hồ đến phương tiện	Hao hụt vận chuyển	Hao hụt tổng hợp	Tổng cộng	Lượng	Tỷ lệ	Lượng	Tỷ lệ				
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
[Content obscured by image corruption]																	

4.27.2 Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày bắt đầu lấy dữ liệu		X
2	Đến ngày	Ngày kết thúc lấy dữ liệu		X
3	Cửa hàng	Chọn mã cửa hàng cần lấy dữ liệu		X
4	Nhóm hàng hóa	Chọn nhóm hàng hóa		
5	Hàng hóa	Chọn hàng hóa		
6	Chọn đầu ra	Đầu ra báo cáo		X

4.27.3 Các trường chạy báo cáo

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1	Ngày kiểm kê	Ngày tháng		Ngày kiểm kê tại chứng từ KS5
2	Tồn sổ sách	Số		Lấy tại chứng từ KS5
3	Tồn thực tế	Số		Lấy tại chứng từ KS5
4	Lượng tính hao hụt	Số		= (Lượng Nhập + Xuất - Kiểm định - Xuất thử máy - Xuất khác)/2
5	Hao hụt từ đồng hồ đến phương tiện-lượng	Số		= Lượng vận đơn * Tỷ lệ hao hụt định mức từ đồng hồ đến phương tiện (Lấy dữ liệu từ danh mục Hệ thống/ Cấu hình CHXD/ Tỷ lệ HHDM Đồng hồ - phương tiện)

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
6	Hao hụt từ đồng hồ đến phương tiện- tỷ lệ	Số		$= (6)/(5) * 100 (\%)$
7	Hao hụt vận chuyển- lượng	Số		$= \text{Lượng vận đơn} * \text{Tỷ lệ hao hụt vận chuyển định mức trên 100km} * \text{Quãng đường vận chuyển (Từ kho đến CHXD)} / 100$
8	Hao hụt vận chuyển- Tỷ lệ	Số		$= (8)/(5) * 100 (\%)$
9	Hao hụt tổng hợp- lượng	Số		$= (5) * \text{Tỷ lệ hao hụt định mức}$
10	Hao hụt tổng hợp- tỷ lệ	Số		$= (10)/(5) * 100 (\%)$
11	Tổng cộng – lượng	Số		$= (6) + (8) + (10)$
12	Tổng cộng- tỷ lệ	Số		$= (12)/(5) * 100 (\%)$
13	Hao hụt thực tế- lượng	Số		$= (3) - (4)$
14	Hao hụt thực tế- tỷ lệ	Số		$= (14)/(5) * 100 (\%)$
15	Chênh lệch giữa HH thực tế và định mức- lượng	Số		$= (14) - (12)$

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
16	Chênh lệch giữa HH thực tế và định mức- tỷ lệ	Số		$= (16)/(5) * 100 (\%)$

4.28.3 BC nhanh công nợ đến hạn CH – Chọn tại GOTO

Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - City XD KV1 - City TNHH MTV

BÁO CÁO NHANH CÔNG NỢ ĐẾN HẠN CỬA HÀNG

212063

[Chọn nhanh] Từ ngày: 5/3/2021 Đến ngày: 6/4/2021 23:59

Loại trừ dư "cố" khi tính tuổi nợ

Thực tế xuất hàng

Tài khoản: [Chọn]

Khách: 0000001 - Nguyễn NT

Chọn đầu ra: HTML GOTO: BC nhanh công nợ đến hạn CH

Số ngày đến hạn lớn hơn:
 Số ngày đến hạn nhỏ hơn:

Lưu ý: Do nợ là nợ quá hạn nên cần nhập số ngày âm

Stt	Tên CH	Mã khách	Tên khách	Dư nợ đầu kỳ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư nợ cuối kỳ	Định mức nợ	Nợ vượt định mức	Tiền đến hạn	Số ngày đến hạn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63			77.345.522	1.071.560	10.000	78.407.082			75.211.220	
2		0000001	Nguyễn NT	77.345.522	1.071.560	10.000	78.407.082	100.000.000		75.211.220	
3										500.000	(7)
4										406.500	(20)
5										184.800	(23)
6										184.800	(24)
7										184.800	(25)
8										269.800	(26)
9										03.500	(32)
10										184.800	(34)
11										184.800	(37)

- Chỉ lấy thông tin các KH bị đáo hạn > Hiện tại báo cáo đã mặc định chỉ lấy các khoản nợ đến ngày đáo hạn > Hiện tại báo cáo chỉ lấy phần nợ quá hạn -> Không cần chỉnh sửa
- Cho chọn số ngày đáo hạn khi chạy báo cáo. Ví dụ chỉ lấy thông tin KH có ngày đáo hạn từ 1 - 10 ngày, từ 10 - 20 ngày, ... hoặc chọn KH có ngày đáo hạn dưới 10 ngày, trên 10 ngày. > Đã chỉnh sửa

4.29 Báo cáo so sánh hao hụt thực tế so với định mức – tổng hợp

Thực hiện tại CHXD\ Hao hụt\ Báo cáo so sánh hao hụt thực tế so với định mức- GOTO: tổng hợp

Hình thức báo cáo

BÁO CÁO SO SÁNH HAO HỤT THỰC TẾ SO VỚI ĐỊNH MỨC

Thang trước: Từ ngày: 1/2/2021 Đến ngày: 28/2/2021 23:59 Nhóm hàng hóa: Cửa hàng: 212001 Hàng hóa: Chọn đầu ra: HTML Chọn báo cáo: Tổng hợp

Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV

BÁO CÁO SO SÁNH HAO HỤT THỰC TẾ SO VỚI ĐỊNH MỨC

Từ ngày: 1/2/2021 đến ngày: 28/2/2021 23:59
Cửa hàng: 212001

STT	Hàng hóa	Hao hụt định mức		Hao hụt thực tế		Chênh lệch giữa thực tế và định mức		
		Lượng lĩnh hao hụt	Tổng cộng Lượng Tỷ lệ	Lượng	Tỷ lệ	Lượng	Tỷ lệ	
	1	2	3	4	5	6	7	8
1	212001 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 01	1.346.017,52	4.658,19		7.128,96		2.478,77	
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-I	249.878,01	1.099,32	0,44	1.389,98	0,56	200,66	0,12
2	0201042 - Xăng RON95-IV	878.331,96	3.327,88	0,38	5.226,04	0,59	1.898,26	0,22
3	0601002 - DO 0.35S-I	141.722,47	218,44	0,15	358,07	0,25	136,63	0,10
4	0601005 - DO 0.301S-V	75.085,07	3,74	0,00	154,87	0,21	161,13	0,20
	TỔNG CỘNG	1.346.017,52	4.658,19		7.128,96		2.478,77	

Ghi chú:

Ngày ghi in: 28/2/2021 16:50
ĐIỂM ĐỐC

LẬP BIỂU

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày bắt đầu lấy dữ liệu		X
2	Đến ngày	Ngày kết thúc lấy dữ liệu		X
3	Cửa hàng	Chọn mã cửa hàng cần lấy dữ liệu		X
4	Nhóm hàng hóa	Chọn nhóm hàng hóa		
5	Hàng hóa	Chọn hàng hóa		
6	Chọn đầu ra	Đầu ra báo cáo		X

Các trường chạy báo cáo

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1	Hàng hóa	Ký tự		Mã hàng hóa – tên hàng hóa

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
2	Hao hụt định mức- lượng tính hao hụt	Số		= (Lượng Nhập + Xuất - Kiểm định - Xuất thử máy - Xuất khác)/2
3	Hao hụt định mức - Lượng	Số		= Lượng hao hụt từ đồng hồ đến phương tiện + Lượng hao hụt vận chuyển + Lượng hao hụt tổng hợp
4	Hao hụt định mức -Tỷ lệ	Số		= (3)/(2) * 100 (%)
5	Hao hụt thực tế - lượng	Số		= Tồn kho sổ sách – Tồn kho thực tế
6	Hao hụt thực tế - tỷ lệ	Số		= (5)/(2) * 100(%)
7	Chênh lệch – lượng	Số		= (5) – (3)
8	Chênh lệch- Tỷ lệ	Số		= (7)/(2) * 100 (%)

4.30 Báo cáo xuất bán hàng hóa

Thực hiện tại Kế toán VP Cty\ B/c Kinh doanh hàng hóa\ báo cáo xuất bán hàng hóa

Hình thức báo cáo

Báo cáo xuất bán hàng hóa

Chọn nhanh: Từ ngày: 01/09/2021 Đến ngày: 30/09/2021 23:59 Kho: 212001

Đối tượng: Loại Cũ: Nhóm giá: [Default] Đơn đầu tư: HTML

Ngành hàng: Nhóm hàng hóa: Hàng hóa:

Báo cáo xuất bán hàng hóa

Từ ngày: 01/09/2021 đến ngày: 30/09/2021 23:59

Kho: 212001

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Số lượng		[Total]	Giá BQ	Tiền hàng	Thuế GTGT	Thuế MT	Tổng cộng
			Bán hết ngay CHXD	Bán công nợ tại CHXD						
1	XĂNG ĐẦU SÁNG		200,00	100,00	300,00		3.993,955	477,545	791,500	5.253,000
1.1	Nhiên liệu xăng		100,00	100,00	100,00		1.449,409	183,891	381,500	2.014,000
1	0201004	Xăng ES RON 92-E	100,00	100,00	100,00	14,494,09	1.449,409	183,891	381,500	2.014,000
1.2	Nhiên liệu Diesel		100,00	100,00	200,00		2.544,546	294,454	400,000	3.239,000
1	0601002	DD 0 050-II	100,00	100,00	100,00	12,503,04	1,251,304	148,836	200,000	1.637,000
2	0601005	DD 0 0015-V	100,00	100,00	100,00	12,801,82	1,281,182	148,818	200,000	1.637,000
	TỔNG CỘNG		200,00	100,00	300,00		3.993,955	477,545	791,500	5.253,000

Ngày ghi in: 13/9/2021 14:35

LẬP BIỂU: CỬA HÀNG TRIFONG

Bổ sung thêm điều kiện lọc báo cáo là có lựa chọn theo **nhóm giá**.

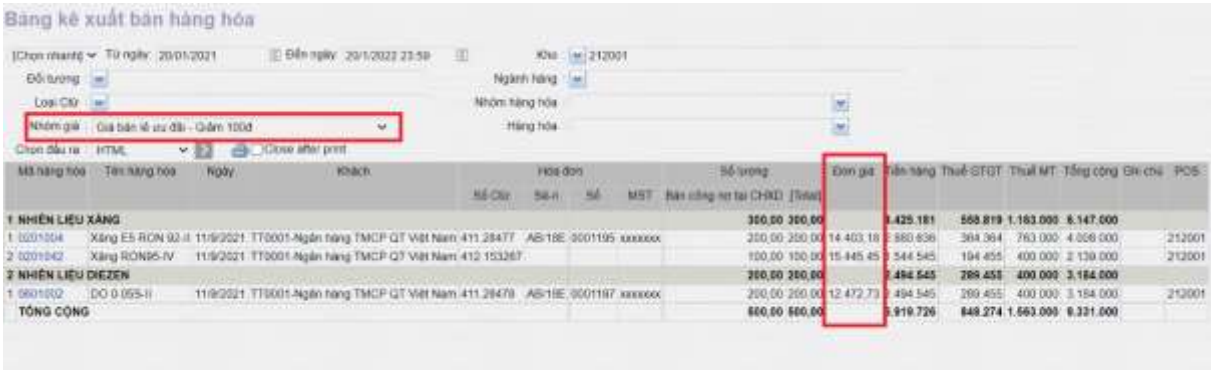
Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày bắt đầu lấy dữ liệu		X
2	Đến ngày	Ngày kết thúc lấy dữ liệu		X
3	Kho	Chọn mã cửa hàng cần lấy dữ liệu		
4	Đối tượng	Chọn khách hàng		
5	Ngành hàng	Chọn ngành hàng hóa		
6	Loại Ctừ	Chọn loại chứng từ		
7	Nhóm hàng hóa	Chọn nhóm hàng hóa		
8	Nhóm giá	Chọn nhóm giá		
9	Hàng hóa	Chọn hàng hóa		
10	Chọn đầu ra	Đầu ra báo cáo		X

4.31 Bảng kê xuất bán hàng hóa

Thực hiện tại Kế toán VPCTy\ B/c Kinh doanh hàng hóa\ Bảng kê xuất bán hàng hóa

Hình thức báo cáo



Bảng kê xuất bán hàng hóa

Chọn nhánh: Từ ngày: 20/01/2021 Đến ngày: 20/01/2022 23:59 Số: 212001

Đối tượng: Loại CTừ: Ngành hàng: Nhóm hàng hóa: Hàng hóa:

Nhóm giá: Giá bán lẻ thu hồi - Giảm 100%

Chọn đầu ra: HTML Clone after print

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Ngày	Khách	Hóa đơn	Số lượng	Đơn giá	Giá hàng	Thuế GTGT	Thuế MT	Tổng cộng	Giá chế	POS		
				Số CTừ	Số h	Số	MST	Nhân công (m tại CHXD)	(Tỷ lệ)					
1 NHIÊN LIỆU XĂNG														
1 0201004	Xăng E5 RON 92-II	11/9/2021	TT0001-Ngân hàng TMCP QT Việt Nam 411.28477	AB-18E	9001195	xxxxxxx	200,00	200,00	14.403,18	2.880.636	394.394	263.000	4.338.000	212001
2 0201042	Xăng RON95-IV	11/9/2021	TT0001-Ngân hàng TMCP QT Việt Nam 412.153267				100,00	100,00	15.845,45	1.584.545	194.455	400.000	2.130.000	212001
2 NHIÊN LIỆU DIEZEN														
1 0601002	DO 0 (05S-II)	11/9/2021	TT0001-Ngân hàng TMCP QT Việt Nam 411.28478	AB-18E	9001187	xxxxxxx	200,00	200,00	12.472,73	2.494.545	309.455	400.000	3.184.000	212001
TỔNG CỘNG							600,00	600,00		5.919.726	848.274	1.063.000	8.321.000	

Bổ sung thêm điều kiện lọc báo cáo là có lựa chọn theo **nhóm giá**.

Sửa cột "Đơn giá" hiển thị giá trị có 2 số thập phân

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày bắt đầu lấy dữ liệu		X
2	Đến ngày	Ngày kết thúc lấy dữ liệu		X
3	Kho	Chọn mã cửa hàng cần lấy dữ liệu		
4	Đối tượng	Chọn khách hàng		
5	Ngành hàng	Chọn ngành hàng hóa		
6	Loại Ctừ	Chọn loại chứng từ		
7	Nhóm hàng hóa	Chọn nhóm hàng hóa		
8	Nhóm giá	Chọn nhóm giá		
9	Hàng hóa	Chọn hàng hóa		
10	Chọn đầu ra	Đầu ra báo cáo		X

4.32 Bảng cáo xuất bán hàng hóa tại các kho

Thực hiện tại Kế toán VPCty\ B/c Kinh doanh hàng hóa\ Bảng cáo xuất bán hàng hóa tại các kho

Hình thức báo cáo

Báo cáo xuất bán hàng hóa tại các kho

[Chọn trạng] Từ ngày: 01/06/2021 Đến ngày: 30/06/2021 23:59 Kho: 212001

Đối tượng: [Chọn] Ngày hàng: [Chọn]

Loại Ctừ: [Chọn] Nhóm hàng hóa: [Chọn]

Đơn vị giá: Giá bán (V ưu 0) - Đơn 1000 [Chọn]

Mã hàng hóa: [Chọn] Mã hàng hóa: [Chọn]

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá TB	Tên hàng	Thuế GTGT	Thuế MT	Tổng cộng
			Bán công nợ tại CHXD (Tài)					
1	212001 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 01_CUONGNK		590,00	590,00	5.919.726	848.274	1.583.090	8.351.090
1.1	Nhiên liệu xăng		300,00	300,00	4.425.101	558.819	1.163.090	6.147.090
1	0201934 Xăng ES RON 90-II	L - LR	200,00	200,00	14.403,16	2.880.636	364.364	4.000.000
2	0201942 Xăng RON95-IV	L - LR	100,00	100,00	15.845,45	1.544.545	194.451	2.139.000
1.2	Nhiên liệu Diesel		290,00	290,00	2.494.545	289.455	400.000	3.184.000
1	0601952 Dầu 0 05S-II	L - LR	200,00	200,00	12.472,73	2.494.545	289.455	3.184.000
TỔNG CỘNG			590,00	590,00	5.919.726	848.274	1.583.090	8.351.090

Ngày ghi in: 13/6/2021 16:28

Bổ sung thêm điều kiện lọc báo cáo là có lựa chọn theo **nhóm giá**.

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày bắt đầu lấy dữ liệu		X

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
2	Đến ngày	Ngày kết thúc lấy dữ liệu		X
3	Kho	Chọn mã cửa hàng cần lấy dữ liệu		
4	Đối tượng	Chọn khách hàng		
5	Ngành hàng	Chọn ngành hàng hóa		
6	Loại Cừ	Chọn loại chứng từ		
7	Nhóm hàng hóa	Chọn nhóm hàng hóa		
8	Nhóm giá	Chọn nhóm giá		
9	Mã hàng hóa	Chọn mã hàng hóa		
10	Chọn đầu ra	Đầu ra báo cáo		X

4.33 Bảng cáo xuất bán hàng hóa tại các kho giá

Thực hiện tại Kế toán VPCTy\ B/c Kinh doanh hàng hóa\ Bảng cáo xuất bán hàng hóa tại các kho - giá

Hình thức báo cáo

Báo cáo xuất bán hàng hóa tại các kho

Chọn nhanh: Từ ngày: 01/08/2021 Đến ngày: 31/08/2021 23:59 Kho: 212094

Đối tượng: Ngành hàng:

Loại Cừ: Nhóm hàng hóa:

Nhóm giá: [Default] Mã hàng hóa:

Chọn đầu ra: HTML [Close after print]

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Số lượng	Giá	Tồn hàng	Thuế GTGT	Thuế MT	Tổng cộng		
		Bán bên ngày CHXD	Bán công nợ tại CHXD	[Total]					
1	212094 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 94 - THANHNH	3.683,36	2.856,67	6.540,03	99.847.582	12.357.228	23.924.710	135.929.520	
1.1	Nhiên liệu xăng	2.987,36	2.852,67	5.840,03	84.485.019	10.756.391	23.078.910	118.320.320	
1	0201004 Xăng E5 RON 92-II	715,36	804,67	1.520,03	15.275,91	23.219.564	2.901.846	5.798.910	31.020.320
2	0201042 Xăng RON95-IV	2.272,00	2.048,00	4.320,00	14.181,02	61.265.455	7.854.545	17.280.000	86.400.000
1.2	Nhiên liệu Diesel	400,00		400,00	6.109.091	690.909	800.000	7.600.000	
1	0601002 D.O.0.05S-II	400,00	400,00	15.272,73	6.109.091	690.909	800.000	7.600.000	
1.3	Nhiên liệu đốt lò	49,00	1,00	50,00	499.654	54.546	45.800	600.000	
1	0701001 Mazut No2B (3.5B)	49,00	1,00	50,00	9.093,09	499.654	54.546	45.800	600.000
1.4	Dầu nhớt động cơ	148,00	2,00	150,00	7.393.182	738.318		8.132.500	
1	0800010 Dầu nhớt Vega 100 (Loại Fuy 205 lít)	50,00		50,00	22.727,27	1.136.364	113.636	1.250.000	
2	0801040 Dầu nhớt FLC Racer SF - Hộp 1L	49,00	1,00	50,00	73.636,36	3.881.818	368.182	4.050.000	
3	0801048 Dầu nhớt KOMAT SHD 40 - Phuy 200 lít	49,00	1,00	50,00	51.500,00	2.575.000	257.500	2.832.500	
1.5	Dầu nhớt DC Ion, hộp	50,00		50,00	1.090.909	109.091		1.200.000	
1	0800009 Dầu nhớt Vega 46 - phuy 205 lít	50,00		50,00	21.818,18	1.090.909	109.091	1.200.000	
1.6	Hóa chất	49,00	1,00	50,00	68.727	6.973		76.700	
1	0301003 Hóa chất		1,00	1,00	11.818,18	1.181,81		13.000	
2	0301003 Hóa chất	49,00		49,00	1.181,82	57.909	5.791	63.700	
TỔNG CỘNG		3.683,36	2.856,67	6.540,03	99.847.582	12.357.228	23.924.710	135.929.520	

Bổ sung thêm điều kiện lọc báo cáo là có lựa chọn theo **nhóm giá**.

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày bắt đầu lấy dữ liệu		X
2	Đến ngày	Ngày kết thúc lấy dữ liệu		X
3	Kho	Chọn mã cửa hàng cần lấy dữ liệu		
4	Đối tượng	Chọn khách hàng		
5	Ngành hàng	Chọn ngành hàng hóa		
6	Loại Ctừ	Chọn loại chứng từ		
7	Nhóm hàng hóa	Chọn nhóm hàng hóa		
8	Nhóm giá	Chọn nhóm giá		
9	Mã hàng hóa	Chọn mã hàng hóa		
10	Chọn đầu ra	Đầu ra báo cáo		X

4.34 Bảng cáo lượng xuất qua kho (lượng)

Thực hiện tại Kế toán VP Cty\ B/c Kinh doanh hàng hóa\ Bảng cáo lượng xuất qua kho (lượng)

Hình thức báo cáo

Báo cáo lượng xuất qua kho (tính lượng)

[Chọn nhanh] Từ ngày: 01/08/2021 Đến ngày: 30/09/2021 23:59 Kho: 212094

Đối tượng: [v] Ngành hàng: [v]

Loại Ctừ: [v] Nhóm hàng hóa: [v]

Nhóm giá: [Default] Hàng hóa: [v]

Chọn đầu ra: HTML [v] [Close after print]

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Số lượng				GHI CHÚ
		Bán tiền ngay CHXD	Bán công nợ tại CHXD	Xuất khuyến mại	Bán lẻ thu thẻ [Total]	
1	NHIÊN LIỆU XĂNG	3.612,36	2.891,67		16,00	6.520,03
1 0201004	Xăng E5 RON 92-II	844,36	842,67		13,00	1.700,03
2 0201042	Xăng RON95-IV	2.768,00	2.049,00		3,00	4.820,00
2	NHIÊN LIỆU DIEZEN	559,00			1,00	560,00
1 0601002	DO 0.05S-II	559,00			1,00	560,00
3	NHIÊN LIỆU ĐỐT LỎ	67,00	1,00	1,00	11,00	80,00
1 0701001	Mazut No2B (3,5S)	67,00	1,00	1,00	11,00	80,00
4	DẦU NHƠN ĐỘNG CƠ	184,00	2,00	12,00		198,00

Bổ sung thêm điều kiện lọc báo cáo là có lựa chọn theo **nhóm giá**.

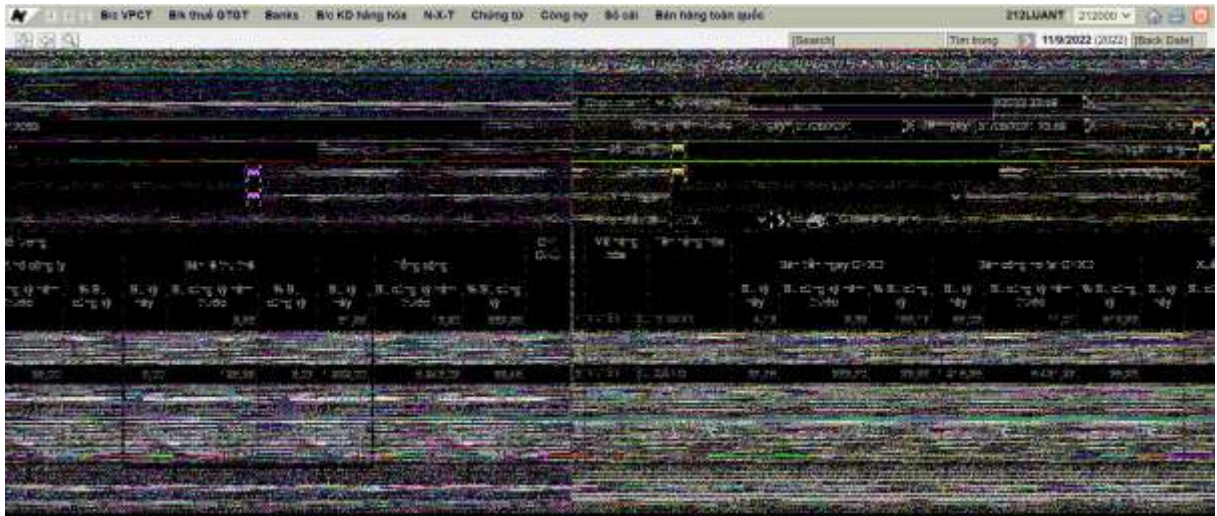
Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày bắt đầu lấy dữ liệu		X
2	Đến ngày	Ngày kết thúc lấy dữ liệu		X
3	Kho	Chọn mã cửa hàng cần lấy dữ liệu		
4	Đối tượng	Chọn khách hàng		
5	Ngành hàng	Chọn ngành hàng hóa		
6	Loại Ctừ	Chọn loại chứng từ		
7	Nhóm hàng hóa	Chọn nhóm hàng hóa		
8	Nhóm giá	Chọn nhóm giá		
9	Hàng hóa	Chọn hàng hóa		
10	Chọn đầu ra	Đầu ra báo cáo		X

4.35 Bảng cáo lượng xuất qua kho (lượng) Mới

Đường dẫn thực hiện trong chương trình: *Kế toán VPCTy\ B/c Kinh doanh hàng hóa\ Bảng cáo lượng xuất qua kho (lượng) Mới*

Hình thức báo cáo



Bổ sung thêm các cột về sản lượng bán KTM

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Chọn nhanh	1. Từ đầu tháng 2. Tháng này 3. Tháng trước 4. Từ đầu năm 5. Quý 1 6. Quý 2 7. Quý 3 8. Quý 4 Cả năm		

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
2	Từ ngày		Ngày giờ hiện tại	X
3	Đến ngày		23h59 ngày hiện tại	X
4	Cùng kỳ năm trước	Từ ngày.....Đến ngày		
5	Kho	Kho lấy số liệu		
6	Đối tượng	Khách hàng của 1 kho hoặc nhiều kho		
7	Loại chứng từ	Loại chứng từ cần lọc		
8	Nhóm giá	Chọn nhóm giá		
9	Hàng hóa	Hàng hàng cần lọc		
10	Đầu ra báo cáo	Chọn một định dạng từ danh sách có sẵn	HTML	X

4.36 Bảng cáo lượng xuất qua kho\ các kho

Thực hiện tại Kế toán VPCTy\ B/c Kinh doanh hàng hóa\ Bảng cáo lượng xuất qua kho\ các kho

Hình thức báo cáo

Báo cáo lượng xuất qua kho (tính lượng)

[Chọn nhánh] v Từ ngày: 01/09/2021 Đến ngày: 30/09/2021 23:59 Kho: 212094

Đối tượng: v Ngành hàng: v

Loại Ctừ: v Nhóm hàng hóa: v

Nhóm giá: [Default] v

Hàng hóa: v

Chọn đầu ra: HTML v Close after print

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Số lượng				GHI CHÚ
		Bán tiền ngay CHXD	Bán công nợ tại CHXD	Xuất khuyến mại	Bán lẻ thu thẻ [Total]	
1 212094 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 94 - THANHNTH		864,00	72,00	14,00	28,00	978,00
1.1 Nhiên liệu xăng		625,00	39,00		16,00	680,00
1 0201004 Xăng E5 RON 92-II		129,00	38,00		13,00	180,00
2 0201042 Xăng RON95-IV		496,00	1,00		3,00	500,00
1.2 Nhiên liệu Diezen		159,00			1,00	160,00
1 0601002 DO 0.05S-II		159,00			1,00	160,00
1.3 Nhiên liệu đốt lò		18,00		1,00	11,00	30,00

Bổ sung thêm điều kiện lọc báo cáo là có lựa chọn theo **nhóm giá**.

Tham số chạy báo cáo

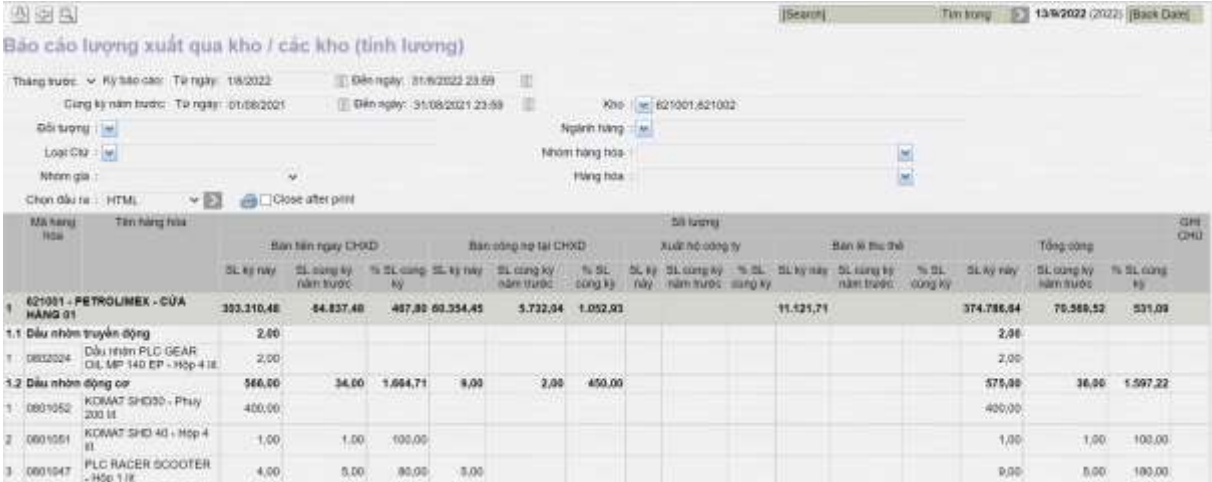
STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày bắt đầu lấy dữ liệu		X
2	Đến ngày	Ngày kết thúc lấy dữ liệu		X
3	Kho	Chọn mã cửa hàng cần lấy dữ liệu		
4	Đối tượng	Chọn khách hàng		

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
5	Ngành hàng	Chọn ngành hàng hóa		
6	Loại Ctừ	Chọn loại chứng từ		
7	Nhóm hàng hóa	Chọn nhóm hàng hóa		
8	Nhóm giá	Chọn nhóm giá		
9	Hàng hóa	Chọn hàng hóa		
10	Chọn đầu ra	Đầu ra báo cáo		X

4.37 Bảng cáo lượng xuất qua kho\ Các kho mới

Thực hiện tại Kế toán VP Cty\ B/c Kinh doanh hàng hóa\ Bảng cáo lượng xuất qua kho\ các kho mới

Hình thức báo cáo



Bổ sung thêm điều kiện lọc báo cáo là có lựa chọn theo **nhóm giá**.

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày bắt đầu lấy dữ liệu		X
2	Đến ngày	Ngày kết thúc lấy dữ liệu		X
3	Kho	Chọn mã cửa hàng cần lấy dữ liệu		
4	Đối tượng	Chọn khách hàng		
5	Ngành hàng	Chọn ngành hàng hóa		
6	Loại Ctừ	Chọn loại chứng từ		
7	Nhóm hàng hóa	Chọn nhóm hàng hóa		
8	Nhóm giá	Chọn nhóm giá		
9	Hàng hóa	Chọn hàng hóa		
10	Chọn đầu ra	Đầu ra báo cáo		X

4.38 Sản lượng bán lẻ hàng hóa theo kho

Thực hiện tại Kế toán VPCTy\ B/c Kinh doanh hàng hóa\ Sản lượng bán lẻ hàng hóa theo kho
Hình thức báo cáo



Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày bắt đầu lấy dữ liệu		X
2	Đến ngày	Ngày kết thúc lấy dữ liệu		X
3	Kho	Chọn mã cửa hàng cần lấy dữ liệu		
4	Đối tượng	Chọn khách hàng		
5	Ngành hàng	Chọn ngành hàng hóa		
6	Loại Ctừ	Chọn loại chứng từ		
7	Nhóm hàng hóa	Chọn nhóm hàng hóa		
8	Nhóm giá	Chọn nhóm giá		
9	Hàng hóa	Chọn hàng hóa		
10	Chọn đầu ra	Đầu ra báo cáo		X

4.39 Bảng kê tổng hợp theo phương thức

Thực hiện tại Kế toán VPCTy\ B/c Kinh doanh hàng hóa\ Bảng kê tổng hợp theo phương thức

Hình thức báo cáo

Bảng kê xuất bán hàng hóa tổng hợp theo phương thức

Chọn lọc: Từ ngày: 31/03/2021 Đến ngày: 31/03/2021 Mã: 01004

Loại Cũ: (Chọn) Ngày hàng hóa: Hàng hóa

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Tổng giá bán bán	Đơn giá	Thuế GTGT	Thuế VT
1	BÁN TIỀN NGAY CHỌ			3.082,38	37.909.193	39.184.693	12.994.362
1.1	Nhiên liệu xăng		2.087,26	80.453,26	38.538.888	4.289.288	11.617,000
1.2	Nhiên liệu dầu		719,34	179,34	19.022,900	19.022,718	1.399,687
1.3	Nhiên liệu Diesel		2.072,00	45.445,000	32.221,950	4.130,950	3.383,000
1.4	Nhiên liệu dầu hỏa		480,00	480,000	6.189,800	6.189,800	600,000
1.5	Nhiên liệu dầu hỏa		400,00	7.800,000	5.176,200	560,800	600,000
1.6	Nhiên liệu dầu hỏa		40,00	40,000	399,900	409,600	63,455
1.7	Nhiên liệu dầu hỏa		40,00	40,000	698,000	698,999	65,499
1.8	Nhiên liệu dầu hỏa		145,00	145,000	7.004,900	7.288,845	726,804
1.9	Nhiên liệu dầu hỏa		80,00	80,000	1.282,000	1.136,804	115,688
1.10	Nhiên liệu dầu hỏa		40,00	40,000	3.896,000	3.896,182	389,615
1.11	Nhiên liệu dầu hỏa		40,00	40,000	2.776,000	2.523,000	263,000
1.12	Nhiên liệu dầu hỏa		90,00	90,000	1.288,000	1.388,888	168,891
1.13	Nhiên liệu dầu hỏa		80,00	80,000	1.205,000	1.090,900	109,091
1.14	Nhiên liệu dầu hỏa		40,00	40,000	43.760	57.900	5.791
1.15	Nhiên liệu dầu hỏa		40,00	40,000	93.700	97.200	5.791
2	BÁN CÔNG HỖ TÀI CHỌ			2.068,87	86.626.419	44.481.099	8.274.969
2.1	Nhiên liệu xăng		2.068,87	86.626,419	87.657.780	43.738.182	8.269.792
2.2	Nhiên liệu dầu		0,00	0,000	16.987.780	12.091.792	1.658.192
2.3	Nhiên liệu Diesel		2.048,00	40.900,000	40.900,000	39.044,384	3.700,626
2.4	Nhiên liệu dầu hỏa		1,80	1,800	13,800	9,885	1,681
2.5	Nhiên liệu dầu hỏa		1,00	1,000	12,000	8,600	1,091
2.6	Nhiên liệu dầu hỏa		3,86	3,860	127,800	125,126	12,512
2.7	Nhiên liệu dầu hỏa		1,00	1,000	61,000	73,698	7,384
2.8	Nhiên liệu dầu hỏa		1,00	1,000	58,080	51,900	5,190
2.9	Nhiên liệu dầu hỏa		1,80	1,800	18,000	11,818	1,169
2.10	Nhiên liệu dầu hỏa		1,00	1,000	18,000	11,818	1,169
TỔNG CỘNG			6.849,65	133.526.560	133.526.560	69.647.582	23.367.339

Ngày ghi n: 31/03/2021 17:31

Lập biểu: PHẠNG KHAI DƯƠNG PHẠNG TÀI CHỌ DUYỆT BIỂU

Bổ sung thêm điều kiện lọc báo cáo là có lựa chọn theo **nhóm giá**.

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày bắt đầu lấy dữ liệu		X
2	Đến ngày	Ngày kết thúc lấy dữ liệu		X
3	Kho	Chọn mã cửa hàng cần lấy dữ liệu		
4	Đối tượng	Chọn khách hàng		
5	Ngành hàng	Chọn ngành hàng hóa		
6	Loại Cũ	Chọn loại chứng từ		
7	Nhóm hàng hóa	Chọn nhóm hàng hóa		
8	Nhóm giá	Chọn nhóm giá		
9	Hàng hóa	Chọn hàng hóa		
10	Chọn đầu ra	Đầu ra báo cáo		X

4.40 Bảng tổng hợp xuất bán

Thực hiện tại Kế toán VPCTy\ B/c Kinh doanh hàng hóa\ Bảng tổng hợp xuất bán
Hình thức báo cáo

Bảng tổng hợp xuất bán

[Chọn mã] Từ ngày: 01/08/2021 Đến ngày: 31/08/2021 23:59

Cửa hàng: 212005

Khách hàng:

Loại Ctừ:

Nhóm giá: [Default]

Chức năng: HTML

Ngành hàng:

Nhóm hàng hóa:

Hàng hóa:

Chọn báo cáo: Theo CHXD-MST-Hàng hóa

Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV PETROLIMEX - CỬA HÀNG 94 - thasnh

BẢNG TỔNG HỢP XUẤT BÁN THEO CHXD-MST-HÀNG HÓA

Từ ngày: 01/08/2021 đến ngày: 31/08/2021 23:59
Cửa hàng: 212005

STT	CHXD	MST	Mã HH	Hàng hóa	Số lượng	Giá hàng	Thuế GTGT	Thuế MT	Tổng cộng
1	212005 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 05	0100099321	0201004	Xăng E5 RON 92-II	0,00	186,895	12,580	34,535	148,500
2	212005 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 05	0103757232	0201004	Xăng E5 RON 92-II	48,27	709,032	89,318	184,150	982,000
3	212005 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 05	0123123456	0201042	Xăng RON95-IV	15,00	171,819	23,181	50,000	255,000
4	212005 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 05	0214235988	0201004	Xăng E5 RON 92-II	14,00	156,590	21,093	53,410	231,000
5	212005 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 05	0401596324	0201042	Xăng RON95-IV	4,00	45,810	6,352	16,000	68,000
6	212005 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 05	3700962948	0201042	Xăng RON95-IV	6,00	66,727	9,273	24,000	100,000
TỔNG CỘNG					96,27	1.252.851	162.454	371.895	1.787.000

Bổ sung thêm điều kiện lọc báo cáo là có lựa chọn theo **nhóm giá**.

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày bắt đầu lấy dữ liệu		X
2	Đến ngày	Ngày kết thúc lấy dữ liệu		X
3	Cửa hàng	Chọn mã cửa hàng cần lấy dữ liệu		
4	Ngành hàng	Chọn ngành hàng hóa		
5	Khách hàng	Chọn mã khách hàng		
6	Nhóm hàng hóa	Chọn nhóm hàng hóa		
7	Loại Ctừ	Chọn loại chứng từ		
8	Nhóm giá	Chọn nhóm giá		
9	Hàng hóa	Chọn hàng hóa		
10	Chọn báo cáo	Chọn báo cáo		X
11	Chọn đầu ra	Đầu ra báo cáo		X

4.41 Báo cáo nhiệt độ bình quân từng bể

Thực hiện tại CHXD\ TĐH\ Báo cáo nhiệt độ bình quân từng bể

Hình thức báo cáo

Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV PETROLIMEX - CỬA HÀNG 93 - Client UAT

Từ ngày: 01/08/2021 Đến ngày: 31/08/2021 23:59

Hàng hóa:

Bể chứa:

Cửa hàng: 212003

Chọn đầu ra: HTML

BÁO CÁO NHIỆT ĐỘ BÌNH QUÂN TỪNG BỂ

STT	Đơn vị/Mô hình	Nhiệt độ bình quân	Ghi chú
1	212003 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 03 - CLIENT UAT		
1	03001 - BỂ 1 - E5 RON92-II - 0201008 - Xăng E5 RON 92-II		25,12
2	03002 - BỂ 2 - RON95-IV - 0201042 - Xăng RON95-IV		25,12
TỔNG CỘNG			

Ngày ghi: 13/8/2021 18:10
LẬP BIỂU
CỬA HÀNG TRƯỞNG

Nguyên tắc tính nhiệt độ bình quân

- Loại bỏ các log có nhiệt độ = 0
- Tính nhiệt độ trung bình, gọi là t
- So sánh các log với t, loại các log có giá trị +4 độ so với t
- Tính lại nhiệt độ trung bình, đây là kết quả của báo cáo.

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày – giờ	Ngày bắt đầu lấy dữ liệu		X
2	Đến ngày – giờ	Ngày kết thúc lấy dữ liệu		X
3	Hàng hóa	Chọn hàng hóa		
4	Bể chứa	Chọn bể chứa mặt hàng xăng dầu		
5	Cửa hàng	Chọn cửa hàng		
6	Chọn đầu ra	Đầu ra báo cáo		X

4.42 Báo cáo đối soát lượng Nhập hàng-Sr1

Thực hiện tại *Kế toán VPCTY/ B/c KD hàng hoá/ Báo cáo đối soát lượng Nhập hàng-Sr1*

Hình thức báo cáo



Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Chọn nhanh (kỳ chạy báo cáo)	Chọn nhanh thời gian khi chạy báo cáo	Từ đầu tháng Tháng này Tháng trước Từ đầu năm Quý 1 Quý 2 Quý 3 Quý 4 Cả năm		

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
2	Từ ngày (Kỳ chạy báo cáo)	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo			X
3	Đến ngày (kỳ chạy báo cáo)	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu của báo cáo		23h59 ngày hiện tại	X
4	Kho	Tích chọn từ danh mục CHXD (kiểu Multi check)	Có thể chọn nhiều cửa hàng trong một lần chạy báo cáo.		
5	Nhóm hàng hoá	Chọn từ danh sách cho sẵn			
6	Hàng hoá	Chọn từ danh sách cho sẵn			
7	Chọn đầu ra	Đầu ra báo cáo			X

4.43 Báo cáo sản lượng bán lẻ theo ngày

Menu chạy báo cáo: *Data warehouse* | *Hàng hóa* | *Sản lượng bán lẻ theo ngày*

Hình thức báo cáo

Thống kê sản lượng bán lẻ theo ngày



Thống kê sản lượng bán lẻ theo ngày (Tổng hợp)

THỐNG KÊ SẢN LƯỢNG BÁN THEO NGÀY

[Chọn nhanh] v Từ ngày: 01/11/2021 Đến ngày: 5/11/2021

Công ty : 281

Nhóm hàng hóa :

Hàng hóa :

Chọn đầu ra : HTML > X < Close after print

GOTO : Thống kê sản lượng bán theo ngày >

DVT: lít TT

Ngày/Mặt hàng	Số lượng					[Total]
	Xăng E5 RON 92-II	Xăng RON95-III	Xăng RON95-IV	DO 0.05S-II	DO 0.001S-V	
1 1/11/2021	25.731,17	29.556,27	19.718,19	87.003,22	5.910,92	167.919,77
1 Công ty xăng dầu Nghệ An	25.731,17	29.556,27	19.718,19	87.003,22	5.910,92	167.919,77
2 2/11/2021	71.870,53	67.638,08	53.423,39	176.100,07	7.888,45	376.920,52
1 Công ty xăng dầu Nghệ An	71.870,53	67.638,08	53.423,39	176.100,07	7.888,45	376.920,52
3 3/11/2021	72.384,95	83.001,05	35.080,12	177.514,76	9.199,40	377.180,28
1 Công ty xăng dầu Nghệ An	72.384,95	83.001,05	35.080,12	177.514,76	9.199,40	377.180,28
4 4/11/2021	72.988,14	98.321,98	19.417,83	181.051,68	10.683,36	382.462,99
1 Công ty xăng dầu Nghệ An	72.988,14	98.321,98	19.417,83	181.051,68	10.683,36	382.462,99
5 5/11/2021	106,07	277,92		10.576,15	363,68	11.323,82
1 Công ty xăng dầu Nghệ An	106,07	277,92		10.576,15	363,68	11.323,82
TỔNG CỘNG	243.080,86	278.795,30	127.639,53	632.245,88	34.045,81	1.315.807,38

Thống kê sản lượng bán lẻ theo ngày Thống kê sản lượng bán lẻ theo ngày

THỐNG KÊ SẢN LƯỢNG BÁN THEO NGÀY

[Chọn nhanh] v Từ ngày: 01/11/2021 Đến ngày: 5/11/2021

Công ty : 281

Nhóm hàng hóa :

Hàng hóa :

Chọn đầu ra : HTML > X < Close after print

GOTO : Thống kê sản lượng bán theo ngày (tổng hợp) >

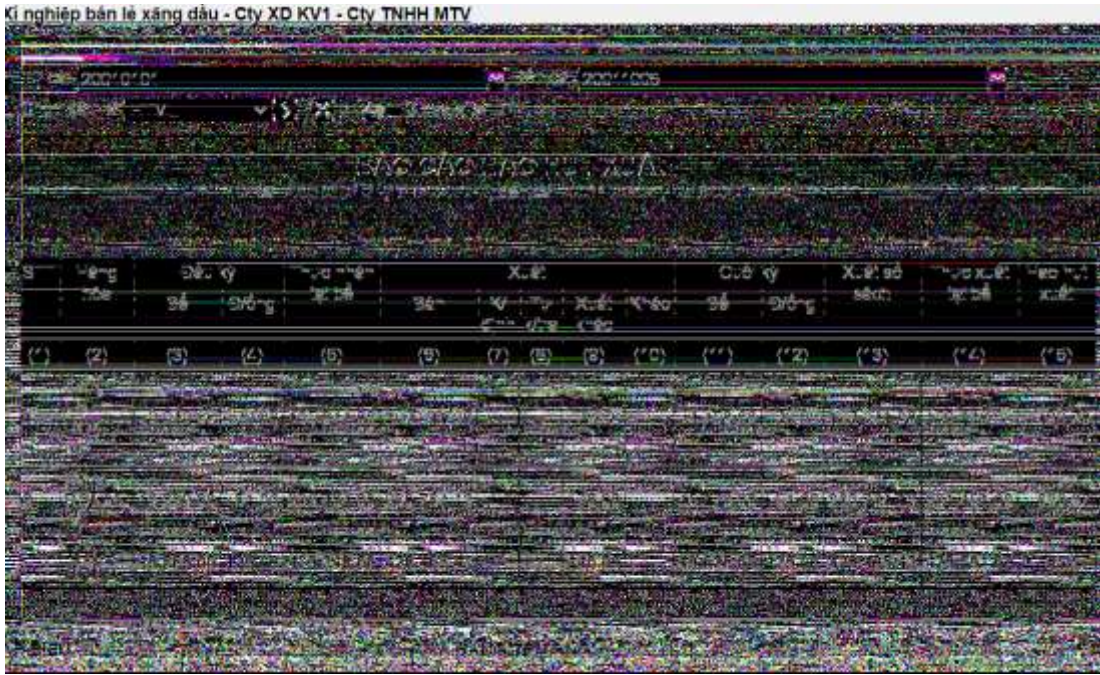
DVT: lít TT

Ngày/Mặt hàng	Số lượng					[Total]
	Xăng E5 RON 92-II	Xăng RON95-III	Xăng RON95-IV	DO 0.05S-II	DO 0.001S-V	
1 1/11/2021	25.731,17	29.556,27	19.718,19	87.003,22	5.910,92	167.919,77
1.1 Công ty xăng dầu Nghệ An	25.731,17	29.556,27	19.718,19	87.003,22	5.910,92	167.919,77
1 01-Hưng Bình	2.317,56	3.812,22		1.113,48		7.243,28
2 03-Trung Tâm	1.309,14	2.976,18		6.159,33	1.214,70	11.659,36
3 02-Hà Huy Tập	283,25		539,13	343,61		1.165,99
4 05-Quán Bánh	106,36			1.498,37		1.604,73
5 04-Quán Bàu	218,99	647,18		1.712,14		2.578,31
6 07-Cửa Đông	2.723,88		4.761,40	1.045,65		8.530,93
7 100 - Hưng Lợi	26,53		42,60	6.475,56		6.544,69
8 21-TX Cửa Lò		631,68				631,68
9 103-Điện An	97,65		289,11	2.471,97		2.858,73

4.44 Báo cáo hao hụt xuất

Đường dẫn chạy báo cáo: *CHXD/Hao hụt/Báo cáo hao hụt xuất*

Hình thức báo cáo



Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ca	Từ ca cần báo cáo		X
2	Đến ca	Đến ca cần báo cáo		X
3	Chọn đầu ra	Đầu ra báo cáo	HTML	X

4.45 Bảng kê chi tiết bể

Đường dẫn chạy báo cáo: **CHXD/ TĐH/ Bảng kê chi tiết bể**

Hình thức báo cáo



Bổ sung điều kiện lọc "Thời gian lấy log": 5 phút. 10 phút, 15 phút, 20 phút, 25 phút, 30 phút.

4.46 Tổng hợp sức chứa tại cửa hàng

Đường dẫn chạy báo cáo: **CHXD/ TĐH/ Tổng hợp sức chứa tại cửa hàng**

Hình thức báo cáo

Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV

TỔNG HỢP SỨC CHỨA BỂ TẠI CỬA HÀNG

Cửa hàng : 212001.212103

Hàng hóa : 0201004 - Xăng E5 RON 92-II

Chọn đầu ra: HTML Close after print

STT	Mã bể	Tên bể	Tên hàng hóa	Có TDH	Mã TDH	Chiều cao chứa tối đa (mm)	Thể tích chứa tối đa (L)
1 212001 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 01_CUONGNK							48.195
1	1001	Bể 1 - E5 RON92-II	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	1	1	1.486	8.991
2	1002	Bể 2 - E5 RON92-II	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	1	2	1.483	8.982
3	1003	Bể 3 - E5 RON92-II	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	1	3	1.485	8.980
4	1007	Bể 7 - E5 RON92-II	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	1	7	1.907	10.621
5	1008	Bể 8 - E5 RON92-II	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	1	8	1.907	10.621
2 212103 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 103_LUANT							25.737
1	103022	Bể 2 - E5 RON92-II	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	1	2	2.530	25.737
TỔNG CỘNG							73.932

Ngày giờ in: 9/11/2021 08:47

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1.	Cửa hàng	Tích chọn từ danh mục CHXD (kiểu Multi check)	Có thể chọn nhiều cửa hàng trong một lần chạy báo cáo.		
2.	Hàng hoá	Mã, tên hàng hóa	Chọn từ danh sách cho sẵn		
3.	Chọn đầu ra	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn một định dạng từ danh sách có sẵn	HTML	

Mô tả các trường chạy báo cáo

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1	Mã bể	Kiểu chữ		Lấy theo mã bể trong danh mục bể
2	Tên bể	Kiểu chữ		Lấy theo tên bể trong danh mục bể chứa
3	Tên hàng hóa	Kiểu chữ		Mã –tên hàng hóa gắn với bể
4	Có TDH	Kiểu số		Có TDH bể
5	Mã TDH	Kiểu số		Giá trị cột TDH tại danh mục bể chứa

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
6	Chiều cao chứa tối đa	Kiểu số		Lấy từ phần khai báo tại danh mục bể chứa(MAX HEIGHT)
7	Thể tích chứa tối đa	Kiểu số		Lấy từ phần khai báo danh mục bể chứa (MAX VOLUME)

4.47 Báo cáo cảnh báo khi hàng tràn bể

Server: Đường dẫn chạy báo cáo: *Hệ thống* | *XS Console* | *View report* | 7. EXPORT DỮ LIỆU

Client: Đường dẫn chạy báo cáo: *CHXD* | *TDH* | *Eventlog*

Bổ sung điều kiện lọc :

5000: Cảnh báo mức hàng quá cao

4.48 Bảng kê chi tiết log bán

Đường dẫn chạy báo cáo: *CHXD/TDH/Bảng kê chi tiết log bán* (Tại đây sẽ gộp 03 báo cáo là: Bảng kê xuất bán theo giờ, Báo cáo thống kê tổng sản lượng xuất bán qua vòi, Bảng kê xuất bán qua bể)

Nội dung: Thêm điều kiện lọc dung tích "<", ">", "=", "<=", ">="

Hình thức báo cáo – Bảng kê xuất bán theo giờ

Công ty xăng dầu Tây Ninh
PETROLIMEX - CỬA HÀNG 01

Từ ngày-giờ: 1/8/2022 đến ngày-giờ: 01/08/2022 23:59

Bể chứa: Vòi bơm:

Dung tích: >

Cửa hàng: 621001

Chọn đầu ra: HTML

Chọn báo cáo: Bảng kê xuất bán theo giờ

STT	Ngày-giờ lưu	Vòi bơm	Đơn giá (đ/Lít)	Dung tích (LTT)	Thành tiền (đồng)	Cửa hàng
1	1/8/2022 0:2			1,918	50.000	
1	1/8/2022 0:5	106 - Bể 01 - Xăng RON 95-II	26,070	1,918	50.000	621001 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 01
2	1/8/2022 0:5			3,460	90.200	
1	1/8/2022 0:5	117 - Vòi 04 - Xăng Ron 95-II	26,070	3,460	90.200	621001 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 01
3	1/8/2022 0:10			7,478	200.000	
1	1/8/2022 0:10	109 - Bể 03 - Xăng RON 95-V	26,790	7,478	200.000	621001 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 01
4	1/8/2022 0:16			1,869	50.000	
1	1/8/2022 0:16	121 - Vòi 05 - Xăng RON 95-V	26,790	1,869	50.000	621001 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 01
5	1/8/2022 0:16			1,869	50.000	
1	1/8/2022 0:16	109 - Bể 03 - Xăng RON 95-V	26,790	1,869	50.000	621001 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 01
6	1/8/2022 0:20			1,869	50.000	
1	1/8/2022 0:20	121 - Vòi 05 - Xăng RON 95-V	26,790	1,869	50.000	621001 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 01
7	1/8/2022 0:21			3,020	80.000	

Hình thức báo cáo – Báo cáo thống kê tổng sản lượng xuất bán qua vòi

Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV
PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK

Từ ngày-giờ: 05/03/2020 đến ngày-giờ: 05/03/2020 23:59

Bể chứa:

Dung tích:

Cửa hàng:

Chọn đầu ra: HTML Close after print

Chọn báo cáo: **Báo cáo thống kê tổng lượng xuất bán qua vòi**

STT	Vòi bơm	Lượng	Thành tiền	Cửa hàng
1	4011 - BỂ 1 - RON95-IV	16.385,13	314.923.104,00	
1	400082 - Vòi 8_RON95-IV_AA290584	2.173,39	41.772.719,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
2	400102 - Vòi 10_RON95-IV_AA290583	4.899,98	93.601.304,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
3	40012 - Vòi 12_RON95-IV_AA290584	5.023,88	98.555.078,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
4	40014 - Vòi 14_RON95-IV_AA290583	4.318,00	82.994.003,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
2	4032 - BỂ 2 - E5-RON92-II	7.960,90	146.003.158,00	
1	400051 - Vòi 5_E5-RON92-II_AA330583	4.547,84	83.407.584,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
2	400092 - Vòi 9_E5-RON92-II_AA290583	2.095,24	38.426.683,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
3	40013 - Vòi 13_E5-RON92-II_AA290583	1.317,82	24.168.891,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
3	4033 - BỂ 3 - E6-RON92-II	3.950,34	72.447.824,00	

Hình thức báo cáo – Bảng kê xuất bán qua bể

Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV
PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK

Từ ngày-giờ: 05/03/2020 đến ngày-giờ: 05/03/2020 23:59

Bể chứa:

Dung tích:

Cửa hàng:

Chọn đầu ra: HTML Close after print

Chọn báo cáo: **Bảng kê xuất bán qua bể**

STT	Bảng kê lưu	Vòi bơm	Đơn giá (đ/Lít)	Dung tích (LTT)	Thành tiền (đồng)	Cửa hàng
1	4011 - BỂ 1 - RON95-IV		19.220,00	16.385,13	314.923.104,00	
1	5/3/2020 0:16	40012 - Vòi 12_RON95-IV_AA290584	19.220,00	15,61	300.000,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
2	5/3/2020 0:32	40014 - Vòi 14_RON95-IV_AA290583	19.220,00	44,23	860.000,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
3	5/3/2020 0:54	400102 - Vòi 10_RON95-IV_AA290583	19.220,00	52,00	1.000.000,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
4	5/3/2020 0:55	40012 - Vòi 12_RON95-IV_AA290584	19.220,00	52,00	1.000.000,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
5	5/3/2020 0:58	400102 - Vòi 10_RON95-IV_AA290583	19.220,00	31,22	600.000,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
6	5/3/2020 1:25	400102 - Vòi 10_RON95-IV_AA290583	19.220,00	20,28	389.436,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
7	5/3/2020 1:28	400082 - Vòi 8_RON95-IV_AA290584	19.220,00	26,01	500.000,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
8	5/3/2020 1:57	40012 - Vòi 12_RON95-IV_AA290584	19.220,00	18,21	350.000,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
9	5/3/2020 3:04	40012 - Vòi 12_RON95-IV_AA290584	19.220,00	26,76	514.616,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
10	5/3/2020 3:49	400102 - Vòi 10_RON95-IV_AA290583	19.220,00	15,62	300.178,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK
11	5/3/2020 3:59	400102 - Vòi 10_RON95-IV_AA290583	19.220,00	10,41	200.000,00	212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1.	Từ ngày - giờ	Từ ngày – giờ cần báo cáo		X
2.	Đến ngày - giờ	Đến ngày – giờ cần báo cáo		X
3.	Bể chứa	Chọn bể từ danh mục có sẵn		
4.	Vòi bơm	Chọn vòi bơm từ danh mục có sẵn		
5.	Dung tích	Chọn các điều kiện về dung tích		
6.	Chọn cửa hàng	Chọn cửa hàng cần báo cáo		
7.	Chọn đầu ra	Đầu ra báo cáo	HTML	X
8.	Chọn báo cáo	Chọn báo cáo trong danh mục có sẵn	Bảng kê xuất bán theo giờ	X

4.49 Chi tiết thông tin ID

Đường dẫn chạy báo cáo: *CHXD/Bán hàng KTM/Báo cáo PLXID /Bảng kê chi tiết thông tin ID*

Hình thức báo cáo – Bảng kê chi tiết thông tin ID

Tham số báo cáo

Từ ngày: 01/03/2022 Đến ngày: 4/3/2022 23:59

Tìm theo: All

CHI TIẾT THÔNG TIN ID

Từ ngày 01/03/2022 - Đến ngày 4/3/2022 23:59

STT	Mã ID	Hình thức số hiệu Ca nhất Tổ chức	Số CMT/CCCD/ Hộ chiếu/MST	Số điện thoại	Địa chỉ	Email	Ngày sinh/Ngày thành lập	Giới tính	Ngày mở ID	Ngày in thẻ gần nhất (DR -Code)	Số phương liệu	Mã khách/KH (dịch vụ)
1	00007611	9	0000120020	090220999			21-09-1982	Khác	02-02-2022 17:14:07			
2	00007610	8	000714235	090714230	10		13-06-1989	Nữ	02-02-2022 15:42:58			
3	00007610	8	000000000	020000000	10		22-10-1981	Nữ	02-02-2022 10:12:59			
4	00007614	9	020146700	022196700	00		29-06-1977	Nữ	02-02-2022 10:12:58			
5	00007613	9	070000017	080000001	123 NGUYỄN A.	nguyenplx@gmail.com	24-03-1981	Nữ	01-02-2022 10:52:50			

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1.	Từ ngày	Từ ngày cần báo cáo		X
2.	Đến ngày - giờ	Đến ngày – giờ cần báo cáo		X
3.	Tìm theo	All, PLXID, Province		X
4.	Chạy dữ liệu			
5.	In báo cáo			
6.	Xuất excel			

4.50 Lịch sử giao dịch, tích điểm và sử dụng điểm của PLXID

Đường dẫn chạy báo cáo: *CHXD/Bán hàng KTM/Báo cáo PLXID/Lịch sử giao dịch, tích điểm và sử dụng điểm của PLXID*

Hình thức báo cáo – Lịch sử giao dịch, tích điểm và sử dụng điểm của PLXID

Tham số báo cáo

Từ ngày: 01/02/2022 Đến ngày: 4/3/2022 23:59

Tìm theo: PLX ID PLX ID: 00000428

LỊCH SỬ GIAO DỊCH - TÍCH ĐIỂM - SỬ DỤNG ĐIỂM CỦA ID

Từ ngày 01/02/2022 - Đến ngày 4/3/2022 23:59

Mã ID: 00000428

Tên ID: Công ty Xích Dung Miền Trung

STT	Ngày trả hàng	Mua hàng	Số Phương (Đ)	Thành tiền	Thành toán chính -đang đến nợ	Thành toán bằng tài mũi	Sử dụng điểm đề nhận hàng	Giảm thương	Số phương lấy	Đơn vị bán hàng	Cửa hàng sinh dầu	Thời hạn sử dụng điểm
SỐ ĐIỂM ĐẦU KỶ								425.641				
1	01-02-2022 09:36:13	020V141 - Xích Dung Miền Trung	7.00	190.000	190.000	0		700	1487	212 - 01 nghiệp bán lẻ xăng dầu KV1	212080 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 08_KTM_TPH	-
2	19-02-2022 09:55:56	020V142 - Xích Dung Miền Trung	3.00	62.000	62.000	0		319	1487	212 - 01 nghiệp bán lẻ xăng dầu KV1	212080 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 08_KTM_TPH	-
3	10-03-2022 10:57:28	020V143 - Xích Dung Miền Trung	4.00	90.000	90.000	0		500		212 - 01 nghiệp bán lẻ xăng dầu KV1	212080 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 08_KTM_TPH	-
TỔNG SỐ:			14.00	312.000	312.000	0		1.500				
Số điểm cơ đầu kỳ:								425.011				

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
5	Từ ngày	Từ ngày cần báo cáo		X
6	Đến ngày - giờ	Đến ngày – giờ cần báo cáo		X
7	Tìm theo	PLXID		X
8	PLXID	Gõ thông tin PLXID		
9	Chạy dữ liệu			
10	In báo cáo			
11	Xuất excel			

4.50 Tổng hợp doanh thu, sản lượng mua hàng, tích điểm của khách hàng

Đường dẫn chạy báo cáo: *CHXD/Bán hàng KTM/Báo cáo PLXID/Tổng hợp doanh thu, sản lượng mua hàng, tích điểm của khách hàng*

Hình thức báo cáo – Tổng hợp doanh thu, sản lượng mua hàng, tích điểm của khách hàng

Tham số báo cáo

Từ ngày: 01/01/2022 | Đến ngày: 4/3/2022 22:04

Tên theo: Company.com | Company | 1/1

22/06/2022 | 10:00:00 | 1000,0000

TỔNG HỢP DOANH THU, SẢN LƯỢNG MUA HÀNG, TÍCH ĐIỂM CỦA KHÁCH HÀNG THEO ĐƠN VỊ XUẤT BÁN

Từ ngày 01/01/2022 - Đến ngày 4/3/2022 22:04

STT	Số ID	Tên ID	Mã khách	Số tiền giao dịch			Số điểm tích lũy			Số điểm để xử dụng	Số điểm tồn đầu kỳ	Số điểm tồn cuối kỳ
				Không tiền mặt	Tiền mặt	Tổng tiền	Điểm tích lũy đồng	Điểm tích lũy công	Tổng điểm			
1	00000028	Công ty Xây Dựng Mạnh Tường		0.717.471	0	0.717.471	16.580	0	16.580	122.224	102.888	
2	00000048			0.977.848	0.672.800	1.650.648	27.672	0	27.672	0	27.672	
3	00000049	Liên Hu Hồng		000.000	0	000.000	0	0	0	000	0.000	
TỔNG SỐ				8.884.411	0.672.800	9.557.211	37.907	0.000	37.907	142.617	181.224	

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
7.	Từ ngày	Từ ngày cần báo cáo		X
8.	Đến ngày - giờ	Đến ngày – giờ cần báo cáo		X

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
9.	Tìm theo	All, Company code, Storecode, PLXID		X
10.	Company, store, PLXID	Company, store, PLXID		
11.	Chạy dữ liệu			
12.	In báo cáo			
13.	Xuất excel			

4.51 Báo cáo chi tiết tích điểm ID

Đường dẫn chạy báo cáo: *CHXD/Bán hàng KTM/Báo cáo PLXID/Báo cáo chi tiết tích điểm ID*

Hình thức báo cáo – Báo cáo chi tiết tích điểm ID

Tham số báo cáo

Từ ngày: 01/03/2022 Đến ngày: 4/3/2022 23:59

Tên đơn: PLX10 PLX ID: 00000426

Chạy số báo cáo: 38386386

BÁO CÁO CHI TIẾT TÍCH ĐIỂM ID

Từ ngày: 01/03/2022 - Đến ngày: 4/3/2022 23:59

STT	Loại hàng	Số lượng	Đơn vị	Thành toán tiền mặt	Thành toán không tiền mặt	Thời gian mua hàng	Tích điểm			Công ty xăng dầu	Cơ hàng xăng dầu
							Tích điểm tự động	Tích điểm thủ công	Tổng		
1	8221042 - Xăng RON95-N	7.80	180.000	180.000	0	15-03-2022 09:30:13	750	0	750	212 - Kí nghiệp bán lẻ xăng dầu KVT	212000 - PETROLIMEX - CƠ HÀNG ĐB_KTM_Test
2	8221042 - Xăng RON95-N	4.20	92.000	92.000	0	15-03-2022 08:30:38	210	0	210	212 - Kí nghiệp bán lẻ xăng dầu KVT	212000 - PETROLIMEX - CƠ HÀNG ĐB_KTM_Test
3	8221042 - Xăng RON95-N	4.30	100.000	100.000	0	15-03-2022 13:07:28	306	0	306	212 - Kí nghiệp bán lẻ xăng dầu KVT	212000 - PETROLIMEX - CƠ HÀNG ĐB_KTM_Test
TỔNG SỐ		16,30	372.000	372.000	0		1.266	0	1.266		

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
14.	Từ ngày	Từ ngày cần báo cáo		X
15.	Đến ngày - giờ	Đến ngày – giờ cần báo cáo		X
16.	Tìm theo	All, Company code, Storecode, PLXID		X
17.	Company, store, PLXID	Company, store, PLXID		
18.	Chạy dữ liệu			
19.	In báo cáo			
20.	Xuất excel			

4.52 Báo cáo tích điểm theo CHXD, công ty xăng dầu

Đường dẫn chạy báo cáo: *CHXD/Bán hàng KTM/Báo cáo PLXID/Báo cáo tích điểm theo CHXD, công ty xăng dầu*

Hình thức báo cáo – Báo cáo tích điểm theo CHXD, công ty xăng dầu

Tham số báo cáo

Từ ngày: 01/01/2022 Đến ngày: 4/3/2022 23:59

Tìm theo: Company code Company: 212

Chạy dữ liệu ▶ In báo cáo Xuất Excel

BÁO CÁO TÍCH ĐIỂM THEO CHXD, CÔNG TY XĂNG DẦU

Từ ngày 01/01/2022 - Đến ngày 4/3/2022 23:59

STT	Cửa hàng xăng dầu	Số lượng giao dịch	Doanh thu
1	212 - Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu KV1		9.569.311
1.1	212000 - KHO TT B212	2	200.000
1.2	212088 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 88_KTM_Test	45	5.369.311
TỔNG CỘNG			9.569.311

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
21.	Từ ngày	Từ ngày cần báo cáo		X
22.	Đến ngày - giờ	Đến ngày – giờ cần báo cáo		X
23.	Tìm theo	All, Company code, Storecode, PLXID		X
24.	Company, store, PLXID	Company, store, PLXID		
25.	Chạy dữ liệu			
26.	In báo cáo			
27.	Xuất excel			

4.53 Bảng kê TOP cửa hàng có nhiều giao dịch nhất

Đường dẫn chạy báo cáo: *CHXD/Bán hàng KTM/Báo cáo PLXID /Bảng kê top cửa hàng có nhiều giao dịch nhất*

Hình thức báo cáo- Bảng kê top cửa hàng có nhiều giao dịch nhất

Tham số báo cáo

Từ ngày: 01/01/2022 Đến ngày: 11/3/2022 23:59

Tìm theo: All

Top: 10

Chạy dữ liệu ▶ In báo cáo Xuất Excel

BẢNG KÊ TOP 10 CỬA HÀNG CÓ NHIỀU GIAO DỊCH NHẤT

Từ ngày 01/01/2022 - Đến ngày 11/3/2022 23:59

STT	Cửa hàng xăng dầu	Công ty xăng dầu	Số lượng giao dịch
1	212088 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 88_KTM_Test	212 - Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu KV1	45
2	221039 - PETROLIMEX-CỬA HÀNG 39	221 - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình	10
3	731009 - Petrolimex - Cửa hàng 09	731 - Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	9
4	123ABC -	123 -	2
5	212000 - KHO TT S212	212 - Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu KV1	2
6	502033 - PETROLIMEX-CỬA HÀNG 133	502 - Chi nhánh xăng dầu Phú Yên	1

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1.	Từ ngày	Từ ngày cần báo cáo		X
2.	Đến ngày - giờ	Đến ngày – giờ cần báo cáo		X
3.	Tìm theo	All, Company code, Storecode		X
4.	Top	Nhập/ Chọn ra số lượng cửa hàng muốn hiển thị		
5.	Chạy dữ liệu			
6.	In báo cáo			
7.	Xuất excel			

4.54 Bảng kê TOP cửa hàng có nhiều điểm tích lũy nhất

Đường dẫn chạy báo cáo: *CHXD/Bán hàng KTM/Báo cáo PLXID /Bảng kê Top cửa hàng có nhiều điểm tích lũy nhất*

Hình thức báo cáo- Bảng kê Top cửa hàng có nhiều điểm tích lũy nhất

← → ↻ Not secure | http://uat1-egas-plx.piacom.com.vn:5999/IT/PLXID_RPT.aspx?Type=T&id=TOPPOS

Kho S3 Ca Thu - Chi Số quỹ /Cnq Vpcty Giá Hàng hóa Hao hụt TĐH Bán hàng KTM

Tham số báo cáo

Từ ngày: 01/01/2022 Đến ngày: 11/3/2022 23:59

Tìm theo: All

Top: 10

Chạy dữ liệu ▶ In báo cáo Xuất Excel

BẢNG KÊ TOP 10 CỬA HÀNG CÓ NHIỀU ĐIỂM TÍCH LŨY NHẤT

Từ ngày 01/01/2022 - Đến ngày 11/3/2022 23:59

STT	Cửa hàng xăng dầu	Công ty xăng dầu	Điểm tích lũy
1	221039 - PETROLIMEX-CỬA HÀNG 39	221 - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình	48.753
2	212088 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 88_KTM_Test	212 - Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu KV1	37.657
3	502033 - PETROLIMEX-CỬA HÀNG 133	502 - Chi nhánh xăng dầu Phú Yên	5.750
4	731009 - Petrolimex - Cửa hàng 09	731 - Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	2.250
5	212000 - KHO TT S212	212 - Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu KV1	1.050
6	123ABC -	123 -	566

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
8	Từ ngày	Từ ngày cần báo cáo		X
9	Đến ngày - giờ	Đến ngày – giờ cần báo cáo		X
10	Tìm theo	All, Company code, Storecode		X
11	Top	Nhập/ Chọn ra số lượng cửa hàng muốn hiển thị		
12	Chạy dữ liệu			
13	In báo cáo			
14	Xuất excel			

4.55 Bảng kê TOP PLXID có nhiều giao dịch nhất

Đường dẫn chạy báo cáo: *CHXD/Bán hàng KTM/Báo cáo PLXID /Bảng kê Top PLXID có nhiều giao dịch nhất*

Hình thức báo cáo- Bảng kê Top PLXID có nhiều giao dịch nhất

← → ↻ Not secure | http://uat1-egas-plx.piacom.com.vn:5999/IT/PLXID_RPT.aspx?Type=T&id=TOF

Kho S3 Ca Thu - Chi Sở quỹ /Cnợ Vpcty Giá Hàng hóa Hao hụt TDH Bán hàng K1

Tham số báo cáo

Từ ngày: 01/01/2022 Đến ngày: 11/3/2022 23:59

Tìm theo: All

Top: 10

Chạy dữ liệu ▶ In báo cáo Xuất Excel

BẢNG KÊ TOP 10 PLXID CÓ NHIỀU ĐIỂM TÍCH LŨY NHẤT

Từ ngày 01/01/2022 - Đến ngày 11/3/2022 23:59

STT	Petrolimex ID	Tên khách hàng	Điểm tích lũy
1	000000428	Công ty Xây Dựng Minh Tùng	10.585
2	000001401	Thảo1	1.278
3	000003333	Công Ty TNHH Thiết Bị Công Nghệ Xanh	1.250

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
22	Từ ngày	Từ ngày cần báo cáo		X
23	Đến ngày - giờ	Đến ngày – giờ cần báo cáo		X
24	Tìm theo	All, Company code, Storecode		X
25	Top	Nhập/ Chọn ra số lượng cửa hàng muốn hiển thị		
26	Chạy dữ liệu			
27	In báo cáo			
28	Xuất excel			

4.57 Báo cáo thống kê giảm giá của từng khách hàng

Đường dẫn chạy báo cáo:

Kế toán VpCty\B/c VPCT\ Khác\báo cáo giảm giá khách hàng

Hình thức báo cáo

BÁO CÁO GIÁM GIÁ KHÁCH HÀNG

[Chọn kỳ] Từ ngày: 01/01/2022 Đến ngày: 11/9/2022 23:59

Khách: [Chọn]

Chọn cửa hàng: 212063

Thực tế xuất hàng Chính thức (không tính phần thuế chưa xuất hóa đơn)

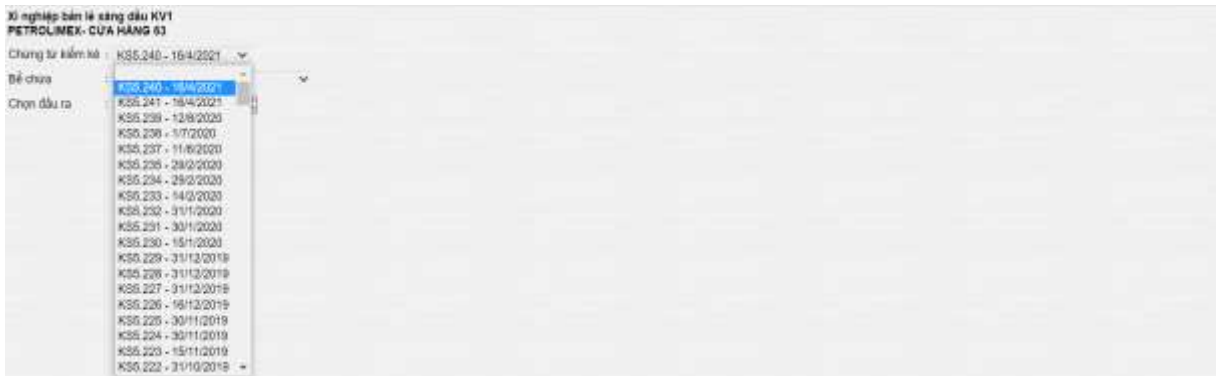
Chọn đầu ra: HTML

STT	Cửa hàng	Mã khách	Tên khách	Số hợp đồng	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	SL/tháng thực tế	SL/tháng hợp đồng	Hạn mức	Ngày nợ	Nhóm Giám giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	212063	200027	Công ty cổ phần Hòa dầu		3/8/2022	30/1/2023	2,00			0	[Default]
2	212063	200028	Cty CP PETAJICO Hà Nội		1/1/2022	31/12/2099	103,00			0	[Default]
3	212063	212.0005	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		1/9/2016	31/12/2099	44,00		14.000.000	60	DO 005 -100
4	212063	212.001a	Văn phòng Bộ Công An		1/1/2022	17/1/2023	18,00			0	[Default]

4.58 Báo cáo số liệu kiểm kê

Đường dẫn chạy báo cáo: CHXD/TDH/Bc kiểm kê XDS

Hình thức báo cáo:



CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU VINH PHÚC
PETROLIMEX - CỬA HÀNG 01

Chọn từ kiểm kê: KSS.41 - 16/5/2024

Bể chứa: [Chọn]

Chọn đầu ra: HTML

BÁO CÁO SỐ LIỆU KIỂM KÊ

STT	BỂ CHỨA	SỐ LIỆU BỂ				SỐ LIỆU VỚI BƠM	
		Dung tích hàng (Lít TT)	Chiều cao chung (mm)	Dung tích chung (Lít TT)	Dung tích nước (Lít TT)	Với bơm	Tổng số với bơm
1	0201004 - XĂNG E5 RON 92-II	16.097					7.446.845,412
1	102 - Bể 02 - E5 RON92-II	16.097	1.485	16.097		102 - Với 02 - E5RON92-II	4.349.571,632
2						103 - Với 03 - E5 RON92-II.2	103.021,230
3						108 - Với 08 - E5RON92-II (kép)	757.559,785
4						110 - Với 10 - E5RON92-II (kép)	2.230.692,755
2	0201032 - XĂNG RON95-III	44.294				104 - Với 04 - RON95-III	10.883.501,063

4.59 Bổ sung lượng KTM (112714) vào phát sinh bên nợ, bên có tại báo cáo:

- Đối chiếu công nợ VpCty-CH(2)

4.60 Báo cáo Chi tiết lãi quá hạn khách hàng

Đường dẫn chạy báo cáo: CHXD\ Sổ Quỹ/Cnợ \ Chi tiết lãi quá hạn khách hàng

Hình thức báo cáo:

CHI TIẾT LÃI QUẢ HẠN KHÁCH HÀNG

Tháng báo: Từ ngày: 1/12/2024 Đến ngày: 31/12/2024 23:59

CHXD: 21200 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 63

Khách hàng: 3132 OHU0020NamHoi_BHKhach_LUAT

Lãi xuất ngày %: 0.0161

Chọn đầu ra: HTML

STT	Mã khách	Tên khách	Dư đầu kỳ	Phải nộp lãi	Phải nộp Lãi	Dư cuối kỳ	Chênh lệch lãi	Yên định trước	Lãi cuối
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	1112224		33.408.000			33.408.000	0,000.000	0,000.000	33.408.000
1	00000	HOÀN HẠNG THƯƠNG HIỆU CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	3.000.000			3.000.000	0,000.000	0,000.000	3.000.000
2	khachm_hoi	khachm_hoi_kh							
3	khachm_LUAT	khachm_LUAT	30.738.000			30.738.000	0,000.000	0,000.000	30.738.000
2	1112224		33.408.000			33.408.000	0,000.000	0,000.000	33.408.000
1	00000	HOÀN HẠNG THƯƠNG HIỆU CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	3.000.000			3.000.000	0,000.000	0,000.000	3.000.000
2	khachm_hoi	khachm_hoi_kh							
3	khachm_LUAT	khachm_LUAT	30.738.000			30.738.000	0,000.000	0,000.000	30.738.000
2	1112224		33.408.000			33.408.000	0,000.000	0,000.000	33.408.000
1	00000	HOÀN HẠNG THƯƠNG HIỆU CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	3.000.000			3.000.000	0,000.000	0,000.000	3.000.000
2	khachm_hoi	khachm_hoi_kh							
3	khachm_LUAT	khachm_LUAT	30.738.000			30.738.000	0,000.000	0,000.000	30.738.000
2	1112224		33.408.000	18.980.000		14.428.000	18.980.000	0,000.000	33.408.000
1	00000	HOÀN HẠNG THƯƠNG HIỆU CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	3.000.000			3.000.000	0,000.000	0,000.000	3.000.000
2	khachm_hoi	khachm_hoi_kh							
3	khachm_LUAT	khachm_LUAT	30.738.000	18.980.000		11.758.000	18.980.000	0,000.000	30.738.000
2	1112224		33.408.000			33.408.000	0,000.000	0,000.000	33.408.000
1	00000	HOÀN HẠNG THƯƠNG HIỆU CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	3.000.000			3.000.000	0,000.000	0,000.000	3.000.000
2	khachm_hoi	khachm_hoi_kh							
3	khachm_LUAT	khachm_LUAT	30.738.000			30.738.000	0,000.000	0,000.000	30.738.000
2	1112224		33.408.000			33.408.000	0,000.000	0,000.000	33.408.000
1	00000	HOÀN HẠNG THƯƠNG HIỆU CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	3.000.000			3.000.000	0,000.000	0,000.000	3.000.000
2	khachm_hoi	khachm_hoi_kh							
3	khachm_LUAT	khachm_LUAT	30.738.000			30.738.000	0,000.000	0,000.000	30.738.000

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Từ ngày cần báo cáo		X
2	Đến ngày - giờ	Đến ngày – giờ cần báo cáo		X
3	CHXD	Nhập/ Chọn ra cửa hàng muốn hiển thị		
4	Khách hàng	Nhập/ Chọn khách hàng muốn hiển thị		
5	Lãi xuất ngày %	Người dùng cập nhật mức lãi xuất theo ngày	0.0161, tương ứng với mức lãi xuất 5,8%/năm	

4.61 Báo cáo đối chiếu tồn quỹ

Đường dẫn chạy báo cáo: CHXD\ VPCTy\ Báo cáo đối chiếu tồn quỹ

Hình thức báo cáo:

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I

Báo cáo đối chiếu tồn quỹ

[Chọn nhánh] Từ ngày: 01/12/2025 Đến ngày: 31/12/2025 23:59

Chọn cửa hàng: 212003

Chọn đầu ra: HTML

STT	Mã CHXD	Tồn quỹ số sách	Kiểm kê quỹ (GLB)	Nộp sản tồn quỹ (CHP)	Chênh lệch
					GLB - Số sách
1	212003 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 63 Client LUAT	4.703.741.548	4.703.741.548	32.386.947.586	27.683.206.038
	TỔNG CỘNG	4.703.741.548	4.703.741.548	32.386.947.586	27.683.206.038

Ngày giờ in: 01/12/2025 13:20

LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Từ ngày cần báo cáo		X
2	Đến ngày - giờ	Đến ngày – giờ cần báo cáo		X
3	Chọn cửa hàng	Nhập/ Chọn ra cửa hàng muốn hiển thị		

Mô tả chi tiết các trường thông tin

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1.	Mã CHXD	Kiểu chữ		Mã – tên cửa hàng xăng dầu
2.	Tồn quỹ sổ sách	Kiểu số		Lấy dữ liệu tại GL8 trường "Tồn quỹ sổ sách"
3.	Kiểm kê quỹ (GL8)	Kiểu số		Lấy dữ liệu tại GL8 trường "Tồn quỹ thực tế"
4.	Nộp tiền tồn quỹ (CL9)	Kiểu số		Lấy tổng số tiền của các CH9 báo có trong khoảng kỳ chạy báo cáo
5.	GL8 – sổ sách	Kiểu số		GL8 -tồn quỹ sổ sách
6.	CH9 – sổ sách	Kiểu số		CH9 -tồn quỹ sổ sách

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỆ THỐNG TỰ ĐỘNG HÓA CỬA HÀNG

5.1 Cấu hình hệ thống tự động hóa

Mỗi khi triển khai module tự động hóa trong chương trình Egas, đầu tiên ta cần thực hiện cấu hình cho từng cửa hàng tại Egas Server.

Khai báo tại Egas server theo các bước thứ tự như sau:

- Cấu hình chung cửa hàng xăng dầu
- Cấu hình bể
- Nhập Barem bể
- Áp tỷ trọng bể
- Cấu hình cột bơm
- Khai báo giá bán cột bơm

Tại cửa hàng: Cập nhật thông số xuống máy tính nhúng

- Cấu hình chung
- Cấu hình bể
- Barem
- Tỷ trọng 15
- Cấu hình cột bơm
- Giá bán

5.2 Cấu hình tại cửa hàng

Sau khi khai báo cấu hình tự động hóa cửa hàng tại Egas Server trên văn phòng Công ty, toàn bộ thông tin cấu hình sẽ được tự động đẩy về chương trình Egas dưới cửa hàng khi máy tính cửa hàng được kết nối mạng. Tại cửa hàng cần thực hiện các thao tác nạp cấu hình xuống máy tính nhúng.

5.2.1 Nạp cấu hình chung cửa hàng xuống máy tính nhúng.

- Các bước thực hiện trong chương trình: Vào menu **Cấu hình CHXD** chọn **Cấu hình chung CHXD** và kích chọn **Lưu và Update TĐH**.



5.2.2 Nạp cấu hình bể chứa, vòi bơm xuống máy tính nhúng

- Các bước thực hiện trong chương trình: Vào menu **Cấu hình CHXD** chọn **Cấu hình bể vòi bơm**

Quản trị hệ thống | Dm công ty | Cấu hình CHXD | Dm chung | Nhập tồn đầu | User: KIENHV - 211010 | 21/7/2012 (2012) [Back Date]

Menu search [Search] Tìm trong 21/7/2012 (2012) [Back Date]

Cấu hình bể

Tank No.	Tank TDHID	Tank Name	Product Code	Product Name	High Level	High-High level	Low Level	Low-Low Level	Max Height	Max Volume	Product Offset	Water Offset	Temperature Offset	USTD Address	Density 15	EDIT TỶ TRỌNG >>
<input type="checkbox"/> 1	201	Bể 92	020202	Xăng RON 92	2200.00	2400.00	100.00	50.00	2500.00	26000.00	0.00	0.00	0.25	1	723.00	Edit bể >>
<input type="checkbox"/> 2	202	Bể 95	020203	Xăng RON 95	1920.00	1920.00	120.00	52.00	2000.00	18000.00	2.00	2.00	2.00	2	724.00	Edit bể >>

Update Thông số | Update Barem | Update Tỷ trọng 15 (Only)

Cấu hình vòi bơm

Pump No.	Pump TDHID	Pump Name	Tank TDHID	Price Factor	Volume Factor	Amount Factor	Total Volume Factor	Total Amount Factor	Pump Address	Mã RHóa	Giá bán	Ngày hiệu lực	EDIT vòi bơm >>
<input type="checkbox"/> 1	101	Vòi 92	201	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1	020202	21,035.00	18/7/2012 12:27	Edit vòi bơm >>
<input type="checkbox"/> 2	102	vòi 92	201	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	2	020202	21,035.00	18/7/2012 12:27	Edit vòi bơm >>

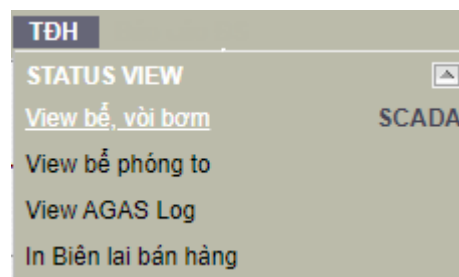
Update Thông số | Áp Giá bán

- Kích chọn check box () để chọn bể cần nạp xuống máy tính nhưng, và kích chọn **Update Thông số**.
- Kích chọn check box () để chọn bể cần nạp barem xuống máy tính nhưng, và kích chọn **Update Barem**.
- Kích chọn check box () để chọn bể cần nạp tỷ trọng 15 xuống máy tính nhưng, và kích chọn **Update Tỷ trọng 15 (Only)**.
- Kích chọn check box () để chọn vòi bơm để nạp xuống máy tính nhưng, và kích chọn **Update Thông số**.
- Kích chọn check box () để chọn cột bơm, để nạp giá bán xuống máy tính nhưng, và kích chọn **Áp giá bán**.

5.3 Sử dụng chương trình tự động hóa tại cửa hàng (Agas 18)

5.3.1 Màn hình SCADA

Từ menu chương trình ta chọn menu **TĐH** và kích chọn **View bể, vòi bơm** để xem các thông tin về bể và vòi bơm.



- Thông báo các lỗi truyền thông của hệ thống TĐH:
 - Lỗi Time out: Được thông báo ngắn gọn và rõ ràng chi tiết lỗi

Pump_Read_@ERR=(-9) Lỗi đọc dữ liệu từ hệ thống TBH (socket level). Lỗi quá thời gian đợi kết quả trả về từ AGAS: 6 giây

Pump_Read_@ERR=(-4) Socket read timeout. Lỗi quá thời gian đọc Socket AGAS: 4 giây

- Cập nhật tự động AGAS: Thông báo trên EGAS khi có phiên bản mới, Cho phép cập nhật phiên bản mới, theo dõi trạng thái cập nhật: tại màn hình SCADA, tại góc trên bên phải chương trình cập nhật các trạng thái khi có bản update mới.

Trạng thái: **Có bản cập nhật mới**

- Có bản update mới:

Trạng thái: **Cho phép cập nhật**

- Xác nhận cập nhật:

Trạng thái: **Đang cập nhật...**

- Đang cập nhật:

Trạng thái: **Đã cập nhật phiên bản mới nhất**

- Hoàn thành cập nhật:

- Kiểm tra lỗi nhảy số tổng cột bơm: Nếu có lỗi nhảy số tổng cột bơm: thông báo lỗi lên màn hình scadar “Lỗi nhảy số tổng vòi bơm”

- Hỗ trợ chống mất log bán: Hiển thị báo cáo Kiểm tra số cuối cột bơm tại EGAS về các thông tin: vòi, đơn giá, lít, tiền, thời điểm

- Lỗi: tình trạng AGAS không đọc được số liệu bơm hàng. Phần mềm Agas tự động ra lệnh đọc số liệu bơm hàng tại cột bơm, trường hợp cột bơm không có dữ liệu bơm hàng, sẽ hiển thị cảnh báo Lỗi đến người dùng trên màn hình Scada egas: “Lỗi đọc số liệu bơm hàng”

- Thay đổi giá tại chỗ: Bổ sung chức năng EGAS client áp giá thủ công (do sự cố không áp được giá từ Trung tâm); ghi lại log, history, gửi mail cho người liên quan và có trường phân biệt giá thủ công và giá từ server. Giá này không có chức năng viết hóa đơn, chứng từ. Khi Egas trung tâm cập nhật giá xuống Cửa hàng → Áp lại giá ra cột bơm thay thế cho áp giá tạm thời.

- Bước 1: Khai báo giá: khai báo tại menu item Khai báo giá tại vòi bơm theo đường dẫn: **Hệ thống\Cấu hình CHXD\Khai báo giá tại vòi bơm**

Khai báo giá bán tại vòi bơm

III Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh

C	Hàng hóa	Giá bán	Ngày-giờ hiệu lực
1 212004	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	21 000	6/12/2019 15:05
2 212005	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	22 000	6/12/2019 15:20
3 212006	0601005 - DO 0.001S-V	15 000	6/12/2019 15:20
4 212007	0601005 - DO 0.001S-V	16 000	6/12/2019 15:21
5 212008	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	22 000	6/12/2019 16:43
6 212009	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	50 000	6/12/2019 17:06
7 212010	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	23 000	9/12/2019 13:16

- Bước 2: Thực hiện áp giá tại mục Áp giá thủ công theo đường dẫn **Hệ thống\Cấu hình CHXD\Áp giá bán cho vòi bơm**

Áp giá vòi bơm

Pump No.	Pump TDHD	Pump Name	Tank TDHD	Price Factor	Volume Factor	Amount Factor	Total Volume Factor	Total Amount Factor	Pump Address	Mô Hình	Giá bán	Ngày hiệu lực
63013	1	VW_1_ES-RON92-II_0313	1	10.0000	0.0010	10.0000	0.0010	1.0000	1	0201004	15.400,00	8/18/2019 9:43
63021	2	VW_2_ES-RON92-II_AA091481	1	10.0000	0.0010	10.0000	0.0100	1.0000	2	0201004	15.400,00	8/18/2019 9:43
63033	3	VW_3_RON95-V_AA072607DR9W-H	3	10.0000	0.0010	10.0000	0.0100	1.0000	3	0201042	17.750,00	31/12/2019 15:00
630401	4	VW_4_DO_09015-V_1294	2	10.0000	0.0010	10.0000	0.0010	1.0000	4	0001000	15.100,00	31/12/2018 15:00
630501	5	VW_5_DO_09015-V_1294	2	10.0000	0.0010	10.0000	0.0010	1.0000	5	0001005	15.100,00	31/12/2019 15:00
63001	6	VW_6_ES-RON92-II_AA072607	1	10.0000	0.0010	10.0000	0.0100	1.0000	6	0201004	15.400,00	8/18/2019 9:43

Áp giá thủ công

Pump No.	Pump TDHD	Pump Name	Tank TDHD	Price Factor	Volume Factor	Amount Factor	Total Volume Factor	Total Amount Factor	Pump Address	Mô Hình	Giá bán	Ngày hiệu lực
63013	1	VW_1_ES-RON92-II_0313	1	10.0000	0.0010	10.0000	0.0010	1.0000	1	0201004	23.000,00	8/12/2019 13:16
63021	2	VW_2_ES-RON92-II_AA091481	1	10.0000	0.0010	10.0000	0.0100	1.0000	2	0201004	23.000,00	8/12/2019 13:16
630401	4	VW_4_DO_09015-V_1294	2	10.0000	0.0010	10.0000	0.0010	1.0000	4	0001000	16.000,00	8/12/2019 15:21
630501	5	VW_5_DO_09015-V_1294	2	10.0000	0.0010	10.0000	0.0010	1.0000	5	0001005	16.000,00	8/12/2019 15:21
63001	6	VW_6_ES-RON92-II_AA072607	1	10.0000	0.0010	10.0000	0.0100	1.0000	6	0201004	23.000,00	8/12/2019 13:16

- Tổ chức thông tin phục vụ quản trị AGAS: EGAS hỏi và AGAS trả về các thông tin ghi lại các trạng thái của AGAS: Máy tính: ram x/y, CPU%, Service đang chạy, database, ... (thông tin là update cuối cùng)
- Báo rò hàng: Dựa vào số liệu que đo bể, và trạng thái cột bơm (có bán hàng hay không bán hàng), phần mềm Agas sẽ xác định được trạng thái bể tĩnh. Khi bể tĩnh, Agas sẽ chốt số đo bể
 - Khi bể ở trạng thái động, phần mềm Agas sẽ kết thúc phiên kiểm tra, chốt số liệu bể và lưu kết quả lần kiểm tra này vào Database.
 - Khi phát hiện lượng rò lớn hơn 8 lít, phần mềm đưa ra cảnh báo trên màn hình scada, và cảnh báo bằng âm thanh
- Chẩn đoán lỗi cảm biến nhiệt độ que đo MTS: Phần mềm Agas đồng thời lưu giá trị nhiệt độ trung bình và giá trị 5 điểm nhiệt độ que đo vào Database máy tính nhúng, và dữ liệu này được đồng bộ sang phần mềm Egas.

5.3.2 Cấu hình chung CHXD

Tại môi trường Egasclient thực hiện cấu hình chung cho CHXD theo đường dẫn **Hệ thống\Cấu hình CHXD\Cấu hình chung CHXD**. User thực hiện cần được gán quyền TĐH – Cấu hình TĐH

- Ngắt kết nối TĐH cột bơm bằng phần mềm: Cho phép kiểm tra trạng thái và thay đổi bật tắt kết nối AGAS với cột bơm (ngắt/ kết nối). Áp dụng cho các cột bơm đã kết nối được với Agas:

Cấu hình chung CHXD

TDH IP	10.59.13.47
TDH Port	90 (number)
TDH Password	****
Số lượng máy POS	1 (number)
Pump Comport	1 (number)
Tank Comport	3 (number)
Alarm Comport	7 (number)
Permit-Pump-Connect	1 (number)
Permit-Tank-Connect	0 (number)
Permit-POS-Connect	1 (number)
Total vòi bơm	6
Total bể chứa	3

Đổi TDH Password

New password:

See characters

Tắt/Bật cột bơm

Ngắt kết nối ▼

- Bước 1: Kiểm tra tình trạng kết nối TDH của cột bơm bằng cách kích nút **Kiểm tra**
- Bước 2: Chọn trạng thái kết nối TDH cột bơm rồi kích nút **Cập nhật**
- Thay đổi chế độ bán hàng cột bơm: cài đặt thay đổi các chế độ bán hàng tại cột bơm

Chế độ bán hàng

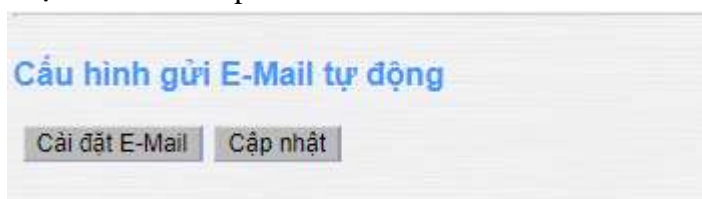
<input type="checkbox"/>	Cột bơm	Chế độ	Loại
<input type="checkbox"/>	Vòi số 1 - Xăng E5 Ron 92		Lít ▼
<input type="checkbox"/>	Vòi số 2 - Ron 95-IV	Normal	Lít ▼
<input type="checkbox"/>	Vòi số 3 - Do 0,001S - V	Preset	Tiền ▼
<input type="checkbox"/>	Vòi số 4 - Do 0,001S - V(1)	Preset can be change	Lít ▼
<input type="checkbox"/>	Vòi số 5 - Ron 95-II	Can't be change	Lít ▼
<input type="checkbox"/>	Vòi số 5 - Ron 95-IV		Lít ▼

- Bước 1: Kích nút **Kiểm tra** để xem chế độ của các vòi bơm đang được thiết lập
 - Bước 2: Thực hiện cập nhật các chế độ vòi bơm
 - Để trống:
 - Normal: Chế độ bán bằng bàn phím cột bơm
 - Preset: Chế độ bơm hàng đặt trước lượng/tiền bơm
 - Preset can be change: Chế độ bơm hàng có đặt trước lượng/tiền bơm và có thể thay đổi lượng/tiền đã đặt bằng bàn phím cột bơm
 - Can't be change: Không cho thay đổi từ bàn phím cột bơm
- Chọn loại – hình thức bán hàng:

- Lít: theo số lượng lít thực tế
- Tiền: theo số tiền

Kích nút **Cập nhật** để hoàn thành thiết lập chế độ bán hàng của cột bơm

- Tự động gửi mail cho người liên quan (Cửa hàng trưởng, Quản trị trưởng,...) khi có sự cố: AGAS gửi mail dựa trên cấu hình thông số từ EGAS:
 - Bước 1: Khai báo mail: Căn cứ vào bảng mã lỗi và nội dung lỗi, xác định người nhận mail khi lỗi phát sinh.



Kích nút **Cài đặt E-Mail** để thực hiện khai báo



- Bước 2: Nhấn **Cập nhật** để hệ thống chuyển thông tin email vừa khai báo xuống AGAS.



Khi có lỗi phát sinh, AGAS sẽ tự động gửi mail thông báo.

5.4 Chốt số cột bơm, bể đóng mở ca

Khi cửa hàng khai báo có sử dụng chương trình tự động hóa, chốt số cuối ca sẽ tiến hành lấy số điện tử cột bơm.

- Sử dụng khi: Chốt số đo cột bơm, bể đóng mở ca.
- Người thực hiện: Ca trưởng.

- Các bước thực hiện trong chương trình: Từ màn hình ca bán hàng ta kích chọn **Chốt cột bơm, bể cuối ca**, sau đó kích chọn các cột bơm, bể cần chốt và kích chọn **Next** để lấy số liệu tự động hóa cần chốt.



5.5 Báo cáo TĐH

Tại nhóm menu TĐH đơn vị khai thác dữ liệu về log bể, vòi bơm:

- Báo cáo tồn kho trống bể
- Tồn kho trống bể toàn công ty
- Bảng kê chi tiết bể
- Bảng kê chi tiết số công tơ lít
- Bảng kê xuất bán theo giờ
- Bảng kê xuất bán qua bể/ vòi bơm
- Diễn biến mức nước tại bể:
 - Đường dẫn chạy báo cáo: CHXD/ TĐH/ Báo cáo diễn biến mức nước tại bể → Chọn Goto: Diễn biến mức nước tại bể (thời điểm)
 - Báo cáo chi tiết kê 01 log bể gần nhất với thời điểm “Đến ngày...” tại điều kiện lọc (không sử dụng điều kiện lọc “Từ ngày...”)
 - Chiều cao bể: lấy theo chiều cao max bể
 - Chiều cao hàng: lấy giá trị thực tế theo log bể
- Tại Egas Server: Cho phép chạy báo cáo theo nhiều CHXD thuộc CompanyCode
- Bảng kê nhập hàng
 - Báo cáo kiểm kê XDS

- Báo cáo thống kê TĐH Log
 - Tại phần dữ liệu tổng hợp, thêm số liệu so sánh số lượng log bể tại AGAS và log bể đã đồng bộ sang EGAS.



	SL bán ghi	Lượng	Tiền	SL bán ghi log bể
Dữ liệu AGAS:	35	1151.4300	18014873.0000	0
Dữ liệu EGAS:	93	2628.8255	43577885.0000	0

- Báo cáo thống kê tổng lượng xuất bán qua vòi – tổng hợp
 - Đường dẫn chạy báo cáo: CHXD/ TĐH/ BK xuất bán qua bể/ vòi bơm
→ Chọn Báo cáo: Bảng kê xuất bán qua bể (tổng hợp)
 - Phạm vi sử dụng : Egas client và Egas Server
 - Nội dung sửa đổi: Bổ sung báo cáo mới Báo cáo thống kê tổng lượng xuất bán qua vòi - Tổng hợp



STT	Vòi bơm	Lượng	Thành tiền	Cửa hàng
1	1001 - BỂ 1 - E5 RON92-II	134.852,85	2.675.454.335,00	
1	100011 - Vòi 1_E5-RON92-II_AA247633	50.923,45	1.010.452.766,00	212001 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 01_CuongNK
2	10003 - Vòi 3_E5-RON92-II_AA247634	83.929,10	1.665.001.869,00	212001 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 01_CuongNK
TỔNG CỘNG		134.852,85	2.675.454.335,00	

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1.	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo		Ngày giờ hiện tại	X
2.	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo		23h59 ngày hiện tại + 1 tháng	X

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
3.	Bể chứa	Mã bể + Tên bể + KSD (nếu bể ở trạng thái ngừng sử dụng). Ưu tiên bể đang sử dụng ở đầu danh sách			
4.	Vòi bơm	Mã vòi + Tên vòi + KSD (nếu bể ở trạng thái ngừng sử dụng). Ưu tiên vòi đang sử dụng ở đầu danh sách			
5.	Đầu ra báo cáo	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn một định dạng từ danh sách có sẵn	HTML	

5.5.1 Bảng kê nhập hàng

- Đường dẫn: CHXD\ TĐH\ Bảng kê nhập hàng
- Giao diện báo cáo:

Chứng từ nhập: SR1.224341 (00001) - 1/31/2023

Bể chứa: [Dropdown]

Trạng thái nhập hàng: Cả hai

Chọn đầu ra: HTML

Close after print

BÁO CÁO SỐ LIỆU NHẬP HÀNG

ĐVT: Lít TT

STT	Mặt hàng/ Bể	Thời điểm	Hóa đơn		Lượng hàng trước nhập			Lượng hàng sau nhập			Lượng bán khi nhập	Lượng hàng thực nhập
			Số Cũ	SL theo hóa đơn	Dung tích chung	Dung tích nước	Dung tích hàng	Dung tích chung	Dung tích nước	Dung tích hàng		
1	0201004 - XĂNG E5 RON 92-II			7.410,00								
1	1400001 - Bể 01 - Xăng E5 RON92-II (HT)	31/1/2023 9:00	SR1.224341									
2	14022 - Bể 2 - E5-R92	31/1/2023 9:00	SR1.224341									
3	140303 - Bể 3 - E5-RON92-II	31/1/2023 9:00	SR1.224341									
4	14044 - Bể 4 - E5_R92	31/1/2023 9:00	SR1.224341									
2	0601002 - DO 0.055-II			7.710,00								
1	1400002 - Bể 02 - DO0.055-II (HT)	31/1/2023 9:00	SR1.224341									
TỔNG CỘNG				15.120,00								

Ngày giờ in: 9/5/2024 10:31

LẬP BIỂU

CỬA HÀNG TRƯỞNG

- Nội dung cập nhật:
 - o Sửa điều kiện lọc dữ liệu “Chứng từ nhập”: sắp xếp theo trật tự giảm dần
 - o Bổ sung điều kiện lọc dữ liệu “Trạng thái nhập hàng” với 3 giá trị: “Cả hai”, “Không TĐH”, “TĐH” để cửa hàng xem thông tin của các chứng từ nhập hàng không sử dụng TĐH; giá trị mặc định = “Cả hai”

6. AGAS 18

Các chức năng của AGAS18:

- Nạp cấu hình Tự động hóa cho MTN
- Nạp cấu hình bể chứa, vòi bơm cho MTN

- Màn hình SCADA
- Tự động update AGAS khi có phiên bản mới
- Kiểm tra lỗi nhảy số tổng cột bơm
- Hỗ trợ chống mất log bán hàng
- Báo rò hàng
- Chuẩn đoán lỗi cảm biến nhiệt độ que đo MTS
- Ngắt kết nối TĐH bằng EGAS
- Thay đổi chế độ bán hàng cột bơm
- Tự động gửi email khi có sự cố

Chi tiết các chức năng của AGAS18:

6.1 Nạp cấu hình TĐH cho MTN

- Các bước thực hiện trong chương trình: Vào menu **Cấu hình CHXD\Cấu hình chung CHXD** và kích chọn **Lưu và Update TĐH**.

6.2 Nạp cấu hình bể chứa, vòi bơm cho MTN

- Các bước thực hiện trong chương trình: Vào menu **Cấu hình CHXD\Cấu hình bể vòi bơm**



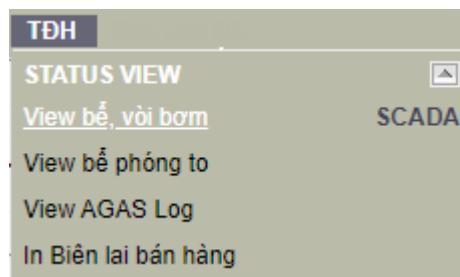
The screenshot displays two configuration tables within a software application window titled 'Quản trị hệ thống'. The top table, 'Cấu hình bể', lists tank configurations with columns for Tank No., Tank TDHID, Tank Name, Product Code, Product Name, High Level, High-High Level, Low Level, Low-Low Level, Max Height, Max Volume, Product Offset, Water Offset, Temperature Offset, USTD Address, Density, and an 'EDIT TỶ TRỌNG >>' button. The bottom table, 'Cấu hình vòi bơm', lists pump configurations with columns for Pump No., Pump TDHID, Pump Name, Tank TDHID, Price Factor, Volume Factor, Amount Factor, Total Volume Factor, Total Amount Factor, Pump Address, Mã HHóa, Giá bán, Ngày hiệu lực, and an 'Edit vòi bơm >>' button. Both tables include 'Update Thông số' buttons and specific update options like 'Update Barem' and 'Update Tỷ trọng 15 (Only)'.

- Kích chọn check box () để chọn bể cần nạp xuống máy tính nhúng, và kích chọn **Update Thông số**.
- Kích chọn check box () để chọn bể cần nạp barem xuống máy tính nhúng, và kích chọn **Update Barem**.
- Kích chọn check box () để chọn bể cần nạp tỷ trọng 15 xuống máy tính nhúng, và kích chọn **Update Tỷ trọng 15 (Only)**.

- Kích chọn check box () để chọn vòi bơm để nạp xuống máy tính nhúng, và kích chọn **Update Thông số**.
- Kích chọn check box () để chọn cột bơm, để nạp giá bán xuống máy tính nhúng, và kích chọn **Áp giá bán**.

6.3 Màn hình SCADA

Từ menu chương trình ta chọn menu TĐH và kích chọn View bể, vòi bơm để xem các thông tin về bể và vòi bơm.



6.4 Tự động update AGAS khi có phiên bản mới

Tại màn hình SCADA, chương trình sẽ hiển thị thông báo khi có phiên bản AGAS mới. Để thực hiện update, người dùng thao tác như sau:

- Bước 1: Tại màn hình Scada, click chọn trạng thái Có bản cập nhật mới → nhấn

Xác nhận. **Trạng thái: Có bản cập nhật mới**

- Bước 2: Chờ để chương trình thực hiện update
- Bước 3: Chương trình sẽ hiển thị thông báo khi hoàn thành cập nhật:

Trạng thái: Đã cập nhật phiên bản mới nhất

- Bước 4: Để ẩn thông báo liên quan tới cập nhật, người dùng click chọn vào trạng thái “*Đã cập nhật phiên bản mới nhất*” → click chọn “Xác nhận” để ẩn thông báo.

Lưu ý:

- Thời gian cập nhật AGAS là từ 10 - 60 giây.
- Trước khi xác nhận Cập nhật phiên bản AGAS mới (tại bước 1) cần dừng bán hàng, gác tất cả các vòi bơm vào học.
- Sau khi cập nhật hoàn tất, AGAS sẽ được tự động khởi động lại. Người dùng cần theo dõi tủ AGAS từ khi nhấn nút chức năng cập nhật cho tới lúc đèn trên tủ nháy mới thực hiện bán hàng lại.
- Đối với trường hợp cột bơm bị treo, người dùng cần khởi động lại cột bơm.

6.5 Kiểm tra lỗi nhảy số tổng cột bơm

Nếu có lỗi nhảy số tổng cột bơm, chương trình thông báo lỗi lên màn hình scadar: “Lỗi nhảy số tổng vòi bơm”

6.6 Hỗ trợ chống mất log bán

Chương trình hiển thị báo cáo Bảng kê chi tiết số Công tơ lít về các thông tin: vòi, đơn giá, lít, tiền, thời điểm.

6.7 Báo rò hàng

Dựa vào số liệu que đo bể, và trạng thái cột bơm (có bán hàng hay không bán hàng), phần mềm Agas sẽ xác định được trạng thái bể tĩnh. Khi bể tĩnh, Agas sẽ chốt số đo bể

- Khi bể ở trạng thái động, phần mềm Agas sẽ kết thúc phiên kiểm tra, chốt số liệu bể và lưu kết quả lần kiểm tra này vào Database.
- Khi phát hiện lượng rò lớn hơn 8 lít, phần mềm đưa ra cảnh báo trên màn hình scada (phần bể hiển thị thông báo **Rò hàng**).

Trong quá trình hoạt động, khi bể tĩnh hệ thống sẽ ghi nhận kết quả kiểm tra vào eventlog hệ thống

6.8 Chẩn đoán lỗi cảm biến nhiệt độ que đo

Khi phát hiện bất thường về nhiệt độ que đo, hệ thống sẽ đưa cảnh báo lên màn hình scada Egas

6.9 Ngắt kết nối TDH bằng EGAS

Mục đích: Cho phép kiểm tra trạng thái và thay đổi bật tắt kết nối AGAS với cột bơm (ngắt/ kết nối). Áp dụng cho các cột bơm đã kết nối được với Agas.

Thực hiện: Tại màn hình Cấu hình chung CHXD, chọn trạng thái mong muốn (Kết nối/ Ngắt kết nối) rồi nhấn nút chức năng **Cập nhật**



Lưu ý:

- Khi ngắt kết nối bằng phần mềm, cột bơm sẽ treo.
- Khi đã ngắt kết nối, để kết nối lại cần khởi động lại tất cả cột bơm
- Tại lần chạy đầu tiên, CSDL của AGAS vẫn chưa có thông tin trả về từ vòi bơm → phần Tắt/bật cột bơm sẽ không có dữ liệu. Khi người dùng thực hiện Cập nhật → những lần chạy sau chương trình sẽ hiển thị các thông số trên.

6.10 Thay đổi chế độ bán hàng cột bơm

Mục đích: Cài đặt thay đổi chế độ bán hàng cột bơm trên giao diện EGAS

Thực hiện: Tại màn hình Cấu hình chung CHXD:

- Bước 1: Thực hiện cập nhật các chế độ vòi bơm cho các vòi, các chế độ vòi bao gồm:
 - Normal: Chế độ bán bằng bàn phím cột bơm
 - Preset: Chế độ bơm hàng đặt trước lượng/tiền bơm
 - Preset can be change: Chế độ bơm hàng có đặt trước lượng/tiền bơm và có thể thay đổi lượng/tiền đã đặt bằng phím cột bơm
 - Can't be change: Không cho thay đổi từ phím cột bơm

Chọn loại – hình thức bán hàng:

- Lít: theo số lượng lít thực tế
 - Tiền: theo số tiền
- Bước 2: Tích chọn vào các vòi bơm muốn thay đổi chế độ bán (Có thể tích nút trên cùng để chọn tất cả các vòi).

- Bước 3: Kích nút **Cập nhật** để chương trình thiết lập chế độ bán hàng của cột bơm



<input type="checkbox"/>	Cột bơm	Chế độ	Loại
<input type="checkbox"/>	Vòi số 1xx - Xăng E5 Ron 92	Normal	Lít
<input type="checkbox"/>	Vòi số 2 - Ron 95-IV	Preset	Tiền
<input type="checkbox"/>	Vòi 3_RON95-IV_AA072807GRMW - H	Preset can be change	Lít
<input type="checkbox"/>	Vòi 4_DO_0.001S-V_1204	Normal	Tiền
<input type="checkbox"/>	Vòi 5_DO_0.001S-V_1204	Normal	Tiền
<input type="checkbox"/>	Vòi 6_E5-RON92-II_AA072807	Normal	Tiền

Cập nhật

Lưu ý

- Tại lần chạy đầu tiên, CSDL của AGAS vẫn chưa có thông tin trả về từ vòi bơm → phần chế độ bán hàng sẽ không có dữ liệu. Khi người dùng thực hiện **Cập nhật Chế độ bán hàng** → những lần chạy sau chương trình sẽ hiển thị các thông số trên.

6.11 Tự động gửi mail khi có sự cố

Mục đích: địa chỉ mail được khai báo ở đây nhận được mail thông báo khi có bất cứ sự cố AGAS (đã được khai báo) xảy ra tại CH.

Người thực hiện: User có quyền ADMCTY tại EGAS Trung tâm.

Đường dẫn: Hệ thống\ Cấu hình CHXD\ Danh mục CHXD\ <lựa chọn CHXD muốn thêm>

- Người dùng khai báo địa chỉ email nhận tại trường Email:



Danh mục CHXD

User: 252Luon (Version: 13), History >>

Tên ngắn: CH01

Địa chỉ: Số 01 đường Trần Quang Khải, phường Trưng Tiến, quận Hoàn Kiếm, T

Tel: 0438332071

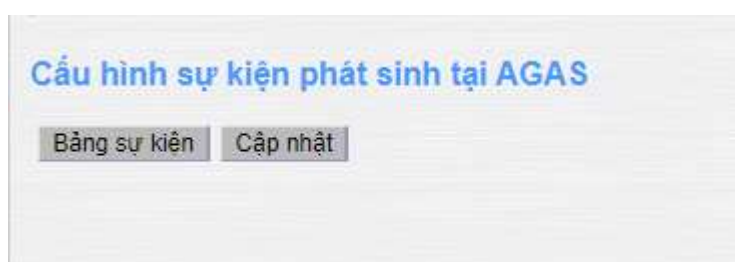
Fax:

Email

CreditPeriod: 0 CreditLimit: 0

Trạng thái: Bàng lưu hành

- Nạp thông số cho máy tính nhúng: Do nhu cầu quản trị ở các đơn vị là khác nhau nên việc quy hoạch những lỗi nào được gửi mail thông báo sẽ do đơn vị tự thực hiện. Các bước thực hiện như sau:
 - B1: Người dùng Văn phòng khai báo: khi người dùng văn phòng khai báo các sự kiện gửi mail (xem tại phần *Khai báo Email cho VP*), các mã sự kiện sẽ được tự động thêm vào danh sách các sự kiện được gửi mail.
 - B2: Người dùng tại CH áp thông tin sự kiện cho MTN: người dùng kiểm tra các chức năng sẽ được gửi mail qua nút chức năng “Bảng sự kiện”. Để áp các sự kiện gửi mail, người dùng nhấn nút chức năng “Cập nhật” tại đường dẫn *Hệ thống\ Cấu hình CHXD\ Cấu hình chung CHXD*.



***Lưu ý: Nếu người dùng không thực hiện bất kỳ bước nào trong 2 bước trên, hệ thống sẽ không có đủ căn cứ để gửi email.*

6.12 Cảnh báo bằng âm thanh

Hệ thống đưa ra các cảnh báo bằng âm thanh khi mức trong bể rất thấp, thấp, cao, rất cao, rò hàng

6.13 Thay đổi định dạng số tổng

Số tổng khi chốt ca chuyển từ định dạng 3 số sau dấu phẩy về định dạng 2 số sau dấu phẩy.

6.14 Cho phép lưu nhiều hồ sơ giá tại máy nhúng

Agas cho phép lưu nhiều hồ sơ giá tại máy nhúng

6.15 Các báo cáo quản trị

6.15.1 eventlog

- Đường dẫn báo cáo: *CHXD\TDH*
- Nguồn dữ liệu báo cáo: lấy từ bảng Eventlog tại Máy tính nhúng
- Hình thức báo cáo:

Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV
 PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63

EVENT LOG

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 26/3/2020 23:59

STT	Loại sự kiện	Thời gian	Diễn giải
1	1006	26/3/2020 11:26	Agas thông tin hoạt động
2	7001	26/3/2020 11:26	Agas thông tin hoạt động
3	1006	26/3/2020 11:26	Agas thông tin hoạt động
4	7001	26/3/2020 11:26	Agas thông tin hoạt động
5	1006	26/3/2020 11:26	Agas thông tin hoạt động
6	7001	26/3/2020 11:26	Agas thông tin hoạt động
7	6007	26/3/2020 10:23	CPU usage (%)
8	6008	26/3/2020 10:23	Total RAM
9	6009	26/3/2020 10:23	RAM Usage
10	1001	26/3/2020 10:23	Thời gian hoạt động của Agas

6.15.2 BÁO CÁO QUẢN TRỊ THÔNG TIN MÁY TÍNH NHÚNG

- Đường dẫn báo cáo: *CHXD\TDH*
- Nguồn dữ liệu báo cáo: lấy từ bảng Eventlog tại Máy tính nhúng
- Hình thức báo cáo:

Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV
 PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63

BÁO CÁO QUẢN TRỊ MÁY TÍNH NHÚNG

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 26/3/2020 23:59

STT	Cửa hàng	Thời gian	Dung lượng đĩa trống	Dung lượng Database SQL AGAS	Lượng bản ghi log cột bơm	Lượng bản ghi log đo bể	%CPU	RAM
1	212063	18/3/2020 16:21	10.634	1.326			21	520
2	212063	19/3/2020 8:24	11.536	1.326			1	62
3	212063	19/3/2020 8:37	11.531	1.326				
4	212063	19/3/2020 8:39	11.535	1.321				
5	212063	19/3/2020 8:41	10.373	1.321				
6	212063	19/3/2020 8:42	10.213	1.321				
7	212063	19/3/2020 8:51	10.652	1.321				
8	212063	19/3/2020 8:56	10.655	1.321				
9	212063	19/3/2020 8:58	10.655	1.321				
10	212063	19/3/2020 9:11	10.652	1.321				

PHỤ LỤC 01: BẢNG MÃ EVENTLOG

Mã EventLog	Diễn giải
Thông tin hoạt động Agas	
1000	Thời gian bật Agas
1001	Thời gian đã chạy Agas
1002	Kết nối cột bơm vào hệ thống
1003	Kết nối que đo bể vào hệ thống
1004	Ngắt kết nối cột bơm
1005	Ngắt kết nối que đo bể
Thông tin số lượng	
2001	Tổng số vòi bơm tại cửa hàng
2002	Số lượng vòi bơm lỗi truyền thông
2003	Tổng số bể tại cửa hàng
2004	Số lượng bể lỗi truyền thông
2005	Số lượng cột bơm Tatsuno
2006	Số lượng cột bơm PECO
2007	Số lượng que đo MTS
2008	Số lượng que đo VR
Thông tin giá bán	
3000	Áp giá từ Egas (Giá từ Server)
3001	Cột bơm bán giá mới (giá từ server)
3002	Đơn giá hiện tại tại cột bơm
3003	Áp giá từ Egas (Giá Manual)
3004	Cột bơm bán giá mới (manual)
Thông tin về phiên bản tại cửa hàng	

4000	Thông tin về Agas size
4001	Thông tin về Agas Date Modify
4002	Có file cập nhật Agas mới
4003	Egas cho phép cập nhật
4004	Đã xong cập nhật
4005	Lỗi cập nhật Agas
Thông tin về cảnh báo	
5000	Cảnh báo mức hàng quá cao
5001	Cảnh báo mức hàng quá thấp
5002	Nhảy số tổng cột bơm
5003	Rò hàng bể chứa
5004	Lỗi đầy bộ nhớ ổ cứng
5005	Lỗi kết nối đến CSDL
Thông tin về tình trạng máy tính nhúng	
6001	Dung lượng ổ cứng máy nhúng
6002	Dung lượng đĩa trống
6003	Dung lượng Database Agas
6004	Số lượng bản ghi log cột bơm
6005	Số lượng bản ghi log đo bể
6006	Dung lượng Database Config
6007	Lượng CPU sử dụng (%)
6008	Tổng lượng RAM máy tính
6009	Lượng RAM sử dụng
Thông tin nạp cấu hình	
7001	Nạp cấu hình chung cửa hàng
7002	Nạp thông số cột bơm
7003	Nạp thông số đo bể
7004	Áp tỷ trọng bể
7005	Áp barem bể
7006	Thay đổi chế độ bán hàng cột bơm
7007	Thay đổi chế độ kết nối cột bơm (ngắt kết nối/kết nối)
7008	Nạp thông tin gửi Email tự động

PHỤ LỤC 02: EVENTLOG CÁC LỖI GỬI MAIL

STT	Mã	Diễn giải
I		Thông tin hoạt động Agas
1	1004	Ngắt kết nối cột bơm
2	1005	Ngắt kết nối que đo bể
II		Thông tin số lượng
3	2004	Số lượng bể lỗi truyền thông
III		Thông tin giá bán
4	3000	Áp giá từ Egas (Giá từ Server)
5	3001	Cột bơm bán giá mới (giá từ server)
6	3003	Áp giá từ Egas (Giá Manual)
7	3004	Cột bơm bán giá mới (manual)
IV		Thông tin về phiên bản tại cửa hàng
8	4004	Đã xong cập nhật
9	4005	Lỗi cập nhật Agas
V		Thông tin về cảnh báo
10	5000	Cảnh báo mức hàng quá cao
11	5001	Cảnh báo mức hàng quá thấp
12	5002	Nhảy số tổng cột bơm
13	5003	Rò hàng bể chứa
14	5004	Lỗi đầy bộ nhớ ổ cứng
15	5005	Lỗi kết nối đến CSDL
VI		Thông tin nạp cấu hình
16	7006	Thay đổi chế độ bán hàng cột bơm
17	7007	Thay đổi chế độ kết nối cột bơm (ngắt kết nối/kết nối)

PHỤ LỤC 03: TEMPLATE GỬI MAIL

TEMPLATE 1: CHO CÁC SỰ KIỆN: 1004; 1005; 2004; 4004; 4005; 5000; 5001; 5002; 5003; 5004 5005; 7007

Kính gửi anh/chị <các địa chỉ email được khai báo>,

Tại CHXD <CHXD xảy ra sự kiện>, vào hồi <thời gian xảy ra sự kiện> đã phát sinh <Mã sự kiện> <Nội dung sự kiện>.

Các anh/chị vui lòng liên hệ với Cửa hàng để kiểm tra sự kiện trên.

Chú ý: Đây là mail tự động từ hệ thống. Các anh/chị vui lòng không trả lời mail này.

Trân trọng.

****Lưu ý:** Trong phần <Nội dung sự kiện>, thể hiện được các thông tin:

STT	Mã	Diễn giải	Nội dung cần thể hiện
1	1004	Ngắt kết nối cột bơm	Thời gian ngắt kết nối
2	1005	Ngắt kết nối que đo bề	Thời gian ngắt kết nối
3	2004	Số lượng bề lỗi truyền thông	Thời gian xảy ra sự kiện Số lượng bề lỗi Mã bề bị lỗi
4	4004	Đã xong cập nhật	Thời gian xảy ra sự kiện
5	4005	Lỗi cập nhật Agas	Thời gian xảy ra sự kiện Mã lỗi cập nhật Nội dung lỗi cập nhật
6	5000	Cảnh báo mức hàng quá cao	Mã bề xảy ra lỗi Mức hàng hiện tại Dung tích tối đa Thời gian xảy ra lỗi
7	5001	Cảnh báo mức hàng quá thấp	Mã bề xảy ra lỗi Mức hàng Dung tích tối thiểu Thời gian xảy ra lỗi
8	5002	Nhảy số tổng cột bơm	Mã vòi xảy ra lỗi Số tổng hiện hành Số tổng trước đó Thời gian xảy ra lỗi
9	5003	Rò hàng bề chứa	Mã bề xảy ra lỗi Lượng hàng rò Thời gian xảy ra lỗi
10	5004	Lỗi đầy bộ nhớ ổ cứng	Thời gian phát sinh sự cố 11 Tổng dung lượng HDD Dung lượng HDD còn trống

11	5005	Lỗi kết nối đến CSDL	Thời gian phát sinh sự cố
12	7006	Thay đổi chế độ bán hàng cột bơm	ID vòi bơm thay đổi chế độ bán hàng ID chế độ bán hàng trước thay đổi ID chế độ bán hàng sau thay đổi Thời gian thay đổi chế độ bán hàng
13	7007	Thay đổi chế độ kết nối cột bơm (ngắt kết nối/kết nối)	Thời gian ngắt kết nối

7. BÁO CÁO NÂNG CẤP, BỔ SUNG

7.1 Báo cáo hao hụt nhập

Đường dẫn báo cáo: CHXD/Hao Hụt/báo cáo hao hụt nhập

Nội dung: Bổ sung thêm cột: Kho xuất

Hình thức báo cáo:



BÁO CÁO HAO HỤT NHẬP KIỂM BẢNG KÊ CHI TIẾT THÔNG TIN GIAO NHẬN XĂNG ĐẦU
 Từ ngày 01/08/2022 đến ngày 12/9/2022 23:59

Đơn vị tính: LTT

STT	NGÀY NHẬP	SỐ BBN	SỐ PHIẾU	KHO XUẤT	TẠI NƠI GIAO				XUẤT DCNB	TẠI NƠI NHẬN		T/NHẬN TẠI BẾ	V.ei	V.gn	THỨA THIẾU VC	HAO HỤT NHẬP	Ghi chú
					V.TT	T	VCF	V.15		V.TT	T						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	PETROLIMEX- CỬA HÀNG 01				111.111,00			110.500,00	111,00				111.000,00		110.988,96	122,04	
1.1	Xăng E5 RON 92-II				111.111,00			110.500,00	111,00				111.000,00		110.988,96	122,04	
1	9/8/2022	SR1.223290	1	Tổng kho XD Đức Giang	111.111,00	23,00	0.9945	110.500,00	111,00	23,00			111.000,00		110.988,96	122,04	29C02718
TỔNG CỘNG					111.111,00			110.500,00	111,00				111.000,00		110.988,96	122,04	

Ngày giờ in: 12/9/2022 15:59
 LẬP BIỂU CỬA HÀNG TRƯỞNG

7.2 Công nợ phải thu của khách tại các cửa hàng

Đường dẫn báo cáo: Kế toán vp công ty/công nợ/ Công nợ phải thu của khách tại các CH.

Nội dung:

- Bỏ các cột: Số hợp đồng, Hình thức đảm bảo, Hạn mức công nợ check
- Đổi tên các cột:
 - +Tồn đầu -> Số dư đầu kỳ
 - +Phát sinh -> Phát sinh trong kỳ
 - +Tồn cuối -> Số dư cuối kỳ

Hình thức báo cáo:

Công nợ phải thu của khách tại các cửa hàng

[Chọn nhanh] | Từ ngày: 01/02/2021 | Đến ngày: 10/3/2025 23:59

Chọn cửa hàng: 212063

Thực tế xuất hàng Chính thức (không tính phần thuế chưa xuất hóa đơn)

Chọn đầu ra: HTML | Close after print

Mã khách	Tên khách	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ		ĐINH MỤC CNO	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Số tiền	Vượt DM
1	212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63_CLIENT UAT	10.070.281.955	791.190.744	2.420.040	205.000	10.072.496.995	791.190.744	10.138.600.000	6.988.636.725
1	00000001 Công ty TNHH ở từ TMT		100.000				100.000		
2	00000003 Công ty TNHH Giấy HAP	5.769.000				5.769.000			
3	00000008 Công ty CP 980	113.200				113.200			
4	00000080 Công ty TNHH Hải Linh	424.033				424.033			
5	00000081 CÔNG TY TNHH THANH THỦY		10.000				10.000		

7.3 Báo cáo công nợ khách hàng (theo dư nợ cuối kỳ báo cáo)

Đường dẫn báo cáo: kế toán vp công ty/công nợ/công nợ khách/Báo cáo công nợ KH(CK)

Nội dung: Bổ sung thêm cột: Hình thức đảm bảo

Hình thức báo cáo:

Báo cáo công nợ khách hàng (theo dư nợ cuối kỳ báo cáo)

[Chọn nhanh] | Từ ngày: 01/01/2022 | Đến ngày: 13/01/2022 23:59

Loại trừ dư "00" khi tính tuổi nợ Không có phát sinh trong kỳ

Thực tế xuất hàng Chính thức (không tính phần thuế chưa xuất hóa đơn)

Chọn cửa hàng: 212001 | Tài khoản:

Chọn đầu ra: HTML | Close after print

CHXD/Khách hàng	TÓN ĐẦU		PHÁT SINH		TÓN CUỐI		SỐ VỚI ĐINH MỤC CNO				Hình thức đảm bảo	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Số tiền nợ DM	Số tiền nợ vượt DM	Số ngày nợ DM	Số ngày nợ vượt DM		
1	2	3	4	5	6	7	8	9+10	10	11	12	
1	212001-PETROLIMEX- CỬA HÀNG 01	1.603.958.895	1.672.387.587	139.235.080	94.213.787	1.620.426.545	1.843.915.944	968.543.355				
1	000 0001-Khách hàng dùng thẻ tích điểm		44.500.000		88.787		44.588.787					
2	0002DC-CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL			180.000	104.000	76.000						
3	0002DK-CÔNG TY CỔ PHẦN 1989			30.000		30.000			30.000		200	
4	012.0005-Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		44.500.000				44.500.000	14.000.000				
5	123456-Chi Anh		10.000				10.000					
6	200027-Công ty cổ phần Hòa Dầu			11.000.000		11.000.000		11.000.000		200	Bảo lãnh	

7.4 Báo cáo tình hình công nợ khách hàng (theo dư nợ BQ)

Đường dẫn báo cáo: kế toán vp cty/công nợ/công nợ khách/Báo cáo tình hình công nợ KH(BQ)

Nội dung: Bổ sung thêm cột: Hình thức đảm bảo nợ

Hình thức báo cáo:

Báo cáo tình hình công nợ khách hàng (theo dư nợ BQ)

[Chọn nhanh] | Từ ngày: 01/01/2022 | Đến ngày: 13/01/2022 23:59

Loại trừ dư "00" khi tính tuổi nợ

Thực tế xuất hàng Chính thức (không tính phần thuế chưa xuất hóa đơn)

Chọn cửa hàng: 212001 | Tài khoản:

Chọn đầu ra: HTML | Close after print

CHXD/Khách hàng	TÓN ĐẦU		PHÁT SINH		TÓN CUỐI		TÌNH HÌNH CÔNG NỢ								Hình thức đảm bảo nợ	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Số ngày BC	Số tiền nợ BC	Số ngày nợ BQ	Số tiền nợ BQ	Số tiền nợ DM	Số tiền nợ vượt DM	Số ngày nợ DM	Số ngày nợ vượt DM		Số đồng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10+04*8	11	12=9-11	13	14=10-13	15	16	17
1	212001-PETROLIMEX- CỬA HÀNG 01	1.603.958.895	1.672.387.587	139.235.080	94.213.787	1.620.426.545	1.843.915.944	(137.262.438)								
1	000 0001-Khách hàng dùng thẻ tích điểm		44.500.000		88.787		44.588.787	256	(44.562.429)							
2	0002DC-CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL			180.000	104.000	76.000		256	44.719	63,6		44.718,8		63,0		
3	0002DK-CÔNG TY CỔ PHẦN 1989			30.000		30.000		356	6.660	87,0		6.676,7		87,0		

7.5 Bảng kê chi tiết xuất bán khách dịch vụ

Đường dẫn báo cáo: CHXD/Hàng hóa/chi tiết xuất bán khách dịch vụ

Nội dung: Bổ sung điều kiện lọc loại giao dịch (Cả hai, Tự động có POS, Thủ công)

Hình thức báo cáo:



7.6 Cân đối công nợ Vpcty – CHXD(1)

Đường dẫn báo cáo: CHXD/Sổ quỹ/cno/Cân đối công nợ Vpcty – CHXD(1)

Nội dung: Bổ sung mục 2.4 Các khoản khác – Phải thu của ca bán hàng là số tiền Qr code tỉnh bên phát sinh có trong kỳ trên báo cáo.

Hình thức báo cáo:

[Chọn nhánh] v Từ ngày: 01/04/2024 Đến ngày: 17/5/2024 23:59				
Chọn đầu ra: HTML				
Báo cáo cân đối công nợ Vpcty-CHXD				
Từ ngày 01/04/2024 đến ngày 17/5/2024 23:59				
	NỘI DUNG	NỢ	CÓ	SỐ DƯ
1	SỐ DƯ KỶ TRƯỚC	142.000		142.000
1.1	Tiền mặt	142.000		142.000
1	Số dư quỹ cửa hàng	142.000		
1.2	Công nợ khách hàng			
1	Công nợ khách tại CH			
2	Khách chuyển tiền nạp thẻ PGBank			
2	PHÁT SINH TRONG KỶ	13.228.650	1.223.000	12.005.650
2.1	Bán tiền ngay CHXD	6.927.650		6.927.650
1	Xăng dầu sáng	6.927.650		
2.2	Bán công nợ tại CHXD	6.078.000		6.078.000
1	Xăng dầu sáng	968.000		
2	Dầu mỡ nhón	5.110.000		
2.3	Bán thanh toán KTM	223.000	223.000	
1	Xăng dầu sáng	223.000	223.000	
2.4	Các khoản khác		1.000.000	(1.000.000)
	Phải thu của ca bán hàng		1.000.000	
3	SỐ DƯ CUỐI KỶ	12.147.650		12.147.650
3.1	Tiền mặt	6.069.650		6.069.650
1	Số dư quỹ cửa hàng	6.069.650		
3.2	Công nợ khách hàng	6.078.000		6.078.000

TEMPLATE 2: CHO CÁC SỰ KIỆN: 3000; 3001; 3003; 3004

Kính gửi anh/chị <các địa chỉ email được khai báo>,

Tại CHXD <CHXD xảy ra sự kiện>, vào hồi <thời gian xảy ra sự kiện> đã phát sinh:

Thời gian	Mã sự kiện	Nội dung sự kiện	ID vòi bơm	Mặt hàng	Giá

Các anh/chị vui lòng liên hệ với Cửa hàng để kiểm tra sự kiện trên.

Chú ý: Đây là mail tự động từ hệ thống. Các anh/chị vui lòng không trả lời mail này.

Trân trọng.

-----☆☆☆-----